

STEPHEN J. ROSSETTI
Lm. Phao-lô Nguyễn Minh Tuấn SDB chuyển ngữ



niềm vui ĐỜI linh mục

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

STEPHEN J. ROSSETTI

Lm. Phao-lô Nguyễn Minh Tuấn SDB chuyển ngữ

NIỀM VUI ĐỜI LINH MỤC

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

Stephen Rossetti, THE JOY OF PRIESTHOOD

Asian Trading Corporation
58, 2nd Cross, Da Costa Layout
P.O. Box 8444, St. Mary's Town
Bangalore - 500 084, India

Chuyển ngữ:

Lm Phao-lô Nguyễn Minh Tuấn SDB, NIỀM VUI ĐỜI LINH MỤC

Liên Kết xuất bản:

Ban Truyền Thông Gia đình Sa-lê-diêng
54, đường số 5, Linh Xuân, Thủ Đức
HCM - Việt Nam

LỜI TỰA

Một triết gia Pháp đã khẳng định, “niềm vui là một dấu chỉ không thể sai lầm về sự hiện diện của Thiên Chúa.”

Một người nào đó có thể nhận ra một niềm vui rõ ràng nơi những người rất là con người được Giáo Hội kêu gọi để trở thành «những dấu chỉ của sự hiện diện của Thiên Chúa», là các linh mục. Và, nếu như các nghiên cứu gần đây là chính xác, thì các linh mục thật sự là những người hạnh phúc: trên 90% các linh mục đã nói họ rất thỏa mãn với ơn gọi và sứ vụ của họ, và “cũng sẽ tiếp tục là linh mục” nếu như lịch thời gian quay trở lại. Đây thật là một tin vui.

Còn tin buồn là, cũng theo như nghiên cứu đó, *quan điểm* của dân chúng là các linh mục không vui tươi, và đời sống linh mục thì đang trong khủng hoảng, và rất nhiều linh mục, bên ngoài thì có vẻ hạnh phúc, giả bộ giống như những con cua bò ngang và không bằng lòng.

Thiên Chúa biết có rất nhiều lý do đối với điều này: sự kinh hoàng và sức nặng kinh khủng của vụ lạm dụng, sự phản nản từ các thành phần cực đoan cả bên tả lẫn bên hữu, và sự giảm sút về con số giáo sỹ. Nên thật khó để là một linh mục tốt và trung thành, nhưng phân đa vẫn thế, và hầu như mọi linh mục thì hạnh phúc.

Cha Stephen Rossetti, một linh mục có ảnh hưởng và hạnh phúc nhất trong hàng linh mục ở Giáo Phận Syracuse, và là Giám đốc của Trung Tâm Luca, dành riêng cho việc chữa trị các linh mục bị tổn thương, bệnh tật, và đau khổ, đã có rất nhiều kinh nghiệm trong hàng linh mục. Ngài ở vị thế đặc biệt để có thể nói về các anh em linh mục và hàng triệu triệu người quan tâm về họ, về “niềm vui đời linh mục.”

Cuốn sách mà bạn chuẩn bị đọc sẽ không nhấn chìm bạn xuống. Cha Rossetti đã trình bày sâu sắc về sự cao thượng của ơn gọi linh mục, cũng như tất cả những gì làm mất danh giá nó; ngài nói cho chúng ta về chiến thắng hùng hồn của ân sủng, cũng như về khả năng triệt hạ tội lỗi; ngài cho chúng ta biết tại sao các linh mục hay cười, cũng như nhiều lúc anh chị em bắt gặp các ngài khóc; ngài nói cho chúng ta biết điều gì đánh dấu các linh mục là hữu hiệu, và điều gì hủy hoại những người khác.

Bất cứ linh mục nào muốn ngưỡng mộ trọn vẹn hơn về sức mạnh của ơn gọi và căn tính của mình, trong khi một cách thực tiễn tái đánh giá những cám dỗ và sự nguy hiểm mình đang đối diện, sẽ cảm ơn cha Rossetti vì cuốn sách đúng thời điểm và đầy tính thúc bách thiêng liêng này. Bất cứ ai yêu mến Giáo Hội và các linh mục của Giáo Hội sẽ đạt được nhiều lợi ích từ quan điểm chữa trị này về “những linh mục huyền nhiệm đó,” mà Đức Giám Mục Fulton Sheen đã diễn tả về họ cả ba mươi năm về trước.

Và chúng ta sẽ tiến xa hơn và thuyết phục hơn nữa với lời quả quyết cổ điển của Công Giáo rằng, “ân sủng xây dựng trên bản tính.” Về điều mà cha Rossetti tin tưởng vững vàng là sức

mạnh không bao giờ chấm dứt, kính sợ, thương xót, và sức mạnh của ân sủng trong bí tích truyền chức, pha trộn với sự tráng kiện, mạnh khỏe, biết mình, một bản tính trưởng thành của một con người khiêm tốn mở ra cho ân sủng, sản sinh một đặc tính kết hợp giữa Thiên Chúa và con người, trời và đất, thánh nhân và tội nhân, đứng dậy và ngã quỵ, sống và chết - *một linh mục*, một con người của niềm vui.

+ Timothy M. Dolan, Tổng Giám Mục Milwaukee
Chủ tịch Ủy Ban Đời Sống và Sứ vụ Linh Mục
24 Tháng Ba, 2005, Lễ Thánh Gioan Vianney
Năm Thánh Thê.

LỜI NGỎ

Cuốn sách này được viết trong khoảng thời gian hơn mười lăm năm, trong thời gian tôi làm việc với các linh mục đau khổ vì các vấn đề tâm lý và thiêng liêng. Họ đã dạy cho tôi rất nhiều, và tôi rất vui mừng được chia sẻ những gì tôi đã học được từ họ và với họ.

Trong hơn mười lăm năm này, mỗi chương được hình thành từ từ, bắt đầu với những bài báo và những bài nói chuyện. Các ý tưởng trong đó dần dần được chau chuốt và tổng hợp, và bây giờ chúng bao gồm nên một sự suy tư thống nhất về đời linh mục.

Đôi khi người ta hỏi tôi, khi làm việc với các linh mục gặp khó khăn có làm tôi thất vọng, hay tấn công vào tình yêu của tôi với chức linh mục hay với Giáo hội không. Dĩ nhiên, có những giây phút tôi cảm thấy buồn về những điều tôi nghe được, hay là tôi buồn vì sự đau khổ của họ. Nếu như tôi không còn có khả năng để cho thăm trạng đích thực này đụng chạm tới mình, hay là nếu như tôi không còn tức giận với việc hành xử quá xá này, thì tôi đã ở quá lâu trong công việc này. Nhưng, những giây phút như thế đã được che phủ bởi một ân sủng lớn lao hơn.

Tôi đã lớn lên trong một sự cảm phục các linh mục của tôi. Tôi đã được ban tặng một tình yêu lớn lao hơn với chức linh mục cũng như cho Giáo hội. Trong sự yếu đuối của họ, những người này đã cho tôi thấy một chân giá trị vô cùng lớn lao của chức linh mục, cũng như vẻ đẹp của Giáo hội. Trong sự mỏng giòn, ân sủng chiếu giải càng chứa chan hơn trong tinh thần con người. Tôi đã bắt đầu nhận ra một cách rõ ràng hơn rằng,

chức linh mục là một phúc lành lớn lao cho dân Chúa, cũng như cho những ai được nhận lãnh nó. Những người giáo dân theo bản năng đã nhận biết chân lý này nhiều thế kỷ rồi. Đôi khi, chúng ta các linh mục lại quên mất đi điều này. Chúng ta phải không bao giờ quên đi điều này.

Cuốn sách này đặc biệt có ý nghĩa đối với anh em của tôi, các linh mục, nhưng tôi nghĩ những người khác cũng sẽ có nhiều lợi ích khi đọc nó. Tôi vui mừng dâng tặng cuốn sách này cho các linh mục với lòng biết ơn vì tất cả những gì họ đã thực hiện. Chính tôi, cũng như những người Công giáo khác mang một món nợ đặc biệt về lòng biết ơn sâu sắc với một số linh mục nào đó, những linh mục đã ủng hộ tôi và hướng dẫn tôi trực tiếp, cũng như những người cung cấp tín hiệu hướng dẫn từ xa. Khi tôi ngồi đây để viết những dòng này, những cái tên của họ cũng như những khuôn mặt của họ hiện lên trước mắt tôi. Tôi tạ ơn Chúa vì họ và tôi xin Đức Trinh Nữ gìn giữ họ gần với trái tim của người, như tôi luôn giữ các linh mục trong trái tim tôi.

Rất nhiều linh mục nói về Mẹ Maria trong những hạn từ yêu thương và đầy tình cảm. Quả thật, Mẹ là Mẹ của các linh mục. Tình yêu từ mẫu của Mẹ với các linh mục là tinh thần sinh động công việc này cũng như là sức mạnh nuôi dưỡng tình yêu của chính tôi với các linh mục. Một linh mục có lòng sùng kính mạnh mẽ với Mẹ sẽ không đi lầm đường xa và lâu. Chúng ta cầu nguyện, “Mẹ Maria, Mẹ của các linh mục, xin chuyển cầu cho chúng con.”

Tôi tạ ơn Chúa vì các linh mục, và tôi cũng tạ ơn vì quà tặng của thiên chức linh mục. Tôi đặc biệt tạ ơn vì được ban

tặng cơ hội đồng hành cùng rất nhiều linh mục trong những giờ phút đen tối của họ. Họ đã chiến đấu với sự can đảm và đức tin. Rất nhiều người đã tìm lại được con đường trở về với sự mạnh khỏe và thánh thiện. Một số vẫn còn chiến đấu. Nền tảng chúng ta cùng bước đi là sự thánh thiện. Được thánh hóa bởi những giọt máu đổ xuống từ những trái tim bị đâm thấu qua, cũng như những giọt nước mắt chảy xuống từ mắt họ. Chính khi ở giữa những khó khăn này, mà họ diễn tả chính họ là những linh mục hơn hết. Chính khi ở trên Đồi Sọ của tinh thần chịu đóng đinh mà cả đôi bên chúng tôi tìm thấy ân sủng của sự sống.

CHƯƠNG MỘT

ĐỜI SỐNG LINH MỤC LÀ MỘT ĐỜI SỐNG KHÓ KHĂN

Đời sống linh mục tốt hơn nhiều so với điều tôi đã nghĩ... và cũng khó khăn hơn nhiều.

Cha Frank McNulty

Thưa các anh em của tôi trong đời sống linh mục, đời sống của chúng ta không phải là một đời sống dễ dàng. Một số anh em đã chọn lối sống khổ tu, có lẽ không lạ lẫm gì với những khó khăn mình đang trải nghiệm. Những ai đã từng sống cuộc sống của một đan sĩ Xi-tô hay của một ẩn sĩ dòng thánh Bruno, hẳn biết rằng họ đã cam kết sống một cuộc sống từ bỏ và đền tội mà tu luật đòi hỏi. Nên nhìn thoáng qua, đời sống của một linh mục trong đời sống mục vụ có vẻ dễ dàng hơn. Chúng ta có tiền trong túi (có thể là không nhiều), xem ra chúng ta cũng tự do, và đời sống chúng ta chẳng quá khắc khổ hay quá khe khắt. Rồi một lúc nào đó, bỗng có người giáo dân hỏi các linh mục chúng ta rằng: “Thưa cha, sau khi cử hành thánh lễ ban sáng xong rồi, thì cả ngày cha làm gì vậy?”. Họ ngụ ý rằng một khi làm lễ xong chúng ta chẳng còn gì phải làm, và điều này có thể không quá xa sự thật.

Đời sống linh mục là một đời sống khó khăn. Trớ trêu thay, chúng ta đã có thể có nhiều ơn gọi linh mục hơn nữa nếu như những người trẻ của chúng ta nhận thấy đời sống của chúng ta thật sự là một đời sống không dễ dàng. Rất nhiều bạn trẻ quảng

đại muốn cam kết cuộc sống của họ trong một đời sống đầy thách đố, nhưng cao đẹp nào đó. Có lẽ đây là một trong những lý do tại sao gần đây những nhóm tu hành khó khăn hơn và truyền thống hơn lại gia tăng ơn gọi hơn nhiều. Người trẻ ao ước một đời sống mang ý nghĩa và đầy thách thức. Đời sống linh mục, nếu sống với sự chân thật, chính là một đời sống như thế.

Một trong những điều khổ cực cho những linh mục đang sống trong giai đoạn hoàn toàn mục vụ của mình là sự khổ chế về thời gian. Thời gian của chúng ta không còn là của riêng chúng ta nữa. Một cha xứ hay một cha tuyên úy gần như luôn luôn trong tình trạng sẵn sàng ngày cũng như đêm. Người ta sẽ thật sự kêu đến chúng ta. Người cha hay người mẹ có đứa con vừa chết sẽ kêu ngay đến vị linh mục. Những em nhỏ trong bệnh viện đang đau buồn nhìn cha mẹ của mình quằn quại trên giường bệnh sẽ chạy tới vị linh mục và mong chờ được ngài tới viếng thăm. Những người cô đơn và gặp rắc rối sẽ tìm đến chúng ta để mong được sự thông cảm và an ủi. Tất cả những nhu cầu như thế này không bao giờ chỉ đơn giản gói gọn trong một thời khoá biểu cố định của chúng ta từ 9 giờ sáng tới 5 giờ chiều. Rất nhiều khi chúng ta rơi vào cảm giác là “chúng ta không có một đời sống của chính mình.” Như thế, tôi muốn nói là thật sự chúng ta không có nhiều thời gian và không gian cho chính mình nữa. Điều này là rất thật, từ bỏ việc làm chủ thời gian của chính mình là một điều hy sinh hết sức lớn lao, ngay cả một vị ẩn tu, người hứa sống một cuộc sống yên ổn trong đan viện cũng mất đi quyền kiểm soát chính thời gian và không gian của mình.

Sự đòi hỏi về thời gian và sức lực của chúng ta thật tàn

nhân, và đôi lúc trở nên quá sức chịu đựng. Mỗi gia đình trong xứ đạo đều có câu chuyện đời sống riêng của họ. Mỗi cá nhân đều có những giây phút cảm nghiệm niềm hạnh phúc và sự đau khổ của mình. Nếu chúng ta càng dành nhiều thời gian cho việc mục vụ của chúng ta, cơ hội chúng ta tiến sâu vào câu chuyện đời sống của giáo dân chúng ta càng nhiều. Rất nhiều người kêu mời linh mục chia sẻ với họ trong nhiều cách thể nhỏ bé khác nhau, ví dụ như đơn giản là lắng nghe những tin tức của họ bên ngoài những cánh cửa nhà thờ sau thánh lễ Chúa Nhật, và cũng có khi trong những việc lớn lao hơn như cùng đồng hành với gia đình họ trong hành trình sống. Chia sẻ cuộc sống với những người chúng ta được sai tới phục vụ là một trong những niềm vui lớn lao nhất, nhưng đồng thời cũng là một trong những gánh nặng ghê gớm nhất. Nếu vị linh mục là người thật sự có tâm hồn chăm lo cho giáo dân, ngài sẽ thật sự cảm thấy đau buồn với những mất mát mà giáo dân mình đang phải chịu, đồng thời ngài cũng cảm thấy vui mừng khi giáo dân của mình sống trong những phút giây của niềm vui.

Đời sống chúng ta là một đời sống mang đậm nét tình cảm phong phú và mãnh liệt, nhưng nó cũng có thể là một đời sống cạn kiệt khô cằn. Người ta sẽ không kêu mời chúng ta khi mọi sự đang diễn ra một cách tốt đẹp, mà họ cần đến chúng ta khi họ gặp sự rắc rối hay thảm họa, hay họ cũng sẽ liên hệ với chúng ta khi họ gặp những niềm vui lớn ví dụ như là một người nào đó sắp sửa lập gia đình, hay họ tổ chức thôi nôi cho con cái. Chẳng lạ lắm gì đối với một cha xứ vừa mới cử hành thánh lễ an táng xong thì lại chạy đi ngay tới một nơi khác để làm lễ và chứng hôn cho đôi bạn trẻ, và ngay sau đó là tiệc đám cưới hoành tráng và vui tươi. Linh mục sống đời mục vụ luôn sống trong sự căng thẳng của nó.

Trong đời sống này, chúng ta luôn được cảnh báo về sự giới hạn của chúng ta so với những nhu cầu của con người như giòng thác lũ vây quanh chúng ta. Đơn giản là chúng ta không thể có cách nào đáp ứng toàn bộ những nhu cầu đó, cũng như tất cả các đòi hỏi hợp lý khác. Những nghiên cứu thống kê đưa ra kết quả chắc chắn là các linh mục luôn phải vật lộn với đủ mọi công việc. Vấn đề đứng thứ hai và thứ ba mà vào năm 2001 hầu hết các linh mục đều chứng thực trong một khảo cứu được tài trợ bởi Hội đồng Quản trị của Liên Đoàn Các linh Mục Hoa Kỳ (NFPC) đã nêu lên đó là “quá nhiều công việc” và “Quá nhiều đòi hỏi và mong đợi không thực tế của giáo dân.”¹ Việc mục vụ luôn là hố sâu không đáy, và cái hố sâu không đáy này hầu như đã được tiên đoán bởi sự sút giảm con số các linh mục nơi các quốc gia thịnh vượng và số giáo dân đang gia tăng. Chính tôi đã thực hiện một khảo cứu trên 1.172 linh mục trong 15 giáo phận của các vùng khác nhau ở Hoa Kỳ² từ tháng 9 năm 2003 tới tháng 5 năm 2005, khảo cứu này

1 Dean R. Hoge and jacqueline E. Wenger, *Những viễn tượng của đời linh mục: Những thay đổi từ Vatican II tới Thời kỳ chuyển đổi của Thế kỷ mới* (Collegeville, Minnesota: Liturgical Press, 2003, tr. 32.

2 Có tổng số 1.172 linh mục tham gia từ 15 giáo phận. Tỷ lệ phản hồi cân đối (số linh mục đọc nghiên cứu đối lại với tổng số các linh mục trong các giáo phận) là 67.1%. Vì thế, nó hầu như là đại diện cho các linh mục của Hoa Kỳ. Để thu thập thông tin về tinh thần của linh mục, tôi đã tham gia chín đợt tập trung của hàng giáo sỹ từ tháng Chín năm 2003 tới tháng Giêng năm 2004, và rồi tôi đã phân phát phiếu tham khảo vào đầu các đợt tập trung này. Hầu hết các linh mục của các giáo phận đã tham dự các đợt tập trung này. Những đợt tập trung này được xem như là “bắt buộc” hay là “khích lệ mạnh mẽ” để tham gia. Hầu hết các linh mục tham gia đã điền đầy đủ vào phiếu tham khảo. Mười trong mười lăm giáo phận đã email phiếu tham khảo cho tất cả các linh mục của họ từ tháng Hai năm 2004 cho tới tháng Giêng năm 2005. Trong tất cả các giáo phận, các linh mục bảo đảm rằng họ sẽ được tham khảo từ bờ biển phía đông cho tới trung tâm, và cho

cho thấy trên 42, 9 % các linh mục được hỏi đồng ý với câu nói này: “Tôi cảm thấy có quá nhiều công việc phải làm.”

Cảm nhận những giới hạn của chúng ta cũng là một loại khó khăn mà chúng ta nên chấp nhận, bởi lẽ chúng ta không thể đáp ứng cho tất cả mọi thứ vì công việc mục vụ là một cái hồ không đáy mà. Chúng ta là những linh mục thường thì muốn người ta nghĩ về mình như là những người dễ mến, và như thế chúng ta tỏ ra vui vẻ để luôn sẵn sàng trả lời với mọi người, và thật khó khăn để có thể từ chối hay là không đáp lại những nhu cầu hợp lý của mọi người khi chúng ta không có thời gian. Thật là một điều khó để có thể nói không với người khác, mỗi ngày vị linh mục luôn phải đối mặt với sự chọn lựa để quyết định những nhu cầu nào ngài có thể đáp ứng và những nhu cầu nào ngài phải chối từ. Thẳng thắn mà nói, một số linh mục đã không có những quyết định đúng đắn và cũng có rất nhiều vị lại khuếch trương một cách quá độ. Đây là một vấn đề mà mỗi linh mục và mọi linh mục phải đối diện, vì thế các linh mục cần sự nâng đỡ để xác định những giới hạn hợp lý của mình.

Tôi nhớ đến một linh mục ở Nam Mỹ đến thăm một xứ đạo ở Hoa Kỳ, ông ấy thật sốc khi thấy một linh mục ở Hoa Kỳ này tham dự quá nhiều những dịp khác nhau như là đám cưới hay đám rửa tội, ông ta nhận xét: “Ở tỉnh lỵ của tôi, một linh mục phải chăm sóc tới 50.000 giáo dân, tôi không thể tham dự những dịp như thế này, tôi chỉ có thể tham dự những dịp trọng

tới bờ biển phía tây của Hoa Kỳ, cũng như bao gồm cả nơi có khủng hoảng mạnh nhất của lạm dụng tình dục. Các kết quả tạm thời được thông báo trên tạp chí *America* vào ngày 13 tháng Chín năm 2003 với con số người tham gia là 834 linh mục từ 11 giáo phận của Hoa Kỳ.

đại khi cả cộng đoàn đều có mặt trong các ngày đại lễ.” Có lẽ chúng ta cũng nên học hỏi từ các anh em linh mục của chúng ta ở các nước khác, chúng ta phải đặt lại vấn đề xem những biến cố nào chúng ta cần có mặt và những biến cố nào chúng ta không nên tới.

Một việc khổ chế khác nữa mà một linh mục đang làm việc mục vụ phải đối mặt đó là sự cô đơn mang tính độc đáo của mình. Linh mục là một người sống giữa mọi người, cũng giống như họ, chúng ta là những con người và là những Kitô hữu, vì thế chúng ta cùng nhau chia sẻ điều gì đó là chung với nhau. Nhưng chúng ta cũng là các linh mục, với chức thánh chúng ta lại được tách riêng ra, vị linh mục là người hướng dẫn thiêng liêng của mọi người, ngài đồng thời là một người trong họ nhưng trong khi đó và một cách nào đó ngài lại không phải là họ. Việc mặc áo giáo sĩ là một dấu chỉ rõ ràng là chúng ta mang lấy trên mình cái ách khác biệt này, rất nhiều khi, là linh mục chúng ta phải chấp nhận sự cô độc mang tính độc đáo như thế.

Chúng ta là những linh mục, điều quan trọng là chúng ta nên có những bạn linh mục. Bởi lẽ khi chúng ta cùng chia sẻ với các bạn linh mục khác, và luôn luôn gắn bó với gia đình của chúng ta, chúng ta mới thật sự và trọn vẹn là chính mình, vì đó thật là một phúc lành khi có những phút giây mà chúng ta quên đi những gánh nặng và ở bên những người thân yêu của mình, và được những người thân yêu mình bằng những cái tên cúng cơm mà không mang dáng dấp gì là mưu mẹo hay khó xử. Tôi cảm thấy thật là một hồi chuông báo động khi biết rằng có một vài linh mục không thích các linh mục khác, và những linh mục này cũng không cảm thấy thích thú gì khi có

dịp qui tụ với nhau, đây là điềm báo trước không mấy tốt lành cho những linh mục đó.

Một điều khổ chế khác nữa mà các linh mục phải đối diện đó chính là đời sống độc thân của họ. Đời sống độc thân của các linh mục mang một sắc thái đặc biệt khi các ngài sống giữa dân chúng. Một số người nêu lên ý kiến cho rằng độc thân chỉ phù hợp với đời sống thánh hiến, bởi vì những người sống trong đời sống thánh hiến được nâng đỡ một cách đặc biệt trong các cộng đoàn mình sống, trong khi đó một linh mục trong đời mục vụ sống trong nhà xứ không có được sự nâng đỡ này. Thêm nữa, ngài phải sống giữa những người không cùng cách sống với mình, không hiểu mình và lại không ủng hộ mình nữa. Điều này đặc biệt làm cho vị linh mục cảm thấy cô đơn và bị thách đố liên tục.

Tuy nhiên, sống giữa mọi người như thế càng làm rõ ràng thêm chứng từ của chúng ta cam kết với Thiên Chúa. Đặc biệt trong thời đại bị ảnh hưởng sâu sắc bởi nền văn hóa tôn thờ dục vọng, vật chất, và bản thân chúng ta của đời sống hoàn toàn dấn thân như thế này lại càng cần thiết hơn nữa. Linh mục sống đời độc thân là chứng cứ sống động cho sự hiện diện của Thiên Chúa ngay tại trần gian này và là nguồn ân sủng dồi dào cho cả cộng đoàn cũng như chính vị linh mục. Tuy nhiên, đây là một đời sống khó khăn.

Ở xã hội Phương Tây hiện đại người ta cho rằng, điều đúng đắn của cuộc sống phụ thuộc vào sự thoải mái và địa vị xã hội. Bởi đó, chẳng phải ngẫu nhiên gì cả mà đời sống dấn thân và từ bỏ chính mình như thế bị coi là không thực tế và chẳng hấp dẫn gì cho nhiều người. Sống trong xã hội đã nhiều

năm bị ảnh hưởng bởi lối suy nghĩ như thế, con người ngày nay bị mê hoặc và tin tưởng rằng sự thoải mái của cuộc sống họ có được đem lại nhờ vào quảng cáo và thương mại. Thế rồi, khi đau khổ ập tới, sự đau khổ mà chẳng ai có thể tránh được, hay khi cuộc sống của họ không đạt tới mức như tiêu chuẩn vật chất và quảng cáo bày ra, lúc đó trong thâm tâm người ta cảm thấy bị tổn thương và la toáng lên rằng: “Lỗi tại ai? Tôi phải trách mắng ai đây? Hay tôi phải kiện người nào đây?”

Chúng ta thật đã quên đi lời đã dạy trong sách Sáng Thế rằng con người chúng ta đã bị chúc dữ và phải đổ mồ hôi sôi nước mắt để nuôi thân: “...” Gn 3: 16, 19). Buồn sầu và đau khổ chính là định mệnh của mọi người không trừ ai, kể cả những ai đang sống trong những quốc gia giàu có. Điều cũng đúng với đời sống linh mục. Rất nhiều lúc các linh mục gặp sự buồn phiền đau khổ, các ngài cảm thấy hoài nghi về ơn gọi của mình, và các ngài cũng nghi ngờ phải chăng mình đã không là những những linh mục tốt. Lúc đó các ngài tự hỏi rằng: “Phải chăng tôi đã làm điều gì sai trái?” Phải chăng sự đau khổ tôi đang phải chịu là dấu chỉ chắc chắn là tôi đã làm điều gì sai trái trước đó rồi? Không phải vậy. Đau khổ là phần tất yếu của mọi con người: dù là người sống trong cuộc sống gia đình, người độc thân, hay người dâng hiến. Mọi câu hỏi được đặt ra về ơn gọi của chúng ta đều có thể là lời mời gọi chúng ta đi sâu hơn nữa vào chính cuộc sống dâng hiến cũng như sự cam kết dân thân của chúng ta với Chúa. Trên hết mọi sự, tất cả linh mục chúng ta phải tìm thấy niềm an ủi và sức mạnh nơi chính mẫu gương của Chúa Giêsu, người là tôi tớ đau khổ của Thiên Chúa.

Xã hội chúng ta đã trở nên thân thuộc với sự sở hữu và với

những khái niệm sai lạc, nó luôn đề cao chức vị và tôn thờ bản thân. Chính ở trong bối cảnh xã hội như thế, đời sống linh mục lại mang lấy một dấu chỉ của sự đối nghịch, ngài là *người sống trong thế giới nhưng lại không thuộc về thế giới*. Được thẩm nhuần tinh thần và ân sủng của Tin Mừng, người linh mục sống giữa thế gian nhưng không bị những đam mê trần tục làm nhạt đi tính chất muối cho trần gian của mình (xem Mt 5: 13) nếu như một linh mục đã thực sự đam mê có được mọi thứ máy móc tối tân, ưa thích một cuộc sống xa hoa và thoải mái sang trọng. Vì thế, chúng ta cần thiết phải dừng lại liên tục để quan sát xem chúng ta đang sống như thế nào, và nếu cần đôi khi chúng ta cũng phải nhờ tới vị linh hướng hay là chạy tới người chuyên gia để giúp chúng ta biện phân về cách sống của mình phải chăng chúng ta vẫn luôn là chứng nhân cho Tin Mừng.

Việc sống trong thế giới nhưng không thuộc về thế giới là một trong những thách thức rất lớn đối với một linh mục triều cũng như đối với bất cứ linh mục nào đang làm mục vụ giữa dân chúng. Chúng ta cũng phải khẳng định là Chúa Thánh Thần vẫn đang hoạt động mãnh liệt trên thế giới biểu lộ qua những đức tính và nhiều điều tích cực của đời sống con người. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải nhận ra là còn rất nhiều những điều phản chứng nơi nhiều người và cả nơi các linh mục.

Vì phải đối mặt với quá nhiều thách đố và khó khăn, nên xuất hiện nguy cơ là các linh mục rơi vào tình trạng thỏa hiệp với chính mình. Điều cần lưu ý ở đây là một khi chúng ta đã sống thỏa hiệp với bản thân mình, chúng ta rất dễ sa vào những hành vi không còn phù hợp với đời sống Kitô hữu và đặc biệt là không còn phù hợp với đời sống linh mục nữa. Nhiều linh mục tội quen biết đã cố biện minh cho những hành vi sai trái

của mình với suy nghĩ là: “Tôi đáng được hưởng những điều này, vì tôi đã bỏ mọi sự để theo Chúa mà.” Hay là: “Tôi cần những thứ ấy để có thể tiếp tục những công việc mục vụ khó khăn của tôi.” Tuy nhiên, những suy nghĩ như trên chẳng giúp gì hơn cho cuộc sống của các ngài, trái lại nó lại càng gây thêm rắc rối cho cuộc sống hơn. Những suy nghĩ và hành động như thế là dấu chỉ cho ta thấy muối chứng nhân của chúng ta phần nào đã bị nhạt và lúc này chúng ta đã thật sự cần phải có sự hoán cải chính mình.

Đời sống và sự chiến đấu hằng ngày của đời linh mục thật sự là căng thẳng và có giá trị đặc biệt, nó mang chiều kích “đặc thù tối hậu.” Mỗi người chúng ta đều quen biết một số người sống trong đời sống gia đình. Hôn nhân không phải là phương thuốc đặc trị cho mọi thách đố của đời sống độc thân linh mục của chúng ta. Quan sát cẩn thận về đời sống hôn nhân, chúng ta cũng thấy rằng đây thật sự cũng là một đời sống đầy cam go và thử thách. Cũng giống như đời linh mục, hôn nhân cũng ngập tràn niềm vui và phần thưởng, nhưng nó cũng mang theo nhiều nỗi đau buồn và sầu khổ. Từ bỏ đời sống độc thân linh mục và lập gia đình có thể cũng giải quyết một số khó khăn, nhưng cùng lúc đó nó lại mang đến hàng loạt những khó khăn khác. Vì vậy, trước khi quyết định từ bỏ đời sống độc thân dâng hiến để lập gia đình, chúng ta nên kỹ lưỡng tham khảo nhiều người đang sống trong bậc gia đình. Bởi lẽ, “nhìn từ đằng xa, cỏ luôn xanh hơn nhiều,” chứ thực tế thì không hoàn toàn luôn quá thú vị như thế.

Đời sống con người luôn đầy thách đố, bất kể ơn gọi nào ta được kêu gọi để sống, nó đều đòi hỏi nhiều hy sinh và kiên trì. Tuy nhiên, đời sống linh mục vẫn mang một nét khó khăn

đặc biệt. Bởi lẽ chính Chúa Giêsu đã hứa với chúng ta điều đó. Ngài đã nói với chúng ta rằng nếu như chúng ta muốn thật sự trở nên môn đệ của Ngài thì: “Chén của thầy anh em sẽ thật sự uống.” (Mt 20: 23). Điều này là hoàn toàn chính xác, chúng ta càng theo sát Ngài bao nhiêu thì chúng ta càng tham dự sâu xa hơn nữa vào sự đau khổ và cái chết của Ngài. Ngày nay không chỉ đơn giản như là một cái mốt nói đến linh mục vừa là tư tế vừa là của lễ, nhưng kiểu nói này thật sự giúp chúng ta cảm nghiệm linh mục ngày nay phải như thế nào. ...

Nếu như cha đã là một linh mục thâm niên rồi, cha có dịp để ngồi nhìn lại những thập niên đã qua trong đời linh mục của mình, cha ngồi nhớ lại về đời sống mục vụ, những lời nói, những bài giảng của mình trong suốt quãng thời gian dài ấy mà cha không tìm ra một lần nào có người đã không tán thành, có người đã phản đối, có người đã phê bình hay loại trừ cha thì dường như một cách nào đó cha có thể nói rằng đời sống mục vụ của cha đã không hoàn toàn rao giảng sứ điệp của Chúa Kitô. Vì chính Đức Kitô nói: “Bất cứ ai muốn theo ta, người ấy phải vác thập giá của mình mà theo ta.” (Mt 16: 24). Điều đó chính là lời mời gọi và cũng là lời hứa cho những người theo Chúa. Vì thế, thật đúng đắn để nhìn vào những đau khổ của đời linh mục trong những năm gần đây, đặc biệt trong thời khủng hoảng như là việc tháp nhập sâu sa vào cuộc khổ nạn của Chúa. Có thể là đáng hay không đáng phải chịu, có thể là nên khiển trách hay không nên khiển trách các linh mục, đời sống linh mục của chúng ta vẫn là sự tham dự vào thánh giá của Chúa Kitô. Thánh giá này sẽ thanh luyện những yếu đuối và tội lỗi của chúng ta, và qua thánh giá này, các linh mục sẽ thật sự mang lại niềm hy vọng lớn lao cho dân chúng những con người đang phải chịu những đau khổ lớn lao bằng cách

này hay cách khác.

Đời sống linh mục là một đời sống khó khăn. Điều này chẳng có gì sai cả. Mỗi người chúng ta phải thật sự ghi ơn những linh mục đã đi trước chúng ta, mở ra con đường cho chúng ta bằng chính đức tin và hy sinh của họ, những hy sinh của chúng ta cũng thật là bảo chứng và không kém phần quan trọng cho những người khác. Đời sống linh mục là một đời sống đầy cam go, thách thức nhưng thật giá trị. Nó đòi hỏi phải được sống chân thực như thế cho những con người đang can đảm tìm kiếm và theo đuổi cùng ơn gọi này.

Với những anh em linh mục của tôi, những người đang vất vả trên đường thập giá, hãy can đảm lên. Sự hy sinh vất vả của cha chính là sự đồng hình đồng dạng của cha với đời sống của Chúa Kitô, và đó là điều thiết yếu cha đang sống đời linh mục với sự chân thực. Cha ơi, hãy mạnh mẽ tiến lên...

CHƯƠNG 2

MỘT CÔNG VIỆC MANG TÍNH TỐI HẠ

Hỡi người con thân yêu của cha...hãy vững mạnh, nếu không sự thành công sẽ đưa con lên tận trời hoặc là sự thất bại sẽ làm con gục ngã.³

Thánh Stephen của Hungary

Sự thật thì đời sống linh mục khó khăn hơn chúng ta nghĩ nhiều, và đời sống này cũng cũng thật sự tốt hơn chúng ta nghĩ nhiều. Xét cho cùng, đời sống linh mục không mang tính xoàng xĩnh, không thể có một đời sống linh mục mang tính nửa vời, nó đòi hỏi một sự cam kết cá nhân tận căn và trọn vẹn. Tôi công nhận là một trong những bài học rút ra từ sự khủng hoảng của Giáo Hội Hoa Kỳ năm 2002 đó là chúng ta, các linh mục được kêu gọi để sống một đời sống chính trực trọn vẹn, và sống tới một mức độ thánh thiện mà dường như chúng ta nghĩ, chúng ta không thể đạt tới. Thật ra, đó chính là điều mà người đời mong mỗi các linh mục phải đạt được mức độ thánh thiện như thế. Giáo dân mong mỗi chúng ta sống khiết tịnh, khiêm nhường, và là những người hiến thân phục vụ hoàn toàn cho Thiên Chúa. Xét theo lương tâm chúng ta, đây cũng là điều mà các linh mục chúng ta khát vọng chúng ta sống như vậy.

3 Thánh Stephen of Hungary, “Những rắc rối với Con của ngài,” được trích dẫn trong *Phụng vụ các Giờ Kinh*, cuốn IV (New York: Catholic Book Publishing Co., 1975), tr. 1329.

Đây là một trong những lý do tại sao đời sống độc thân lại là một trong những đòi buộc của đời sống cam kết linh mục. Thánh Phaolô nói với chúng ta: «Đàn ông không có vợ thì chuyên lo việc Chúa: họ tìm cách làm đẹp lòng Người. Còn người có vợ thì lo lắng việc đời: họ tìm cách làm đẹp lòng vợ, thế là họ bị chia đôi.» (1 Cor 7: 32 - 34) Ôn gọi của chúng ta là cam kết tận căn và trọn vẹn để «lo việc Chúa.»

Nhưng dù có viễn tượng về thiên đàng như thế, thì sự khó khăn, hy sinh, và buồn tủi của đời sống linh mục cũng che khuất mạnh mẽ những niềm vui và phần thưởng của nó. Chúa Giêsu đã hứa rằng chúng ta sẽ nhận được gấp trăm ở đời này, và là những linh mục chúng ta biết điều này là thật. Tôi thật không nghĩ ra đời sống nào ý nghĩa hơn đời sống linh mục. Điều gì có thể hạnh phúc hơn là giúp đỡ người khác khi họ gặp những điều khó khăn, đem đến cho con người niềm hy vọng, và là khí cụ chuyển tải ân sủng cho con người? Trong đề tài nghiên cứu tôi có nhắc đến ở cuối chương trước, tôi hỏi các linh mục rằng họ có nghĩ là đời sống và công việc mục vụ của họ tạo nên sự khác biệt trong thế giới không? 89,1 % các linh mục trả lời là có. Nếu người trẻ có một chút hiểu biết về sự toại nguyện và những niềm vui của đời linh mục thì chắc là rất nhiều người trẻ sẽ đến gõ cửa chúng ta để xin đi tu.

Trong bài nghiên cứu của tôi, các linh mục được gợi ý một câu khẳng định như thế này: “Nói chung, tôi hạnh phúc là một linh mục.” Tỷ lệ phần trăm các linh mục hoặc là đồng ý hoặc là rất đồng ý là họ hạnh phúc chiếm 90,5%. Chỉ có 6,2% xác nhận là đã từng có ý định hồi tục, nhưng khi hỏi họ là họ vẫn muốn sống đời linh mục chứ, thì 82,5% trả lời là muốn. Thật là những kết quả tích cực. Trong xã hội chúng ta có nhiều người

vẫn có cảm giác đời sống linh mục thì buồn tẻ và không vừa ý. Nhưng rõ ràng ta thấy sự thật thì vẫn là sự thật.

Khi tìm hiểu về những nghiên cứu trước đây về sự thỏa mãn của đời sống linh mục, thì kết quả cũng luôn rất tích cực, vì thế những kết quả trong đề tài nghiên cứu của tôi không trở nên quá bất ngờ. Những kết quả trước đây đã giúp tôi thêm xác tín về những kết quả nghiên cứu của mình. Nghiên cứu của NFPC năm 2001 đã tường thuật rằng, chỉ 5% cho rằng họ đã có lần nghĩ đến việc hồi tục, 88% đã nói là nếu được chọn lại họ cũng sẽ chọn đời sống linh mục, và 94% đã trả lời là họ hiện rất hạnh phúc hay là cũng khá hạnh phúc.⁴ Tóm lại, các linh mục tìm thấy sự thỏa mãn khi sống đời sống linh mục.

Tôi đã có một thời gian làm việc với các chủng sinh. Bởi vì họ chưa là linh mục, nên thường họ không có một sự nhận thức đầy đủ về ơn gọi của họ. Ví dụ, khi các chủng sinh đang được đào tạo để làm tuyên úy cho các nhà thương, họ thường nhận thấy họ thua kém các bác sĩ, các y tá, hay là những chuyên viên chăm sóc sức khỏe. Sự thật thì các chuyên viên này có một ơn gọi cao thượng để tham dự vào sứ mệnh chữa lành của Chúa Kitô. Nhưng cha tuyên úy thì mang một sứ điệp và ân sủng thật sự là đứng hàng đầu. Tôi nói với các chủng sinh rằng: “Đúng thật, y học có thể giúp chúng ta sống lâu, nhưng rồi ai trong chúng ta cũng sẽ phải chết. Còn các thầy, các thầy giúp người ta sống hạnh phúc...và chết hạnh phúc. Và các thầy còn cho họ điều gì đó không bao giờ chết.” Công việc chuyên môn về chăm sóc sức khỏe thật là một điều vĩ đại; những hệ quả của nó là sống hay chết. Nhưng vai trò của linh mục đọng tới những vấn đề mang tính tối hậu; mà những hệ quả của nó thì liên quan

4 Hoge and Wenger, tr. 29, 40.

đến hiện tại và đời đời.

Chẳng có gì quan trọng hơn thế nữa. Vất vả trong lãnh vực liên quan đến vấn đề tối hậu là một vinh hạnh lớn lao. Có lẽ vì vậy mà linh mục được người ta tiếp đón ngay lập tức khi đến các gia đình. Linh mục nào cũng cảm nghiệm điều này sau khi thụ phong, và thậm chí tôi còn nghĩ là nhiều linh mục còn cảm thấy hơi ngạc nhiên nữa. Tôi nhớ lại câu chuyện khi nói chuyện với một vợ chồng trẻ đã dọn đến khu vực tôi đang làm việc trước đó hai năm. Vợ chồng này than phiền là thật khó khăn để tiếp xúc với người dân ở đây và dân chúng cũng không niềm nở với họ. Tôi liền nghĩ về chính mình: “Tôi mới về đây có tám tháng, và tôi đã biết rất nhiều người và cũng đã đến thăm rất nhiều gia đình.” Linh mục là một người bạn được mọi người tiếp đón. Đối với rất nhiều người Công giáo, họ coi linh mục là một thành viên trong gia đình mở rộng của họ. Linh mục là hình ảnh của sự chăm sóc và thương cảm của Thiên Chúa, nên rất nhiều người mong được tiếp đón họ trong gia đình.

Sự mãn nguyện trong đời sống linh mục là cao

Tôi thấy thú vị và an ủi vì các linh mục cảm nhận sự mãn nguyện rất cao trong đời sống thừa tác vụ của mình. Hết nghiên cứu này tới nghiên cứu khác tìm ra những kết quả cơ bản tương tự: các linh mục yêu thích làm công việc mục vụ và tìm thấy sự mãn nguyện lớn lao trong đời sống. Trong nghiên cứu của Hội đồng Quản trị của Liên Đoàn Các linh Mục của Hoa Kỳ (NFPC), đặc biệt khi hỏi về điều gì là «rất quan trọng» như là nguồn mạch làm cho các linh mục cảm thấy mãn nguyện, thì 90% đã chấp nhận rằng «niềm vui của việc cử hành các bí tích

và chủ sự các nghi thức phụng vụ;» 80% chấp nhận «sự mãn nguyện đến từ việc rao giảng Lời Chúa;» và 67% chấp nhận sự mãn nguyện đến từ «cơ hội làm việc với nhiều người và là một phần trong đời sống của họ.»⁵ Trong nghiên cứu riêng của tôi trong những năm từ 2003 tới 2005, 92,1% các linh mục chấp nhận câu khẳng định: “Nói chung, tôi cảm thấy mãn nguyện trong việc chu toàn thừa tác vụ như một linh mục.” Khi đưa ra câu khẳng định: “Tôi tận tụy cho việc mục vụ trong Giáo Hội công Giáo,” câu trả lời hầu hết đều nhất trí: 95,9% trả lời là có.

Cũng có những tỷ lệ cao đáng kinh ngạc về sự dấn thân và mãn nguyện. Tôi tin chắc rằng những tỷ lệ này cũng xứng hợp tốt đẹp với bất cứ công việc gì khác nếu chúng ta muốn nghiên cứu. Quả thật, trong cuộc thăm dò ý kiến của CNN năm 2003 đối với năm ngàn người Mỹ thì chỉ có 62,9% đã trả lời là “họ hạnh phúc với công việc hiện tại của họ.”⁶ Trong khi các linh mục trong nghiên cứu của tôi được hỏi câu hỏi cơ bản tương tự: “Cha có hạnh phúc với công việc mục vụ hiện tại của cha không?” Thì 89,8% các linh mục đã trả lời là có. Có lẽ một trong những dụng cụ chiêu mộ ơn gọi cần thiết là tìm ra ngôn từ diễn tả các linh mục hạnh phúc và thỏa mãn như thế nào, và có lẽ có những người trẻ quan sát đời sống hạnh phúc của các linh mục và vì thế các bạn trẻ có thể cảm nhận nó cho chính mình.

Dân chúng yêu thương và ủng hộ các Linh mục của họ

Dân chúng đáp lại với các linh mục với lòng biết ơn. Ngay giữa thời điểm Giáo Hội khủng hoảng năm 2002, những

5 Ibid., tr. 26.

6 CNN.com, 24 Tháng Ba, 2003.

người Công giáo ở Boston, là trung tâm của khu vực bị sốc về Giáo Hội, họ được đội ngũ của *Boston Globe* hỏi họ có thất vọng với cha xứ của họ không. Chỉ có 4% trả lời là họ thất vọng.⁷ Ngay giữa cuộc khủng hoảng của Giáo hội, 96% dân chúng vẫn ủng hộ và thỏa mãn với các cha xứ của họ. Dân chúng biết ơn các cha xứ của họ, và khi có cơ hội họ sẵn sàng chứng tỏ tình cảm của họ.

Tôi nhớ lại một linh mục quyết định rời bỏ giáo xứ nơi cha đã phục vụ một ít năm. Cha đã không tin là dân chúng thật sự quan tâm và ủng hộ ngài, và ngài đã cảm thấy thất vọng. Vì thế, ngài đã bí mật nói với đức cha là ngài muốn được đổi đi nơi khác. Trước khi ngài đi, ngài tổ chức Thánh lễ chia tay và họp mặt theo thông lệ. Vị linh mục sững sốt vì tình cảm và sự thương tiếc trong đau khổ của dân chúng khi chia tay ngài. Cha đã nói: “Nếu tôi đã biết họ yêu thương tôi đến như thế, tôi đã không xin chuyển đi!” Giống như chúng ta, người đời rất bận rộn, thường phải lo lắng, nên không luôn luôn diễn tả lòng biết ơn của họ. Nhưng cố gắng đề đổi một cha xứ họ yêu thương đi nơi khác họ sẽ xếp hàng để phản đối.

Các linh mục chúng ta thường bỏ lỡ nhiều dấu chỉ về sự ủng hộ và đánh giá cao đối với chúng ta. Chúng ta thường chú ý đến những điều tiêu cực. Sự thật là dân chúng thường có nhiều cách để diễn tả sự ủng hộ của họ. Thật đáng buồn, chúng ta thường không chú ý tới những điều tích cực mà lại chú ý tới những điều tiêu cực. Ví dụ, nếu như sau Thánh lễ 99 người nói là họ thích bài giảng của cha, và một người phê phán cha, tôi đến cha nghĩ tới ai? Nhiều khi chúng ta không có khả

7 Michael Paulson, “Việc thực hành Luật của Hầu hết Giáo dân Công Giáo ở Poll Fault,” *The Boston Globe*, 8 Tháng Hai, 2002.

năng cảm nhận sự ám áp trong cuộc đời mình đến từ cảm nhận không được đánh giá cao.

Tôi đề nghị mỗi linh mục hãy dành một vài giây phút tĩnh lặng để suy tư về những sự kiện xảy ra trong tuần mới qua. Không nghi ngờ gì sẽ có một vài giây phút căng thẳng và không hạnh phúc, đời sống nào thì cũng thế thôi. Nhưng đan xen trong nhiều ngày sống là nhiều lời tạ ơn và đánh giá cao, nhiều dấu chỉ của sự biết ơn và ủng hộ, như là một bệnh nhân trong bệnh viện nở nụ cười khi vị linh mục tới, hay là một giáo dân cố gắng để có thể được bắt tay vị linh mục sau Thánh lễ Chúa Nhật, hay là đôi mắt biết ơn của một người sau khi được cha gọi điện chia buồn vì cái chết của một người thân trong gia đình. Phần lớn dân chúng rất biết ơn sự hiện diện của chúng ta. Chìa khóa để sống đời sống linh mục của chúng ta là cảm nhận những giây phút này và để cho người đời ủng hộ chúng ta, giống như là chúng ta cảm nhận những căng thẳng và các vấn đề hàng ngày làm xáo động chúng ta.

Đời Sống Bí Tích

Hầu hết đời sống linh mục là cử hành các bí tích. Ngài là người độc nhất chủ sự Thánh lễ, cử hành bí tích Giải tội, và Xức dầu bệnh nhân. Ngài cũng thường chủ sự nghi thức Rửa tội, mai táng, và hôn lễ. Những điều này có thể dần trở thành thông lệ, và đôi khi còn là gánh nặng, đặc biệt nếu như trong một ngày có ba hay nhiều hơn nữa những dịp như thế. Nhiều người trong chúng ta sẽ gặp trường hợp như vậy trong tương lai khi con số các linh mục suy giảm mà các đòi hỏi thì gia tăng.

Chúng ta sẽ phải làm một kế hoạch thực tế về điều này cho tương lai. Sự thật rõ ràng là sẽ có rất ít các linh mục ở các nước Phương Tây phát triển trong tương lai gần, trong khi đó rất nhiều giáo dân cần nhu cầu mục vụ. Chúng ta phải sử dụng các linh mục một cách khôn ngoan, và các linh mục cũng cần hoạch định về thời gian và năng lượng của mình một cách cẩn thận và đầy suy nghĩ. Chúng ta sẽ muốn hỏi chính chúng ta những câu hỏi cơ bản như là: “Ai cần công việc mục vụ của linh mục nhất? Làm sao tôi có thể phục vụ tốt nhất cho dân chúng ở nơi này?” Chúng ta cũng cần phải hỏi: “Đâu là đoàn sủng của linh mục trong công việc mục vụ?”

Một số người thì gièm pha về số lượng các linh mục giảm đi ở một quốc gia như là dấu chỉ tiêu cực của Giáo hội. Tôi nghĩ, nó đúng là một dấu chỉ tiêu cực về sự sung túc của chúng ta và về chủ nghĩa vị kỷ vật chất của thời đại chúng ta. Sự “khủng hoảng” ớn gọi chỉ khủng hoảng ở những quốc gia giàu có hơn trên thế giới. Quả thật, Vatican đã báo cáo là có một sự bùng nổ ớn gọi xét trên bình diện thế giới; vào năm 1978 trên toàn thế giới có 63.882 đại chủng sinh, đến năm 2001 con số đại chủng sinh là 112.982. Theo Tổng Trưởng Bộ Giáo Sĩ thì: “Chưa bao giờ trong lịch sử của Giáo Hội lại có nhiều chủng sinh đang học triết học và thần học như thế.”⁸ Ớn gọi suy giảm ở một số vùng khi sự giàu có gia tăng. Chúa Giêsu đã có điều gì đó nói về người giàu có và nước Thiên Chúa.

Nhưng cùng lúc đó, ớn gọi trở thành linh mục đã luôn, và sẽ luôn luôn là hiếm. Thật đáng buồn, thế giới thì không bao giờ đủ, tối thiểu là theo cách hiểu của con người. Thật

8 “Nói chung, Thời gian nở rộ của các Chủng viện,” Zenit.org. 6 Tháng Tư, 2004.

bất hạnh, vẫn luôn có, và cũng sẽ luôn luôn có những nơi trên thế giới không có Thánh lễ vào ngày Chúa Nhật. Như một đời sống đầy tràn ân sủng Chúa, cần có một trái tim chăm sóc cẩn thận cho đời sống vĩnh cửu cho những người khác, những con mắt nhìn thấy những kỳ công của Thiên Chúa rộng rãi thi ân, và một sự sẵn lòng dâng hiến cả cuộc đời để phục vụ. Xin Thiên Chúa ban cho nhiều người trái tim linh mục như thế.

Nhiều người cho rằng chính các linh mục ở Mỹ không cổ võ ơn gọi linh mục. Nhưng nghiên cứu của tôi vào những năm 2003 - 2005 lại cho kết quả ngược lại. Khi được hỏi một câu khá là cá nhân là: “Nếu tôi có một cháu trai, tôi sẽ khích lệ cháu trở thành một linh mục không,” 72,7% các linh mục được hỏi đồng ý là có. Hơn nữa, 72,8% các linh mục đã nói là họ tích cực khích lệ dân chúng trở thành linh mục. Trong các nghiên cứu do Hội Đồng Giám Mục Công Giáo Hoa Kỳ (USCCB) thực hiện, 78% các linh mục mới chịu chức đã thừa nhận rằng trước khi họ vào chủng viện đã có một linh mục trực tiếp nói họ suy nghĩ về ơn gọi linh mục. Sự khích lệ trực tiếp của các linh mục là một khí cụ ơn gọi quan trọng và rõ ràng. Nó cũng là một dấu chỉ mạnh mẽ về sự thỏa mãn trong ơn gọi linh mục. Những người không hạnh phúc trong ơn gọi của họ chẳng khi nào khích lệ người khác đi theo bước chân của họ.

Trong khi mục vụ của linh mục luôn luôn gắn liền với các bí tích, thì trong tương lai lại còn hơn nữa. Bởi vì không phải các linh mục là những người chỉ có cử hành bí tích và bị loại trừ ra khỏi các lãnh vực khác. Chia sẻ thời gian với dân chúng trong nhiều khía cạnh khác nhau, ngoài việc cử hành bí tích không phải là chuyện hoang phí. Nó là điều thiết yếu đối với dân chúng và nó cũng là một phần không thể thiếu của ơn gọi

linh mục. Tuy nhiên, các bí tích vẫn là và vẫn luôn là trung tâm của đời sống linh mục.

Bất chấp đôi khi cử hành các bí tích lại trở thành như là công việc cử hành thường lệ, điều thiết yếu là các linh mục nhìn thấy nơi những giây phút này chính là thời khắc đặc biệt Thiên Chúa ban ơn. Một thời gian trước đây, có một lối suy nghĩ thần học cho rằng các bí tích chỉ đơn giản là các dấu hiệu để diễn tả điều thật sự xảy ra giữa cá nhân và Thiên Chúa. Đây không bao giờ là giáo huấn của Giáo Hội và nó làm mất hiệu lực của chính các bí tích này. Đúng là các bí tích là các dấu chỉ, nhưng trong dấu chỉ lại chính là giây phút Thiên Chúa ban tràn đầy ân sủng và đây là giây phút Thiên Chúa trực tiếp trao ban sức sống của ngài.

Nếu như linh mục làm mất cảm thức này, linh mục đã làm mất nguồn sức mạnh trao ban sự sống thật đó chính là Giáo hội, và chính đời sống linh mục cũng bị mất sức mạnh của nó. Giáo hội Công giáo được Đức Kitô thiết lập và Ngài hiện diện trong Giáo hội trong một cách thức trực tiếp và trọn vẹn. Vì vậy Giáo hội là một bí tích, trong nó và chính nó. Vì thế, Giáo hội là một dấu chỉ về sự hiện diện của Thiên Chúa nơi trần thế, và chính nơi dấu chỉ này là một khí cụ ân sủng của Thiên Chúa. Tương tự như thế, chính linh mục là một loại bí tích. Sự hiện diện của linh mục, như là *hiện thân của Đức Kitô*, như là ân sủng cho dân chúng, bất chấp những khuyết điểm về mặt con người của linh mục. Khi linh mục cử hành các bí tích, những ân huệ đặc biệt này của Thiên Chúa thánh hóa những giây phút quan trọng đó trong đời sống con người, như là khi sinh, khi bệnh tật, cưới hỏi, hay là ma chay.

Tôi tin rằng có một loại ân sủng phản chiếu mà linh mục được tham dự vào khi ngài cử hành các bí tích. Tất cả chúng ta đều ý thức rằng linh mục là một khí cụ của ân sủng Thiên Chúa trong các bí tích. Chúng ta biết rằng khi các cá nhân nhận lãnh các bí tích thì họ được ban ơn một cách đặc biệt trong những giây phút đó. Nhưng các linh mục đang cử hành các bí tích đó trong những giây phút quan trọng này cũng rất quan trọng trong hành trình đời sống thiêng liêng của chính họ. Các linh mục đang chủ sự các bí tích họ cũng có được những giây phút ân sủng cho chính họ. Ví dụ, mỗi linh mục cảm nhận nhiều lần sự hiện diện an ủi của Thiên Chúa đầy lòng thương xót nơi tòa giải tội. Tất cả chúng ta cũng nhiều lần cảm nghiệm sự tăng triển và bình an lớn lao khi cử hành Thánh lễ. Khi xúc dầu bệnh nhân, nhiều khi chúng ta thật sự xúc động bởi ơn chữa lành của Thiên Chúa. Dường như không phải chỉ có linh mục là người ban phát ân sủng của Thiên Chúa, nhưng cũng chính là người được nhận ân huệ chúc lành của Thiên Chúa lúc đó; một loại ân sủng phản chiếu lại cho ngài.

Tôi nhớ một trong những cha xứ đầu tiên của tôi khi tôi mới được chịu chức. Một ngày nọ, khi ngài bị ốm, và ngài nhờ tôi làm lễ ban sáng thay ngài. Ngài đã nói rằng ngài đánh giá rất cao suy nghĩ rằng ngài muốn làm lễ không phải chỉ cho dân chúng nhưng cũng là cho chính ngài. Là người có đời sống gắn chặt với các bí tích có nghĩa là linh mục gắn chặt với những điều thánh thiện. Vì thế, linh mục được ban ơn khi ngài cử hành các bí tích. Đời sống của ngài được chạm tới, và từ từ được biến đổi bởi những giây phút ân sủng này.

Tôi cảm thấy rằng thật là một ân huệ khi dành thời gian ở trong nhà thờ, và đặc biệt là thời gian cầu nguyện trước Thánh

Thể. Trong khi Thiên Chúa hiện diện khắp mọi nơi, thì Thiên Chúa lại hiện diện một cách đặc biệt và đầy sức mạnh nhất nơi Thánh Thể. Cảm thấy thoải mái trong nhà Thiên Chúa thật là một đặc ân ban tặng cho linh mục. Thiên Chúa chia sẻ nhà của Ngài cho tất cả mọi người, nhưng đặc biệt là cho linh mục người đặc biệt được ở đây và ở với Chúa.

Được Nuôi Dưỡng Bằng Ân Sủng

Đời sống linh mục là đời sống trực tiếp gắn liền một cách mật thiết với những thứ linh thánh, đó là những thứ được dâng hiến cho Thiên Chúa. Và chính con người của linh mục cũng được dâng hiến cho Thiên Chúa. Vì thế, trong một ý nghĩa nào đó ngài trở nên như là ngôi nhà thờ, là thánh thiện vì được dâng hiến cho Thiên Chúa. Một phép ẩn dụ phù hợp cho linh mục đó là những chiếc chén lễ, cơ bản chúng là kim loại bình thường. Kim loại được rèn đúc nên hình thù và rồi được gắn vào những hình ảnh trang trí đẹp đẽ, nhưng trong đó vẫn là kim loại thô sơ. Nhưng rồi nó hoàn toàn được hiến thánh để phục vụ Thiên Chúa; nó không còn được sử dụng cho những thứ trần tục.

Chúng ta, những linh mục cũng là những con người, chẳng tốt hơn cũng chẳng xấu hơn các anh chị em người đời. Nhưng ban đầu chúng ta được đào luyện trong chủng viện và rồi trải qua cả đời sống đào tạo; chúng ta được “rèn đúc” ra hình dạng. Chúng ta được mặc cho những phẩm phục đặc biệt để biểu thị là linh mục, như là dây stola, hay là áo lễ. Rồi chúng ta được thánh hiến dành riêng phục vụ Thiên Chúa. Đây là ý niệm giúp chúng ta hiểu cam kết về đời độc thân; chúng ta hoàn toàn chú tâm phục vụ Thiên Chúa.

Không khí linh mục hít thở tràn ngập hồng ân Thiên Chúa. Qua nhiều năm thánh phục vụ của ngài, linh mục ngày càng trở nên hòa hợp với những cách thức của Thiên Chúa. Thật là hạnh phúc khi nhìn thấy bàn tay Thiên Chúa hoạt động nơi đời sống con người! Thật là một ân huệ đặc biệt khi được đóng góp một phần nhỏ trong những công việc thánh thiêng này. Nên điều này thật là một ơn lành lớn lao và cũng là niềm vui của đời sống linh mục. Đời sống của chúng ta được dâng hiến hoàn toàn cho Thiên Chúa, và cho con người. Vì vậy, đời sống chúng ta là thánh thiện, bất chấp thân phận con người yếu đuối triền miên của chúng ta.

Trong những giây phút đặc biệt chúng ta gọi là bí tích, một cách đặc biệt chúng ta trở nên máng chuyển ơn lành của Thiên Chúa. Và nó thật là những cơ hội cho chúng ta chứng kiến và cũng được nhận những sức mạnh của ân sủng như thế. Cũng như những linh mục khác, tôi đã cảm thấy xúc động hết lần này tới lần khác những giây phút đầy sức mạnh nơi tòa cáo giải. Rất nhiều hối nhân đã rơi lệ, và với họ cõi lòng của tôi cũng thật sự rung động. Tương tự như thế, nhiều lần tâm hồn chúng ta được nâng lên trong những giây phút tràn ngập ơn an ủi, khi chúng ta dâng lại cho Cha chúng ta mình và máu Đức Giêsu Kitô trên bàn thờ. Đã biết bao nhiêu tâm hồn được an ủi khi chúng ta chạm tới họ trong cơn đau bệnh cuối cùng với dầu thánh, và ban cho họ những phép bí tích sau cùng trước khi họ trở về với Chúa? Chúng ta cũng là người nhận những ân sủng phản chiếu này.

Có rất nhiều thử thách và đau khổ trong đời sống linh mục của chúng ta, những khó khăn đến từ chính đời sống, và những khó khăn đến từ thân phận tan nát của con người chúng ta.

Nhưng tất cả những điều này không là gì so với sự lớn lao của ơn gọi chúng ta. Đời sống linh mục “boi lội” trong ân sủng. Ngài là bạn của tất cả những gì là thánh thiện và là bạn của Thiên Chúa. Sống đời sống này với sự chân thật và bình an, linh mục phải phát triển đôi mắt hướng nhìn lên công trình của Thiên Chúa, và phát triển trái tim đủ sâu xa và đủ rộng để nhận lãnh những ân huệ hàng ngày này.

Dân chúng biết linh mục là người của Chúa. Đây là lý do tại sao họ mở cửa chào đón linh mục. Trừ khi linh mục làm mất lòng tin của họ, linh mục được họ trao chìa khóa nhà của họ cũng như cõi lòng của họ mà không ai khác có thể có được. Họ nói cho linh mục những điều kín ẩn sâu xa nhất, những hy vọng cũng như những sợ hãi, những niềm vui và cả tội lỗi của họ. Họ nói với linh mục trong niềm hy vọng rằng khi họ cởi mở cõi lòng với linh mục, họ đã cởi mở cõi lòng của họ với Thiên Chúa. Và thật sự là như vậy.

Thật là một ân huệ và cũng là một trách nhiệm tuyệt tác, nhưng chúng ta đừng lo sợ. Vì ân sủng và sức mạnh đã được ban tặng gắn liền trong bí tích truyền chức. Và trên hết, đây là công việc của Thiên Chúa chứ không phải của chúng ta. Chúng ta chỉ phải để cho Thiên Chúa thực hiện qua chúng ta... bằng việc dâng hiến trọn vẹn con người chúng ta.

CHƯƠNG 3

LINH MỤC LÀ NHỮNG CON NGƯỜI CẦU NGUYỆN

Ngài đã thở hương thơm của ngài trên con; con đã hít vào và bây giờ con khao khát ngài. Con đã cảm nhận ngài; bây giờ con đói và khát ngài hơn nữa. Ngài đã chạm tới con, và con bị cháy lên cho bình an của ngài.”⁹ - Thánh Âu-tinh -

Hãy tới trước nhà tạm và thiết lập với Chúa Giêsu một mối liên hệ đơn sơ hàng ngày trong đời sống. Với một sự tự nhiên như là con tìm kiếm một người bạn... cũng cùng cách thức ấy, con hãy đến trước nhà tạm tìm kiếm Chúa Giêsu. Coi Chúa Giêsu như là người bạn thân nhất của con, người đáng tin tưởng nhất, người đáng khao khát nhất và là người đáng yêu nhất.¹⁰

Gửi tới các linh mục, những người con đáng yêu của Mẹ

Các môn đệ Chúa Giêsu xin với Ngài: “Xin thầy dạy cho chúng con cầu nguyện” (xem Lc 11,1-4). Và Chúa Giêsu đã dạy cho các môn đệ một lời kinh tuyệt vời, Kinh Lạy Cha. Cũng giống như Chúa Giêsu đã dạy các môn đệ cầu nguyện, các linh mục cũng thế, chúng ta đang tiếp tục sống và làm việc như Chúa Giêsu, chúng ta đang dạy người khác cầu nguyện.

9 Thánh Augustinô, *Tự Thú của Thánh Augustinô*, được trích dẫn trong *Phụng vụ các Giờ kinh*, cuốn III (New York: Catholic Book Publishing Co., 1975), tr. 273.

10 Các Linh mục của Phong trào Mẹ Maria, *Gửi các Linh mục, Những người con thân yêu của Mẹ*, ấn bản Tiếng Anh lần thứ 16 (Saint Francis, Maine: Các linh mục của Phong trào Mẹ Maria, 1995), tr. 568.

Đây là vấn đề quan tâm và mong ước đời đời của người Kitô hữu. Họ thật sự muốn học cầu nguyện.

Nếu chúng ta dạy người khác cầu nguyện, thì tất nhiên, hiểu ngầm các linh mục phải là những con người cầu nguyện. Mọi người kỳ vọng chúng ta phải như thế. Tôi cũng tin tưởng là chính chúng ta cũng ước vọng chúng ta phải là những con người cầu nguyện. Nhưng thật đáng buồn, thực tế nhiều khi lại không phải vậy; đôi khi chúng ta lại không thật sự là những con người cầu nguyện.

Trong cuộc sống trần thế quanh ta, hành động luôn được đánh giá cao hơn là chiêm niệm, và làm việc thì được ca ngợi hơn là suy gẫm. Trong Kinh Thánh, hình ảnh Maria, người ngồi dưới chân Chúa Giêsu thì hoàn toàn bị che khuất bởi hình ảnh của Matta một người đang lo lắng bận rộn với nhiều thứ công việc. Chẳng lạ gì, xã hội chúng ta đã sản sinh ra một xã hội của nghiện lao động. Trong xã hội nghiện lao động như thế liệu con người có thật sự hạnh phúc hơn không? Chắc chắn là không. Bởi lẽ con người càng trở nên giận dữ hơn, càng thất vọng hơn, và thiếu vắng hạnh phúc hơn trong chính xã hội giàu có của chúng ta hơn thời kỳ trước đây.

Một cách đáng tiếc, việc ám ảnh về công việc tới độ loại trừ những giây phút nghỉ ngơi và suy tư lành mạnh đã thâm nhập và ảnh hưởng tới đời sống linh mục. Tôi đã phỏng vấn một linh mục đang trong tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng về ơn gọi linh mục của mình. Chúng tôi cố tìm kiếm những giải pháp tốt nhất để có thể làm phục hồi ơn gọi của ngài. Cuối cùng tôi đã hỏi ngài: “Cha có cầu nguyện không?” Với một giọng điệu khinh bỉ, ngài đáp: “Tôi không có thời gian để cầu

nguyện.” Ngay lập tức tôi đáp lại: “Vậy cha cũng chẳng có thời gian để làm linh mục.”

Trong một khảo sát của tôi về các linh mục trong những năm 2003 tới năm 2005, tôi đã hỏi các ngài về những thực hành thiêng liêng của họ. Có tới 80,2% nói họ có tham gia đầy đủ các kỳ tĩnh tâm năm, và 88% nói họ có đi xưng tội trong năm vừa qua. Nhưng khi tôi hỏi liệu các ngài có cầu nguyện riêng khoảng 30 phút mỗi ngày không, thì chỉ khoảng 45,3% trả lời là có. Một cách thẳng thắn mà nói, tôi cảm thấy thất vọng. Chúng ta là những con người của Chúa, đóng một vai trò quan trọng là dạy dỗ người khác cầu nguyện, đáng lẽ chính chúng ta phải được áp ủ và nuôi dưỡng bởi mối liên hệ với Thiên Chúa một cách cá nhân và đều đặn mỗi ngày, nhưng một cách đơn giản thì các linh mục của chúng ta lại không cầu nguyện một cách đầy đủ.

Có một khái niệm phổ biến vào những năm 1960, đó là: “Việc làm của tôi là kinh nguyện của tôi,” điều này xem ra cũng có phần nào là đúng, nhưng thực tế mà xét thì nó chỉ là một điều rỗng tuếch. Có nhiều người đã tán thành với khái niệm này, và những ai thực sự tán thành với khái niệm này đã chẳng còn sống trong đời linh mục nữa. Sự thật là nếu công việc mục vụ của chúng ta mà được làm trong một tinh thần cầu nguyện thì nó sẽ có một sức nuôi dưỡng khác biệt. Công việc mục vụ mà không đặt nền tảng trên cầu nguyện thì rất dễ dàng trở thành công tác xã hội. Một vị linh mục một cách chính yếu không phải là một người làm công tác xã hội. Linh mục là người của Chúa, đời sống và công việc mục vụ của ngài phải là phương tiện để rao truyền Tin Mừng. Điều này có nghĩa là đời sống của linh mục phải được sinh động hóa bởi Chúa Thánh

Thần. Trong kinh nguyện, chúng ta mở cõi lòng của chúng ta cho sức mạnh của Thánh Thần tác động.

Tại sao các linh mục lại không cầu nguyện nhiều hơn nữa?

Thật dễ dàng để khuyến khích các linh mục cầu nguyện nhiều hơn nữa và các linh mục cũng thừa nhận nhiệm vụ của họ là phải cầu nguyện nhiều. Nhưng thực tế họ lại không cầu nguyện nhiều như thế. Tình trạng đối kháng này thì cũng tương tự như là tập thể dục. Tất cả chúng ta đều biết rằng chúng ta nên tập thể dục nhiều hơn nữa, và nếu có ai đó nhắc nhở chúng ta về điều này thì chúng ta sẽ gật đầu đồng ý một cách nhanh chóng. Nhưng có điều chúng ta lại hiếm khi giữ lời hứa và tập thể dục nhiều hơn. Hoặc là chúng ta đã bắt đầu lại một cách rất nhiệt tình nhưng rồi ngay sau đó đã lại quay về nếp cũ của thói quen xưa.

Chẳng nghi ngờ gì, có rất nhiều lý do để chúng ta không cầu nguyện nhiều hơn nữa. Như đã nói trước đây, các linh mục chúng ta bị ảnh hưởng nặng nề của chủ nghĩa duy hành động của nền văn hóa hiện đại. Các linh mục đo lường chính họ bằng số công việc họ làm. Và dĩ nhiên, đôi khi một cách sai lầm chúng ta lại tin tưởng rằng, sự hiện diện của chúng ta lại chính là công việc của chúng ta. Có lần tôi đã hỏi một vị linh mục đang gặp khó khăn trong ơn gọi rằng, “Cha có ngày nghỉ chính thức nào không?” Vị này trả lời một cách sắc lẹm rằng: “Cái giáo xứ này chẳng có thể làm gì được nếu như thiếu tôi.” Bởi lẽ vị linh mục này đang chuẩn bị tham dự chương trình chữa trị tâm lý sáu tháng, nên tôi nói “Để coi” “Giáo xứ sắp có một thời gian sáu tháng để thử.”

Các linh mục nhiều khi không được ủng hộ tức thời và trực

tiếp về việc cầu nguyện, trái lại nhiều lúc lại còn bị đánh giá ngược lại. Tôi gợi nhớ vào một buổi sáng nọ, khi tôi đang im lặng cầu nguyện trong nhà thờ khi trời vẫn còn tối trước khi thánh lễ lúc 7 giờ. Một người đàn bà tiến lại, lắc vai tôi và bảo: “Con mừng quá vì gặp được cha đang rảnh rỗi chẳng làm gì cả.” và bà ta tiếp tục hỏi tôi về một vấn đề mang tính quản trị trần thế. Đối với nhiều người, khi bạn cầu nguyện, tức là bạn đang chẳng làm được việc gì mang lại lợi ích.

Một lý do khác nữa khiến một số linh mục không cầu nguyện riêng, đó là họ sợ khi cầu nguyện riêng họ sẽ nhận ra nhiều thứ. Điều này nghe có vẻ kỳ quặc, nhưng có một vài linh mục đã chia sẻ với tôi tại sao họ lại ít cầu nguyện riêng rằng: “Tôi không cầu nguyện vì tôi sợ cái tôi sẽ nghe.” Vì khi chúng ta ngồi yên lặng cầu nguyện thì thật ra chính chúng ta sẽ đối diện với Thiên Chúa hằng sống. Điều này có thể là một sự hải hùng cho một người nào đó không từng đối diện với chính mình và người ấy cũng lo sợ vì điều người ấy có thể sẽ nhận ra. Nó cũng là một sự hải hùng cho một người nào đó khiếp sợ Thiên Chúa. Nhưng thật đáng buồn, một số linh mục chúng ta thật ra lại sợ Thiên Chúa.

Tôi nhớ một linh mục dòng, người này đã phải vật lộn với khó khăn trong một vài năm vì chứng nghiện ngập. Vào một thời điểm nhất định, cha quyết định thay đổi để sống tốt hơn. Cha đã trở nên khỏe mạnh hơn về tinh thần cũng như tâm lý, và cuối cùng cha đã vượt qua những khó khăn của mình. Khi tôi hỏi cha điều gì đã làm cha thay đổi đời sống, cha nói cha đã có một cảm nghiệm mạnh mẽ về Thiên Chúa. Cha nói rằng mình đã tu rất nhiều năm nhưng chưa bao giờ có được một sự tiếp cận trực tiếp với Thiên Chúa. Rồi đến một buổi chiều nọ,

khi cha trở về căn phòng bé nhỏ của mình trong đan viện, cha cảm thấy ngập tràn một cảm nghiệm về sự hiện diện của Thiên Chúa. Cha cảm nhận ngập tràn bình an và tình yêu của Thiên Chúa. Nhưng, cha lại cảm thấy sợ hãi Thiên Chúa vô cùng khiến cha phải chạy ra khỏi phòng của mình! Rồi cha suy nghĩ một chút tốt hơn về sự hành xử của mình và rồi cha lại trở về lại phòng của mình. Thiên Chúa vẫn còn đó, và tuôn đổ trên cha với ơn hiện diện chữa lành của ngài. Cuộc sống của cha đã không bao giờ như cũ. Nhưng thật là hay, ban đầu cha đã chạy trốn; một đan sĩ đã sợ gặp gỡ Thiên Chúa hằng sống!

Một số linh mục không cầu nguyện vì họ sợ rằng những vết thương và đau đớn cá nhân đã được chôn vùi trong lòng mình sẽ lại nổi lên. Và rồi chính họ lại phải đối diện với chúng; thật là không ngẫu nhiên tí nào khi những người hướng dẫn thiêng liêng nói rằng, hành trình thiêng liêng bắt đầu với sự nhận biết về chính mình. Khi mớ rối tơ vò trong lòng mỗi người chúng ta nổi lên, chúng ta phải đau khổ đối diện với nó. Nhưng đối diện với chính mình là điều thiết yếu để có một sự chữa lành sâu xa. Hành trình thiêng liêng không thể bắt đầu một cách nghiêm chỉnh nếu không nhận biết chính mình.

Một số linh mục khác lại sợ cầu nguyện vì họ biết rằng Thiên Chúa sẽ có mặt. Họ sợ những gì Thiên Chúa sẽ nói với họ. Trong khi lượng giá về các linh mục gặp vấn đề cá nhân, một chủ đề chung xuất hiện là hình ảnh bị bóp méo về Thiên Chúa. Theo lý trí, họ biết rằng Thiên Chúa thì yêu thương và tha thứ. Tuy nhiên, khi tìm hiểu sâu xa hơn thì rõ ràng là họ sống với một hình ảnh Thiên Chúa như là một bạo chúa tàn ác và đòi hỏi. Nghịch lý thay, chúng ta - những linh mục giảng những bài giảng hoành tráng về việc Thiên Chúa yêu thương

mọi người như thế nào. Chúng ta đều biết nói những gì là chính xác, nhưng đôi lúc, chính chúng ta lại là những người đầu tiên cần nghe và cần nghe kỹ những bài giảng của chính chúng ta.

Khi chúng ta ngồi im lặng cầu nguyện, đúng là những vết thương và những đau khổ của chúng ta xuất hiện, nhưng rồi sự chữa lành lớn lao cũng sẽ xảy ra. Tương tự như vậy, khi chúng ta ngồi yên lặng và lắng nghe Thiên Chúa, sứ điệp chúng ta nghe nhiều nhất là Thiên Chúa vẫn yêu thương chúng ta như chúng ta là. Tuy nhiên, nhiều người lại sợ tiếng nói bên trong cõi lòng của chính họ về sự tự kết án và tự trừng phạt, một tiếng nói họ lẫn lộn với tiếng Chúa.

Tôi gợi nhớ một linh mục gặp khó khăn nói với tôi rằng: “Rất lâu rồi, tôi mặc cả với Chúa: nếu Chúa đừng làm phiền tôi, tôi cũng sẽ không làm phiền Chúa.” Điều không thích hợp của việc “mặc cả” đó thì rõ ràng, đặc biệt đối với đời sống của một linh mục. Trong khi vị linh mục này đã ý thức thực hiện việc mặc cả này, có những người khác sống đời sống của họ xa rời với Thiên Chúa, nói chung đều giống nhau. Nó là một loại tự nhiên thần giáo, một loại dị giáo cổ xưa. Tự nhiên thần giáo cho rằng, Thiên Chúa đã tạo nên vũ trụ rồi Ngài lui ra đằng xa để ngắm nhìn chứ không can thiệp gì vào vũ trụ nữa. Đây không phải là quan điểm Kitô giáo. May mắn thay, vị linh mục đã mặc cả với Chúa nói thêm rằng, “Thiên Chúa đã không chấp nhận như thế, và Ngài đã trực tiếp can thiệp vào đời sống của tôi. Ôi, tôi thật may mắn nhỉ!»

Thật buồn để lưu ý rằng, có nhiều linh mục lại suy nghĩ trong lòng là Tin Mừng thì áp dụng cho mọi người khác, còn chính họ thì lại không. Các linh mục thì rất giỏi giảng dạy cho

người khác, nhưng chúng ta lại có một khó khăn thật sự để tin rằng sự điệp tha thứ và thương xót của Thiên Chúa có thể dành cho chính chúng ta.

Tôi thật sự bị choáng khi nghe một vài linh mục đang gặp khó khăn nói rằng: “Tôi chẳng còn hy vọng gì cả.” Tôi đáp lại: “Cha có tìm thấy đoạn Tin Mừng nào phù hợp với mình không?” Sau khi vị linh mục đau khổ đó kể cho tôi nghe câu chuyện của cha, thường là ngập đầy với đau khổ và khó khăn, tôi nói với cha ấy: «Nếu như một trong các giáo dân của cha kể cho cha nghe câu chuyện đó, cha sẽ nói gì cho người đó?» Lúc đó, vị linh mục này bắt đầu nói những lời rất tuyệt vời về lòng thương xót và yêu thương của Thiên Chúa. Tôi đã đáp lại, “Vậy sao những lời tốt đẹp như thế lại không áp dụng cho chính cha nhỉ?”

Một khi các linh mục nhận ra và thật sự áp dụng Tin Mừng vào chính đời sống của mình, nó có thể thật là lý thú. Họ cảm nhận cho chính mình về một Thiên Chúa tuyệt vời, đầy lòng tha thứ và yêu thương. Chúng ta là những linh mục có thể mở miệng nói những lời trong bài giảng về Thiên Chúa thương xót và chạnh lòng thương như thế nào, nhưng nếu như chính chúng ta lại không cảm nghiệm cho chính mình, thì những lời ấy thật rỗng tuếch. Quả thật, nếu như chính chúng ta không trở nên Kitô hữu, và không nhận biết rằng chúng ta được Thiên Chúa yêu thương và tha thứ trong một cách thức trực tiếp và thật, thì chúng ta chỉ có tởn xú hay thậm chí chẳng có gì để cho những người khác. Chỉ sau khi cảm nghiệm mạnh mẽ về Đức Giêsu phục sinh, rồi được Chúa Thánh Thần thêm sức và kiện cường trong ngày Lễ Ngũ Tuần, lúc đó các tông đồ mới can đảm và nhiệt tình đi rao giảng Tin Mừng.

Khi chúng ta được Đức Giêsu chạm tới một cách cá nhân, chính chúng ta biết điều mà Ngài đang cố gắng nói cho chúng ta, và chúng ta phấn khởi với điều chúng ta đã nhận được. Đây là giây phút tuyệt vời. Đó là Tin Mừng mà chúng ta sẽ tự động muốn chia sẻ cho người khác.

Một Cảm Nghiệm Về Cầu Nguyện

Có lẽ một lý do ý nghĩa nhất tại sao các linh mục, hay là những người khác không cầu nguyện nhiều là bởi vì họ chưa phát triển một cảm nghiệm về cầu nguyện. Đó là, *họ chưa phát triển một cảm nghiệm cá nhân về Thiên Chúa*. Đoạn trích dẫn mở đầu của chương này từ *Tự Thuật* của thánh Augustinô minh họa chính xác ý nghĩa này. Augustinô đã cảm nhận được «*huong thơm*» của Thiên Chúa, đó là ngài đã cảm nghiệm một cách cá nhân về Thiên Chúa hằng sống. Và bây giờ, ngài «*khao khát*» hơn nữa. Không ai cần chiêu dụ một người nào đó cầu nguyện, nếu như người ấy đã từng cảm nhận về Thiên Chúa.

Chúng ta mất rất nhiều thời gian để đào tạo các chủng sinh về thần học. Đây là một điều tốt. Thậm chí chúng ta còn dạy các chủng sinh về đời sống thiêng liêng. Đây cũng là điều quan trọng. Nhưng điều đặc biệt là chúng ta lại dành tối thiểu thời gian để dạy các chủng sinh cầu nguyện. Một cách đúng đắn chúng ta đã tránh dùng lối đào tạo nửa đan viện cổ xưa này cho các linh mục giáo phận của chúng ta. Quả thật, những người này sẽ không trở thành những đan tu. Nhưng hầu hết các chương trình đào tạo đã chưa thể có gì thay thế cho chế độ cầu nguyện xưa cũ này với một khóa học sâu sắc nào về cầu nguyện phù hợp cho ơn gọi của họ. Tập trung để đọc kinh Thần Vụ thì quan trọng, nhưng còn điều gì đó cần thiết hơn.

May mắn thay, rất nhiều các chủng sinh trẻ của chúng ta đã có những kinh nghiệm thiêng liêng sâu xa góp phần trực tiếp cho việc nhận ra ơn gọi linh mục của họ. Trong 2000 trường hợp nghiên cứu các linh mục thụ phong trong tám năm vừa qua, 66% các linh mục triều và 64% các linh mục dòng khẳng định rằng họ đã có “một kinh nghiệm làm thức tỉnh thiêng liêng trong những năm còn bé hay là thanh niên” và đó thì “quan trọng cho ơn gọi [của họ].”¹¹ Đường như là Thiên Chúa đi tới - một cách cá nhân, trực tiếp, và mạnh mẽ - kêu gọi họ trở thành linh mục.

Chúng ta cần xây dựng trên những kinh nghiệm tôn giáo và nhiệt tình ban đầu này nhằm phát triển thành những con người cầu nguyện chắc chắn. Những kinh nghiệm này chỉ là bắt đầu thôi. Một khi “sự hăng hái” ban đầu này lắng xuống, thì sự cầu nguyện sốt sắng thật sự phải bắt đầu. Không có cách nào khác để học cầu nguyện hơn là nhảy vào và cầu nguyện. Dĩ nhiên, chúng ta cần sự hướng dẫn. Tuy nhiên, cầu nguyện là điều được học tốt nhất bằng chính việc cầu nguyện.

Khi trưởng thành hơn trong việc cầu nguyện, linh mục sẽ phát triển một sự thân quen với Thiên Chúa, một kiểu thoải mái trong tình bạn. Thánh Teresa Avila là một người hướng dẫn tuyệt vời trong vấn đề này. Thánh nhân đã nói về việc trở thành những người bạn của Thiên Chúa và cầu nguyện như là việc đối thoại giữa những người bạn. Khi chúng ta đã đạt tới mức độ thân quen này, chúng ta sẽ tự nhiên mất đi bất cứ sự lo lắng sợ hãi nào chúng ta có về Thiên Chúa, nhưng chỉ duy trì

11 Dean R. Hoge, *Năm năm đầu đời Linh mục: Một nghiên cứu về các Linh mục Công giáo mới chịu chức* (Collegeville, Minnesota: The Liturgical Press, 2002), tr. 13.

sự kính sợ thánh thiện về sức mạnh vô biên của Ngài.

Trong những cuộc trao đổi như thế, chúng ta không luôn luôn mong đợi nhận được những sự an ủi có thể cảm thấy được. Nhưng được ở trong sự hiện diện của Thiên Chúa sẽ đưa dẫn chúng ta tới ơn bình an trong tâm hồn. Điều xảy ra trong tâm hồn những người bạn của Thiên Chúa, những người luôn chìm ngập trong cầu nguyện thì thật khó diễn tả. Chắc chắn những từ như “bình an”, “nghi ngơi,” hay là “niềm vui thảnh lạng” sẽ nảy ra. Tinh thần mở rộng và đôi mắt dường như ngập tràn ánh sáng. Thay vì sợ hãi những sự tiếp cận thần linh như thế, chúng ta lại hân hoan đón nhận nó với niềm vui.

Bắt Đầu Cầu Nguyện

Chẳng có một phương pháp cầu nguyện nào đúng cả. Vì vậy một cha linh hướng mới là cần thiết, vì kiểu cầu nguyện của một linh mục tùy thuộc vào khí chất của mỗi người, tùy vào tình trạng mục vụ, tùy vào mức độ của đời sống thiêng liêng, và thời gian của ngài. Hình thức cầu nguyện chúng ta sử dụng thay đổi trong ngày, trong tháng, và theo các mùa trong đời sống của chúng ta.

Một cách thức hữu ích cho một người nào đó bắt đầu cầu nguyện, kể cả linh mục khi chưa biết cầu nguyện là cá nhân ấy hãy đi vào một nơi linh thánh, như là nhà thờ chẳng hạn, và chân thành chia sẻ những cảm giác và suy nghĩ trong tâm hồn với Chúa. Nếu như bạn hạnh phúc, hãy nói với Chúa điều gì làm cho bạn hạnh phúc; nếu buồn, hãy chia sẻ với Chúa điều phiền muộn. Nói cách khác, là hãy nói với Chúa chính xác điều mà bạn sẽ nói với người bạn thân nhất. Vì thế, bạn

đang đối xử với Chúa như là người bạn thân nhất, mà thật sự Chúa nên là như vậy. Khi Chúa đã biết những suy nghĩ và cảm giác sâu xa nhất của chúng ta, hành động chia sẻ sẽ phát triển thành tín thác và cởi mở với Ngài. Nó mở tâm hồn chúng ta với Chúa, và sự cởi mở này cho phép ân sủng thiêng liêng của Thiên Chúa đổ xuống trên chúng ta.

Điều đặc biệt quan trọng là chia sẻ những cảm giác “tiêu cực” với Chúa, những cảm giác như là oán giận, thất vọng, sợ hãi, hay là xấu hổ. Nhiều khi con người sai lầm suy nghĩ rằng, chúng ta chỉ nên nói với Chúa về những điều tích cực và những cảm giác tích cực. Và họ có thể chôn dấu những thứ tiêu cực. Dấu điểm những cảm giác tiêu cực không chỉ phá hủy mối liên hệ tình bạn với người khác, mà nó còn phá hủy tình bạn của chúng ta với Chúa. Có khi, tất cả còn lại chỉ là một nụ cười giả tạo che phủ toàn bộ những gì đang xảy ra trong lòng con người. Chúng ta có một mẫu gương tuyệt vời nơi Thánh Teresa Avila, người đã nói với Chúa rằng: “Nếu như đây là cách Chúa đối xử với bạn bè của Chúa, chẳng lạ gì Chúa chẳng có mấy người bạn!” Thánh nhân đã không miễn cưỡng bày tỏ sự giận dữ với Chúa.

Tôi thường kể câu chuyện về một linh mục tôi quen biết đang chết dần chết mòn vì bệnh sida. Khi cha gần chết, tôi đã hỏi cha về đời sống cầu nguyện của cha. Cha nói cha đã không còn cầu nguyện cách nay ít tháng. Tôi khá ngạc nhiên, và hỏi cha tại sao vậy. Cha đã nói: “Tôi đã cầu nguyện và cầu nguyện, và chẳng có điều gì xảy ra, nên tôi không cầu nguyện nữa.” Khi tôi hỏi cha cầu nguyện như thế nào, cha đã nói: “Tôi vô nhà nguyện ngồi và tạ ơn cũng như chúc tụng Chúa, nhưng chẳng có điều gì xảy ra.” Thế rồi tôi hỏi cha: “Ok, vậy thật

sự cha cảm thấy thế nào?” Cha trả lời một cách gay gắt: “Tôi thật CẢM GIẬN! tôi đang chết dần vì sida!” Tôi đã đề nghị cha trở lại nhà nguyện và hãy nói với Chúa chính xác những gì cha cảm nhận. Vị linh mục biểu lộ sự trầm lặng; cha đã sợ làm Chúa giận trong giai đoạn này của đời sống mình. Nhưng cha đã bằng lòng và cởi mở cõi lòng với Chúa, diễn tả sự giận dữ đã chồng đóng lên và đầu độc cõi lòng của cha. Và rồi, đời sống cầu nguyện của cha đã bắt đầu chuyển đổi. Sau một thời gian ngắn cha đã qua đời trong bình an, sau một cảm nghiệm lớn lao Thiên Chúa đã yêu thương mình như thế nào như ngài vẫn từng yêu thương mình.

Cầu Nguyện Với Kinh Thánh

Linh mục nên có một tình yêu đặc biệt đối với Kinh Thánh và cầu nguyện với Kinh Thánh mỗi ngày. Nếu như linh mục là hiện thân một cách đặc biệt của Chúa Giêsu cho dân chúng, ngài phải mặc lấy tư tưởng và cõi lòng của Chúa Giêsu. Thánh kinh là một phần thiết yếu và nền tảng của sự hiện diện này. Nó là hiện thân của tư tưởng và cõi lòng sống động của Chúa Giêsu. Linh mục phải sử dụng một liều lượng mỗi ngày về Lời sống động của Thiên Chúa.

Sách các bài đọc cho Thánh Lễ là điển hình chế độ kinh thánh mỗi ngày cho linh mục đang làm mục vụ; chúng là điều như là *lectio divina* cho vị đan tu. Trong việc chuẩn bị cho Thánh lễ mỗi ngày cũng như chuẩn bị bài giảng ngắn, linh mục sẽ ngồi xuống và “nhai” các bài đọc lời chúa trong ngày. Linh mục sẽ muốn suy tư xem các bài đọc sẽ âm vang thế nào trong đời sống của chính mình, cũng như trong đời sống của cộng đoàn của mình. Nghiên cứu thêm về những tài liệu của

các học giả Kinh Thánh, cũng như làm thêm một số công việc nghiên cứu về các bản văn thì vẫn luôn hữu ích và đáng khích lệ. Những bản chú giải kinh thánh là những nguồn liệu tốt cho mục đích này. Nhưng điều lưu ý là điều hàng ngày linh mục “ăn vào mình” lời của Thiên Chúa. Linh mục luôn kiên định nỗ lực tìm hiểu những giá trị của xã hội, một số thì tốt, phần nhiều không mấy tốt. Nếu như ngài không phải là muối đã bị lạt, ngài cần chiến đấu với những ảnh hưởng này với những liều lượng hàng ngày của trái tim và tư tưởng của Chúa Giêsu.

Một trong những cách thức đặc thù mà linh mục ghiền gắm và cầu nguyện với kinh thánh là hàng ngày linh mục trung thành đọc kinh chính thức của Giáo Hội, Phụng vụ các Giờ Kinh. Trong nghiên cứu đề cập trước đây, các linh mục được hỏi các ngài đọc Phụng vụ các Giờ kinh thường xuyên như thế nào. Thật đáng buồn, chỉ có 52,8% đã nói rằng họ đã đọc tất cả hoặc là hầu như tất cả mỗi ngày. Điều này thật bất hạnh. Một lần nữa, hầu như nhiều linh mục không đọc Phụng vụ các Giờ kinh bởi vì họ chưa có cảm nghiệm cá nhân sâu xa về sức mạnh ân sủng của việc cầu nguyện này. Nếu họ đã cảm nghiệm, họ sẽ rất miệt cưỡng để bỏ không đọc bất cứ giờ kinh nào. Nhưng nhiều người đã bỏ đọc kinh Thần vụ nói rằng họ quá bận rộn, hay là việc đọc kinh như thế chẳng sinh lợi ích gì cho họ, hay là Kinh Thần vụ chỉ có ý nghĩa khi đọc chung với cộng đoàn.

Phụng vụ các Giờ kinh mang một hiệu quả đặc biệt. Khi các linh mục đọc các giờ kinh, ngài tham dự vào việc cầu nguyện chính thức của Thân mình Đức Kitô và linh mục trở thành cả Giáo hội đang cầu nguyện. Hơn là một sự bắt buộc, nó là một ân huệ và một ân sủng. Nhưng sự nhận thức này không bắt đầu chỉ qua một đêm. Với tôi, mất cả mười năm đọc

kinh Thần vụ trước khi tôi có thể “nắm cảm” sự nuôi dưỡng và trở nên ý thức về ân sủng của nó. Tôi nghĩ rằng nhiều linh mục không để cho Phụng vụ các Giờ kinh có cơ hội như thế. Nó có thể mất nhiều năm. Hãy đừng chịu thua!

Qua việc hàng ngày nhai lời Chúa, trong nguyện ngắm và cầu nguyện bao gồm cả Phụng vụ các Giờ kinh, và với việc lãnh nhận hàng ngày mình và máu Đức Kitô, một linh mục trung thành sẽ dần dần được biến đổi. Cha sẽ mặc lấy cõi lòng và tư tưởng của Đức Kitô, và thật sự sẽ trở thành sự hiện diện sống động của Đức Kitô. Cha có thể nói với Thánh Phaolô: “Phải, tôi sống nhưng không phải là tôi sống, nhưng là Đức Kitô sống trong tôi.” (Gal 2:20).

Một Giờ Cầu Nguyện Mỗi Ngày

Tôi đặc biệt đề nghị một giờ thánh mỗi ngày, đó là dành một giờ chiều trước Thánh Thể. Đây là một đề nghị nổi tiếng của Đức Tổng Giám Mục Fulton Sheen. Tôi thấy đây là một điều vô giá. Nếu như một linh mục thấy mình không thể cầu nguyện một giờ liền thì hai lần nửa tiếng có thể chấp nhận được. Khi bắt đầu, nó có thể là một chút nản chí khi cố gắng làm một giờ thánh. Đối với một số người tốt nhất là bắt đầu với 20 hay 30 phút cầu nguyện riêng nghiêm chỉnh mỗi ngày. Nhưng cuối cùng, sau cùng người đó cũng muốn cầu nguyện dài hơn, để kết hợp thành một giờ thánh.

Các linh mục đôi lần hỏi tôi điều gì họ nên làm trong giờ thánh này. Chúng ta trở về với ý niệm cơ bản là chúng ta phải sử dụng bất cứ loại cầu nguyện gì làm cho chúng ta cầu nguyện tốt nhất. Một số người cầu nguyện bằng việc đọc Phụng vụ

các Giờ kinh. Một số người khác thì nguyện ngắm trong thình lặn hay là lần hạt. Một số thì mở lòng ra với Chúa và diễn tả những cảm giác và quan tâm sâu xa nhất của họ với Chúa. Một số người khác nữa thì suy gẫm trực tiếp với lời Chúa. Tôi sử dụng sự kết hợp của những hình thức cầu nguyện này, như hầu hết nhiều người cầu nguyện. Điểm then chốt là hiện diện với Chúa trong một khoảng thời gian như thế.

Tôi biết rất nhiều, và có lẽ tất cả các linh mục đọc lời đề nghị này ngay lập tức suy nghĩ: “Đây là một ý kiến hay, nhưng tôi không có thời gian cho một giờ thánh mỗi ngày. Tôi có quá nhiều thứ phải làm.” Tôi đáp lại bằng một lời hứa. *Tôi hứa với bạn rằng nếu bạn làm một giờ thánh mỗi ngày, đời sống của bạn sẽ hoàn thành tốt hơn nhiều, chứ không phải ít hơn đâu.* Các công việc mục vụ của bạn sẽ sinh hoa trái hơn nhiều, thậm chí đối với công việc mục vụ giáo xứ bạn rộn. Chân lý của lời hứa này âm vang trong tâm hồn chúng ta. Thiên Chúa là nguồn mạch và là người sinh động đời sống và đời linh mục của chúng ta. Chính ngài sẽ làm cho nó sinh hoa kết trái. Làm một giờ thánh cầu nguyện mỗi ngày đặt chúng ta trực tiếp trong bàn tay của Chúa. Đây là một hành động đức tin. Tín thác vào Chúa. Hãy thử nó.

Những Nhận Định Kết Luận

Một linh mục không cầu nguyện riêng, và không được nuôi dưỡng bằng lời Chúa sẽ thấy thành quả của sức lao công của mình giới hạn, và công việc mục vụ của ngài thiếu chiều sâu. Ngài cũng sẽ dễ bị mắc phải những vấn đề cá nhân. Căn nhà của ngài không phải là căn nhà được xây trên nền đá, nhưng là nơi trú ẩn được đặt trên cát. Và chắc chắn, như nó xảy ra cho

mọi cuộc sống, gió bão sẽ ập tới. Trong khi tôi không muốn đổ cho việc mắc phải vấn đề cá nhân là thiếu đời sống thiêng liêng, nhưng nó có một sự gắn kết chặt chẽ giữa chúng. Không phải ngẫu nhiên mà có một châm ngôn của Alcoholics Anonymous: “Đời sống thiêng liêng là thứ đầu tiên ra đi và cũng là thứ cuối cùng quay lại.» Khi đời sống thiêng liêng của chúng ta đau khổ và bắt đầu hư hỏng, mọi thứ khác của đời sống chúng ta cũng sẽ không tồn tại lâu.

Mục vụ cầu nguyện là một công việc nền tảng của linh mục. Chúng ta bắt đầu công việc phục vụ của chúng ta cho dân chúng bằng việc cầu nguyện cho họ. Bộ Giáo Luật nhìn nhận sự quan trọng của cầu nguyện khi nó nhấn mạnh rằng một trong các Thánh lễ mỗi Chúa Nhật được cha xứ dâng “*pro populo*,” cầu nguyện cho giáo dân (Can 534). Như thế, tôi tin rằng một công việc nền tảng của giám mục là cầu nguyện cho giáo dân của giáo phận ngài. Nó không phải là trùng hợp khi dân chúng thường nói với các linh mục của họ rằng: “Cha ơi, xin cha cầu nguyện cho con.” Nó là một lời xin mà chúng ta không nên coi nhẹ hay bỏ qua. Chúng ta phải nghiêm chỉnh chu toàn lời xin cao thượng này.

Dân chúng muốn các linh mục của họ là những con người cầu nguyện. Họ muốn một người nào đó liên hệ với Thiên Chúa toàn năng của họ. Họ muốn một người có đôi mắt và nét mặt tỏa ra ân huệ của Thiên Chúa, và con tim tràn đầy bình an. Họ muốn một linh mục yêu thương họ và tha thứ cho họ, như là Thiên Chúa yêu thương và tha thứ cho họ. Linh mục chỉ có thể làm được như thế nếu như cha có được đầy tràn Thánh Thần. Cha chỉ có thể làm được như thế nếu như cha là một con người cầu nguyện. Nhưng điều này không phải sẽ xảy ra sau

một năm hay hai năm hay là năm năm. Nó sẽ là hoa trái của cả một đời sống cầu nguyện và trung thành phục vụ. Nó là một sự thay đổi chậm chạp và tinh tế nhiều lúc chính vị linh mục cũng khó có thể nhận ra hoàn toàn điều gì Thiên Chúa đang thực hiện trong tâm hồn mình.

Cầu nguyện là một hành vi đức tin. Nó là một khẳng định đơn giản rằng Thiên Chúa chịu trách nhiệm chứ không phải chúng ta. Cầu nguyện cũng là một cách thức quan trọng để Thiên Chúa phủ đầy chúng ta với sự hiện diện thần linh của Ngài. Cuối cùng, sau nhiều năm trung thành cầu nguyện, chúng ta sẽ biết rằng Thiên Chúa sẽ lấp đầy tâm hồn chúng ta với sự hiện diện ngọt ngào của Ngài. Như Thánh Augustino đã biết, Thiên Chúa chạm tới chúng ta và chúng ta nếm cảm Ngài. Bây giờ chúng ta đói Ngài hơn nữa. Dân chúng muốn những con người cầu nguyện và những con người của Thiên Chúa như thế. Chúng ta bắt đầu và kết thúc hành trình này trong cầu nguyện bởi vì hành trình của chúng ta bắt đầu và kết thúc với Thiên Chúa.

CHƯƠNG 4

LINH MỤC NHƯ NGƯỜI BẠN CỦA THIÊN CHÚA: SỰ TRANH ĐẦU CHO CĂN TÍNH LINH MỤC NGÀY NAY¹²

“Như Chúa Cha đã sai thầy, thì thầy cũng sai anh em.” Nói xong, Người thổi hơi vào các ông và bảo: “Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần. Anh em tha tội cho ai, thì người ấy được tha; anh em cầm giữ ai thì người ấy bị cầm giữ.”

Ga 20: 21-23

Vào một buổi sáng Chúa Nhật cách đây ít năm, một cha xứ mới được bổ nhiệm đi về giáo xứ rộng lớn của mình lần đầu tiên. Trong khi cha xứ đang mặc áo lễ để làm lễ Chúa Nhật trong phòng áo, thì vị trưởng nhóm các thừa tác viên cho rước lễ đang phân chia các nơi cho rước lễ cho các thừa tác viên khác. Sau khi đã phân công các nơi cho các thừa tác viên người đòi xong, người thừa tác viên trưởng đã nhìn cha xứ mới và nói với một giọng nói mà cả phòng thánh có thể nghe được, ông đã nói rằng: «Cha ơi, cha sẽ cho rước lễ chỗ ca đoàn.» Ông lại nói thêm: «Phân chia như vậy để mọi người thấy là không có sự khác biệt gì giữa linh mục và những người khác.»

Những từ ngữ như trên của vị trưởng thừa tác viên cho

12 Hiệu đính và tái bản bài báo của Stephen J. Rossetti, “Tìm kiếm Canh tân về Căn tính Linh mục,” *Phát triển Nhân bản* 23, no. 2 (Mùa Hè 2002), tr. 38-42.

rước lễ đã vang vọng và tiếp tục vang vọng trong những năm gần đây như là một câu thần chú trong Giáo Hội Công Giáo: “Không có gì khác biệt giữa linh mục và những người khác.” Với câu khẳng định như thế thường lập đi lập lại, không ngạc nhiên gì một số linh mục nói về một sự khủng hoảng căn tính. Thật sự, nếu linh mục không có gì khác biệt, thì nó phải kéo theo là chúng ta không có căn tính riêng biệt.

Có nhiều dấu chỉ cho thấy sự đấu tranh như thế cho căn tính linh mục đang diễn ra. Ít năm trước đây, tại hội nghị Công Giáo quốc gia tập trung về đề tài linh mục, hầu hết các cuộc thảo luận xoay quanh vấn đề gánh nặng mục vụ ngày càng gia tăng, và ngày càng nhiều linh mục già cả cũng như số linh mục ngày càng ít đi. Vào cuối buổi họp tập trung, một trong các linh mục đại biểu đã nói rằng: “Tôi có thể chấp nhận thêm công việc; nhưng điều tôi không thể chấp nhận là sự mâu thuẫn trong tư tưởng về câu hỏi tôi là ai.” Nó là một nhận xét gây sửng sốt khiến cho cả phòng trở nên yên lặng hoàn toàn. Nếu như kinh nghiệm của linh mục này là đại diện cho kinh nghiệm của linh mục trong phạm vi lớn hơn, thì đây thật là một vấn đề lớn hơn là con số các linh mục giảm, hay là việc gia tăng số lượng công việc, thì nó thật là một nhu cầu cần vạch ra và ghi khắc về căn tính linh mục. Quả thật, trong hội nghị của những người lãnh đạo của các hội đồng các linh mục nói Tiếng Anh gần đây, phần đa các bài huấn đức ưu tiên về sự thách đố đương thời về căn tính linh mục.

Một dấu chỉ khác nữa mà tôi tin về sự tranh đấu cho căn tính linh mục đó là khuynh hướng gần đây của một phần các linh mục mới được thụ phong. Một phần trăm đáng kể của các linh mục trẻ xuất hiện với sự gắn kết mạnh mẽ với những

dấu chỉ bên ngoài của linh mục. Ví dụ, một số linh mục mặc áo chùng thâm và mũ giáo sỹ; một số thậm chí còn mặc cả áo choàng. Một số linh mục trẻ gọi nhau ở những nơi riêng tư một cách rất trang trọng như là “Cha,” mặc dù họ là bạn bè với nhau. Tôi tin rằng những dấu chỉ bên ngoài nơi ơn gọi của một người thì tốt và tôi ủng hộ điều này. Tuy nhiên, cùng lúc đó những hành xử như thế này của một số giáo sỹ trẻ gây ra như là một hiện tượng bất thường, và hiện tượng này đáng để suy tư chú ý.

Thay vì ca ngợi hay là phê phán hành vi như thế, trước hết chúng ta có lẽ nên cố gắng hiểu nó. Hành vi như thế nói với chúng ta điều gì về linh mục ngày nay? Một giải thích có thể là sự nhấn mạnh về những dấu hiệu bên ngoài của linh mục có thể là một phản ứng cho việc thiếu căn tính bên trong nơi các linh mục của chúng ta. Hành xử như thế này cũng có thể là một sự diễn tả vô thức mạnh mẽ về nhu cầu khám phá một cảm thức bên trong về câu hỏi linh mục là ai.

Trong khi chúng ta sử dụng những dấu chỉ bên ngoài về linh mục có thể làm cho tiến trình này dễ dàng, những dấu chỉ như thế sẽ không hoàn toàn hiệu quả trừ khi các linh mục chúng ta, cũng như người đời có thể bổ xung cho những dấu hiệu bên ngoài này với một sự tương ứng bên trong về căn tính độc nhất của linh mục.

Thuyết chống Giáo sỹ theo sau là Thuyết ủng hộ Giáo sỹ

Nếu như gần đây linh mục đau khổ vì sự rối loạn về căn tính, trong tư tưởng của cả các linh mục cũng như người đời, bước đầu tiên để giải quyết sự rối loạn này là khám phá về sự

phát sinh của nó. Sự rối loạn này đã phát sinh như thế nào? Hai nguyên nhân có thể có liên nầy ra...

Trước hết, chúng ta đang ở trong giai đoạn của thuyết chống giáo sỹ, trong đó đoàn sủng linh mục đang bị làm cho mất uy tín. Tôi đã nghe từ một sử gia nổi tiếng về Giáo Hội Đức ông John Tracy Ellis nói rằng, mỗi giai đoạn của sự bài trừ giáo sỹ trong lịch sử Giáo Hội đều đã có trước đó một giai đoạn ủng hộ giáo sỹ. Quả thật, giai đoạn hiện tại của chúng ta là bài trừ giáo sỹ đã vừa qua một giai đoạn ủng hộ giáo sỹ. Ví dụ, trong thời kỳ vừa qua, dân chúng đã tin tưởng rằng linh mục thì tốt hơn những người khác.

Bởi vì người ta nghĩ linh mục thì tốt hơn những người khác, điều này dẫn tới những sự tin tưởng sai lầm như là linh mục thì không bị những vấn đề tâm lý, và không vướng vào những khó khăn của con người thế tục. Nhiều người cũng cho rằng các linh mục sẽ không phải đau khổ với sự thất vọng, hay lo âu, hay là những loại đau buồn về những vấn đề hành xử. Vì thế, khi những luận điệu về hành vi sai trái, cũng như những khuyết điểm tâm lý xảy ra một cách công khai, ban đầu một số giáo dân sẽ có thái độ hoài nghi: “Làm sao điều này có thể xảy ra?” một số có thể không tin vì, “Ông ta là một linh mục!” Sau những luận điệu về sự hành xử không đúng đắn của linh mục được đưa ra trên các phương tiện truyền thông, ý tưởng sai lầm rằng các linh mục thì vượt trên những vấn đề con người thì hoàn toàn bị đánh bại.

Ngày nay, sự nguy hiểm đang đi tới chỗ thái cực ở chiều ngược lại, nó cho rằng các linh mục thì có tâm lý yếu và có nhược điểm hơn so với người đời, người đời “sống một đời

sống cân bằng hơn.” Gần đây, tôi đã nghe một số người nói bóng nói gió như thế, cả ở trong nơi riêng tư cũng như trên truyền thông. Một khẳng định ngày nay cho rằng linh mục nam Công Giáo Rôma độc thân là khiếm khuyết và không bình thường. Trong một bầu không khí như thế, không khó để hiểu vì sao một sự gièm pha về linh mục đã xảy ra đồng thời cùng sự suy giảm căn tính linh mục.

Bình Đẳng Không Có Nghĩa Là Giống Nhau

Một trong những câu thần chú trong thời đại chống lại giáo sỹ hiện tại đó là câu khẳng định: “Các linh mục cũng chẳng có gì khác hơn những người khác.” Chính xác đây là câu mà ông trưởng các thừa tác viên cho rước lễ đã thốt lên khi yêu cầu cha xứ mới cho rước lễ ở chỗ ca đoàn. Rõ ràng nó là một phản ứng chống lại thứ bậc của các ơn gọi trong thời kỳ vừa qua. Công Đồng Vatican II đã nói về một ơn gọi phổ quát tới sự thánh thiện. Xã hội của chúng ta nắm lấy sự bình đẳng của tất cả mọi người như là giá trị thánh thiêng. Điều này thì tốt.

Tuy nhiên, ở Hoa Kỳ, sự bình đẳng thường được xem như là giống nhau. Chúng ta chống lại sự phân biệt trong mọi hình thức của nó, và mãnh liệt khẳng định rằng tất cả đều bình đẳng. Vì thế, nhiều người kết luận rằng “chẳng có gì khác biệt giữa linh mục và những người khác,” bởi vì chúng ta tin rằng tất cả đều bình đẳng và vì vậy chúng ta phải giống nhau.

Quả thật, Thiên Chúa đã tạo dựng tất cả mọi người đều bình đẳng. Nhưng sự bình đẳng của họ *không* xuất phát từ việc họ giống nhau. Quả thật, có nhiều những sự khác biệt. Một số người thì khôn ngoan hơn những người khác; một số thì có

màu da khác nhau; và chúng ta cũng thường phải đối diện với những khác biệt dựa trên giới tính.

Cả hai giới tính đều bình đẳng, nhưng chúng không giống nhau. Một số sự khác biệt về tâm lý và thần học sẽ được đào sâu trong Chương Bảy. Khác biệt về giới tính đưa tới những vai trò khác biệt. Ví dụ, những sự khác biệt về tâm lý tạo cho phụ nữ một vai trò biệt loại để sinh con cái. Theo thần học, Giáo Hội Công Giáo đã nói thẳng thắn và kiên định rằng linh mục được chịu chức là vai trò của nam giới. Không phải vai trò làm cho giới tính này tốt hơn giới tính kia, nhưng chúng khác nhau.

Xuyên suốt trong Kinh Thánh chúng ta thấy dẫn chứng về một số người nam và người nữ được kêu gọi tới những mối liên hệ độc nhất với Thiên Chúa, không phải vì họ tốt lành hơn những người khác, nhưng đơn giản là bởi vì Thiên Chúa đã chọn họ. Ví dụ, các ngôn sứ lập đi lập lại sự khẳng định rằng họ chu toàn nhiệm vụ ngôn sứ như là người đặc biệt nói thay Thiên Chúa, bởi vì chính Thiên Chúa là người đã chọn họ. Tiên tri Amos đã nói: «Tôi không phải là một ngôn sứ...tôi chỉ là người chăn nuôi súc vật và chăm sóc cây sung. Chính Đức Chúa đã bắt lấy tôi khi tôi đi theo sau đàn vật, và Đức Chúa đã truyền cho tôi: Hãy đi tuyên sấm cho Israel dân ta.» (Am 7: 14-15). Amos đã là một ngôn sứ bởi vì Đức Chúa đã chọn ông. Cũng như thế, Thiên Chúa đã chọn những con người thần bí vĩ đại như là Jullian of Norwich, và Catherine of Siena để nhận lãnh ân sủng thần bí đặc biệt. Họ được mạc khải những điều này để chia sẻ với những người khác. Trong mắt Thiên Chúa, tất cả chúng ta đều bình đẳng, mặc dù rõ ràng tất cả chúng ta *không* giống nhau, và Thiên Chúa cũng *không* tuân đổ những

ân sủng giống nhau trên mọi người.

Nếu các linh mục chúng ta tìm lại được ý nghĩa của chính căn tính chúng ta, chúng ta phải tránh câu thần chú rằng các linh mục thì giống như mọi người khác. Trong khi rõ ràng chúng ta là con người, và vì thế chúng ta vốn dễ bị sai sót bởi vì tội, như chúng ta đã được nhắc nhở một cách thương đau trong những năm gần đây, thật sự linh mục thì khác biệt và linh mục mang một ân sủng độc nhất và mãnh liệt cho sự tốt lành của Dân Chúa. Linh mục có căn tính riêng của nó để hình thành nên linh mục, và cống hiến một quà tặng độc nhất và cần thiết cho Giáo Hội. Cùng lúc đó, chúng ta phải thêm ngay rằng điều này không làm cho con người của linh mục trở nên tốt hơn những người khác; nhưng nó thật sự làm cho chúng ta khác biệt.

Một Giáo Hội Sáu Bí Tích

Có một chiều hướng thứ hai cũng góp phần làm cho câu thần chú như sau nổi lên: “Các linh mục chẳng có gì khác biệt với những người khác.» Chiều hướng này là về sự khôi phục lại tính trung tâm của bí tích Rửa tội.

Thời kỳ sau Công Đồng Vatican II, bí tích Rửa tội đã tìm thấy vị trí đúng đắn của nó như là trung tâm của đời sống Kitô hữu. Bí tích Rửa tội bắt đầu đời sống của Đức Kitô nơi các cá nhân, và cũng từ bí tích này mà toàn bộ đời sống Kitô hữu sẽ được xây dựng.

Như kết quả của nó, chân lý về “chức tư tế của giáo dân” đã được nhấn mạnh. Tất cả chúng ta đều là “tư tế” và vì vậy

được kêu gọi chia sẻ trong cùng một chức vụ tư tế của Đức Giêsu Kitô. Như một kết luận tự nhiên, công việc của mọi người đã được rửa tội được nhấn mạnh. Tất cả mọi người giáo dân được mời gọi chia sẻ công việc của Chúa Giêsu. Như là kết quả của nó, đã có một sự nở rộ cần thiết về những công việc mục vụ của người đời, và sự gia tăng vai trò tích cực của người đời trong Giáo Hội. Đây là ân sủng cho toàn thể Dân Chúa.

Tuy nhiên, như chúng ta đã ý thức nhấn mạnh về chức vụ tư tế của tất cả giáo dân, và nhiệm vụ đúng đắn của họ trong sự tiếp tục công việc của Chúa Giêsu, một cách không cố ý chúng ta lại không nhấn mạnh về chức linh mục thừa tác. Một số linh mục lại đang gặp khó khăn trong việc hiểu biết rõ ràng về các vai trò đúng đắn của họ vì rất nhiều công việc trước đây họ làm bây giờ được người đời thay thế. Và sự bối rối này về linh mục cũng hiện diện nơi người đời giống như là nó hiện diện nơi các linh mục.

Giáo Hội ngày nay dường như là Giáo Hội của sáu bí tích, chứ không phải bảy. Sáu bí tích được rao giảng và dạy dỗ, nhưng sự độc đáo và hiệu quả của bí tích Truyền Chức Thánh thì hiếm khi được nhắc đến. Trong một nỗ lực nhấn mạnh về bí tích Rửa tội và chức tư tế phổ quát của Chúa Giêsu, chân lý về bí tích Truyền Chức hoàn toàn bị phai nhạt trong ý thức của giáo hội.

Tôi tin rằng sự hiểu biết này về chức tư tế phổ quát của Chúa Giêsu thì quan trọng, cũng như là nhiều việc mục vụ của người đời. Không chỉ Giáo hội cần những thừa tác viên người đời, nhưng đây là điều đúng đắn đối với họ. Tuy nhiên, sự phát triển cần thiết này không phải xảy ra thế chỗ cho chức tư tế

thừa tác. Cả hai cần cùng hiện hữu, và cùng liên kết với nhau; cả hai là thiết yếu cho đời sống của Giáo hội.

Cả hai chức vụ tư tế, tư tế phổ quát và tư tế thừa tác không chỉ là khác nhau về mức độ. Không phải là một chức vụ này có nhiều hơn một chút về chức vụ tư tế hơn chức vụ kia. Nhưng nó khác nhau ở chủng loại. Cả hai đều chia sẻ chức vụ tư tế của Chúa Giêsu, nhưng họ chia sẻ trong những cách thức khác nhau, và họ có những căn tính khác nhau. Họ không giống nhau.

“Thưa Cha, Xin Cha Cầu Nguyện Cho Con”

Đây là thời gian cho chúng ta khôi phục ý nghĩa đúng đắn của bí tích Truyền Chức. Nó thì quan trọng cho chúng ta tái khám phá căn tính của linh mục, không phải chỉ cho các linh mục, nhưng vì sự tốt đẹp cho cả Giáo Hội. Chúng ta phải khẳng định rõ ràng rằng, mặc dầu chúng ta, những linh mục chúng ta không tốt hơn những người khác, nhưng đoàn sủng của chúng ta thì rõ ràng là khác biệt. Và nó thích hợp cho chúng ta bắt đầu nêu ra một số điều khác biệt như thế nào. Một câu hỏi nổi lên: “Chúng ta có thể bắt đầu từ đâu để tìm ra căn tính linh mục độc đáo này?”

Một điểm để bắt đầu cuộc tìm kiếm này là trong một kinh nghiệm đơn sơ mà mỗi linh mục đều có ngày này qua ngày khác. Một người trong giáo dân sẽ nói với chúng ta với trọn con tim chân thành và tha thiết: “Cha ơi, xin cha cầu nguyện cho con.” Nếu như một người đồng ý với câu thần chú: “Linh mục chẳng có gì khác biệt với những người khác,” thì lời xin cầu nguyện thật là vô nghĩa. Trong trường hợp đó, vị linh mục

có thể một cách công bằng đáp lại rằng: “Lời cầu nguyện của tôi có gì tốt đâu? Hãy đi mà tự cầu nguyện đi.” Tôi đã nghe có những linh mục đã trả lời một cách vô tình như thế. Nhưng ngày qua ngày, tuần qua tuần, trong các giáo xứ, các trường học, và các bệnh viện trên khắp thế giới, các linh mục được tìm kiếm để cầu nguyện cho hàng loạt những ý nguyện của dân chúng như thế. Tại sao rất nhiều người đòi xin chúng ta cầu nguyện cho họ như thế?

Phải chăng chúng ta được cho là thánh thiện hơn họ chăng? Có thể là một số người vẫn tin rằng linh mục thì cần thiết thánh thiện hơn, và vì thế điều này có thể là tàn tích chết dần của thời kỳ ủng hộ giáo sỹ trước đây. Nhưng, tôi nghĩ rằng thực tại thì lớn lao hơn và có ý nghĩa lâu bền và đúng đắn hơn.

Chân lý là dân Chúa tin tưởng và mong đợi rằng linh mục có một mối liên hệ đặc biệt với Thiên Chúa. Tôi tin rằng họ mong đợi linh mục là một phần của “vòng trong,” hay là một loại của “bạn của Thiên Chúa.” Trong thời đại La Mã, có một nhóm người được biết như là “Những bạn hữu của Caesar.” Pontius Pilate đã xuất hiện như là có một nét đặc biệt thuộc về nhóm này (Jn 19:12). Trong thời kỳ đế quốc thời xưa, một người bạn của hoàng đế thường là người nào đó đại diện chính thức cho hoàng đế.¹³ Có lẽ, những người bạn như thế có một cơ hội đặc biệt để đến với người quan trọng này. Trong cách thức tương tự, giáo dân mong đợi các linh mục của họ là những người đại diện chính thức, nay một cách đặc biệt là «Bạn của Thiên Chúa.»

13 Raymond E. Brown, *Tin mừng theo Thánh Gioan XIII-XXI*, The Anchor Bible Series (Garden City, New York: Doubleday & Company, Inc. 1987), tr. 879.

Khi giáo dân cần và không còn hy vọng được Chúa nghe lời, họ sẽ tìm kiếm một linh mục hay những người khác chuyển cầu cùng Chúa cho họ. Giáo Hội Công Giáo, trong khi cổ vũ mọi người hãy có mối liên hệ trực tiếp và cá nhân với Chúa, vẫn luôn khích lệ và sử dụng những người trung gian. Chúng ta vẫn thường xuyên cầu xin sự trợ giúp của Mẹ Maria cũng như các Thánh chúng ta thích. Trong khi thật hiếm nhắc tới việc giáo dân cầu xin với cha mẹ, hay những người thân yêu của họ đã qua đời để xin họ chuyển cầu hay trợ giúp. Tôi nghĩ, đây là một việc thực hành tốt của người giáo dân. Trong khi tất cả chúng ta đều nuôi dưỡng một mối liên hệ gần gũi và cá nhân với Chúa, đạo của chúng ta thì không phải chỉ đơn giản là cá nhân cũng như chiều dọc với Chúa; vai trò của cộng đoàn và của những người lãnh đạo thiêng liêng là quan trọng. Chúng ta thường xin người khác giúp đỡ, đặc biệt những ai có thể có sự giúp đỡ đặc biệt.

Như đã lưu ý ở chương trước, vai trò nền tảng của linh mục là cầu nguyện cho dân chúng. Nếu như Thiên Chúa là nguồn mạch của mọi ân sủng và phúc lành, và nếu linh mục được gọi là “Bạn của Chúa,” thì một phần thiết yếu của việc mục vụ của linh mục là chuyển cầu với Chúa cho cho dân mình.

Đức Tổng Giám Mục Dolan, trong tác phẩm tuyệt vời *Các Linh mục cho Thiên niên kỷ Thứ ba*, đã kể lại một câu chuyện về những ngày đầu đời linh mục của ngài minh họa cho chân lý này. Một lần ngài được mời vào nhà thương để thăm một người đàn ông hơn sáu mươi tuổi đang chuẩn bị trải qua một ca phẫu thuật nguy hiểm đến tính mạng. Người đàn ông này đang phân chia công việc cho các con của ông có mặt trong phòng bệnh viện. Người thì lo lắng chu toàn di chúc của ông;

người thì lo lắng các công việc thương mại của ông; người thứ ba thì được trao phó lo lắng cho vợ ông ta. Lúc này, cha Dolan đã hỏi: «Còn tôi, tôi sẽ làm gì?» Câu trả lời thật nhanh và đầy ý nghĩa: «Ngay lập tức mười hai con mắt nhìn trừng trừng vào tôi, tất cả đều ngạc nhiên vì tôi đã hỏi như thế... rồi người cha đã nhanh chóng trả lời: <tại sao, thưa cha, dĩ nhiên cha cầu nguyện!> - khi tất cả các người con gật đầu đồng ý, đã ngạc nhiên vì tôi đã hỏi.»¹⁴

Một cách cá nhân, tôi bị thuyết phục về sự quan trọng chính yếu của mục vụ của chúng ta là cầu nguyện, và mỗi sáng tôi bắt đầu ngày mới bằng việc cầu nguyện cho những người tôi phục vụ, đặc biệt trong kinh nguyện hiệu quả nhất là Thánh lễ. Nó là công việc quan trọng nhất của tôi. Nó là điều dân Chúa thường xin tôi làm cho họ nhất. Ngày này qua ngày khác, họ nói: “Thưa cha, xin cha cầu nguyện cho con.”

Sự Hiện Diện Của Linh Mục Như Là Ân Sủng

Tôi gọi nhớ một lần trong nhóm các linh mục trong kỳ họp thường niên hàng năm, và chúng tôi các linh mục được mời gọi đề có một tình bạn đặc biệt với Chúa. Lúc đó, trước toàn thể các linh mục, một linh mục đã phàn nàn: “Các anh nói rằng một linh mục thì tốt hơn những người khác à?” Lại một lần nữa chúng ta thấy một cách khác của câu thần chú hiện đại xuất hiện: “Các linh mục chẳng có gì khác biệt với những người khác.”

14 Timothy M. Dolan, *Linh mục cho Thiên niên kỷ thứ Ba* (Huntington, Indiana: Our Sunday Visitor, 2000), tr. 225.

Một người có thể đáp lại thách thức đó như thế nào? Một tư tưởng đã đến, tôi đã chia sẻ với tất cả những người đang tập hợp rằng, Kinh Thánh đã cho chúng ta một mô hình rất rõ ràng liên quan đến vấn đề này. Chúa Giêsu đã yêu mến hết mọi người, và đã kêu gọi mọi người đến hưởng ơn cứu độ. Tuy nhiên, đã có mười hai người đàn ông với họ Chúa Giêsu đã có một tình bạn gần gũi đặc biệt. Ngài đã kêu gọi họ đi vào một tình bạn đặc biệt với Ngài mà những người khác không có được. Trong ba năm, Ngài đã cùng đi với họ, cùng ăn với họ, và nói với họ thẳng thắn chứ không bằng dụ ngôn. Họ không phải được chọn vì họ tốt hơn những người khác. Quả thật, chúng ta không biết tại sao Chúa Giêsu lại chọn họ trong những người khác, và Kinh Thánh rõ ràng bối rối về những thiếu sót của các tông đồ, nhưng đó là chọn lựa của Chúa. Chúa Giêsu đã ban cho họ một loại tình bạn thân mật mà Ngài không ban cho những người khác.

Ngày nay cũng không khác gì. Chúng ta, các linh mục cũng không tốt hơn những người khác, nhưng chúng ta được Chúa Giêsu kêu gọi để có một tình bạn đặc biệt với Ngài, và vì thế có một tình bạn đặc biệt với Thiên Chúa. Dân chúng mong đợi một tình bạn như thế, và nói thật, chúng ta các linh mục chúng ta cũng hy vọng có mối liên hệ như thế. Chúng ta thành khẩn khao khát trở thành những người bạn của Chúa.

Rồi không phải ngẫu nhiên, mà phần đa công việc của linh mục làm trong công việc mục vụ đơn giản là hiện diện. Linh mục được mời tới những buổi tiếp tân, tới những trận chơi banh, những bữa tiệc tối, và đi dạo. Linh mục bỏ ra nhiều ngày để thăm viếng bệnh nhân cũng như nhà giáo dân, các trường học, cũng như các nhà dưỡng lão. Linh mục nói những lời an

úi; linh mục cử hành các bí tích; nhưng trên hết và điểm quan trọng then chốt là ngài hiện diện. Bởi vì sự hiện diện của linh mục giáo dân cảm thấy được chúc lành.

Nên nói thêm rằng, trong thời gian ngày càng gia tăng những đòi hỏi và số lượng linh mục đang ít hơn, các linh mục thiết yếu sẽ hiện diện trong ít dịp tập hợp hơn. Thật là một vấn đề cho vị linh mục cân nhắc xem những khi nào ngài tham dự có hiệu quả và khi nào ngài không tham dự. Thật ra, đơn giản sự hiện diện của ngài trong giáo xứ, và ngài đơn giản thấy rằng tham dự một số sự kiện được chọn lựa kỹ thì hơn là cả một danh sách hoạt động chồng chất.

Giáo dân nhìn nhận sự hiện diện của linh mục ở giữa họ như là nguồn mạch của ân sủng. Sự tin tưởng của họ nơi chúng ta nên khích lệ chúng ta đặt tay trên họ khi họ lâm bệnh và cầu nguyện cho họ được ơn chữa lành. Sự tin tưởng của họ nên gợi hứng cho chúng ta cầu nguyện cho họ. Chúng ta không nên ngại ngần nói trước đám đông câu nói được kính chuộng “Xin Chúa chúc lành cho anh chị em.”

Linh mục là một loại bí tích với chữ “b” nhỏ. Như là bạn của Thiên Chúa và là người đại diện chính thức, được Giáo Hội truyền chức, chúng ta đại diện cho cái gì là thánh thiện, và có nghĩa là máng chuyển ân sủng, thường trong những cách thức thậm chí chúng ta cũng không nhận ra. Trong khi ý thức về những lỗi phạm và giới hạn của con người chúng ta, sự hiện diện của linh mục là nguồn ân sủng cho cộng đoàn chúng ta được sai tới. Chân lý này dễ bị làm mờ đi bởi hoạt động thái quá và nhiều thứ nơi các linh mục ngày nay, một nguy hiểm đáng nói. Nếu các linh mục cảm thấy rằng họ phải liên tục

làm việc và thực hiện các chương trình, thì có khả năng họ đang đánh mất một chân lý sâu xa hơn: Thiên Chúa là nguồn mọi ân sủng, và công việc quan trọng nhất của chúng ta là để cho Chúa chiếu tỏa qua chúng ta. Chúng ta nên thường kêu cầu phúc lành của Chúa cho chính chúng ta và cho tất cả mọi người. Trước hết chúng ta nên chu toàn ơn gọi của chúng ta là “những người bạn của Chúa.” Kinh thánh nhắc nhở chúng ta rằng trước hết nhóm mười hai đã có ba năm sống với Chúa Giêsu rồi sau đó mới ra đi làm mục vụ cho dân chúng.

Các Khía Cạnh Của Tình Bạn Với Thiên Chúa

Một linh mục có thể hỏi: “Tình bạn với Thiên Chúa có ý nghĩa là gì đối với tôi? Có một mô hình nào cho tình bạn này không?” Bản chất của tình bạn như thế được nhìn một cách tốt nhất nơi đời sống của các tông đồ. Tôi công hiến sáu khía cạnh sau như là những khía cạnh của tình bạn này:

1. Như đã lưu ý trước đây, một tình bạn với Thiên Chúa kéo theo là sự chấp nhận sáng kiến thần linh. *Chính Thiên Chúa là đáng chọn gọi* và Thiên Chúa không mặc khải lý do cho sự chọn lựa của Ngài. Nó đơn giản là mầu nhiệm và là đặc quyền thần linh. “Không phải anh em đã chọn thầy, nhưng chính thầy đã chọn anh em” (Ga 15:16).

2. *Các tông đồ đã bỏ lại mọi sự và đi theo Chúa Giêsu.* Thiên Chúa của chúng ta là một “Thiên Chúa ghen tuông” (Ex 20:5). Cái giá của tình bạn này là tự từ bỏ hoàn toàn. Như đã lưu ý trước đây, một đòi hỏi như thế làm cho việc thực hành đức thân giáo sỹ dễ hiểu hơn. Trong khi một số người chỉ ra rằng tông đồ Phêrô cũng đã từng lập gia đình, Kinh Thánh đưa

ra một cảm giác rõ ràng rằng ông đã bỏ lại tất cả đằng sau và đi theo Chúa Giêsu.¹⁵ Chúng ta giống như người đi tìm kho tàng chôn giấu trong ruộng; ông ta đã từ bỏ tất cả vì kho báu này. Kinh thánh lưu ý rằng ông ta đã làm điều đó với “niềm vui” (Mt 13:44). Cũng vậy, chúng ta cũng nên có ngập tràn niềm vui với kho báu thần linh này và vì kho báu này chúng ta hy sinh mọi sự.

3. Chúa Giêsu đã nói với các bạn của ngài “một cách thẳng thắn rõ ràng.” Như Kinh Thánh nói với chúng ta: «Và khi còn một mình Đức Giêsu, những người thân cận cùng với nhóm mười hai mới hỏi Người về các dụ ngôn. Người nói với các ông, «phần anh em, mầu nhiệm Nước Thiên Chúa đã được ban cho anh em; còn với những người kia là những kẻ ở ngoài, thì cái gì cũng phải dùng dụ ngôn.»» (Mk 4:10-11) Hơn nữa Chúa Giêsu nói với các môn đệ: «Thầy đã gọi anh em là bạn hữu, bởi vì thầy đã nói với anh em tất cả mọi sự thầy đã nghe biết nơi Cha thầy» (Ga 15:15). Rõ ràng rằng *Chúa Giêsu mạc khải cho các bạn hữu một cách trực tiếp và rõ ràng chân lý sự sống của Thiên Chúa*. Kho tàng đức tin thánh thiện có thể được diễn tả tốt nhất như đang được tiếp tục và truyền thông thần linh được mạc khải cho Giáo Hội.¹⁶ Kho tàng đức tin chỉ sống khi nó được gieo vào trong mảnh đất của mối liên hệ hay là tình bạn hữu với Thiên Chúa. Chúng ta phải vun trồng, và không bao giờ được coi thường, quà tặng sống động này được ban tặng cho những người bạn của Thiên Chúa. Từ quà tặng này được Giáo Hội nhận và xác định, và rồi linh mục được Giáo hội

15 cf. Thomas McGovern, *Độc thân Linh mục Ngày nay* (Princeton, New Jersey: Scepter Publishers, 1998), tr. 77-78.

16 Phaolô VI, *Ecclesiam Suam* (August 6, 1964) số 70, www.vatican.va.

mời gọi để rao giảng nó. Linh mục là người giảng dạy thông thường và chính thức của Lời Chúa.

4. Mười hai người bạn đặc biệt của Thiên Chúa đã có một mối liên hệ đặc biệt với Chúa Giêsu. Họ cùng đi với Ngài, họ là những người đồng hành với Ngài mỗi ngày. Họ cùng ăn với Ngài. Một trong các môn đệ đã ngã đầu vào ngực Chúa Giêsu. Họ đã trao đổi thường xuyên với Ngài: họ trực tiếp đến với Ngài và hỏi Ngài nhiều thứ. Cũng như vậy, ngày nay *các bạn hữu của Chúa Giêsu có một sự gần gũi đáng ghen tị với Ngài*. Những người bạn ngày nay của Thiên Chúa phải được thấy thường xuyên cầu nguyện, mở cõi lòng và trí óc cho sự trao đổi thường xuyên với Chúa.

5. *Bất cứ tình bạn chân thật nào cũng bao gồm niềm vui và những nỗi buồn*. Cũng tương tự như vậy trong tình bạn với Thiên Chúa, thậm chí còn hơn nữa. Một tình bạn thiêng liêng mang theo với nó một thứ bình an mà thế gian không thể ban tặng (Ga 14:27) và niềm vui thì “trọn vẹn” (Ga 15:11). Những phúc lành của nó thì không thể phỏng đoán hết được. Đồng thời, như đã lưu ý trong chương đầu, Chúa Giêsu đã hứa với các môn đệ của Ngài: “Chén thầy uống, anh em sẽ uống” (Mk 10:39). Bất kỳ những người bạn chân thật nào của Thiên Chúa cũng phải vác thập giá của Chúa Giêsu. Nếu chúng ta không đau khổ như vậy, chúng ta không thể được gọi là những người bạn của Thiên Chúa. Các linh mục là những người nhận ra một cách sâu sắc về những đau khổ mà tình bạn ngày nay đòi buộc.

6. Các bạn hữu của Thiên Chúa tiếp tục sứ vụ của Chúa Giêsu. Trong khi tất cả mọi giáo dân tiếp tục công việc của Chúa Giêsu trong những cách thức nào đó, linh mục *như bạn*

của Thiên Chúa được kêu gọi để trực tiếp gắn liền với sứ vụ của Chúa Giêsu, một cách minh nhiên, và trọn vẹn. Chúa Giêsu đã nói với Phêrô ba lần: “Hãy chăm sóc các chiên của thầy” (Ga 21:15). Linh mục một cách minh nhiên và trọn vẹn nhất tiếp tục đời sống của Chúa Giêsu trong Thánh Thể. Thánh thể và linh mục không thể tách rời.

Chức Linh Mục Như Là Quà Tặng Cho Giáo Hội

Trong thời đại bận rộn của chúng ta, các linh mục ngày nay đau khổ với sự gia tăng đòi hỏi phải làm ngày càng nhiều công việc hơn. Có lẽ chúng ta cảm thấy bị thúc giục phải dấn mình vào nhiều thứ đòi hỏi không thực tế này bởi vì chúng ta đã đánh mất cảm thức về chúng ta là ai. Bây giờ chúng ta cố gắng lấp đầy lỗ hổng căn tính bên trong của chúng ta đã mất với một nhịp độ mục vụ dồn dập. Nó là một nỗ lực không thỏa mãn và vô vọng. Không có một lượng những dấu chỉ bên ngoài hay công việc nào có thể thay thế cho một căn tính chắc chắn bên trong.

Trước khi *một linh mục làm* bất cứ điều gì, *cha là* một điều gì đó rồi. Cha được kêu gọi để là Bạn của Thiên Chúa. Cha là người đại diện chính thức của Giáo Hội và của Thiên Chúa. Cha được kêu gọi để là dấu chỉ của hy vọng. Dân chúng xin cha cầu nguyện vì cha là như thế. Tôi tin rằng các linh mục theo bản năng phải biết chân lý này.

Ngày nay, linh mục bị bao vây từ nhiều phương hướng. Một trong những lý do cho điều này là vì chính tội lỗi của chúng ta. Thật không tốt để đánh giá thấp sự tàn phá do những

sự yếu đuối của chúng ta đã gây ra. Những tội lỗi của chúng ta có thể làm phai mờ tình bạn của chúng ta với Thiên Chúa. Quả thật, các linh mục chúng ta thường bị làm cho chán nản vì tội lỗi và thất bại của chính chúng ta. Thật khó cho chúng ta có thể giải hòa giữa hồng ân được kêu gọi của chúng ta với những giới hạn con người của mình. Chúng ta nghĩ rằng những người bạn chân thật của Thiên Chúa nên là những người không lờ thiêng liêng với những thành công chót vót.

Chúng ta phải trở về với chân lý căn bản là chúng ta là những người bạn của Thiên Chúa không phải bởi vì chúng ta tốt hơn những người khác hay là bởi vì chúng ta có đời sống thiêng liêng trời vượt. Trái lại, chúng ta là những người bạn của Thiên Chúa bởi vì Thiên Chúa đã chọn chúng ta là bạn, và *hiệu lực của tình bạn có thể tìm thấy hữu hiệu hơn nơi những yếu đuối của thân phận con người chúng ta hơn là nơi những quà tặng thiêng liêng của chúng ta*. Thánh Phaolô đã học được điều này từ Thiên Chúa khi Ngài đã bảo ông: “Ơn Thầy đủ cho anh, vì sức mạnh của Thầy được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối” (2 Cor 12:9). Sự yếu đuối của con người là máng chuyển sức mạnh của Thiên Chúa.

Thật khó cho con người chấp nhận một lúc hai chân lý: Trước hết, các linh mục chúng ta là những người tội lỗi, và chẳng tốt lành gì hơn những người khác; thứ nhì, chúng ta được ban tặng ân huệ với giá trị vô giá. Ân huệ linh mục này không phải là thuộc tính cá nhân mà cá nhân linh mục mặc lấy cho vinh quang cá nhân mình, hay là cho lợi ích riêng mình; trái lại, đây là một ân huệ cho toàn thể Giáo hội.

Kết Luận

Số lượng công việc cũng như những mong đợi không thực tế ngày càng dâng cao chất đầy trên các linh mục già cả và ít ỏi là một vấn đề đáng nói và cần đưa vào chương trình suy tư của Giáo Hội. Nhưng không phải khối lượng của công việc, lớn hay nhỏ, thì các linh mục có thể chống đỡ được mà không liên quan tới sự tin tưởng mạnh mẽ vào căn tính cũng như tính hiệu quả của linh mục. Bởi vì chức linh mục là một quà tặng thiết yếu cho toàn thể Giáo Hội, vấn đề về căn tính linh mục phải là một quan tâm của toàn thể Dân Chúa.

Chúng ta là một Giáo Hội với bảy bí tích, chứ không phải sáu. Tầm quan trọng của Bí tích Rửa tội và chức vụ tư tế phổ quát chỉ được kiện cường chứ không bị làm suy giảm với sự hiểu biết chắc chắn về bí tích Truyền Chức và sự vững mạnh của thiên chức linh mục. Một sự hiểu biết đúng đắn về bí tích Truyền Chức không nên dẫn tới phò giáo sỹ, nhưng đưa tới một đời sống phục vụ.

Linh mục thì khác biệt, không phải vì nhân tính được nâng lên khỏi sự mỏng giòn và tội lỗi, nhưng bởi vì một hồng ân gắn liền với nó sẽ chiếu sáng rực rỡ nhất qua sự yếu đuối của con người linh mục.

Linh mục thì không tốt hơn những người khác, nhưng ngài khác biệt. Cùng với các anh em linh mục khác và với giám mục của ngài, ngài được kêu gọi để có một tình bạn đặc biệt với Chúa Giêsu phản chiếu đời sống của mười hai tông đồ. Dân Chúa biết điều này. Họ sẽ luôn luôn và sẽ luôn luôn tiếp tục mãi mãi thốt ra lời xin: “Cha ơi, xin cha cầu nguyện cho con.”

CHƯƠNG 5

CHẠY THEO Ý RIÊNG ĐƯA TỚI HỖN LOẠN

Như thế, những vấn đề của chúng ta... cơ bản là tự chúng ta tạo ra. Chúng xảy ra từ chính chúng ta, và người nghiện rượu là một ví dụ tốt đỉnh cho việc chạy theo ý riêng đưa tới hỗn loạn... Chúng ta phải xa tránh sự ích kỷ này. Chúng ta phải xa tránh, nếu không nó sẽ giết chúng ta! Thiên Chúa làm cho nó có thể.

Alcoholics anonymous

Một cách cơ bản con người là tốt. Chúng ta được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa. Chúng ta được cấu tạo để khao khát điều tốt, và bản tính chúng ta là tìm kiếm những điều tốt lành. Tuy nhiên, cũng có sự dữ trên thế giới và nó ảnh hưởng đến chúng ta. Như Thánh Phaolô đã viết: «Vì tôi không làm điều tốt tôi muốn, nhưng lại làm điều xấu tôi không muốn» (Rom 7:19). Nếu như con người được ban tặng một sức mạnh không kiểm soát và họ không phải chịu trách nhiệm cho những hành động của họ, thì những kết quả có thể là xấu xa. Như dòng trích dẫn cổ xưa của Lord Acton đã lưu ý: «Sức mạnh hướng chiều về đồi bại, và sức mạnh tuyệt đối thì đồi bại hoàn toàn.» Con người cần chịu trách nhiệm về những hành động của mình. Nó giữ cho một chút nhược điểm của chúng ta không trở nên những vấn đề lớn, và nó ép buộc chúng ta hành động tốt nhất.

Có một giới hạn trong trách nhiệm giải trình đối với linh mục ngày nay. Điều này thật không may. Các linh mục có thể thoát khỏi trong khi nếu hành xử như thế người đời đã có thể bị đuổi việc. Dĩ nhiên, phần đa các linh mục không lợi dụng quyền lực của mình và cư xử rất đáng khâm phục trong môi trường hiện tại. Nhưng cũng có một số ít linh mục có những vấn đề và khó khăn cá nhân xảy ra. Cũng thế, thậm chí những linh mục tốt hành xử tốt hơn khi phải trực tiếp chịu trách nhiệm cho việc mình làm. Điều này đề nghị bắt đầu xây dựng ngay những cấu trúc chịu trách nhiệm đối với linh mục hơn là những điều chúng ta có hiện nay.

Việc thiếu trách nhiệm giải trình đầy đủ do bởi sự khác biệt của các vấn đề cấu trúc khác nhau. Giáo Hội Công Giáo tránh né một cách đúng đắn bất cứ hình thức tiếp cận nào có thể cổ xúy những vấn đề của chủ nghĩa ủy thác trong đó người đời điều khiển giáo xứ và cha xứ của họ. Cuối cùng chính chủ nghĩa ủy thác đã gây ra những vụ bê bối, những sự xung đột, và sự đấu đá trong nội bộ, bao gồm mỗi giáo xứ phân tách ra khỏi sự hiệp thông với giáo phận, và rồi các tỉnh thành hỗn loạn vì ứng viên nào họ muốn trở thành cha xứ của họ. Thay vào đó, các linh mục chúng ta được bổ nhiệm bởi các giám mục của chúng ta; chúng ta không phải do cộng đoàn mướn. Như thế, cha xứ có quyền làm những quyết định trong giáo xứ.

Tôi tin rằng những khía cạnh này của tổ chức chúng ta thì tốt. Chúng không chỉ vượt qua những vấn đề của chủ nghĩa ủy thác, mà chúng còn tạo cho cha xứ sự tự do để rao giảng Tin Mừng một cách trọn vẹn mà không phải sợ giáo dân, những người buồn vì thách đố đích thực của Tin Mừng sẽ âm mưu để đuổi ngài. Cách thức này cũng để cho cha xứ và giáo xứ

tự do lớn lao khỏi những cuộc giao tranh xấu xa vì quyền lực giữa các bè phái trong cộng đoàn giáo xứ. Cuối cùng, loại hình quyền lực tập trung và từ trên xuống này làm cho ổn định và gắn kết với Giáo Hội đã tồn tại hai ngàn năm và lan tỏa ra khắp hoàn cầu. Phải có một sự tập trung quyền lực với việc thực hiện quyết định có trách nhiệm để giữ vững một cơ cấu rộng lớn này với nhau, và tiến lên theo cùng một hướng.

Chiều hướng xuống của sự sắp xếp này là linh mục trong giáo xứ có thể gần như được miễn khỏi những cảm râm và những cảm xúc của giáo dân ngài. Nếu như ngài có vấn đề cá nhân, chỉ có một nguồn cầu viện là than phiền với đức cha. Nhưng được bảo vệ trong một cấu trúc như thế này cho cha xứ, thậm chí cả đức cha cũng khó khăn để hành động nếu như không có «chứng cứ.»

Cấu trúc này không gặp rắc rối gì nếu như linh mục là người chăm lo và đồng cảm, cũng như là một người cân bằng, cả về tâm lý và thiêng liêng, và nỗ lực phục vụ dân chúng với sự khiêm nhường. Kinh nghiệm của tôi là phần đông các cha xứ là những người tốt lành như thế. Chúng ta nên được nhắc nhở rằng, phần lớn giáo dân thì hạnh phúc với các cha xứ của họ như đã chú ý trong nghiên cứu của *Boston Globe* được trích dẫn trong chương hai. Nhớ rằng chỉ có 4% giáo dân là không thỏa mãn với cha xứ của mình ở vùng Boston, thậm chí ngay trong thời gian khủng hoảng trầm trọng nhất vào năm 2002. Tuy nhiên, chỉ một số ít các linh mục có những vấn đề nghiêm trọng liên quan giữa các cá nhân, cũng như những nhược điểm cá nhân của họ trở nên tệ hại hơn khi thiếu việc phải có giải trình trách nhiệm. Nên giáo dân đau khổ.

Thậm chí nếu như chúng ta không sợ bị làm cho hư hỏng, chúng ta tất cả các linh mục đều có lợi từ việc phải giải trình trách nhiệm cho những hành xử của chúng ta. Nó làm cho chúng ta hành động cũng như cư xử một cách tốt nhất. Vì lợi ích của chúng ta cũng như lợi ích của Giáo Hội, chúng ta cần có những thông tin phản hồi đều đặn từ các bề trên cũng như từ những người chúng ta phục vụ. Các linh mục cần biết khi họ đang hoạt động tốt, hay khi họ không hoạt động tốt. Trong một môi trường trong lành như thế của những phản hồi đều đặn những kỹ năng mục vụ của chúng ta sẽ sắc bén hơn, và những sai lầm của chúng ta sẽ dần được chữa trị. Nó rõ ràng là một lỗi quản trị tốt cho bất kỳ tổ chức nào, bao gồm cả giáo hội.

Vâng Phục Là Một Liều Thuốc Giải Độc

Có một số những cấu trúc giải trình trách nhiệm đã được áp dụng. Trên hết, linh mục hứa vâng phục giám mục của mình (hay là bề trên nếu như cha là thành viên của một dòng tu). Trong *Presbyterorum Ordinis* (*Sắc lệnh về chức vụ và đời sống linh mục*) của Công Đồng Vatican II, giám mục được cố vấn để coi các linh mục của ngài như là “những trợ tá và cố vấn cần thiết.” Về phần các linh mục, cũng văn kiện này nói, “bản chất hợp nhất mà các Linh Mục đã lãnh nhận khi lãnh nhận Bí Tích Truyền Chức Thánh và bài sai đòi buộc sự hợp nhất phẩm trật với thừa tác vụ của các giám mục.»¹⁷

Hứa vâng phục giám mục của mình là một phần thiết yếu trong lễ Truyền Chức và chúng ta các linh mục phải nhớ điều này. Tôi tin rằng nó thì công bằng khi nói rằng linh mục nào

17 Second Vatican Council, *Presbyterorum Ordinis*, số 7.

không vâng phục giám mục, trừ khi có sự sai trái lớn lao và rõ ràng nơi giám mục, thì linh mục đó không trung thành với chức linh mục của mình.

Sự vâng phục này không phải là sự vâng phục của những người nô lệ, nhưng là của những người tự do. Chúng ta không phải là những robot không biết suy nghĩ, nhưng là những người lớn biết tương quan với các giám mục như những người trưởng thành. Ví dụ, chúng ta buộc phải nói thẳng thắn với các giám mục của chúng ta khi chúng ta nhận ra những vấn đề lớn lao đòi hỏi, và khi chúng ta tin rằng các giám mục sẽ đạt được lợi ích khi lắng nghe quan điểm của chúng ta. Tương tự, chúng ta có một bó buộc nghiêm trọng phải nói lên khi chúng ta tin rằng những giá trị Tin Mừng đang gặp nguy hiểm vì bị thỏa hiệp.

Nhưng chúng ta phải cảnh giác khi tin rằng chỉ độc nhất chúng ta mới có điểm phúc được biết chân lý trong khi những người khác thì không được biết. Nếu như chúng ta xem chúng ta và những quan điểm của chúng ta trôi vượt hơn của tất cả những người khác, thì có thể là tính vị kỷ quá khích trong xã hội đã một cách nào đó ảnh hưởng chúng ta. Chủ nghĩa vị kỷ cá nhân đang lớn mạnh trong xã hội, không may cũng đã có những dấu vết đáng kể rằng nó cũng đã xuất hiện trong hàng linh mục.

Liều thuốc giải độc là vâng phục. Luyện tập lời hứa vâng phục linh mục thật là một khẳng định cố hữu, như những cá nhân chúng ta không biết hết mọi thứ. Nó cũng là một khẳng định của đức tin rằng Chúa Thánh Thần làm việc qua Hội Thánh, đặc biệt qua những người lãnh đạo của Giáo Hội.

Trong thời kỳ hậu hiện đại, vị trí thẩm quyền không chỉ bị

tra vấn mà cũng thường bị coi nhẹ. Chủ nghĩa hủy cơ cấu của hậu hiện đại là một lối tiếp cận triết học đạt tới tư tưởng hiện đại này. Người phát ngôn xuất sắc của triết lý này là một nhà hủy cơ cấu người pháp Jacques Derrida, đã đưa ra một loạt những ý tưởng cổ xúy cho việc con người nên được tự do khỏi mọi quyền lực. Trong danh sách của ông ta về quyền lực đàn áp, ông có bao gồm chủ nghĩa giáo điều, tính chính thống, và thẩm quyền tôn giáo. Trong thế giới hậu hiện đại, thẩm quyền tốt nhất thì cũng nghi ngờ. Tệ nhất, thì bị coi như vốn dĩ đòi bại.

Giới truyền thông không có ý tỏ ra là ủng hộ hủy cơ cấu luận hiện đại về thẩm quyền bằng việc tìm cách làm mất uy tín bất kỳ loại thẩm quyền nào trong xã hội chúng ta. Làm mất uy tín của thẩm quyền một cách đặc biệt gây nên một điểm nhấn tốt. Sự thật là truyền thông có một vai trò quan trọng trong việc giữ cho những người có thẩm quyền công cộng phải có trách nhiệm. Tuy nhiên, sự nhiệt tình của họ trong lãnh vực này cũng như tinh thần vận động họ dành cho một số người có thẩm quyền phải làm cho chúng ta tra vấn về sự cân đối và không thiên vị của họ. Trong môi trường hậu hiện đại chúng ta đang sống, có một khuynh hướng nơi tất cả mọi người, bao gồm cả các linh mục là gạt bỏ vai trò quan trọng của quyền hành trong đời sống chúng ta.

Chính các Tin Mừng cũng miêu tả quy tắc rõ ràng của quyền hành. Chúng ta thấy một số câu khẳng định của Chúa Giêsu xác quyết quyền tối thượng của Chúa Cha trao cho Người Con, rồi cho các môn đệ. Ví dụ, Chúa Giêsu đã nói: “Cha tôi đã giao phó mọi sự cho tôi” (Mt 11:27). Rồi Chúa Giêsu minh nhiên trao ban quyền bính cho các môn đệ: “Ai

đón tiếp anh em là đón tiếp thầy, và ai đón tiếp thầy là đón tiếp đáng đã sai thầy” (Mt 10:40). Và lại nữa: “Đức Giêsu tập hợp nhóm mười hai lại, ban cho các ông năng lực và quyền phép để trừ mọi thứ ma quỷ và chữa các bệnh tật. Người sai các ông đi rao giảng Nước Thiên Chúa” (Lk 9:1-2)

Ngay lập tức phải nói thêm rằng, quyền bính trong Tân Ước phải là một quyền bính của phục vụ và khiêm tốn. “Không phải Con Người đến để được phục vụ nhưng là để phục vụ và làm giá chuộc cho nhiều người” (Mt 20:28). Cũng như là các giám mục với quyền bính của mình phải nhìn việc lãnh đạo của mình như là cơ hội để phục vụ, các linh mục trong những vai trò thấp hơn phải hiểu sự vâng phục trưởng thành của mình như là một nhân đức và một đoàn sủng linh mục quan trọng.

Mối Liên Hệ Giữa Các Linh Mục Và Giám Mục Sau Khủng Hoảng

Khủng hoảng của giáo hội năm 2002 ở Hoa Kỳ xuất hiện như có một ảnh hưởng độc hại đáng kể trên mối liên hệ giữa các giám mục và các linh mục. Trong nghiên cứu riêng của tôi sau cuộc khủng hoảng, các linh mục được cung cấp một câu khẳng định: “Khủng hoảng của Giáo Hội làm cho tôi có cái nhìn tiêu cực về việc lãnh đạo của Giáo Hội.” Phần đông đã đồng ý với câu khẳng định đó, tới 53,7%.

Mối liên hệ giữa một linh mục và giám mục của mình là một mối liên hệ quan trọng, hơn là một mối liên hệ của ông chủ và công nhân. Văn kiện *Christus Dominus* (*Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các giám mục trong Giáo Hội*) của Công Đồng Vatican II đã lưu ý: “Tất cả các linh mục giáo phận cũng như

linh mục dòng, đều cùng giám mục tham dự và thi hành một chức linh mục của Chúa Kitô.”¹⁸ Nó là một mối liên hệ thánh thiêng và bí tích.

Giám mục vừa là cha vừa là người anh em với các linh mục. *Christus Dominus* cũng đã nói rằng các giám mục coi các linh mục như là “những người con và những người bạn.”¹⁹ Khi một trong hai vai trò này (ví dụ, cha) được nhấn mạnh tới mức độ loại trừ vai trò kia (ví dụ, anh em), thì mối liên hệ trở nên méo mó. Nếu như giám mục chỉ trở nên như anh em và đánh mất cảm thức của vai trò mục tử và lãnh đạo, thì ngài làm mất hiệu quả. Nếu như chỉ là cha và người lãnh đạo, và làm mất cái nhìn về các linh mục như anh em, thì ngài lại trở nên quá xa cách và làm mất mối dây cung cấp sức sống cần thiết cho các linh mục và cho chính ngài.

Sau cuộc họp ở Dallas năm 2002, một giám mục nói một cách bí mật rằng: “Một trong những lỗi phạm lớn nhất của chúng tôi, các giám mục mắc phải đó là đã nói chuyện với <các anh, các linh mục>» Điều này nói lên rằng chính các giám mục đã chia cắt quá xa với các linh mục của họ, và đã đang trong tình trạng nguy hiểm đánh mất mối liên hệ với các linh mục như những người anh em. Có lẽ các giám mục ngày nay tái khẳng định mối liên hệ mạnh mẽ hơn của họ với các linh mục như là bạn và anh em. Trong mối liên hệ huynh đệ này, nhân đức vâng lời đối với một giám mục được mời gọi nhiều hơn.

Presbyterorum Ordinis của Công Đồng Vatican II đã thêm rằng, các linh mục “mắc nợ” các giám mục của họ về “sự kính

18 Second Vatican Council, *Christus Dominus*, (October 28, 1965), số 28.

19 *Christus Dominus*. số 16.

trọng” và “bác ái chân thành và vâng phục,” trong khi các giám mục “thì chăm sóc một cách tốt nhất có thể cho lợi ích của các linh mục của họ, kể cả về vật chất và tinh thần.”²⁰ Những kết quả nghiên cứu gần đây cho thấy rằng sự bó buộc này về việc chăm lo cho lợi ích của linh mục hầu như đang bị thỏa hiệp. Chỉ có 27,8% các linh mục được nghiên cứu đã tin rằng “các linh mục bị vu khống là lạm dụng được giáo hội quan tâm hợp lý,” và ít hơn một nửa các linh mục, khoảng 43,5% đã tin rằng họ sẽ được đối xử công bằng nếu như họ bị cáo buộc về hành xử không tốt.

Các linh mục ngày nay cảm thấy dễ bị tổn thương và không an toàn. Họ biết rằng những sự vu khống, mặc dù là hiếm, nhưng vẫn xảy ra; và nếu bị vu khống, họ không tin là họ sẽ được đối xử một cách công bằng, bởi đó họ sợ rằng họ sẽ lập tức bị coi như là có tội. Như một linh mục đã nói: “Tôi chỉ nhận một cú điện thoại kêu di chuyển và từ đó mọi sự trong đời sống của tôi coi như chấm dứt.» Cho dù sự hiểu biết này đúng hay sai, nó quan trọng vì nó đe dọa mối dây tin tưởng thánh thiêng giữa giám mục và linh mục.

Nhưng nó cũng quá đáng khi tin rằng hầu hết các linh mục không chấp nhận giám mục của họ. Quả thật, nghiên cứu của tôi cho kết quả ngược lại. Khi nói nói về các giám mục của họ, các linh mục tích cực ủng hộ. 75,4% đã nói: “Tôi có mối liên hệ tốt đẹp với giám mục”; 67,6% “chấp nhận cách thức giám mục đang điều hành giáo phận”; và 76,7% đồng ý với câu khẳng định: “Cách chung, tôi thỏa mãn với giám mục của tôi.” Trong việc nghiên cứu tỷ lệ đồng ý đối với những ai đang lãnh đạo, những tỷ lệ phần trăm thì cao. Ví dụ, cuộc bình chọn do

20 *Presbyterorum Ordinis*, số 7.

CNN được trích dẫn trước đây về 5.000 người lao động trưởng thành được báo cáo, chỉ có 43% là “hạnh phúc với người chủ hiện tại của họ.”²¹ Trong khi đó hầu hết các linh mục tuyên bố rằng họ có một mối liên hệ tốt đẹp với giám mục của họ. Họ chấp nhận và thỏa mãn với việc lãnh đạo của ngài.

Một Giáo Hội Được Chúa Thánh Thần Hướng Dẫn

Ngoài giám mục, có những nơi khác mà linh mục phải hướng sự vâng phục của mình tới. Linh mục cũng vâng phục theo giáo huấn của Giáo Hội Công Giáo. Rõ ràng có một phẩm trật của huấn quyền. Những tuyên bố long trọng của Đức Giáo Hoàng, và những văn kiện công đồng thì có sức nặng hơn nhiều so với những văn kiện giáo hội thông thường. Nhưng linh mục không nên coi sự phán xử riêng của mình thì đúng đắn hơn và được soi sáng hơn là giáo huấn của Giáo Hội. Đúng thật là có những người cải cách mang tính ngôn sứ vĩ đại trong lịch sử của Giáo Hội Công Giáo được Chúa Thánh Thần gọi hứng. Tuy nhiên, tôi dám nói rằng ngày nay để có một người được kêu gọi để thật sự là tiếng nói ngôn sứ thì đã có rất nhiều, thậm chí cả trăm ngàn người bị hướng dẫn sai lệch.

Có một cụm từ nổi tiếng từ Mười Hai Bước Khôn Ngoan của Alcoholics Anonymous: “Ý riêng đưa tới hỗn loạn.” Tại Viện Thánh Luca, một chương trình chữa trị lâu dài cho những giáo sỹ hay tu sỹ, chúng tôi sử dụng cụm từ này khi nói chuyện với những linh mục hay tu sỹ, những người cứ cố thủ trong những quan điểm riêng của họ, họ không thể lắng nghe những người khác hay là chấp nhận những phản ánh xây dựng. Ngay

21 CNN Poll.

lập tức họ coi thường các giám mục hay bề trên của họ. Họ cũng coi thường lời nói của những bác sỹ chuyên khoa. Họ thậm chí từ chối phản hồi từ những người đồng môn của họ. Tóm lại, họ không thể sửa chữa được.

Nó nhắc nhở tôi về một câu chuyện của một người đàn ông đang chạy xe trên đường cao tốc đông đúc và vợ ông ta đã gọi điện thoại cho ông ta. Ông ta trả lời điện thoại di động, và vợ ông ta đã cảnh giác ông ta có thể có một chiếc xe trên cao tốc đi trệch đường. Bà ta nói rằng bà ta đã nghe tin tức và muốn cảnh báo chồng mình. Bà ta nói: “Frank, hãy chú ý khi lái xe. Sẽ có một thằng ngốc đi sai đường trên cao tốc đó.” Người đàn ông đã đáp lại: “Martha à, tôi biết chính xác em muốn nói gì. Nhưng sự thật là không phải chỉ có một chiếc đang đi sai đường đâu. Có cả hàng ngàn chiếc!”

Thình thoảng chúng ta cũng gặp người nào đó đi sai đường mà không biết. Ông ta tin là ông ta đi đúng còn tất cả những người khác thì sai. Đáng buồn, một số người thì không sẵn sàng chấp nhận bất kỳ phản hồi nào, mà vẫn tiếp tục đi sai đường. Nếu như cả Giáo Hội đang đi theo một hướng, mà một linh mục nào đó lại đi theo một hướng khác, linh mục đó phải tự hỏi phải chăng mình có vấn đề.

Chúng ta tin rằng Giáo Hội Công Giáo được chính Chúa Giêsu thiết lập, và nó tiến lên một cách không thể sai lầm tới điểm viên mãn là Đức Kitô. Chúa Giêsu đã hứa rằng ngài sẽ không bỏ chúng ta. Thậm chí ngày nay, nhờ sức mạnh của Chúa Thánh Thần, ngài sẽ không hướng dẫn Giáo Hội một cách sai lầm, đặc biệt qua sứ vụ của đáng kể vị Phêrô và các giám mục trong sự hiệp thông với ngài. Vâng phục giám mục

của mình và với Đức Giáo Hoàng không chỉ giúp chúng ta chống lại những sai lầm do con người chúng ta mắc phải, mà *nó còn là một hành vi của đức tin.*

Một cách tối hậu, tôi tin rằng mỗi linh mục, đôi khi trong cuộc đời linh mục của mình cũng sẽ gặp phải thách đố trong vấn đề này của đức tin. Chúng ta có thật sự tin rằng đây là Giáo Hội được Chúa Giêsu thiết lập và được Chúa Thánh Thần hướng dẫn một cách không thể sai lầm không? Nó là một giây phút quan trọng trong đời sống của linh mục. Linh mục bị thử thách để đào sâu hơn nữa, rằng Giáo Hội này, hình thành bởi những con người yếu đuối và tội lỗi, trong cốt lõi sâu xa nhất của nó là Giáo Hội được Chúa Giêsu lập và Chúa Thánh Thần hướng dẫn không thể sai lầm. Nếu chúng ta có thể nhìn nhận chân lý thần học này, chúng ta sẽ không bao giờ ước muốn đặt chính chúng ta ngoài bàn tiệc của Phêrô.

Đáng buồn, có một số nhóm cực đoan trong chính Giáo Hội Công Giáo mà thái độ của họ dường như cho rằng: «Chúng tôi biết điều gì là tốt nhất cho Giáo Hội.» Họ chối từ thẩm quyền giáo hội, và thậm chí thường chối từ đường hướng Giáo Hội đang bước đi. Một số nhóm này có tư tưởng thần học nghiêng về phía bên phải hay bên trái. Đức Hồng Y George từ Chicago đã lưu ý khuynh hướng này trong những nhận xét gửi Đức Gioan Phaolô II:

Sứ mệnh của giáo hội đang bị đe dọa từ bên trong do sự chia rẽ làm tê bại khả năng hoạt động một cách đầy sức mạnh và quyết liệt. Phía bên tả, huân quyền của Giáo Hội...bị công khai chống lại...Bên hữu, huân quyền của giáo hội có thể được chấp nhận, nhưng các giám mục, những người không lãnh đạo

một cách chính xác, và với chi tiết cuối cùng được mong đợi thì lại bị công khai chống đối. Giáo hội là một đấu trường của chiến tranh ý thức hệ.²²

Một cách trớ trêu, trong sự việc này, thái cực bên trái và thái cực bên phải hầu như rất giống nhau, có lẽ đối với sự khiếp sợ lẫn nhau của họ. Điểm chung của họ là phủ nhận quyền lãnh đạo của giáo hội, và thường thách thức với hướng đi của Giáo Hội đang theo đuổi. Có thể họ nghĩ chính họ đang hành động theo tiếng nói của ngôn sứ. Cũng có thể. Nhưng hầu như là họ đang bị dẫn dắt sai lệch, và một trong những lỗi phạm của họ là không vâng phục. Có thể họ đang đi ngược đường trong cao tốc mà lại nghĩ mọi người khác lại đang đi ngược.

Đôi khi con người trong xã hội chúng ta bị kẹt trong «tình cảm thanh thiếu niên.» Sự thật, một số nhà tâm lý học dứt khoát cho rằng rất nhiều, nếu không phải là hầu hết con người không vượt qua được tình cảm thanh thiếu niên. Những thanh thiếu niên có thể la hét đòi những quan điểm trắng đen rõ ràng, và thích phê phán thẩm quyền, mà họ bắt đầu với chính cha mẹ của họ. Một số linh mục bị kẹt ở tình cảm thanh thiếu niên. Họ nhìn thế giới với những hạn từ trắng đen, phê phán các bề trên trong giáo hội của họ trong những cách thức quá khích và phóng đại, và nhìn mình như là những nạn nhân vĩnh viễn của hệ thống. Đối với một số những linh mục này, việc từ chối thẩm quyền và vâng phục xuất phát từ những sự khiếm khuyết tình cảm của chính họ.

22 Đức Hồng Y Francis George, “Khẳng định của Đức Hồng Y Francis Cardinal George cho Đức Thánh Cha,”Viếng thăm Ad Limina của các giám mục Illinois, Indiana, and Wisconsin, (28, tháng Năm, 2004), www.vatican.va.

Một thái cực khác đó là sự cân bằng không lành mạnh, đó là, một linh mục trở thành người nịnh hót thụ động. Trong trường hợp này, vị linh mục không còn suy nghĩ về chính mình cũng như không còn chiến đấu cho những chân lý về đức tin của mình nữa. Thay vì ra sức vật lộn, để tìm kiếm sự hiểu biết sâu xa hơn, nỗ lực cá nhân hóa đức tin đã được Chúa Giêsu ban tặng qua Giáo Hội, vị linh mục này lại mù quáng dấy dỗ như vẹt và đồng ý bất cứ điều gì các bề trên nói. Bất kể những động lực nào của mình, mà những linh mục như thế lại có rất nhiều, họ sẽ làm hại cho chính mình và cho Giáo Hội. Giáo Hội cần những linh mục trưởng thành, những người có thể tương tác với những bề trên của mình một cách trưởng thành.

Điều rất quan trọng cho linh mục trưởng thành là cụm từ cổ Latin: *sentire cum ecclesia*, nghĩ với Giáo Hội. Trái tim và linh hồn của linh mục phải được đào luyện qua nhiều năm của đời linh mục của mình, để con tim của mình đập một cách bản năng với trái tim của Giáo Hội. Điều này không có nghĩa là đồng ý với mọi quyết định của tổ chức được thực hiện bởi một nhóm cơ cấu con người, nhưng nó thật có ý nghĩa rằng linh mục phải có tinh thần hòa hợp với Thánh Thần thúc đẩy Giáo Hội. Một linh mục như thế sẽ không bao giờ đi lạc xa lâu khỏi chân lý.

Một Sự Vâng Phục Lành Mạnh Đối Với Dân Chúa

Lời hứa vâng phục của linh mục không chỉ dừng lại ở sự vâng phục với thẩm quyền của Giáo hội cũng như huấn quyền. Linh mục nên vâng phục, trong một cách thức nào đó đối với dân chúng những người ngài phục vụ. Đây là dấu hiệu xác

nhận những vị thánh vĩ đại đã thực hành một loại vâng phục nào đó đối với những người đồng đẳng cũng như những người cấp dưới mình. Điều này không có nghĩa là chúng ta đồng ý với, hay là chấp nhận mọi thứ người ta nói với chúng ta hay đề nghị chúng ta. Đây là một loại vâng phục khác. Thay vì, linh mục là một tôi tớ của dân chúng thì linh mục là một người mà đời sống đặt dưới những nhu cầu thiết thực cũng như lợi ích thiêng liêng của dân chúng. Đời sống của linh mục tuôn chảy trong sự phục vụ người khác. Sự vâng phục này đối với người khác là một liều thuốc giải độc tuyệt diệu cho sự vị kỷ, và sự tập trung vào cá nhân của xã hội chúng ta. Một số linh mục bị ảnh hưởng bởi tai ương của xã hội này ở mức độ trầm trọng; hầu như mọi người chúng ta đều bị ảnh hưởng một chút. Vâng phục và phục vụ là liều thuốc chữa nó.

Tôi thường nghĩ rằng một trong những câu đầu tiên mà một linh mục nói ra khi có một người nào đó bước vào văn phòng của mình là: «Tôi có thể giúp được gì cho bạn?» Sự điệp thì rõ ràng. Linh mục ở đây là để phục vụ. Thái độ phục vụ này sẽ giúp xua tan bất cứ chủ thuyết phò giáo sỹ tai hại nào và làm cho linh mục phải chịu trách nhiệm với dân chúng những người mà ngài phục vụ. Đáng buồn, một số linh mục để cho giáo xứ trở nên tồi tệ hơn khi ngài mới đến, xúi giục gây xích mích và bè phái trong thời kỳ ngài giữ chức vụ. Trong khi linh mục không thể làm cho mọi người hạnh phúc, ngài cũng không xem vai trò ngài phải như thế, ngài được thụ phong để phục vụ dân chúng và xây dựng cộng đoàn Kitô hữu.

Nếu như một số giáo dân đều cho ngài cùng một phản ánh, ngài phải chú ý cẩn thận điều đó. Khi mọi người trong cộng đồng giáo dân của ngài nổi lên và phản ánh ngài, hay là có

một nhu cầu hay là quan điểm cụ thể nào đó, thì linh mục phải nghiên cứu một cách nghiêm túc vì đây có thể là tiếng nói của Chúa Thánh Thần đang nói với ngài. Người có gia đình thì có chồng hay vợ hay là con cái phản ánh hay là giúp hiểu rõ. Đối với linh mục, thì cộng đoàn ngài đang phục vụ là nơi cho ngài rất nhiều phản ánh.

Vì thế, chúng ta các linh mục cần nhiều cách thức để chịu trách nhiệm và nhận được những phản ánh trực tiếp về đời sống và công việc chúng ta. Những phản ánh như thế giúp chúng ta sống đời sống lành mạnh hơn. Trong một số giáo phận, đã bắt đầu có những cấu trúc phải chịu trách nhiệm nhiều hơn. Trong một số giáo phận, cha xứ sẽ nhận được phiếu phản ánh vào cuối nhiệm kỳ đầu tiên của mình, thường là sáu năm, từ một số giáo dân được chọn để phản ánh.

Ban đầu các linh mục ngăn ngại việc áp dụng những việc lượng giá như thế, nhưng cuối cùng, hầu hết các ngài cảm thấy rất xác đáng. Phần lớn các linh mục khám phá ra rằng họ được yêu mến và đánh giá cao. Đôi khi họ còn được góp ý những cách thức hữu hiệu để tăng triển đời sống và những công việc mục vụ. Trong một số ít trường hợp, một số yếu kém được nêu ra, và nếu được chấp nhận trong tinh thần vâng phục khiêm tốn, nó có thể là một cơ hội để xem xét và thăng tiến đời sống thiêng liêng cá nhân.

Những lượng giá này về các cha xứ chỉ là sự khởi đầu của một nhu cầu đối với những cấu trúc chịu trách nhiệm lớn lao hơn, nhưng nó là một sự khởi đầu tốt và tôi đề nghị tiến trình đó được thực hiện trong các giáo phận. Trong các giáo phận hay trong các dòng tu không có một cấu trúc như thế, linh mục

có thể xem xét để thực hiện cấu trúc như thế cho chính mình. Sau một thời gian nào đó, ngài đã có thể xin thực hiện góp ý bằng bản đánh máy hay là phỏng vấn một số người trong cộng đoàn ngài phục vụ. Ngài có thể chọn cách thức ngồi xuống và xem xét kết quả này với giám mục của mình, cha giám đốc các linh mục trong địa phận, hay là với một linh mục lớn tuổi hơn, là người có thể giúp ngài chắt lọc ra những điều ngài cần tiếp nhận từ những thông tin ngài nhận được. Ngài cũng có thể chọn để ngồi xuống nghiên cứu với chủ tịch hội đồng mục vụ trong giáo xứ.

Trong xã hội chúng ta, nhân đức vâng phục đối với thẩm quyền thường bị phủ nhận. Thậm chí vị trí và giá trị của thẩm quyền cũng bị đặt câu hỏi, nếu không muốn nói là hoàn toàn bị phủ nhận. Tuy nhiên, đức tin Kitô giáo thì thừa nhận quyền bính là quan trọng. Dĩ nhiên, quyền bính tối thượng của chúng ta là Thiên Chúa. Quyền bính thiêng liêng này được trao ban cho Chúa Giêsu, người tiếp tục trao ban cho Giáo hội. Chúng ta, các linh mục được trao ban một trách nhiệm quan trọng như thế.

Chúng ta phải được nhắc nhở rằng, thường quyền bính chúng ta nhận được là để phục vụ. Bởi vì chúng ta là những con người yếu đuối, chúng ta cần có những góp ý thường xuyên từ những người chúng ta phục vụ. Khi lắng nghe họ, và khi đáp lại những nhu cầu của họ, chúng ta thực hành một loại vâng phục và lòng vị tha thiết yếu. Một cách tương tự, chúng ta phải thực hành một loại vâng phục khiêm tốn đối với những bề trên trong giáo hội, như khi chúng ta hứa trong ngày thụ phong, và đối với những huấn quyền của Giáo hội. Rất nhiều người có thể là ngôn sứ nhưng lại là những cá nhân bị dẫn dắt

sai lệch, và bị kẹt trong những quan điểm sai lầm của chính họ.

Chúng ta thật có phúc với huấn quyền được mạc khải thần linh và một sứ vụ tập trung nơi những người kế vị của Phêrô và các tông đồ. Thực hành vâng phục đối với thẩm quyền được Thiên Chúa thiết lập thì không chỉ là, nhưng cũng là một liều thuốc giải độc cứu rỗi đối với chứng kiêu ngạo và ích kỷ của chính chúng ta, nó là một ân sủng tuyệt vời. Một trong những ơn lành vĩ đại của Giáo Hội Công Giáo là sứ vụ của Phêrô và huấn quyền mạnh mẽ của Giáo hội. Vì chúng ta là con người, chúng ta dễ dàng sai phạm, nó là một la bàn chính xác để giữ chúng ta đúng hướng để thẳng tiến về nước Thiên Chúa.

CHƯƠNG 6

ƠN GỌI LINH MỤC TỚI MỘT ĐỜI SỐNG VÀ TÌNH YÊU NÔNG NÀN

Các người phải thuộc về Ta, phải thánh thiện, vì Ta, Đức Chúa, Ta là Đấng Thánh, và Ta đã tách biệt các người ra khỏi các dân để các người thuộc về ta.

Lêvi 20:26

Tôi nghĩ cả hai trường hợp đều là khiếm khuyết nếu như chúng ta phê bình gắt gao về đời sống độc thân, hay là chúng ta giới thiệu đây là một sự đáng ca ngợi vượt bậc đến nỗi chúng ta chú ý diễn tả nó như một đời sống trên thiên đàng hơn là một cuộc chiến đấu của đời sống trần thế. Độc thân không bảo đảm cả hai. Có nhiều tôn giáo khác ca tụng đức tính độc thân như là tình trạng tạm thời hay là vĩnh viễn. Những truyền thống này coi việc độc thân như là một phần trong sự dâng hiến trọn vẹn đời sống trong tôn giáo, hay như là một cách sống có ích cho cuộc sống tập trung vào đời sống thiêng liêng.

Ví dụ, Phật giáo có hai ngàn năm trăm năm lịch sử về đời sống thiêng liêng độc thân. Cũng thế trong đạo Hindu, *brahmacharya* thì độc thân đã rất lâu rồi là một phần quan trọng trong truyền thống của nó, đặc biệt đối với ai dâng hiến hoàn toàn cho Thượng Đế. Có những triết gia khổ hạnh đã ủng hộ việc sống độc thân, như là Pythagore, người đã thành lập một

cộng đoàn những người sống độc thân chỉ ăn chay. Tương tự như vậy, triết gia Khắc kỷ Epictetus đã tin rằng người giáo viên lý tưởng nên có tự do khỏi những sự vướng bận của đời sống gia đình. “Đời sống độc thân đã hiện hữu qua dòng lịch sử của tôn giáo và hầu như trong tất cả các tôn giáo lớn của thế giới.”²³

Thật thú vị, đời sống độc thân ngày nay hấp dẫn rất lớn đối với sự chú ý của quần chúng, và rút ra rất nhiều cảm xúc, đặc biệt từ những người không được kêu gọi sống độc thân. Để chọn sống đời độc thân, tốt hơn là khi cảm xúc hấp dẫn thái quá về huyền nhiệm của nó đã lắng dịu và nó được nhìn với con mắt tỉnh táo hơn.

Trong những năm gần đây, một số người nhìn luật sống độc thân như là một dấu chỉ đau thương trong tinh thần linh mục. Trong nghiên cứu của tôi, các linh mục được cung cấp một câu khẳng định: “Tôi ủng hộ việc đòi buộc các linh mục sống đời sống độc thân,” Hơn phân nửa một chút, 53,2% đã đồng ý với câu khẳng định này. Tuy nhiên, chỉ có 17,4% đã xác định rằng họ sẽ cưới vợ nếu như cho phép. Và 67,1% đã nói rằng: “Đời sống độc thân là một kinh nghiệm tích cực đối với tôi.” Vì thế, mặc dù có bị công chúng phỉ báng rất nhiều, rõ ràng phần lớn vẫn đánh giá cao và hài lòng. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng 33% anh em của chúng ta đã không tìm thấy kinh nghiệm tích cực trong chuyện này. Chúng ta phải nhạy cảm với sự chiến đấu của họ, sẵn lòng lắng nghe sự đau khổ của họ, và đặc biệt là chú tâm đối với lợi ích của họ.

Để sống độc thân tốt, cuối cùng một người phải nhìn nó

23 Cf. www.Britanica.com under celibacy.

trong một ánh sáng tích cực và trân trọng các ân huệ đi kèm với nó. Sáu mươi bảy phần trăm các linh mục đã thực hiện như thế. Để làm cho ý nghĩa và sức mạnh của kết quả này rõ ràng hơn, hãy tưởng tượng rằng, cung cấp một câu khẳng định như sau cho các cặp gia đình ở khắp nơi tại Hoa Kỳ: “Đời sống gia đình là một kinh nghiệm tích cực đối với tôi.” Liệu có được 67% trong họ trả lời là có hay không?

Đời Sống Độc Thân Không Phải Là Nguyên Nhân Của Sự Sai Lạc

Nhưng đời sống độc thân bị văn hóa của chúng ta chỉ trích gắt gao và trách mắng về nhiều chứng bệnh trong Giáo Hội. Ví dụ, nhiều người cho rằng khủng hoảng lợi dụng tình dục trẻ em trong Giáo Hội gắn liền với việc độc thân. Một số người kêu gọi để tùy chọn sống độc thân, trích dẫn sự kiện lợi dụng tình dục trẻ em như sự biện minh. Tuy nhiên, không có nhà nghiên cứu đáng tin cậy nào về lãnh vực lợi dụng tình dục trẻ em lại cho rằng độc thân là nguyên nhân của việc lợi dụng tình dục trẻ em. Quả thật, hầu hết những người quấy rầy trẻ em trong xã hội chúng ta là những người có gia đình hay là những người sẽ lập gia đình. Và có một ít linh mục độc thân thật sự quấy rầy trẻ em, những vấn đề tâm lý của họ đã có sẵn rất lâu trước khi họ thề hứa sẽ sống đời sống độc thân. Những vấn đề bệnh lý như thế thì thể hiện rõ trong tâm thần từ khi tuổi còn rất nhỏ.

Một số người cho rằng độc thân là nguyên nhân làm cho những linh mục “đói tình dục”, có những người có hành vi tình dục bất thường. Cả điều này nữa cũng rõ ràng là logic sai lạc. Thậm chí nếu như một linh mục “đói tình dục,” thì nó cũng lỗi

kéo ông ta tìm kiếm một người lớn tuổi tương ứng, chứ không phải một trẻ em. Hành vi tình dục bất thường tạo ra việc lạm dụng tình dục trẻ em là một vấn đề đã có lâu dài nơi cá nhân trước khi được đào tạo trong chủng viện. Thêm nữa, trong khi có một vài trường hợp chấp nhận đời sống độc thân với hy vọng rằng nó sẽ chữa trị những vấn đề về tình dục, không có những chỉ số nào cho rằng việc vi phạm vào việc lợi dụng tình dục trẻ em trong các linh mục cao hơn nam giới ở các chuyên môn khác.²⁴ Đơn giản là, đời sống độc thân không phải là nguyên nhân dẫn đến lợi dụng tình dục trẻ em, và nó cũng không phải là nguyên nhân làm tệ hại thêm những khuynh hướng tình dục lệch lạc sẵn có.

Việc nghiên cứu *tình dục* ở Hoa Kỳ đưa ra một kết quả thú vị. Đây là cuộc nghiên cứu về những hành vi tình dục trên 3.432 người Mỹ. Trong một phần của nghiên cứu này, các nhà nghiên cứu đã dự đoán rằng những ai có quan hệ tình dục ít nhất sẽ có thể là thủ phạm nhiều nhất. Thật bất ngờ, cuộc nghiên cứu tìm thấy kết quả ngược lại. Trái với dự đoán, những ai có sinh hoạt tình dục nhiều nhất lại là những người thủ phạm nhiều nhất. Họ đã viết: «Kết luận của chúng tôi từ những dữ liệu này là việc thủ phạm không phải là sự thay thế cho những ai bị thiếu thốn đời sống tình dục, nhưng nó là một hành động khiêu

24 Trong "Bản chất và Phạm vi của những Tình trạng Lạm dụng Tình dục," do the John Jay College of Criminal Justice for the U.S. Conference of Catholic Bishops thực hiện. Ban này đã tìm thấy rằng, vào khoảng 4% các linh mục Công giáo từ năm 1950 tới năm 2002 đã vướng vào việc lạm dụng tình dục trẻ em. Trong khi đó không có sự so sánh nào đối với dân số chung chung của dân ông ở Hoa Kỳ về vấn đề này, không có chỉ số nào để xác định rằng tỷ lệ phần trăm nơi các linh mục lạm dụng tình dục trẻ em là cao hơn.

khích và bị khiêu khích bởi hành vi tình dục khác.»²⁵

Thiếu vắng việc sinh hoạt tình dục không tạo nên những người đôi tình dục. Trái lại, nó là một văn hóa ám ảnh bởi tình dục sinh ra nhiều người có xu hướng tình dục. Như Patrick Carnes đã lưu ý trong tác phẩm đặc trưng của ông ta về những sự nghiện tình dục, *Out of the Shadows*, một trong những sự tin tưởng được nhấn mạnh hay là cốt lõi về nghiện tình dục, một sự tin tưởng đem đến căn nguyên cho việc nghiện là: “Tình dục là nhu cầu quan trọng nhất của tôi.”²⁶ Niềm tin sai lạc cốt lõi này luôn bị xã hội chúng ta làm cho mạnh mẽ và nó sản sinh ra rất nhiều người nghiện tình dục.

Một người chỉ có thể suy xét tại sao văn hóa bị ám ảnh tình dục của chúng ta đã phát triển một sự ám ảnh tiêu cực như thế về đời sống độc thân. Một cách chắc chắn, đời sống độc thân trình bày một chứng tá trái ngược đối với điều mà xã hội đã phạm phải. Đơn giản là sự hiện hữu của đời sống độc thân lành mạnh và hạnh phúc phải là một điều dẫn vật đối với một thế giới bị ảnh hưởng bởi tình dục. Trong xã hội chúng ta ngày nay có hàng triệu triệu người bị tình dục phá hủy, và thường có những hành vi bị cưỡng ép, như là những người bị kích thích tình dục qua internet, sự cưỡng ép chung chạ tình dục bữa bãi, phim ảnh khiêu dâm, đi điếm, cũng như những sự truy lạc tình dục khác. Chúng ta không khỏi ngạc nhiên. Bệnh lý cá nhân phát sinh và tăng triển trong điều kiện văn hóa từ đó nó phát huy. Bởi vì xã hội chúng ta bị ảnh hưởng bởi tình

25 Robert T. Michael, et al., *Tình dục ở Hoa Kỳ: Một nghiên cứu Định nghĩa* (New York: Warner Books, 1994), tr. 165.

26 Patrick Carnes, *Ra khỏi Bóng tối: Hiểu biết về việc Nghiện Tình dục*, ấn bản lần thứ hai (Center City, Minnesota: Hazelden, 1992), tr. 120.

dục, và biểu lộ nó triền miên và thường là trong những cách thức bị bóp méo, điều kiện ảnh hưởng tình dục này sẽ tạo điều kiện tự nhiên cho việc phát sinh đầy rẫy những người có vấn đề về tình dục.

Đời sống độc thân Kitô giáo công hiến một chứng tá quan trọng cho thế giới ngày nay. Có những điều gì đó quan trọng hơn là sinh hoạt tình dục. Nhiều người có thể và vẫn sống trong thế giới chúng ta không có người phối ngẫu. Cái mà chúng ta không thể và không nên sống thiếu đó là tình yêu, tình bạn, sự tha thứ, sự tử tế, lòng thương cảm, và còn nhiều những điều cần của con người. Những điều thiết yếu này cấu tạo nên nhân loại và vì thế dĩ nhiên là Kitô giáo. Đây là bản chất của đời sống Kitô giáo và phải được vun trồng bởi linh mục độc thân và toàn thể các Kitô hữu những người lập gia đình cũng như không có gia đình.

Trong khi đó, chúng ta làm hại các linh mục của chúng ta khi chúng ta nói về đời sống độc thân trong những hạn từ rục rờ, và không thực tế. Điều này cũng đúng khi chúng ta miêu tả về đời sống gia đình. Chẳng có cặp vợ chồng nào sau khi sống với nhau một số năm mà lại muốn nghe người nào đó ca tụng về niềm vui sướng của đời sống gia đình cũng như là lý tưởng hóa mỗi liên hệ trong đời sống gia đình. Trong khi đời sống gia đình có nhiều niềm vui và những ơn lành tuyệt vời, nó cũng có thử thách và chiến đấu, cũng giống như sống đời độc thân là thử thách và chiến đấu. Một lần nữa, nó có thể là một lỗi phạm khi nhìn vào việc lập gia đình và coi như nó là một giải pháp để giải quyết những khó khăn của đời sống linh mục ngày nay. Nó chỉ là một cuộc trao đổi giữa hai danh sách của những vấn đề khó khăn.

Quả thật, có những thách thức đặc biệt trong mỗi ơn gọi. Ví dụ, trong khi con người chiến đấu với sự cô đơn, kể cả những người lập gia đình, nó là một sự vật lộn đặc biệt đối với linh mục độc thân. Linh mục dễ dàng thua cuộc đối với sự cô độc và kết quả là một sự tự thương hại chính mình nếu như ngài không sống sự cam kết độc thân một cách đáng hoàng. Khi thời gian nghỉ tới và những ngày nghỉ trong tuần xuất hiện, nếu không cẩn thận, ngài có thể thấy rằng chính mình chẳng có gì để làm và thật cô đơn. Thật buồn khi một linh mục sắp tới kỳ nghỉ phép năm và thấy rằng mình chẳng có người bạn nào để cùng chia sẻ thời gian nghỉ ngơi giải trí cùng mình.

Trong nghiên cứu của tôi, tôi đã quyết định hỏi các linh mục về kinh nghiệm về sự cô đơn của họ. Chỉ có 6,6% các linh mục thừa nhận là đã “luôn luôn” hay là “hầu như luôn luôn” cảm thấy cô đơn. Ngược lại, 80,7% đã nói họ có những mối liên hệ bạn thân với các linh mục khác. Trong khi sự cô đơn có thể là một thử thách đặc thù đối với các linh mục, thì phần lớn lại trình bày tích cực.

Độc Thân: Tiếng Xin Vâng Với Sự Liên Hệ Nông Nân

Cam kết sống độc thân không đơn giản là không với đời sống gia đình, con cái, và sinh hoạt tình dục. Nhiều người bị kẹt với chữ không của đời sống độc thân và bỏ lỡ với chữ có quan trọng của nó. Bị kẹt với từ không, đời sống độc thân cuối cùng trở thành cay đắng và đầy phẫn uất. Linh mục giận dữ bởi vì đời sống cá nhân của ngài dựa trên điều ngài bị lấy mất. Ngài phẫn uất, hoặc là ý thức hoặc là vô thức, vì ngài cảm thấy ngài bị tước mất một cách không công bằng điều mà ngài lẽ ra

phải có. Quả thật, ngài *bị tước mất một cách không công bằng* nếu như tất cả đời sống độc thân đối với ngài chỉ có ý nghĩa là chữ không.

Vậy thì tiếng có của đời sống độc thân là gì? Trước hết, chúng ta nên khẳng định rằng đời sống độc thân khi được sống với sự chân thật không thể chấp nhận một “lối sống thứ ba.” Đời sống độc thân không thể có mối liên hệ tình dục thể lý với một người khác, cho dù người đó không lập gia đình. Những việc như hôn hít lãng mạng, hay vuốt ve mơn trớn, và những hành vi tương tự như thế thì không phù hợp với đời sống độc thân, và nó phải dành riêng cho những mối liên hệ lãng mạng. Thỉnh thoảng tôi có gặp một số linh mục hay tu sỹ đã bóp méo việc độc thân và đã giải thích nó như sau: “Nó chỉ có nghĩa là tôi không thể lập gia đình,” hoặc họ suy luận hành động tình dục với những cụm từ như là: “Những mối liên hệ thể lý như thế này chỉ là sự gần gũi âm áp mà ai cũng cần, kể cả các linh mục; nó không phải là việc vi phạm đời sống độc thân.”

Tôi đã nói chuyện với một vài linh mục đang sống “cuộc sống hai mặt,” đó là họ có đời sống sinh hoạt tình dục bí mật mà vẫn công khai thi hành nhiệm vụ của các linh mục. Một người trong họ đã nói về điều đó như là “sự nghiền nát” đời sống nội tâm của mình. Nó xâu xé trong lòng ông ta, và dần dần ăn mòn lòng tự trọng của chính mình. Những người khác cũng nói những điều tương tự; sự mâu thuẫn bên trong xâu xé tan nát con người. Ông ta đã đang bên bờ vực của việc rời bỏ đời sống linh mục vì thiếu sự trung thực làm mất dần cảm thức về ơn gọi của mình. Thật may mắn, cả hai đã được trợ giúp và đang chiến đấu với sự hỗ trợ đặc biệt để thay đổi đời sống mình.

Sống đời độc thân nghiêm túc không cho phép đời sống hai mặt; nó cũng không cho phép những mối liên hệ kiểu cặp đôi. Một giám mục đã phản nản rằng, trong giáo phận của ngài có một vài trường hợp linh mục, ngài miêu tả như là sống kiểu “hôn nhân khô.” Điều ngài muốn nói là các linh mục này có mối liên hệ dành riêng với những người phụ nữ trưởng thành với những biểu hiện bên ngoài như là đời sống hôn nhân, trừ ra là họ không có những dấu chỉ chứng tỏ là họ có đời sống sinh hoạt tình dục với nhau. Họ thường xuyên ở với nhau trong ngày hay các buổi tối. Họ thường ăn các bữa ăn với nhau và cũng thường đi nghỉ chung với nhau. Họ sống như một đời sống lứa đôi. Chỉ đơn giản kiêng không có sinh hoạt tình dục không có nghĩa là đang sống một đời sống chân thật của đời sống độc thân.

Câu khẳng định tôi muốn sử dụng ở đây là: áp dụng *quy luật của bà*. Điều gì bà ngoại hay bà nội của bạn hay của bất cứ ai sẽ nói nếu như bà ấy đã thấy bạn có mối liên hệ như thế? Tôi nghĩ các người bà của chúng ta sẽ có điều gì đó để nói với các linh mục này.

Hơn nữa, sự khủng hoảng lợi dụng tình dục năm 2002 có nhiều điều để dạy chúng ta. Một trong những điều này là, trước hết và trên hết, Dân Chúa, và tất cả mọi người đều mong đợi các linh mục Công Giáo Rôma sống một đời sống chân thật với đời sống độc thân. Họ mong đợi chúng ta sống độc thân, thanh khiết, là những tôi tớ khiêm nhường mà chúng ta tuyên hứa sẽ như vậy. Trong những thứ khác, sự khủng hoảng mời gọi trở về với một đời sống chân thật. Sự lỏng lẻo tình dục của những năm 1970 và 1980 đã qua rồi.

Nhưng đời sống độc thân không thể được sống trong một lối sống “lo âu sợ hãi”, cố sống trong một đời sống thân thương, hy vọng không vi phạm đời sống thanh khiết. Cũng có một số người sống kiểu này. Một số người sống xa cách những người khác, sợ hãi vì một mối liên hệ yêu thương có thể là sẽ không kèm chế được. Một số khác lẫn trốn đằng sau công việc, hay chức quyền, hay tìm kiếm quyền lực, mà chẳng bao giờ hòa đồng với mọi người cho tới khi họ đạt tới tuổi trung niên và cảm thấy ngập đầy với sự trống vắng. Rồi sau đó dễ dàng có những hành xử khác thường trong hàng loạt những thứ khác nhau, trong đó có cả sự thúc ép tình dục.

Sống đời độc thân là một tiếng có, tiếng có được sống với sự say mê và nhiệt tình. Đời sống độc thân không phải là một đời sống chối từ. Quả thật, một linh mục độc thân được mời gọi ôm ấp tất cả những điều tốt lành trên thế giới của chúng ta, cũng như tất cả những gì có thể làm chứng cho sự tốt lành của Thiên Chúa. Có rất nhiều điều chung quanh chúng ta có thể làm chứng cho Thiên Chúa.

Dường như có thể an toàn hơn cho một đời sống độc thân sống với kiểu sống không nhiệt tình. Tôi nhớ có một cán bộ tòa án đã nói rằng, những người sống độc thân thì tốt hơn là đừng có để ý gì đến tình dục. Ông ta đã nghĩ nó sẽ tốt hơn và an toàn hơn khi để tình dục về phía đằng sau và bước tới. Tuy nhiên, kinh nghiệm của tôi cho rằng những người như thế chỉ “an toàn hơn” trong một thời gian, nhưng cuối cùng vấn đề sẽ xảy ra.

Tôi nhớ một chương trình thương mại trên truyền hình chiếu một người thợ cơ khí trong gara người đầy dầu mỡ và

đang cầm trong tay một cái cờ-lê thật lớn. Ông ta giơ cao cái cờ-lê, nhìn thẳng vào khán giả và nói: “Hãy trả tiền cho tôi bây giờ, không thì sau này cũng phải trả tiền cho tôi à.” Điều ngụ ý là: nếu bạn muốn sửa nó sau, bạn sẽ *tốn nhiều tiền hơn nữa*. Tốt hơn, bây giờ bạn hãy chú ý tới nó một cách cẩn thận trước khi nó trở nên một vấn đề trầm trọng. Tương tự với sự nhiệt tình và tình dục của chúng ta. Nếu chúng ta cố gắng để bịt nó, hy vọng rằng nó sẽ qua đi, thì những kết quả tai họa có thể xảy ra. Tôi biết có một số trường hợp như thế.

Thậm chí có người cả đời có thể sống đời sống “lo âu”, nhưng tôi nghĩ rằng vẻ mặt của người đó sẽ từ từ trở thành cau có cay đắng. Một linh mục độc thân từ chối sự nhiệt tình và tình dục của mình, và sống một đời sống cô lập và u mê thì một cách tự nhiên sẽ trở nên cay đắng và giận dữ. Trái tim có các mùa của nó cũng như những lý do riêng. Nếu từ chối sinh hoạt tình dục, nó có thể làm tốt. Nếu từ chối sự ấm áp của tình người, sự tử tế, và một đời sống say mê và dấn thân, nó sẽ quá lại trong sự giận dữ và cay đắng.

Tình dục và sự say mê thường phải diễn tả trong những mối liên hệ tình dục của đời sống gia đình, đối với đời sống độc thân thì nó được diễn tả trong một đời sống hằng say trong tình yêu mục vụ và liên hệ. Những câu hỏi phải được hỏi các linh mục là: “Cha được triển nở và chăm sóc như thế nào? Và “Đâu là sự hằng say của cha?” Một linh mục sống một đời sống triển nở và được chăm sóc, và hằng say trong đời sống, trong đức tin, và trong đời linh mục thì giống như một người mạnh khỏe. Vẻ mặt của ngài không thể luôn cau có, nhưng kết quả là một vẻ mặt với nụ cười sáng ngời. Và chẳng có gì để cô vũ ơn gọi tốt hơn là một linh mục hạnh phúc.

Tại Sao Các Linh Mục Lại Hồi Tục

Trong một nghiên cứu của Hội đồng Quản trị của Liên Đoàn Các linh Mục Hoa Kỳ (NFPC) năm 2000 về các linh mục mới chịu chức, một kết luận đầu tiên được rút ra là hầu hết các linh mục mới chịu chức hạnh phúc và làm việc tốt. Quả thật, trong một nghiên cứu đồng hành về những thái độ của linh mục cũng được Hội đồng Quản trị của Liên Đoàn Các linh Mục Hoa Kỳ (NFPC) tài trợ, có một sự gia tăng liên tục trong tinh thần từ những nghiên cứu từ năm 1970. Một cách chính yếu những nghiên cứu này cho thấy “một sự gia tăng hạnh phúc lớn lao nơi các linh mục trẻ,” từ 25 tới 45 tuổi.²⁷

Nhưng khi nghiên cứu và phỏng vấn những linh mục đã hồi tục, một chủ đề chung xuất hiện. Nó không phải là đời sống mục vụ. Họ cảm thấy đời sống mục vụ rất thỏa mãn. Cũng không phải tự đời sống độc thân. Nhưng là vì những linh mục đã hồi tục này đã cảm thấy cô đơn, bị bỏ rơi, không được đánh giá cao, và/hay là không có liên đới. Những khó khăn cá nhân này đã làm cho họ trở nên rất mỏng giòn và tìm kiếm một mối liên hệ lứa đôi.²⁸

Kết luận này rất có ý nghĩa. Gần như một số những linh mục mới thụ phong này hồi tục đáng lẽ trước tiên là không nên được thụ phong. Tuy nhiên, một đời sống độc thân lành mạnh phải có những mối liên hệ liên vị tốt đẹp. Một linh mục cô lập sẽ tiến tới sự vấp ngã. Thậm chí nếu như linh mục này không rời bỏ đời sống linh mục thì đời sống tâm lý và thiêng liêng của ngài cũng sẽ bị thỏa hiệp nghiêm trọng. Kinh thánh thách

27 Hoge, *Năm năm đầu*, tr. 29.

28 Ibid., tr. 64.

đó chúng ta: “Vì bất cứ ai không yêu người anh em mà họ nhìn thấy, thì người đó cũng chẳng yêu Chúa là Đấng mà họ không nhìn thấy.” (1 Ga 4:20)

Hơn nữa, một linh mục không thể tạo nên những mối liên hệ chắc chắn có thể sai lầm nếu ngài tin rằng đời sống gia đình sẽ giải quyết được các vấn đề của ngài. Những người sống trong đời sống gia đình biết rất rõ nó khó khăn và thách đố như thế nào của đời sống vợ chồng. Thậm chí những người tốt lành nhất cũng phải khó nhọc để có một đời sống vợ chồng tốt.

Mối Liên Hệ Độc Thân Với Thiên Chúa

Vậy thì sao những mối liên hệ độc thân này lại vô cùng quan trọng với đời sống của một linh mục? Điều được chú ý đầu tiên và trên hết đó là vì mối liên hệ với Thiên Chúa. Chương bốn: “Linh mục như là người Bạn của Thiên Chúa,” đã nói về trung tâm điểm của tình bạn của chúng ta với Chúa. Nó thì không thể thiếu đối với căn tính của mọi Ki tô hữu, và đặc biệt đối với linh mục người được dâng hiến cho Thiên Chúa. Đời sống độc thân và linh mục cả hai đều là những thực tại thiêng liêng chủ yếu. Sự thật là tâm lý và các ngành khoa học nhân văn có thể giúp chúng ta hiểu và sống những khía cạnh nào đó của đời sống linh mục và đời sống độc thân. Nhưng, cuối cùng thì một người không thể hoàn toàn hiểu được cũng như là đối xử công bằng với đời sống độc thân hay linh mục nếu như không đề cập đến các khoa học thánh. Cả hai đời sống độc thân hay linh mục đều cắm rễ trong đời sống thiêng liêng và trong mối liên hệ với Chúa. Vì vậy, nếu không có một mối liên hệ này nở với Chúa cả hai đời sống này đều không thể hiểu được và cũng

không thể chấp nhận được. Có lẽ đây là một lý do quan trọng tại sao đời sống linh mục và độc thân được xã hội ngày nay hiểu biết rất ít và cũng không mấy đánh giá cao.

Một trong những sự thúc đẩy mạnh mẽ nhất để sống đời sống độc thân là được tình yêu của Thiên Chúa chạm tới, và rồi đáp trả trực tiếp cho tình yêu của ngài. Điều này nghe có vẻ như là từ những huyền nhiệm vĩ đại, nhưng gọi nhớ lại trên 64% các linh mục mới chịu chức khẳng định rằng họ đã có “một cảm nghiệm về giác ngộ thiêng liêng trong những năm thanh thiếu niên của họ” thì thật là “quan trọng đối với ơn gọi của họ.”²⁹ Sau khi được ngọn lửa của tình yêu Thiên Chúa chạm tới, khao khát sống một đời sống độc thân, một đời sống tập trung cho Thiên Chúa thì thật dễ hiểu. Không phải là tất cả những người sống độc thân đều có một kinh nghiệm trực tiếp và mạnh mẽ như thế, nhưng mà rất nhiều người có. Đối với những xã hội giàu có hiện nay, những lời của Karl Rahner phát đi một chân lý quan trọng: “Nó đã được chỉ ra rằng, Kitô hữu trong tương lai sẽ là huyền nhiệm hoặc không là Kitô hữu gì cả.”³⁰

Đối với những ai tìm kiếm Thiên Chúa một cách nghiêm túc và kiên trì, tôi tin rằng bằng nhiều cách Thiên Chúa sẽ cho họ có một cảm nghiệm trực tiếp thiêng liêng về ngài. Tôi đã làm việc một ít tháng với một linh mục đau khổ vì chứng quá dè dặt. Ngài luôn có một niềm tin rằng ngài thì xấu xa, và Thiên Chúa thì giận dữ với ngài và phán xử ngài một cách tiêu cực. Sự suy nghĩ dè dặt như vậy xuất phát từ môi trường gia

29 Ibid., tr. 13.

30 Karl Rahner, “Đường lối Thiêng liêng của Giáo hội trong Tương lai,” in *Theological Investigations* 20, tr. 143-153.

đình của ngài; bố của ngài là người hay giận dữ và như quan án. Ngài lớn lên trong suy nghĩ là mình chẳng bao giờ là tốt. Trong khi chúng tôi làm một số liệu pháp chữa bệnh, ngài cũng chẳng thay đổi được suy nghĩ là Thiên Chúa thì không hài lòng với ngài, bất chấp ngài có sống một đời sống gương mẫu hay không. Vì thế, tôi đã yêu cầu ngài mỗi ngày hãy cầu nguyện xin ơn cảm nghiệm trực tiếp về tình yêu Thiên Chúa. Ngày này qua ngày khác, ngài đã cầu nguyện để xin ơn ấy. Cuối cùng, trong một loạt những giây phút ân sủng, ngài đã cảm nghiệm Thiên Chúa đã yêu thương ngài như thế nào cũng như Thiên Chúa đã hài lòng với ngài như thế nào. Đây là một cảm nghiệm chữa lành quan trọng.

Có hay không có những kinh nghiệm mạnh mẽ như thế, một đời sống thiêng liêng vững chắc, cũng như nuôi dưỡng mối liên hệ với Chúa là điều thiết yếu. Không phải ngẫu nhiên mà Mười hai Bước của Alcoholics Anonymous có một sự tập trung thiêng liêng mạnh mẽ. Trong nhiều cách thức, chương trình của họ để phục hồi thiết yếu là một chương trình thiêng liêng. Khi làm việc với các linh mục những người đã đi sai đường cả một thời gian dài, thật hiếm để có thể thấy đời sống thiêng liêng của họ vẫn còn nguyên vẹn.

Thuyết tự nhiên thần giáo dễ dàng đầu độc đức tin Kitô giáo của chúng ta. Như đã lưu ý trước đây, nhà tự nhiên thần luận tin tưởng rằng Thiên Chúa đã tạo dựng vũ trụ và bây giờ Ngài đứng nhìn vũ trụ tự đàng xa, để cho nó tự vận hành theo quy luật tự nhiên của nó. Đây không phải là quan điểm của Kitô giáo. Đúng là Thiên Chúa đã đặt các quy luật tự nhiên vận hành vũ trụ chúng ta, nhưng giáo lý căn bản của Kitô giáo là Thiên Chúa đã trở nên người phạm trong thế giới chúng ta

trong con người của Đức Giêsu. Vì thế, Thiên Chúa đã tiến vào hiện hữu của chúng ta, và thậm chí bây giờ Ngài vẫn đang đổ đầy chúng ta với sức sống thần linh của Ngài. “Và này, Thầy sẽ ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế.” (Mt 28:20)

Vì vậy, đời sống độc thân là một nhân chứng cho thực tại Kitô giáo này, đó là Thiên Chúa ở với chúng ta. Chúa Giêsu nói thẳng thắn với chúng ta: “Quả thế, trong ngày sống lại, người ta chẳng lấy vợ lấy chồng, nhưng sẽ giống như các thiên thần trên trời.” (Mt 22:30). Tuy nhiên, đời sống mai sau đã ở đây bây giờ trong hình thức bắt đầu, bởi vì bây giờ Thiên Chúa đang ở với chúng ta, đó là “Nước Thiên Chúa đã đến gần.” Đời sống độc thân là một nhân chứng sống cho vương quốc này đã bắt đầu. Nó không tuân theo công cảm bởi vì nó không phải tự nhiên. Quả thật, nó không tự nhiên; nó là *siêu*- tự nhiên. Trong Đức Giê su, điều *siêu* - tự nhiên đã bắt đầu ở đây và bây giờ.

Để nhân chứng này mạnh mẽ và hiệu quả, đời sống độc thân phải có mối liên hệ với Thiên Chúa, Ngài đang hiện diện bây giờ. Tự nhiên thần luận không phải là một chọn lựa hiển dưng đời sống. Trong nghiên cứu tôi đã thực hiện, tôi đã làm rõ và lưu ý rằng, 94% đã tuyên bố «có mối liên hệ cá nhân với Thiên Chúa (hay Đức Giêsu), thật là hữu ích đối với tôi.» Sự trả lời hầu như thống nhất. Các linh mục hầu như không nói nhiều về mối liên hệ của họ với Thiên Chúa. Chúng ta hầu như rất riêng tư về hành trình thiêng liêng cá nhân của mình, thậm chí còn có thể hơn vậy nữa. Nhưng các kết quả của nghiên cứu cho thấy rằng, những mối liên hệ của các linh mục với Chúa thì phát triển mạnh, và là một phần quan trọng trong đời sống của họ.

Mối Liên Hệ Độc Thân Với Những Người Khác

Như mối liên hệ của ngài với Thiên Chúa, mối liên hệ của linh mục độc thân với những người khác thì cũng quan trọng. Một linh mục tự cô lập mình sẽ tiến tới sụp đổ, như nghiên cứu của Hội đồng Quản trị của Liên Đoàn Các linh Mục Hoa Kỳ (NFPC) đã cho biết. Nhưng chúng ta các linh mục, chúng ta làm việc trong các mối liên hệ. Chúng không phải chỉ đơn giản xảy ra. Nếu chúng ta không cẩn thận, chúng ta sẽ dành toàn bộ thời gian để làm việc mục vụ mà bỏ quên chúng ta. Trong khi đời sống như thế có thể xem như là là đời sống vị tha, nó lại hoàn toàn là tự hủy. Khi ngày nghỉ của chúng ta tới, chúng ta sẽ thấy mình cô đơn. Khi các vấn đề tấn công, chúng ta không có ai để chia sẻ những gánh nặng. Đời sống linh mục dễ dàng trở thành đời sống cô đơn nếu như chúng ta để nó xảy ra một cách tiêu cực.

Vì vậy, chúng ta phải làm việc trong những mối liên hệ. Chúng ta phải tích cực vun trồng một mạng lưới những bạn hữu thật sự. Rất nhiều các linh mục chúng ta nghĩ rằng những người quen là những người bạn. Hầu hết các linh mục có rất nhiều người quen. Họ biết chúng ta một chút, và chúng ta cũng biết một chút về họ. Chúng ta cũng thường gặp họ, và chúng ta cũng có những dịp cảm thấy thoải mái đồng hành với họ. Nhưng tình bạn thì sâu xa hơn vậy nhiều. Những bạn hữu chia sẻ với nhau niềm vui và nỗi buồn. Họ nói với nhau về những buồn phiền đau khổ cũng như những hy vọng. Bạn hữu dễ bị tổn thương vì nhau. Và có một sự nâng đỡ chăm sóc lẫn cho nhau để nâng cao phẩm chất của mối liên hệ.

Đây là một ví dụ của câu hỏi quyết định xem bạn có những

người bạn hay không. Hãy suy nghĩ về thời điểm khó khăn nhất mà bạn sẽ trải qua... nó có thể là thể lý, thiêng liêng, hay tâm lý. Bất chấp khó khăn lớn đến mức độ nào lúc này, câu hỏi tôi nêu lên là: Bạn sẽ nói với ai? Bạn có nói điều đó với bất cứ ai không? Bạn bè chia sẻ những khó khăn với nhau và nhận lại sự nâng đỡ.

Tôi biết rằng chúng ta, những người đàn ông thì không thích chia sẻ những thứ cá nhân riêng tư. Không phải bạn bè thì thiết yếu chúng ta phải chia sẻ mọi thứ. Nhưng một người đàn ông - hay đàn bà - là một cuốn sách đóng kín và chia sẻ một chút, nhưng một câu hỏi nhỏ là liệu anh ta hay cô ta có bất cứ người bạn thân nào hay không.

May thay, khả năng kết bạn không phải là một phẩm tính di truyền. Nó là một kỹ năng có thể học. Bất cứ ai cũng có thể kết bạn và không bao giờ quá trễ. Tôi nhớ đã làm một cuộc lượng giá tâm lý với một linh mục và đã hỏi ngài là ngài có ai là bạn thân không. Ngài đã trả lời: “Không, chẳng có ai đã gọi điện thoại cho tôi.” Tôi đã đáp lại: “Có phải điện thoại trong phòng cha chỉ làm việc một chiều phải không? Cha đã có thể gọi cho ai đó chứ.” Câu trả lời cho câu hỏi này bộc lộ một điều gì đó: “Nếu như tôi gọi một người nào đó và họ nói không? Đây là điểm cơ bản của vấn đề: vị linh mục sợ bị từ chối. Tình bạn bao gồm cả sự may rủi nữa. Chính chúng ta mở lòng với người khác và làm cho chúng ta dễ bị tổn thương. Quả thật, người khác có thể nói không. Và nếu điều đó xảy ra, chúng ta sẽ bị tổn thương một chút. Nhưng vết thương thì không đến nỗi chết người, và chúng ta có thể thử lại với người khác nữa.

Sau khi đã được hỏi về tình bạn, một linh mục khác nói:

“Chẳng có ai thích làm bạn với tôi.» Ở dưới đáng vẻ bạo dạn và dường như tự tin của một số người trong những vai trò của một linh mục là một sự tự tin mỏng manh cũng như sự sợ hãi bao phủ. Những người này giúp đỡ người khác rất tốt, cũng như thi hành nhiệm vụ mình tuyệt vời, nhưng khi đặt họ với những người đồng trang lứa, họ cảm thấy thua kém và không thích.

Tin vui là có nhiều người muốn làm bạn với chúng ta chỉ nếu như chúng ta cho họ cơ hội. Khi chúng ta cảm thấy chúng ta không được yêu thương hay không ai thích, đó là lúc những thần dữ trong chúng ta đang lên tiếng. Nhưng nếu chúng ta đến với những người khác, mọi người chúng ta sẽ tìm thấy mối liên hệ, và cuối cùng là tình bạn. Chúng ta đang bơi lội trong biển cả của những nhu cầu của con người, những tình cảm, và những sự thân mật tiềm năng. Đối với những ai chỉ thấy trống vắng và cô lập chung quanh mình, tôi khích lệ hãy tin rằng sự suy tư và đời sống của mình có thể thay đổi.

Sau một ít năm làm việc với các linh mục và tu sĩ gặp nhiều vấn đề về tâm lý, con đường phục hồi hầu như luôn luôn bao gồm sự nối lại mối quan hệ với những người khác. Tái xây dựng những mối liên hệ con người thì hầu như luôn luôn là một phần cấu thành sự chữa lành và thay đổi đời sống. Sự chữa lành không thể hoàn thành trong sự cô lập.

Đào tạo ở chủng viện cho các linh mục tương lai không phải bao gồm sự hướng dẫn cũng như cổ vũ đặc thù về tình bạn con người. Không có ơn gọi nào tôi biết lại minh nhiên bao gồm sự hướng dẫn như thế. Theo kinh nghiệm làm việc của tôi với các linh mục gặp khó khăn, tôi đề nghị điều này nên được

thêm vào. Trong khi mọi tầng lớp của con người đều phát triển mạnh nhất trong một môi trường có những mối liên hệ kích lệ, đời sống độc thân lạnh mạnh cũng đòi buộc một đời sống với mối liên hệ nồng nàn.

Những Giới Hạn

Khi bàn luận về vấn đề các mối liên hệ của linh mục, vấn đề về các giới hạn hiện lên một cách tự nhiên. Khi người ta sử dụng từ ngữ *các giới hạn*, họ thường hiểu về các thứ mà chúng ta *không* nên làm. Nó chỉ được bàn luận về ý nghĩa tiêu cực của nó, đó là những cái không. Nhưng thật ra giới hạn thì cả về hai điều có và không. Như Kinh Thánh nói với chúng ta: “Nhưng hễ ‘Có’ thì phải nói ‘Có’, và ‘Không’ thì phải nói ‘Không’” (Mt 5:37). Với những giới hạn nghiêm chỉnh, chúng ta nói có với những ai chúng ta muốn có mối liên hệ gần gũi, và không với những ai và với những tình huống chúng ta phải giữ khoảng cách an toàn.

Vị linh mục chỉ biết nói có cuối cùng sẽ đi đến những tình huống cũng như những mối liên hệ mà ngài không nên có. Ngược lại, đối với vị linh mục chỉ biết nói không, đời sống của ngài sẽ an toàn nhưng lại chỉ là chiếc bong bóng khô khan.

Những giới hạn tốt thì khó khăn, đặc biệt là trong một đời sống thật căng thẳng và tình cảm phức tạp như của một linh mục hoạt động. Ngài bị bao vây chung quanh bởi biết bao nhiêu người với biết bao nhu cầu. Nhiều lúc, chính những nhu cầu của mình cũng bị bỏ quên vì một bức tranh ngập đầy những thứ khác. Ví dụ, với cái chết của cha mẹ linh mục, và sự tấn công của tuổi trung niên, một cách dễ hiểu linh mục có thể

trở nên yếu đuối với những mối liên hệ không đúng đắn. Ngài có thể đi đến chỗ là tìm kiếm sự thoải mái ở những nơi không đáng hoàng. Một lần nữa, *quy luật của bà nội bà ngoại* có thể hữu ích. Nếu bà nội hay bà ngoại thấy điều bạn đang làm, bà sẽ nói gì?

Những giới hạn thì cũng quan trọng trong việc đẩy lui những ảnh hưởng tiêu cực và tạo không gian cho đời sống cá nhân. Thật ra, mọi linh mục đều có một số nhỏ những người tiếp cận ngài trong những cách thức không xứng hợp. Ví dụ, một số người muốn ngài ở với họ trong một thời gian quá mức. Một số người khác thì có thể gọi điện muốn gặp ngài bất cứ lúc nào vì những thứ không ăn nhập vào đâu. Một vài người thậm chí còn thử những giới hạn của ngài để xem ngài có sẵn sàng quan hệ tình dục với họ không. Không có những giới hạn lành mạnh, đời sống của ngài sẽ nhanh chóng bị mất kiểm soát.

Tương tự như vậy, một linh mục cần có đời sống cá nhân. Một linh mục luôn luôn và mãi mãi bận rộn thì loại chính mình khỏi thời gian cá nhân cần thiết để nghỉ ngơi, giải trí, nghiên cứu, và phục hồi thiêng liêng. Nó nhắc nhở tôi về một linh mục mà đời sống thiêng liêng của ngài bị xé nát. Khi hỏi ngài: “Cha có ngày nghỉ mỗi tuần không?” Ngài đã trả lời với một giọng điệu giận dữ: “Không, tôi không thể. Vì luôn luôn có người nào đó kiếm tôi có việc.” Thật nghịch lý, niềm tin sai lầm của ngài rằng, ngài thì tuyệt đối cần thiết đã đưa đến kết quả là ngài không thể giúp đỡ được ai, và ngài phải nghỉ ít tháng sau đó mới có thể làm việc tiếp được.

Những nhu cầu của họ là cách thức cho linh mục thiết lập một giới hạn giữa mục vụ và đời sống cá nhân của mình.

Một số linh mục thực hiện điều này trong bối cảnh nơi ở gần liền với nhà thờ. Thường thường, chỗ ăn ở của linh mục là nơi “Không phận sự miễn vào” đối với mọi người trừ những bạn hữu của ngài. Với sự suy giảm của số lượng các linh mục, và sự gia tăng của số lượng những người thuê mướn, hoặc là đội ngũ thiện nguyện, một số nơi ở của linh mục được biến đổi thành các văn phòng, và các linh mục thì đi ở căn nhà nào đó gần nhà thờ do giáo xứ chủ quyền. Đây là cách thức hiệu quả để tách rời mục mục và đời sống cá nhân.

Nói “Không” Một Cách Tử Tế

Một kỹ năng mà mỗi linh mục cần học, và cũng cần phải được dạy trong chủng viện, là nghệ thuật nói “không” một cách tử tế. Một linh mục càng ở lâu trong một nhiệm vụ thì ngài càng nổi tiếng với mọi người, và càng nhiều chữ “không” ngài cần phải nói. Hầu hết các linh mục cảm thấy khó khăn khi phải nói không. Như là kết quả của nó, khuynh hướng càng ngày càng ngập đầy với công việc. Với một ít linh mục khác, đời sống của họ cũng như thái độ tiêu cực của họ nói không, mà không bao giờ mở miệng. Có những người giận dữ và cay đắng. Những giới hạn của họ thì thật khắc nghiệt.

Tôi học cách nói không từ chị dâu của tôi. Có lần tôi nghe lỏm cuộc nói chuyện điện thoại của chị tôi. Một người nào đó nhờ chị tôi làm chủ tọa buổi gây quỹ. Chị tôi là một người tổ chức tốt, có tài liên lạc với nhiều người, và thường rất hay được mời tới các sự kiện. Vì thế, chị tôi không thể làm hài lòng với tất cả những đề nghị của mọi người. Khi chị tôi kết thúc cuộc nói chuyện điện thoại, chị tôi đã nói không trong một cung cách chị tôi đồng tình với người khác, và giữ mối liên hệ

sống động và tốt đẹp, và một cách lịch sự, chị tôi nói là chị tôi không thể thực hiện điều đó.

Tôi có thể tóm tắt cách thức chị tôi tiếp cận, và tôi sắp xếp một số bước căn bản để sử dụng khi cần nói không:

Bước 1: Đồng thuận vấn đề.

Bước 2: Bộc lộ sự hãnh diện của bạn khi được kêu mời tham dự.

Bước 3: Nói rằng bạn rất thích được tham dự nếu bạn có thể.

Bước 4: Nói rằng bạn rất xin lỗi, nhưng bạn không thể tham dự được. Nếu không cần thiết thì không cần phải đưa ra lý do.

Ví dụ, nếu như một người nào đó mời bạn dẫn một nhóm học sinh trung học đi viện bảo tàng, bạn có thể nói: “Thật là một điều tuyệt vời khi dẫn các em học sinh của chúng ta tới viện bảo tàng. Tôi biết rằng các em sẽ học được rất nhiều thứ và các em cũng sẽ rất thích thú ở đó. Tôi thật hãnh diện vì anh (chị) đã nghĩ tới tôi và mời tôi. Tôi thật vui khi được tham gia việc này nếu tôi có thể. Nhưng, tôi rất xin lỗi vì tôi không thể tham gia được. Nhưng tôi thật sự chúc anh (chị) mọi sự tốt lành và có một chuyến đi tuyệt vời.

Để sống một đời sống độc thân tốt lành như một linh mục thì không phải dành cho người nhút nhát. Nó đòi hỏi một người đủ can đảm để nói có với một sự hăng say vui sống và yêu thương. Và nó cũng đòi hỏi chúng ta nói không nhiều hơn là chúng ta muốn. Các linh mục của chúng ta cần luyện tập và học hỏi cả trong hai trường hợp nói có và xây dựng những mối quan hệ, và cũng phải biết khi nào cũng như nói không như thế nào.

Đời Sống Độc Thân Là Một Quà Tặng

Với việc suy giảm sự ủng hộ đối với đời sống độc thân trong xã hội bị ảnh hưởng bởi tình dục, nhu cầu chứng tá của đời sống độc thân lại càng lớn. Nhưng mà sống nó lại càng khó khăn hơn. Các linh mục chúng ta không còn được vây quanh bởi những người ủng hộ, hay là đánh giá cao về giá trị của nó nữa. Nếu chúng ta sống đời sống này tốt lành, nhiều lúc chúng ta đòi hỏi hít vào trong tim và tìm ra năng lượng và nhiệt tình cho ơn gọi tràn đầy ân sủng nhưng khó khăn này. Những sự nguy hiểm thì cao; nếu chúng ta tìm được nhiệt tình như thế thì chúng ta trở thành những linh mục ngập tràn niềm vui và nhiệt thành. Nếu không, chúng ta dễ dàng trở thành những người giận dữ và cay đắng.

Quà tặng đến trong những loại hộp khác nhau, mỗi loại đặc biệt cho mỗi người nhận khác nhau. Một số linh mục nói về quà tặng qua việc ngài hiện diện và luôn sẵn sàng với dân chúng. Những mục tử linh hồn vĩ đại này tìm thấy niềm vui và sức bổ dưỡng trong những mối liên hệ với dân chúng ngài phục vụ. Những linh mục khác nói về quà tặng trong mối liên hệ trực tiếp và tự do của họ với Chúa. Họ là những người chiêm niệm giữa chúng ta mà chúng ta rất cần. Vẫn còn những linh mục khác cảm nghiệm trực tiếp sức mạnh của các bí tích và tập trung đời sống linh mục độc thân vào những giây phút tràn đầy ân sủng này. Những linh mục này là những máng chuyển ân sủng cứu độ của Đức Kitô. Suy tư kỹ hơn, tất cả có ba đoàn sủng trong mỗi chúng ta.

Đôi khi chúng ta nên trích Kinh Thánh như một chân lý đúng nghĩa:

Ông Phê-rô lên tiếng thưa Người: «Thầy coi, phần chúng con, chúng con đã bỏ mọi sự mà theo Thầy! «Đức Giê-su đáp: «Thầy bảo thật anh em: Chẳng hề có ai bỏ nhà cửa, anh em, chị em, mẹ cha, con cái hay ruộng đất, vì Thầy và vì Tin Mừng, mà ngay bây giờ, ở đời này, lại không nhận được nhà cửa, anh em, chị em, mẹ, con hay ruộng đất, gấp trăm, cùng với sự ngược đãi, và sự sống vĩnh cửu ở đời sau. (Mk 10: 28-30)

Đời sống linh mục không phải là một bổn phận làm ngoài giờ. Nó không thể sống một cách nửa vời. Nó là một ơn gọi sống trọn vẹn, bởi vì lời mời gọi chúng ta theo Đức Kitô là một lời mời gọi hiến dâng trọn vẹn. Nó không chấp nhận sự sao nhãng hay cạnh tranh. Đời sống độc thân là một giây phút và trong sự tự cam kết trọn vẹn và cá nhân.

Chúa Giêsu đã hứa cho chúng ta sự sống đời đời trong đời sống mai sau. Nhưng ngài cũng hứa cho chúng ta gấp trăm ở đời này. Chúng ta đã nhận được sự dồi dào này và sẽ tiếp tục nhận nữa. Chúng ta đã nhận gấp trăm lần như là rất nhiều các anh em, chị em, gia đình, và nhà cửa hơn điều chúng ta đã có thể tưởng tượng. Chúa Giêsu đã nói thật và chúng ta thật là được chúc lành dồi dào.

CHƯƠNG 7

**LINH MỤC LÀ NGƯỜI ĐÀN ÔNG:
TRONG MỘT KỶ NGUYÊN NỮ QUYỀN
ĐANG TĂNG TRIỂN**

Tôi được kể về Abbot John là một chú lùn, một lần nọ chú nói với anh trai của mình: “Em muốn sống trong một cảnh an toàn như là các thiên thần sống, không làm việc gì cả, mà chỉ phụng sự Thiên Chúa không ngưng nghỉ.” Rồi lột bỏ tất cả trên người, chú bắt đầu chạy vào sa mạc. Sau một tuần chú trở về nhà anh mình. Trong khi chú ta gõ cửa, trước khi mở cửa anh của chú nói vọng ra: “Ai vậy?” Chú ta đã trả lời: “Em là John.” Rồi anh của chú trả lời và nói: “John đã trở thành thiên thần rồi và không còn sống giữa con người nữa... nếu chú là một con người, chú phải bắt đầu làm việc để sống...” Vì thế John đã làm việc đền tội và đã nói: “Anh ơi, hãy tha cho em, vì em là kẻ có tội.”³¹

Thomas Merton

Trước hết, linh mục là một người đàn ông. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II trong tác phẩm quan trọng về đào tạo linh mục *Pastores Dabo Vobis*, đã nói một cách rõ ràng và mạnh mẽ về tầm quan trọng của việc đào tạo nhân bản. Tông huấn này viết: “Toàn bộ công việc đào tạo linh mục sẽ bị khiếm khuyết nền

31 Thomas Merton, Khôn ngoan của Sa mạc: *Những câu nói của các Nghị phụ trong Sa mạc ở Thế kỷ Thứ Tư* (New York: New Directions, 1960), tr. 441-442.

tảng cần thiết nếu như nó thiếu vắng một sự đào tạo nhân bản thích hợp.”³² Để là một linh mục hữu hiệu, trước hết ngài phải là một hữu thể quân bình.

Vì ngài là một người đàn ông, vì thế ngài phải có tâm thần quân bình là một đàn ông. Nhưng điều này không rõ ràng và đơn giản như nó mới thoát xuất hiện, nhất là trong văn hóa Phương Tây ngày nay. Tôi tin rằng có một điều tinh vi cơ bản, nhưng đôi khi lại không tinh vi, là thói hoài nghi đối với nam tính ngày nay. Tôi đã thấy một cái đề-can dán trên xe điện đựng như thế này: “Để thành công, một người phụ nữ phải làm việc vất vả gấp hai lần một người đàn ông. May thay, nó thì không khó.” Những hài kịch tình thế trên truyền hình ngày xưa đã ca tụng vị thế đàn ông như là “Người cha biết nhiều nhất” đã được thay thế bằng những điều như “Những người đàn ông hành xử tệ.”

Thói hoài nghi về nam tính đến từ đâu? Nó rất có thể là một phản ứng mạnh từ những thế kỷ do nam giới thống trị và kỳ thị đối với phụ nữ. Như đã trích dẫn trước đây, một sử gia nổi tiếng của Giáo Hội, Đức Cha John Tracy Ellis đã nói trong một lần thuyết trình của ngài rằng chủ nghĩa bài giáo sỹ ngày nay là kết quả trực tiếp của chủ nghĩa phò giáo sỹ trong quá khứ. Tương tự như vậy, tôi nghi ngờ rằng việc chống nam giới là một phản ứng mạnh đối với sự thống trị của phái nam trong quá khứ. Đàn ông ngày nay phải chịu đau khổ vì những tội lỗi của cha ông họ. Nếu một người chụp lại tinh thần của sự thống trị của nam giới trong một cụm từ, một người có thể sử dụng một dòng từ bản nhạc *Người phụ nữ trung bình của tôi*: “Tại

32 Gioan Phaolô II, *Pastores Dabo Vobis* (March 25, 1992), số 43, www.vatican.va.

sao một phụ nữ lại không có thể trở nên giống đàn ông hơn?” Nó đã được thay thế bằng một câu thần chú mới: “Tại sao một người đàn ông lại không có thể trở nên giống phụ nữ hơn?”

Trong nền văn hóa thành kiến chống lại tính đàn ông và nam giới, thì linh mục là đàn ông cần phải đủ can đảm để chấp nhận nam tính của mình, ôm ấp nó, và diễn tả nó trong một cách thức quân bình. Điều này có thể là khó khăn trong bầu không khí này, tuy nhiên nó là một trong các nhiệm vụ của ngài. Thật trớ trêu, một linh mục mà không thể ôm ấp nam tính của mình trong một cách thức tích cực thì cũng dễ dàng sa ngã vào một trong hai thái cực. Hoặc là ngài sẽ kiềm chế nam tính của ngài và trở thành “thiếu quyết đoán” và không dám quyết định, cảm giác tội lỗi và thấy có lỗi vì nam tính của mình, hay là ngài có thể sẽ sa vào thái cực khác là trở nên hống hách, khát quyền lực, và độc đoán.

Trở nên trưởng thành nam tính có nghĩa là cảm thấy thoải mái với nam tính của mình, và vì thế không cần phải dấu giếm hay là cường điệu hóa nó. Chúng ta không phải xin lỗi vì là người đàn ông. Đồng thời, chúng ta cũng không nên sử dụng nam tính của chúng ta như là một vũ khí.

Nam Tính Đối Lại Nữ Tính

Khi nói về nam tính, tôi không nhắm tới căn tính giới tính tự nó, hay là theo sinh học là một người đàn ông hay đàn bà. Trái lại, nam tính bao gồm một loạt những nét nhân cách và cách thức tương tác với những người khác và với thế giới gắn liền với đàn ông ngày nay. Những nét này tìm thấy trong những mức độ khác nhau cả ở phụ nữ và đàn ông. Tương tự như vậy

được áp dụng cho những nét nữ tính và phụ nữ. Không ngạc nhiên gì, những nét nam tính thì tìm thấy một cách tiêu biểu có mức độ mạnh hơn ở đàn ông, và những nét nữ tính thường mạnh hơn ở phụ nữ, nhưng cả đàn ông và đàn bà đều có một số nét của cả hai.

Khi định nghĩa những nét gắn liền với nam tính và nữ tính ngày nay, một người có thể sử dụng những danh sách khác nhau. Đề định nghĩa nam tính, tôi sẽ đề cập tới những nét như lý luận, lãnh đạo, trí tuệ, cạnh tranh, tự khẳng định mình, chịu trách nhiệm, căn tính trong sự độc đáo, vâng phục theo cấp trật. Các nét nữ tính theo tính cách có sẵn là liên hệ, vỗ về, ấm áp, bao gồm, nhẹ nhàng, tình cảm, chăm sóc, và cộng tác. Như chúng ta có thể thấy, mỗi người chúng ta đều có tất cả những điều này trong những mức độ khác nhau, nhưng nam tính gần như là gắn liền với khuôn khổ của đàn ông và những nét nữ tính thì gắn liền với khuôn khổ của phụ nữ.

Rõ ràng là tất cả những nét nam tính và nữ tính được liệt kê này, khi thể hiện trong mức độ tương đối thì tốt khi có chúng. Vì thế, loạt những nét này thì không tốt hơn loạt những nét kia. Nhưng đúng là nó nhấn mạnh những cách thức khác nhau trong việc tiếp xúc với những người khác và với thế giới. Sự nguy hiểm là dán nhãn cho một số nét này là tốt và một số nét khác là xấu, hay là thích hay không thích. Thật không may, điều này lại xảy ra.

Mặt tối của nam tính có một số triệu chứng điển hình. Ví dụ, nam tính mất quân bình có thể đưa tới kết quả tình cảm khắt khe. Rất nhiều người đàn ông không thể diễn tả tình cảm cá nhân của mình, có lẽ trừ ra một tình cảm nam tính “có thể

chấp nhận” được là: giận dữ. Những cảm giác mềm dẻo hơn như tính dễ xúc động, buồn phiền, và ám áp thì phải ngăn chặn. Điều này điển hình của nhiều người trong gia đình: Bố có thể nóng giận, nhưng ông ta không nên khóc.

Những triệu chứng khác của nam tính bị sai lệch mà cần điều khiển. Những sự phòng thủ tâm thần về sự suy lý và tri thức được sử dụng tới mức độ thái cực. Cũng vậy, sự cạnh tranh lạnh mạnh bị thay thế bằng hám quyền và khát vọng thống trị.

Trong các mối liên hệ, nam tính thái quá thường diễn tả trong việc sợ bị lệ thuộc và trong sự độc lập cô lập, đó là: “Tự tôi có thể làm được.” Nam tính thái quá thường giải thích thân mật chỉ có nghĩa là quan hệ tình dục. Vì thế, đời sống độc thân đặc biệt khó khăn cho ai nam tính thái quá. Thay vì có thể hình thành những mối quan hệ chăm sóc, và không có tình dục, ông ta bị kẹt vào trong một hay hai thái cực, hoặc là tích cực tình dục hay là cô đơn lạnh lẽo.

Tôi gợi nhớ làm việc với một số linh mục, những người gặp khó khăn trong việc sống thanh khiết. Tôi đã hỏi mỗi người trong họ về những tình bạn và về những mối liên hệ trong đời sống của họ. Một số người trả lời rằng họ không thể có những mối quan hệ bởi vì họ được kêu gọi để sống độc thân. Tôi đã nói với họ: “Có một điều gì đó ở giữa những mối liên hệ tình dục và cô đơn (đơn độc).” Câu trả lời điển hình là «Cái gì?» Đối với nhiều người đàn ông này, họ không có một ý niệm mơ hồ nào hay cũng không có một kinh nghiệm cá nhân nào về những tình bạn ám áp, không có tình dục, và thanh khiết. Điều may là những mối liên hệ như thế có thể học được... nhưng chỉ

khi một người sẵn lòng chấp nhận những nét «nữ tính» như là chia sẻ, dễ bị tổn thương, và liên đới. Đối với một số người, điều này có thể là quá đe dọa.

Mặt khác, cũng có một mặt tối đối với nữ tính, đó là nữ tính thái quá mà không quân bình với những nét nam tính. Một số người này trở nên thụ động và đánh mất mình trước những người khác. Nữ tính thái quá cũng không thể có hành xử kiên quyết lạnh mạnh, và có thể trở thành thiếu xóc vác và thụ động. Con người này cũng không thể chăm sóc cho chính mình bởi vì những nhu cầu của bà ta bị kiềm nén vì những người khác. Kết quả là, bà ta có thể bị mất căn tính của riêng mình và bám víu những mối liên hệ với người khác trong một kiểu cùng lệ thuộc.

Tôi đã có dịp làm việc với một số nữ tu bị đau khổ vì những khó khăn như thế. Khi họ học để đề cao chính mình và những nhu cầu của mình, và diễn tả những nhu cầu này trong một cách thức kiên định hơn, họ thấy sự tự tin tăng lên và đạt được cảm thức của sự hiệu lực của nó. Họ tập để có tiếng nói cho chính mình.

Thiên Chúa đã tạo dựng nhân loại nam nữ đều cần đến nhau, nam tính và nữ tính sẽ bị biến dạng nếu như không có lẫn nhau.

Thời Đại Của Nữ

Cha Lou Cameli, một linh mục ở Chicago trong một bài nói chuyện năm 1993 trong dịp Hội Nghị Toàn Quốc các Giám đốc ơn gọi của các Giáo Phận đã trích dẫn tác phẩm của Pat-

rick Arnold về linh đạo nam tính, và cảm nhận của ngài về việc tăng cao về sự năng động của phái nữ trong thời kỳ của chúng ta. Điều này có một ảnh hưởng đáng kể đến đời sống cũng như sứ vụ của Giáo Hội. Cha Cameli đã lưu ý rằng đã có một sự chuyển đổi từ những kiểu mẫu mục vụ theo khuôn nam tính qua những kiểu mẫu nữ tính thống trị. Vì vậy, lối tiếp cận của chúng ta với việc mục vụ và thiêng liêng đã trở nên nữ tính thái quá và chỉ có một chút nam tính để cân bằng.

Để thử giả thuyết của ông ấy, tôi đã thực hiện một nghiên cứu không chính thức một nhóm gồm 115 linh mục. Tôi đã cho họ 18 nét, một nửa những nét này xem như đặc điểm của nữ tính, và một nửa còn lại là nam tính.³³ Tôi đã xin các linh mục chọn những nét trong bảng danh sách này mà họ thích. Chín nét đầu tiên mà họ đã chọn là những nét nữ tính; chỉ có nét cuối cùng là nam tính. Thật là đáng chú ý những nét nữ tính đã được thích áp đảo như thế nào. Chắc nó sẽ rất thú vị nếu như cũng việc kiểm tra thử này thực hiện khoảng trước đó 50 năm trong kỷ nguyên nam tính thống trị. Tôi giả định kết quả sẽ rất khác.

Nữ tính và nam tính sẽ dẫn đến những lối tiếp cận mục vụ, thiêng liêng, và thần học rất khác nhau. Sống trong kỷ nguyên nữ tính thống trị, lối tiếp cận nữ tính với tất cả các lãnh vực này gần đây đang được hâm mộ ở rất nhiều nơi.

Ví dụ, trong mục vụ, một lối tiếp cận nữ tính nhấn mạnh tới những giá trị mục vụ tốt như là đặt con người là trung tâm, liên kết với người khác, vỗ về và chăm sóc, bao gồm nhiều người, chia sẻ trách nhiệm, và sử dụng lối tiếp cận theo nhóm.

33 Các đặc điểm rút ra từ the Bem Sex Role Inventory. Nghiên cứu được thực hiện tại hội thảo liên tục của linh mục với 115 linh mục tham dự.

Thậm chí liệt kê ra những giá trị này, một người có thể thấy chúng thống trị mục vụ hiện đại như thế nào, và chúng thì quan trọng như thế nào. Một linh mục không thể ủng hộ những giá trị như thế thì có thể là không có ảnh hưởng, và ngài có thể nhanh chóng trở thành một người lỗi thời. Thời kỳ của một cha xứ chuyên quyền đã qua rồi.

Nhưng nếu những giá trị như thế không cân bằng với những giá trị mục vụ nam tính, nó dễ dàng dẫn tới những khó khăn. Ví dụ, có nhiều lần trong giáo xứ khi quyền bính và sự lãnh đạo tương ứng phải được thực hiện. Cha xứ cần thực hiện những quyết định khó khăn lúc này hay lúc khác, và những quyết định này sẽ không luôn luôn phổ biến. Liệu cha xứ có muốn để quyết định như thế này cho sự đồng thuận của hội đồng giáo xứ quyết định là giáo xứ sẽ ủng hộ huấn Giáo của Giáo Hội về vấn đề phá thai và ngừa thai hay không? Dĩ nhiên là không. Tương tự như vậy, nhiều lúc cha xứ muốn bồi dưỡng giáo dân, ngài cũng sẽ muốn thử thách họ. Vì thế, những cặp đã hứa hôn mà chưa chuẩn bị mà đến cha xứ để xin được cưới trong vòng một tuần bởi vì họ đã mượn nhà hàng rồi, thì gần như là không được cho phép, và đúng ra là không. Cha xứ không chỉ vỗ về và chào đón, ngài cũng phải thử thách và thực hành quyền lãnh đạo.

Khuôn mẫu mục vụ nam tính có thể được diễn tả như là hướng chiều công việc, thử thách, rõ ràng và có thể đoán được, năng suất và hiệu quả, cổ vũ căn tính độc đáo, một sự cạnh tranh lành mạnh, một sự lãnh đạo rõ ràng, và trung thành với cấp trật. Những giá trị nam tính như thế đã suy giảm ở rất nhiều nơi.

Một Nền Thần Học Nam Tính Suy Giảm

Một người có thể nhìn thấy những kết quả bị tổn hại đối với mục vụ và thần học trong thời kỳ này khi nó bị suy giảm về nam tính. Trong thời kỳ hiện đại, chúng ta nhấn mạnh những giá trị tốt lành về thần học như là sự tha thứ và lòng thương xót của Thiên Chúa, cũng như là tình yêu thương và sự gần gũi của Thiên Chúa đối với nhân loại. Tương tự như thế, chúng ta đã nhấn mạnh rằng con người thì tốt lành và được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa. Điều tự nhiên này tuôn chảy từ một lối tiếp cận thần học nữ tính. Tất cả những giá trị này thì đúng đắn và quan trọng và cần giảng dạy. Chúng là liều thuốc giải độc cho thời kỳ nam tính trước đó mà sự tội lỗi và thực tại về sự xét xử của Thiên Chúa cũng như hỏa ngục đã được giảng dạy với sự thích thú tại các sứ mệnh giáo xứ và nơi các bục giảng. Rất nhiều giáo dân trước kia đã cảm thấy sợ hãi như thế nào về những hình ảnh tiêu cực của chính mình và những hình ảnh khắc nghiệt và sự trừng phạt của Thiên Chúa.

Nhưng, với một kết quả đi ra thật xa với các giá trị mang tính nam tính, và gần như hoàn toàn ô mị các giá trị mang tính nữ tính, tôi tin rằng có một khuynh hướng làm giảm những chân lý thần học quan trọng. Những chân lý này cần thiết phải giảng dạy một cách cân đối về Tin Mừng của Chúa Giêsu.

Vì vậy, khi chúng ta nhấn mạnh về tình yêu và lòng thương xót của Thiên Chúa, thực tại của tội lỗi và sự dữ gần như bị che khuất. Bí tích hòa giải thường được sử dụng không đúng mức, việc lãnh nhận Thánh Thể không còn như là điều gắn liền với tình trạng của ân sủng, và rất nhiều người không tin vào sự hiện hữu của sự dữ hiện thân hóa, đó là Satan. Không

ngạc nhiên gì có nhiều người không tin có sự hiện hữu của hỏa ngục. Và nếu họ có tin, thì họ cũng có khuynh hướng tin rằng rất ít các linh hồn, hoặc thậm chí không có ai sẽ bị phạt ở đó.

Tóm lại, “những cái răng” nam tính đã bị nhò khỏi tôn giáo của chúng ta. Sự diễn tả về Thiên Chúa trong những ngày này nhắc nhở về diễn viên George Burns, người đóng vai “Thiên Chúa” trong một loạt phim. Ông ta đã diễn tả mình là một người ông lớn tuổi rất dễ thương, tử tế. Ngày nay chúng ta hay nghe về tình yêu của Thiên Chúa, nhưng chúng ta lại bị mất về sự sợ uy nghi, sức mạnh, và vẻ đáng kinh sợ uy nghi thần linh của ngài. Chúng ta đã đánh mất cảm thức tương ứng về sự kính sợ: “Thật là khủng khiếp khi phải rơi vào tay Thiên Chúa hằng sống!” (Dt 10: 31)

Trong thời kỳ nam tính bị suy giảm, lực đẩy trong việc Tin Mừng hóa và hoán cải cũng bị lu mờ. Vì chúng ta đã quá nhấn mạnh về tính tốt lành của con người trên toàn vũ trụ và nỗ lực cổ xúy tư tưởng thống nhất và tính bao gồm, mà toàn bộ là các giá trị nữ tính, nên chẳng còn bao nhiêu cảm thức cố gắng hoán cải những người khác vào trong tôn giáo chúng ta. Cuối cùng, tại sao hoán cải một người nào đó nếu như không có hỏa ngục, không cần ơn cứu độ, và cũng không cần từ bỏ sự dữ và xa lánh tội lỗi?

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã kêu gọi Giáo Hội trở về với những giá trị “nam tính” trong việc phúc âm hóa trong thông điệp năm 1990 *Redemptoris missio*. Đức Giáo Hoàng đã viết về «một khuynh hướng tiêu cực không thể phủ nhận» ngày nay làm suy yếu sứ mệnh Tin Mừng hóa của Giáo Hội. Ngài mời gọi chúng ta tới một hoạt động truyền giáo để «làm

tái sinh...căn tính Kitô hữu,» một giá trị nam tính khác: căn tính trong sự độc nhất vô nhị!³⁴

Về chiều hướng này, có một chút kỳ diệu nơi tuyên bố của Bộ Giáo Lý Đức Tin vào năm 2000, với tựa đề *Dominus Jesus*, đã nhận lại biết bao áp lực tiêu cực. Trong khi có thể nói rằng, văn kiện nên viết một cách nhạy cảm hơn (như là diễn tả một cách “nữ tính hơn”), lỗi tiếp cận nam tính của nó về đức tin đã công hiến một liều thuốc quan trọng cho những thái quá trong thời hiện đại.

Đặc biệt, *Dominus Jesus* đã nói rõ ràng và trực tiếp về một số những chân lý chính yếu gần như không còn phổ biến ngày nay. Trước hết, Chúa Giêsu là Thiên Chúa và là Đấng Cứu Độ duy nhất. Đức Phật có thể là một người thánh thiện và Mohammed có thể là một tiên tri, nhưng chỉ có một Chúa và một Đấng Cứu Thế. «Ngoài Người ra, không ai đem lại ơn cứu độ; vì dưới gầm trời này không có một danh nào khác đã được ban cho nhân loại, để chúng ta phải nhờ vào danh đó mà được cứu độ.» (TĐCV 4:12) Tôi thường lặp lại chân lý này với các nhóm linh mục. Tôi nói một câu khẳng định rất nam tính, kiên định, và thách thức: «Nếu anh em không tin điều đó, anh em không phải là những Kitô hữu.» Đối với não trạng bao gồm của thời hiện đại, «không có ước vọng chống đối», lỗi tiếp cận này dường như khắt khe kinh khủng. Nhưng, nó là chân lý. Nó là chân lý chúng ta cần phải nghe.

Thứ nhì, *Dominus Jesus* đã lập lại một chân lý khác nữa. Trong khi «Giáo Hội Công Giáo không phủ nhận những tôn

34 Gioan Phaolô II, *Redemptoris Missio* (December 7, 1990), số 2, www.vatican.va.

giáo (khác) là thật và thánh thiện,»³⁵ nhưng “sự viên mãn của mầu nhiệm cứu rỗi nơi Đức Kitô cũng thuộc về... Giáo Hội.” Giáo Hội, do Chúa Giê su thiết lập, “tồn tại trong Giáo Hội Công giáo, được cai quản bởi Đấng Kế Vị Thánh Phê rô và các Giám mục trong sự hiệp thông với ngài.” Giáo Hội của Chúa Kitô “chỉ tiếp tục tồn tại tròn đầy trong Giáo Hội Công Giáo.”³⁶ Các chân lý trong các khẳng định này từ lâu đời đã không thể thiếu trong Giáo Hội Công Giáo. Những điều này được diễn tả trong cái mà tôi gọi là những hạn từ nam tính và dường như loại trừ và khắc nghiệt với náo trạng nữ tính hiện đại. Nhưng tôi nói với các linh mục của chúng ta, «Nếu anh em không tin điều này trong Giáo Hội của chúng ta, anh em không hòa hợp với những giáo huấn nền tảng của Giáo Hội.”

Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy những chân lý như thế một cách tự nhiên thúc đẩy sứ mệnh rao giảng Tin Mừng. Nếu chỉ có Chúa Giêsu cứu độ, và sự tròn đầy của sự mạc khải và hiện diện của Đức Kitô chỉ tồn tại trong Giáo Hội Công Giáo, nên chúng ta tràn đầy lửa Thánh Thần thúc giục cho việc phúc âm hóa. Nhiệm vụ của chúng ta trở thành khẩn thiết. Chúng ta muốn kêu gọi và thúc giục mọi người để được ơn cứu độ. Chúng ta muốn họ có thể hiểu biết trọn vẹn về Đức Kitô và mầu nhiệm cứu độ này. Quả thật, sự khẩn thiết tin mừng hóa này là quan điểm của Tin Mừng. “Ánh sáng còn ở giữa các ông ít lâu nữa thôi. Các ông hãy bước đi, bao lâu các ông còn có ánh sáng, kéo bóng tối bắt chợt các ông.” (Ga 12: 35). Và chúng ta cũng lại được thúc giục: “Hãy qua cửa hẹp mà vào, vì cửa rộng và đường thẳng thàng thì đưa đến diệt vong... Còn

35 Thánh Bộ Tín Lý và Đức tin, *Dominus Jesus* (August 6, 2000), số 2, www.vatican.va.

36 Ibid., số 16.

cửa hẹp... thì đưa đến sự sống. Mà lại ít người tìm được lối ấy” (Mt 7:13-14). Thực hành thần học và mục vụ của chúng ta đã nhấn mạnh về nét nữ tính đồng thời với một sự giảm sút hơn về những khía cạnh mang tính nam tính của thần học. Có một chút kỳ diệu mà chúng ta có thể nhận ra trong Giáo Hội ngày nay đang có một sự triển nở hướng tới sự tái khôi phục khí cạnh nam tính. Có một nhóm người không có cơ cấu chính thức đang kêu gọi cho những giá trị “ngày xưa” được tái khôi phục trong Giáo Hội của chúng ta. Họ nói về thực tại của tội lỗi trong thế giới và công việc của Satan. Họ cảnh báo con người về sự hủy diệt, và nói về sự xét xử của Thiên Chúa sẽ xảy tới. Họ kính trọng sự lãnh đạo của các giám mục và linh mục. Họ thúc giục con người hoán cải và gia nhập Giáo Hội.

Trong khi chúng ta không muốn trở về những ngày của quan điểm thuần nam tính đã đưa dẫn một số người đến sự quá thận trọng vì mang mặc cảm tội lỗi, nhưng chúng ta cũng nên lắng nghe cẩn thận tới sự trỗi dậy này về nét nam tính và sự tái khôi phục nó trong một cách thức quân bình vào trong Giáo Hội.

Hướng Tới Một Giáo Hội Giới Tính Phối Hợp

Trong khi xã hội và Giáo hội trở nên mất quân bình trong lối tiếp cận giới tính của nó, nó bị tổn hại vì những thái cực. Nếu như những thể hệ trước nương tựa thái quá vào khía cạnh nam tính, thể hệ đương thời lại đau khổ vì sự thống trị mất quân bình của khía cạnh nữ tính. Chúng ta thấy nó trong một nền văn hóa phổ biến và trong xã hội của chúng ta nói chung. Chúng ta cũng thấy nó trong Giáo hội.

Sự thật không phải là “hoặc là cái này hay” nhưng là “cả hai và.” Thiên Chúa của chúng ta có những thuộc tính của nam tính cũng như nữ tính. Thiên Chúa là đáng quyền thế và là một thẩm phán chí công. Thiên Chúa cũng là đáng yêu thương, đầy lòng trắc ẩn, và giàu lòng thương xót. Con người thật sự là được tạo nên một cách tốt lành và được Thiên Chúa yêu thương. Nhưng họ cũng chìm ngập trong tội và chỉ có thể được cứu độ bởi sự chết và sống lại của một người, là Chúa Giêsu Kitô.

Chúng ta cần tất cả các bí tích. Chúng ta không chỉ cần nhấn mạnh các bí tích như là Rửa tội và Thánh Thể như chúng ta làm hiện nay, nhưng chúng ta cũng cần phục hồi tầm quan trọng của “những bí tích đã bị lãng quên” ngày nay: những bí tích như là Hòa Giải và truyền chức linh mục. Chúng ta nhận ra là tất cả chúng ta đều là những con người tội lỗi và cần sự tha thứ và chữa lành; và những điều này đến với chúng ta một cách trực tiếp qua sứ vụ của Giáo Hội, đó là qua khí cụ của các linh mục được thụ phong. Nó là điều vinh hạnh của chúng ta là những thừa tác viên của những chân lý này.

Trong khi chúng ta nhìn nhận sự tốt lành nơi các tôn giáo khác, chúng ta cũng không ngần ngại mời gọi những người khác hoán cải đến với Đức Kitô và trở thành những phần tử của Giáo Hội Công Giáo. Chúng ta muốn họ được cứu rỗi. Chúng ta muốn họ đến với sự tròn đầy của mặc khải của Chúa Giêsu được tìm thấy nơi Giáo Hội Công Giáo. Chúng ta không phải tạ lỗi cho tinh thần phúc âm hóa của chúng ta.

Các linh mục chúng ta cũng không phải tạ lỗi vì chúng ta là những người đàn ông. Nó là một ân huệ được là một người

đàn ông, cũng như là một ân huệ được là một người đàn bà. Chúng ta hạnh phúc với nam tính mà Chúa ban cho ta. Chúng ta không tạ lỗi vì chúng ta kiên quyết và cạnh tranh. Chúng ta nỗ lực để là những người lãnh đạo tốt cũng như sử dụng tốt lý luận và trí năng của chúng ta. Chúng ta không sợ nói về sự hiện diện của tội lỗi và sự dữ trong thế giới và sự cần thiết của việc hoán cải. Chúng ta, như những người lớn trưởng thành, coi vâng phục Giáo Hội như là một nhân đức.

Như chúng ta mong muốn Giáo hội chúng ta hòa hợp cả hai tính cách nữ tính cũng như nam tính, vì thế trong đời sống của mỗi người chúng ta, chúng ta cũng phải thực hiện điều đó. Mỗi người chúng ta sẽ có những mức độ khác nhau về nam tính và nữ tính trong cuộc sống chúng ta, nhưng tất cả mọi người chúng ta sẽ nỗ lực để có một sự quân bình cho cả hai. Chúng ta, các linh mục mong muốn trở thành mạnh mẽ và đương nhiên là hiền lành; chúng ta nỗ lực để kiên quyết nhưng lại không phê phán; chúng ta muốn là những người rao giảng tin mừng nhưng cũng là những con người của đại kết; chúng ta muốn tự do nhưng đồng thời cũng là những con người của hiệp thông.

Ngày nay, nhiều sự gây lộn trong giáo hội phát xuất từ những nhóm thái cực kết án lẫn nhau. Chính Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã nói về những bè phái này với các giám mục Hoa Kỳ trong dịp viếng thăm *ad limina* năm 2004 như sau:

Như trong mỗi gia đình, sự hòa hợp nội bộ của Giáo Hội nhiều lúc cũng có thể bị thách thức bởi sự thiếu bác ái cũng như sự hiện diện của sự bất hòa nơi các phần tử của mình. Điều này có thể dẫn đưa tới việc hình thành các phe nhóm trong

Giáo Hội... các giám mục có trách nhiệm hành xử với tình cha kiên định như là những con người của sự hiệp thông nhằm bảo đảm rằng, các Giáo Hội của họ hoạt động như các gia đình, như thế “sẽ không có bất hòa trong toàn thân thể.”³⁷

Mỗi nhóm có rất nhiều điều tốt đẹp để chia sẻ, nhưng chúng cũng sai lầm trong những giới hạn của mình. Họ không hoàn toàn là Công Giáo vì họ không hiệp thông với toàn thể giáo hội, nhưng chỉ với một phần của giáo hội họ chọn lựa để chấp nhận. Các linh mục, chúng ta muốn tránh những quan điểm thái cực chỉ nhấn mạnh đến một khía cạnh nào đó của đức tin và lại làm giảm sút những khía cạnh khác. Chúng ta sẽ mời gọi và thách thức những cá nhân như thế vào sự hiệp thông trọn vẹn với Giáo Hội Công Giáo. Chúng ta không tuyên xưng chính chúng ta là những người cấp tiến hay bảo thủ, là các phần tử của cánh trái hay cánh phải, hay là phần tử của bất kỳ nhóm giới hạn nào. Trái lại, chúng ta gọi chính chúng ta là Công giáo và vinh dự tuyên xưng rằng, sự tròn đầy của Đức Kitô tồn tại trong sự hiệp thông của chúng ta. Vì trong danh ngài chúng ta được cứu rỗi.

37 Gioan Phaolô II, “Bài nói chuyện với các giám mục Ad Limina của thánh phố San Antonio và Oklahoma” (Tháng Năm 2004), www.vatican.va.

CHƯƠNG 8

LINH MỤC LÀ CON NGƯỜI CỦA HIỆP THÔNG

Điều quan trọng đặc biệt là khả năng liên đới với người khác. Điều này thật là nền tảng đối với người được kêu gọi có trách nhiệm đối với cộng đoàn và là «người của sự hiệp thông.»³⁸

Gioan Phaolô II

Điều làm tôi kinh ngạc nhất trong ít năm vừa qua là sự phân cực căng thẳng và tiêu cực trong Giáo Hội. Đáng lẽ phải có sự hiệp thông và đối thoại, thì nó lại là phe cánh và công kích nhau kịch liệt. Tôi nhớ vào một buổi chiều Chúa Nhật, trong một chương trình tin tức. Một người phía bên trái thì cổ xúy cho những thái độ quyết liệt của Giáo Hội trong một cách hành xử rít lên, còn người bên phải thì từ Liên Đoàn Công Giáo. Những người xem chương trình mà không phải Công Giáo thì phải lắc đầu và tự hỏi tại sao cả hai người này có thể cùng hiện hữu trong cùng một Giáo Hội. Quả thật, nếu Giáo Hội này của chúng ta đã không phải là Công Giáo thì với tất cả lịch sử, cấu trúc, thần học, ân sủng thần linh, và thiêng liêng của nó, thì có thể nó đã chia cắt ra thành một số những giáo phái như là một số giáo hội khác đã thật sự xảy ra.

Bản chất thật sự của Giáo Hội Công Giáo chúng ta đó là nơi của sự hiệp thông. Nếu như nó thật sự là Giáo Hội Công

38 *Pastores Dabo Vobis*, số 43.

Giáo hay phổ quát, mọi yếu tố sẽ không phải giống nhau và sẽ có một sự căng thẳng hài hòa giữa chúng. Tuy nhiên, chúng được thêu dệt lại trong một thân thể duy nhất. Điều mà tôi thấy ít năm trong quá khứ không phải là sự hiện diện của sự hiệp thông, nhưng mà chúng ta đang di chuyển tới gần hơn của sự phe cánh. Bởi các phe phái, tôi có ý nói rằng sự thiếu vắng đối thoại tôn trọng cũng như không có sự chấp nhận lẫn nhau. Nhiều khi sự trao đổi giữa các nhóm trong Giáo Hội của chúng ta thì giống như là công kích nhau dữ dội chứ chẳng có mấy chút là hiệp thông.

Nó lại càng không giảm nhẹ trong thời gian khủng hoảng lợi dụng tình dục trẻ em năm 2002 ở Hoa Kỳ. Vào thời gian khủng hoảng, cộng đoàn được mời gọi làm việc với nhau để đối diện với những vấn đề. Khi sự khủng hoảng tấn công một gia đình, các anh chị em, cha mẹ, và con cái liên kết với nhau còn mạnh hơn để có can đảm và sức mạnh liên kết mà đối diện với nó. Nhưng chúng ta thì lại đã làm ngược lại và lao vào sự mật sát, cũng như chỉ trích, kể cả việc tìm kiếm những con dê tế thần để mà lên án.

Cũng đúng, một người trở nên giận dữ khi người nào đó quấy rối tình dục trẻ em, đặc biệt lại là một linh mục hay bởi những ai ủng hộ hành vi ghê tởm của ngài. Nhưng như một nhà tâm lý, tôi có thể nói rằng, sự giận dữ đã nổi lên trong đất nước này, đặc biệt trong lúc (nhưng không chỉ giới hạn trong lúc) kết quả của cuộc khủng hoảng đường như là sâu xa hơn và rộng lớn hơn. Nó giống như là cuộc khủng hoảng này đã gõ đúng vào nguồn mạch của sự giận dữ, của bất tín, và sợ hãi đã đang sôi sục ở trong lòng đất. Nếu thiếu sự đối thoại và hiệp thông như hiện nay, mỗi người chúng ta nên nhìn vào tận cội

lòng của chúng ta và hỏi chính mình xem chúng ta đã đóng góp như thế nào vào trong cuộc khủng hoảng này.

Như Hồng Y Avery Dulles, một nhà tư tưởng tầm cỡ của Công Giáo, chúng ta nên lập lại một số lời khá dài của ngài về chủ đề này:

... sự mâu thuẫn giữa hai phe cấp tiến và bảo thủ đã đánh dấu Giáo Hội như bị phân cực. Cả hai phía đều bị lôi cuốn để làm cho sự quan tâm công bằng cho chân lý phụ thuộc vào những đòi hỏi của tinh thần phe phái, trong đó mỗi hành động hay lời phát biểu đều được lượng giá theo cách là nó có ủng hộ cho mình hay không. Giáo hội như là sự hiệp thông phổ quát đã bị tổn thương nặng nề bởi tinh thần đảng phái như thế... những đảng phái đối chọi tìm cách làm mất uy tín các đối thủ của mình, thường là bởi những sự tấn công gay gắt, hay là thiếu bác ái, và thậm chí là không công bằng... Bất chấp sự công khai ủng hộ hay chống đối bên nào, Giáo Hội Công Giáo vẫn là sự hiệp thông của truyền thống và thẩm quyền, mở ra cho đối thoại và tăng triển. Cảm ơn về kho tàng đức tin của Giáo Hội, nó có các nguồn mạch để đương đầu với khủng hoảng hiện đại về chân lý.³⁹

Điều cần thiết là tái tìm kiếm sự hiệp thông cũng như cộng đoàn Kitô hữu, đó chính là bản chất Giáo Hội là gì. Điều này đưa dẫn tới một việc cần thiết đó là sự hòa giải nội tâm sâu xa trong Đức Kitô. Từ Điển Gia sản của Hoa Kỳ định nghĩa “thu phục” (conciliate), là từ gốc của “hòa giải” (reconciliation,) là

39 Avery Dulles, S. J., *Một chứng nhân cho Ân sủng và những Suy tư về Hành trình Thần học*, ấn bản kỷ niệm năm mươi năm (Kansas City: Sheed & Ward, 1996), tr. 133-135).

“vượt qua sự không tin hay là sự thù oán về.”⁴⁰ Các bè phái và những sự công kích kịch liệt xuất hiện từ trái tim trong mỗi con người chúng ta. Trong những năm gần đây đã cho thấy rằng khi chúng ta nhìn vào trái tim của chúng ta, chúng ta thấy rất nhiều sự giận dữ, không tin tưởng, và hận thù.

Nó có thể làm chúng ta ngạc nhiên và thất vọng khi việc chữa trị tâm lý cho những người lợi dụng tình dục trẻ em, một trong những khía cạnh thông thường nhất về sự phát bệnh là một sự giận dữ ẩn tàng, một loại của giận dữ mừng mủ. Nó bị chôn dấu và khiêu khích, và thường chia rẽ tâm thần giữa “con người tốt” và “con người xấu” của chúng ta. “Con người xấu” thì ở trạng thái bị chôn giấu đối với sự ý thức và một cách tinh vi xé nát toàn bộ cơ cấu. Thật trớ trêu, khi chúng ta ở trong Giáo Hội và trong xã hội rộng lớn hơn cho phép sự giận dữ trong chính trái tim của chúng ta xâm xé kết cấu của cộng đoàn chúng ta, phân chia chúng ta thành những bè phái mà chúng ta định rõ là tốt hay xấu, rõ ràng chúng ta đang duy trì một loại những sức năng động để gây ra sự lạm dụng tình dục trẻ em. Nên chúng ta trở thành một phần của vấn đề, chứ không phải là một phần của giải pháp. Nên thật không tình cờ chút nào khi Chúa Giêsu đã nhấn mạnh về điều gì nằm trong con tim: “Anh em đã nghe Luật dạy người xưa rằng: ‘Chớ giết người. Ai giết người, thì đáng bị đưa ra tòa.’ Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: ai giận anh em mình, thì phải bị đưa ra tòa.” (Mt 5: 21-22).

Điều đó không có nghĩa là tất cả chúng ta nên suy nghĩ giống nhau, hay chúng ta nên đồng ý với tất cả mọi thứ người

40 Từ điển Di sản Hoa Kỳ, ấn bản thứ tư (Boston: Houghton Mifflin Co., 2000), tr. 382.

khác nói. Không, nhưng nên có một loại căng thẳng lành mạnh trong phạm vi hiệp thông; phải có một sự trao đổi gọn sóng của các ý tưởng và quan niệm dẫn đưa tới sự toàn vẹn lớn lao hơn, và một sự sâu xa hơn mở ra về Chân lý vô hạn đó là Thiên Chúa. Nhưng nó nên là một sự hiệp thông của đối thoại. Nên có một sự bác ái của anh chị em đánh dấu những sự trao đổi của chúng ta. Cuộc khủng hoảng đã phai mờ, nhưng sự giận dữ ẩn tàng, sự không tin tưởng, và oán hận thì chưa. Chúng lại nổi lên lúc này hay lúc khác, trong những nơi chốn khác nhau, với những mặt nạ khác nhau, và tiếp tục lan truyền chất độc phá hủy của chúng.

Vậy những phẩm chất gì chúng ta phải tìm kiếm và cố võ trong đời sống linh mục? Tôi muốn xây dựng xung quanh những lời của Đức Gioan Phaolô II trong *Pastores Dabo Vobis*. Như đã được lưu ý trong phần mở đầu của chương này, ngài đã nói rằng linh mục thì “một cách tận căn là con người hiệp thông,” và điều “quan trọng đặc biệt là khả năng (của linh mục) liên hệ với những người khác. Điều này là nền tảng đối với một người được kêu gọi là người chịu trách nhiệm cho cộng đoàn và là ‘con người của sự hiệp thông.’” Nên đây là câu trả lời của chúng ta. Một linh mục là một “con người của sự hiệp thông.”

Chúng ta, các linh mục ngày nay đối diện với một Giáo Hội bị phân chia và các giáo xứ bị phân chia. Chúng ta có người Mỹ gốc Tây Ban Nha, và gốc Việt Nam, gốc Ba Lan và Ý, gốc Phi Luật Tân và Haiti. Chúng ta có “cảnh sát Phụng vụ” theo dõi chúng ta trong mọi giây phút trên bàn thờ, và những người bảo thủ soi từng từ ngữ của chúng ta xem có chính thống không. Chúng ta có những con người cấp tiến

phản nản về những bài giảng của chúng ta về bảo vệ sự sống, và khi chúng ta ủng hộ *Humanae Vitae*. Chúng ta làm việc bên cạnh những người đồng tính luyến ái và những người thích giao hợp với người khác giới, các linh mục mặc áo sutan và những người mong muốn về “những ngày vinh quang của Vatican II.” Chúng ta có những người già trong các viện dưỡng lão lưu luyến vì nhớ lại Thánh Lễ bằng Tiếng Latin, cũng như một cách mãnh liệt phản đối việc dỡ bỏ những hàng rào hiệp lễ, và những người trẻ đã không bao giờ rước lễ bằng lưỡi và nghĩ rằng hàng rào hiệp lễ chỉ là sự trang trí. Nó sẽ dễ dàng cho một linh mục, và cũng rất cảm dễ, vào với một phe một bên này hay bên kia. Chắc hẳn, một số đã xảy ra một cách tự nhiên vì khuynh hướng tự nhiên của mỗi chúng ta sẽ làm cho chúng ta dễ cảm thông với những thái độ nào đó hơn những thái độ khác. Nhưng ơn gọi của chúng ta là trở thành mục tử, một mục tử của tất cả các linh hồn, bất chấp cấu tạo, định hướng thần học hay văn hóa, hay tuổi tác của họ thế nào. Linh mục nên là “một con người của sự hiệp thông.”

Điều này đòi hỏi chúng ta phải có một trái tim đủ lớn để chào đón mọi người. Nó không có nghĩa rằng chúng ta cần đồng ý với tất cả. Chúng ta mắc nợ với những con người trung thành với huấn giáo của Giáo Hội trong đó họ thuộc về, và trong đó chúng ta thuộc về. Chúng ta nên trình bày Giáo Hội này với sự chân thực. Cũng vậy, chúng ta phải có một lòng yêu mến đặc biệt với giám mục người mà chúng ta nhìn lên với lòng vâng phục trưởng thành. Linh mục chia sẻ sứ mệnh với các giám mục, và nhìn nơi giám mục của mình như một nguồn mạch quan trọng của Công Giáo và hiệp nhất. Linh mục của hôm nay và ngày mai sẽ muốn vượt qua tất cả những bề phải để trở thành thật sự Công Giáo, trong một ý nghĩa hẹp nhất

cũng như rộng nhất của hạn từ này. Sứ vụ của chúng ta là phổ quát, giống như Chúa Giêsu đã kêu gọi tất cả mọi người.

Nhưng điều này rất là khó khăn bởi vì nó đòi hỏi trong cốt lõi của con tim chúng ta, cần có một mức độ của sự chữa lành và thánh thiện mà chỉ có những mục tử tốt nhất mới đạt được. Có lẽ tôi đã đòi hỏi quá nhiều ở một linh mục, nhưng nó phải là mục đích để chúng ta nỗ lực. Khi trái tim của chúng ta không thể thấu nhận nhóm này hay nhóm khác, khi chúng ta từ chối một cách tinh vi, nhóm bị từ chối này đặt dưới sự chăm sóc của chúng ta chắc chắn phải cảm thấy bị tước mất quyền lợi. Những linh mục như thế sẽ làm cho các giáo xứ chia rẽ nhanh chóng. Có thể là một vài phong trào hiện tại hướng tới bề phái trong cộng đoàn Giáo Hội của chúng ta phát xuất từ cảm giác bị tước mất quyền lợi trong Giáo Hội của chúng ta.

Để làm cho một số bề phái cảm thấy được chào đón, là những con người của sự hiệp thông,» nó đòi hỏi chúng ta, những linh mục điều tôi gọi là một *trái tim được hòa giải*. Tôi đề nghị bốn khía cạnh cho một con tim được hòa giải, và một khi chúng ta chú ý tới bốn yếu tố này, chúng ta sẽ thấy nhiệm vụ này khó khăn như thế nào. Trước hết là: *một trái tim được hòa giải có một cảm thức chắc chắn về căn tính của chính mình cũng như một hình ảnh an toàn về chính mình*. Khi chúng ta cảm thấy an bình với chính mình là ai, khi chúng ta biết và chấp nhận con người chúng ta Chúa đã dựng nên, thì chúng ta cũng có thể chấp nhận những người khác với tất cả những sai lỗi và những yếu đuối của họ. Một người còn bị kẹt trong sự thù ghét chính mình thì không thể xứng hợp cho việc thụ phong. Một số người bị trượt trong quá trình đào tạo trong quá khứ. Khi không tự chấp nhận mình, gây ra một tư tưởng

phê phán giận dữ về người khác. Tôi thật sự phỏng đoán rằng, những linh mục như thế sẽ rất dễ có óc phê phán và tiêu cực với người khác, và trong một vài cách thức nào đó phải nhìn những người khác với cùng một sàng lọc phê phán như vậy.

Khi các linh mục và các nữ tu hoàn thành chương trình chữa trị của chúng tôi tại Trung tâm Thánh Luca, thường là trong một cách thức nào đó họ đã có cảm nghiệm về Thiên Chúa trong thời gian một ít tháng họ ở đây không. Tôi đã được sáng ra và được xây dựng khi biết rằng nhiều người trong họ đã cảm nhận một kinh nghiệm trực tiếp và mạnh mẽ về Thiên Chúa. Và chủ đề thì hầu như và luôn luôn tương tự. Họ nói với tôi rằng, Thiên Chúa đã đến với họ một cách trực tiếp và cá nhân và đã mạc khải cho họ là ngài yêu thương họ rất nhiều dù cho họ thế nào. Những ân huệ này được nhận lãnh với đầy nước mắt của niềm vui và một cách kinh ngạc đã chữa trị họ trên mọi cấp độ.

Rất gắn liền với khía cạnh thứ nhất của một con tim được hòa giải, một sự chấp nhận chính mình mạnh mẽ và một căn tính cá nhân chắc chắn, là khía cạnh thứ hai của một con tim được hòa giải: *một sự thống nhất các tình cảm và bản năng giới tính.*

Sự thống nhất về bản năng giới tính của một người là điều đặc biệt khó khăn. Nhưng nó đòi hỏi rằng, mỗi cá nhân biết về bản năng giới tính của họ ra sao, sống an bình với con người giới tính của mình, và có thể diễn tả bản năng giới tính đó trong cách thức hòa hợp với ơn gọi của họ. Vì thế, chúng ta, các linh mục cần diễn tả chính con người chúng ta như những con người với giới tính của mình trong những cách thức không

phải là sự quan hệ tình dục, hay là hướng đến sự quan hệ tình dục, nhưng hoàn toàn sống động và nhiệt tình. Những người độc thân không phải là xa cách và lạnh lùng, nhưng là những người yêu thương nồng nàn và phát triển ân huệ cho đi và nhận lại như người độc thân.

Vấn đề về đồng tính luyện ái trong các chủng viện và linh mục đã nổi lên ở giữa nhiều tình cảm cũng như đe dọa và trở thành một vùng chiến sự căng thẳng. Có hai quan điểm nền tảng được đưa ra. Mỗi quan điểm có điều gì đó để thêm vào cho cuộc đối thoại, tôi tin tưởng là mỗi quan điểm của chính nó thì không đầy đủ. Quan điểm thứ nhất là: *sự có mặt của bất cứ sự hấp dẫn nào của đồng tính nơi ứng viên thì ngay tự động loại trừ người đó ra khỏi mục vụ linh mục*. Khẳng định như thế thì quá rộng và không phải là truyền thống của Giáo Hội chúng ta. Cần phải thực hiện những sự biện phân. Thật sự, có nhiều người có sự hấp dẫn đồng tính thì không phải là những ứng viên phù hợp vào chủng viện, cũng như những người có những lịch sử đáng chú ý về những hành vi tình dục, hay những người bất đồng quan điểm với huấn giáo của Giáo Hội về tình dục của con người, hay là những ai có sự mâu thuẫn mạnh mẽ cá nhân về giới tính gây cản trở một cách đáng lưu ý cho sức khỏe tâm thần của ứng viên. Nhưng lịch sử nói với chúng ta rằng, đã từng có những linh mục và những tu sĩ với một số nét hấp dẫn đồng tính đã làm công việc mục vụ trong Giáo Hội với tính chân thật đáng khen ngợi. Chúng ta không muốn mất những ơn gọi như thế.

Tương tự như vậy, một quan điểm khác thì cũng không trọn hảo. Quan điểm ngược lại nói rằng: *“Không có sự khác biệt gì giữa các ứng viên, những người có khuynh hướng đồng*

tính luyện ái và những người có khuynh hướng muốn quan hệ tình dục với người khác giới, và chúng ta phải đối xử với họ giống như nhau, một cách đơn giản là họ cũng có khả năng sống đời sống độc thân. Quan điểm này che đậy chính những sự khác biệt giữa các ứng viên này. Những ai có khuynh hướng đồng tính có những sự đấu tranh và thách đố đặc thù: vấn đề nội tâm, vấn đề giữa các cá nhân với nhau, và vấn đề mục vụ. Những ứng viên có những biểu hiện về sự hấp dẫn đồng giới phải được kiểm tra về những thách đố này; quá trình đào tạo họ phải lưu ý trực tiếp tới những thách thức này của họ; và việc phê chuẩn cho thụ phong phải đặc biệt hiểu rõ về những điều nhấn mạnh và những thách thức mà họ sẽ phải đối diện khi là linh mục. Tóm lại, trong quá khứ rào chắn đã đặt quá thấp, và linh mục cũng như dân chúng đã phải chịu đau khổ về điều này. Rào chắn cần phải nâng cao hơn.

Trong khi tôi không tin rằng mỗi khi có những sự hấp dẫn đồng giới thì nên tự động loại trừ ứng viên này khỏi chức linh mục, nhưng có những thách đố và những cảm dỗ đặc biệt đối với những linh mục có những hấp dẫn như thế. Ở một số nơi, đã có những linh mục tham gia hoạt động văn hóa của nhóm nhỏ tình dục đồng giới. Rõ ràng, những hành vi như thế thì không thể chấp nhận được, cả về luân lý và mục vụ. Thêm nữa, sự có mặt của những nhóm nhỏ như thế gây đổ vỡ sự hiệp nhất của linh mục và làm rạn nứt tính thống nhất. May mắn thay, những nhóm này là những trường hợp ngoại lệ. Nó cũng dễ hiểu, và nhiều lúc cũng hữu dụng, khi các linh mục thấy mình có những hấp dẫn về đồng tính thì chia sẻ và giúp đỡ cho những linh mục có cùng những thách đố của những hấp dẫn này. Nhưng những nhóm nhỏ của các linh mục nên luôn luôn cổ vũ cho sự hiệp nhất trong phạm vi lớn hơn của linh mục và

tính chính trực của đời sống. Các thầy cả phải không nên nhắm mắt đối với bất cứ sức mạnh chia rẽ nào ở giữa họ.

Tuy nhiên, nếu ai ghi vào mục lục các tội về tình dục, không chỉ đối với các thầy cả (mà gần đây đã thực hiện) mà cả quần chúng nói chung, nó sẽ là một tài liệu thất vọng. Tất cả chúng ta các linh mục đã ở trong tòa giải tội hay trong văn phòng giáo xứ một số tiếng đồng hồ để lắng nghe hết câu chuyện này tới câu chuyện khác về những tội và sự sa ngã như thế. Ngay lập tức chúng ta nhận ra rằng nhân loại đã phải chiến đấu mạnh mẽ như thế nào với giới tính của họ. Một ân huệ mạnh mẽ như thế thì khó mà thuần. Bất chấp sự tàn phá do những lỗi phạm tình dục thường mang lại, chúng ta phải có lòng thương cảm hơn với những lỗi phạm như thế, với những người khác hay với chính mình. Đây luôn là một trong các ân huệ lớn lao của Kitô giáo, đặc biệt Kitô giáo Công Giáo của chúng ta. Tạ ơn Chúa vì thánh giá của Đức Kitô. Tạ ơn Chúa về Tòa Giải Tội. Tạ ơn Chúa vì lòng thương xót của Chúa. Lòng thương cảm là thiết yếu của một trái tim được hòa giải: lòng thương cảm đối với các nạn nhân và các thủ phạm, lòng thương cảm đối với giáo dân và các giám mục, lòng thương cảm đối với những ai không suy nghĩ giống như chúng ta suy nghĩ. Thiếu lòng thương cảm sinh ra thiếu sự hiệp thông.

Khía cạnh thứ ba của một trái tim được hòa giải là *nhìn thấy sự phức tạp và những sắc thái khác trong cuộc sống*. Ngược lại là bị kẹt ở suy nghĩ trắng hay đen. Thường thì các linh mục những người gặp khó khăn tâm lý thì bị giam hãm đằng sau rào chắn của suy nghĩ trắng hay đen. Họ bị kẹt trong logic hoặc là hoàn toàn có tội hoặc là không có tội gì, gọn gàng thái quá và những phạm trù không thực tế về thành công hay

thất bại. Một cách chính xác thì cách suy nghĩ trắng hay đen sẽ sinh ra bè phái và công kích gay gắt.

Sự thật là có rất nhiều khu vực màu xám trong đời sống. Đời sống không luôn là gọn gàng và sạch sẽ như ta muốn. Khi chúng ta nhìn những sự phức tạp của đời sống, chúng ta nhận ra rằng chúng ta không có tất cả các câu trả lời. Như là các mục tử, chúng ta không thể đủ khả năng sang trọng để sống trong thế giới trắng hay đen. Có rất nhiều tình huống phức tạp mà dân chúng của chúng ta phải chiến đấu. Các nguyên tắc của đức tin của chúng ta là ánh sáng hướng dẫn trong thế giới tăm tối và khó khăn. Nhưng chúng không phải là bản thiết kế chi tiết.

Một dấu chỉ nguy hiểm mới của suy nghĩ trắng hay đen mới nổi lên đó là sự phân biệt gần đây giữa các linh mục tốt và các linh mục xấu. Trong một nỗ lực ca ngợi khác nhằm chỉ ra rằng hầu hết các linh mục không lợi dụng tình dục trẻ em, đã nảy sinh ra những phạm trù mới về những linh mục tốt và những linh mục xấu. Không may, khi các “linh mục xấu” này xuất hiện trong chương trình chữa trị, thì chính xác và trước hết là cảm thức xấu nội tại đã làm phát sinh ra những vấn đề đầy xấu hổ nơi họ. Khi chúng ta chia con người vào các phạm trù giả tạo của “tốt” hay “xấu” chính xác là điều mà những người lạm dụng tình dục đã suy nghĩ. Điều này chỉ là kéo dài sự thiếu hòa hợp và đối diện thẳng thắn với cảm thức tội lỗi của chính mình, hoặc là nơi chính người lạm dụng hay là nơi xã hội nói chung. Giáo Hội có quyền, và quả thật có trách nhiệm xác định sự thích hợp đối với sứ vụ. Hơn nữa, có những hành vi tội phạm/tội lỗi một cách công bằng phải loại linh mục đó ra khỏi việc mục vụ trong tương lai. Nhưng Tin Mừng nói với

chúng ta, “Nếu chúng ta nói, ‘chúng ta không có tội,’ chúng ta lừa dối chính mình, và chân lý không ở trong chúng ta” (1 Ga 1:8). Quan niệm Kitô giáo là mọi người chúng ta đều phạm tội.

Cuối cùng, dĩ nhiên một trái tim được hòa giải đòi hỏi một đức tin trưởng thành. Nếu chúng ta cảm thấy an toàn với đức tin của chúng ta, chúng ta nắm các chân lý một cách chắc chắn, cho dù thoải mái hay không thoải mái, cho dù dân chúng có chấp nhận hay không chấp nhận. Trong khi có rất nhiều người rời bỏ Chúa Giêsu vì những lời ngài giảng về Thánh Thể, các môn đệ vẫn ở với ngài. Tôi cảm thấy thật khích lệ bởi các linh mục luôn kiên trì giảng dạy chân lý một cách can đảm. Một con người của sự hiệp thông không phải là một người theo thuyết hồ lớn thiếu quyết đoán. Ngài là một linh mục tin tưởng mạnh mẽ và nhiệt huyết. Như Kinh thánh và *Dominus Iesus* đã xác định, chỉ có một Chúa và một Đấng Cứu Thế và «không có ơn cứu độ từ bất cứ người nào khác» (CVTĐ 4: 12) Chúng ta tin rằng Giáo Hội Kitô giáo này mà chúng ta gọi là Công Giáo là một Giáo Hội được chính Đức Kitô thiết lập. Chúng ta tin rằng các giám mục của Giáo Hội là những người kế vị trực tiếp của các Tông đồ đầu tiên của Ngài, và Giáo Hội của Đức Kitô «chỉ tiếp tục hiện hữu tròn đầy trong Giáo Hội Công Giáo.»⁴¹ Vì thế, sứ vụ rao giảng tin mừng của chúng ta thì khẩn thiết; ơn cứu độ của các linh hồn phụ thuộc vào điều này.

Đồng thời, một đức tin trưởng thành trong khi nhiệt tình và hăng say nhưng không phê phán hay kết án. Nó là sự nhiệt tình và niềm tin mạnh mẽ của chúng ta mời gọi những người khác tới sự hiệp thông với chúng ta. Một niềm tin trưởng thành không bị đe dọa bởi những niềm tin của người khác nhưng sẵn

41 Thánh Bộ Tín lý và Đức tin, *Dominus Iesus*, số 16, www.vatican.va.

sàng dần thân vào việc đối thoại với họ. Niềm tin này sẽ không bị đe dọa vì nó tìm kiếm và tôn trọng sự thật, bất cứ như thế nào và bất cứ khi nào nó được tìm thấy.

Ngày nay, một số linh mục lớn tuổi thật sự lo lắng với một số ứng viên linh mục có vẻ “nghiêm khắc.” Nó là điều lo lắng đúng đắn. “Sự nghiêm khắc” theo nghĩa, không phải điều mà một số người khẳng định là sự gắn kết chắc chắn với truyền thống. Quả thật, nó không phải là câu hỏi về đức tin chút nào cả. Những người cấp tiến và những người bảo thủ đều có thể là nghiêm khắc như nhau. Khi chưa đạt đến đức tin trưởng thành. Trong những trường hợp như thế, niềm tin của những người này vẫn còn non trẻ đối với Chúa, vì coi như vẫn còn mỏng giòn và họ sử dụng những niềm tin của họ như là những vũ khí. Thay vì khích lệ đối thoại, họ lại cổ xúy chỉ trích; thay vì cổ xúy sự hiệp thông, họ lại khích lệ hình thành bè phái. Những lời nói của họ gắn liền với giận hờn và sợ hãi, và hành động của họ thì hung tợn một cách vô thức. Trái tim của họ chưa được hòa giải.

Để đáp lại cho những ứng viên nghiêm khắc này, trước hết tôi khuyên là nên kiên nhẫn. Chúng ta không thể mong đợi một đức tin trưởng thành như thế, hay một con tim được hòa giải sâu xa như vậy từ những chủng sinh hoặc thậm chí từ những linh mục mới chịu chức. Tất cả chúng ta đều trải qua một quá trình hoán cải lâu dài, làm mềm trái tim, và phát triển một trái tim mục tử. Chúng ta hãy kiên nhẫn với họ như những người khác đã từng kiên nhẫn với chúng ta khi chúng ta mới bắt đầu bước vào công việc mục vụ.

Chúng ta cũng nên nhận ra rằng, thế giới họ phát xuất

thì khác với thế giới đã cổ võ ơn gọi chúng ta. Thế giới của các linh mục và tu sĩ nay đang về hưu trước đây nhiều năm thì rất cổ võ ơn gọi; các ứng sinh ngày nay đến từ một xã hội không còn vui mừng khi nghe thông báo về sự quan tâm của linh mục. Điều tốt nhất thì khao khát của họ là không thể hiểu được; còn điều tệ nhất thì họ là đối tượng của sự chế nhạo. Vì thế, việc họ vào chủng viện là điều chẳng có gì hay, là một sự trả giá cá nhân đáng kể. Và họ đang phản ứng đối với một xã hội gia tăng giá trị vật chất, vị kỷ, ham hố tình dục, và vô thần chức năng. Sự nghiêm khắc không thường xuyên của họ nhiều lắm là sự đề phòng cần thiết một cách máy móc chống lại một xã hội thù địch như là một sự phản ánh nhu cầu của chính họ để tăng triển.

Tuy nhiên, một số đội ngũ đào tạo thường hỏi những ứng sinh như thế có nên tiếp tục trong quá trình đào tạo hay không. Tôi trả lời bằng cách đơn giản hỏi lại rằng, “Họ có thể được đào tạo không?” Đó là, bất chấp sự nghiêm khắc của họ, họ có sẵn sàng tin tưởng, cho dù một chút thôi, và học hỏi để tăng triển không? Nếu câu trả lời là không, thì không thể đào tạo. Nếu có, họ có thể trở thành những linh mục anh em rất tốt của chúng ta.

Nghiên cứu của Hội đồng Quản trị của Liên Đoàn Các linh Mục Hoa Kỳ (NFPC) về linh mục, với tựa đề *Viễn Tượng Mới về Linh Mục*, đã diễn tả hai kiểu cơ bản về linh mục ở Hoa Kỳ ngày nay. Các linh mục già hơn, được chịu chức vào khoảng thời gian của Công Đồng Vatican II, nhấn mạnh tính mềm dẻo, cộng tác, và mở rộng. Họ nhìn linh mục như một người tôi tớ lãnh đạo và đặt tầm quan trọng trong việc phát huy hết các ân huệ nơi giáo dân. Họ nhấn mạnh tính trung tâm của Bí tích

Rửa tội, và sự hiệp thông với dân chúng mà họ phục vụ. Mặt khác, những linh mục mới chịu chức xác định về sự hiểu biết bí tích và phụng tự về linh mục nhiều hơn, và họ thấy linh mục như là «người được tách riêng ra.» Họ từ chối một thần học về linh mục chỉ ở vấn đề của chức năng. Họ biểu lộ tình yêu với Thánh lễ và một khao khát cải thiện về đẹp và tính siêu việt của nó. Họ nhấn mạnh về nhu cầu có một đời sống cầu nguyện và họ đọc kinh thần vụ đều đặn. Họ thường xuyên lãnh nhận bí tích hòa giải.⁴²

Không lâu trước đây, một Tổng Giám Mục ở Vatican đi qua Pháp. Ngài đã tới một giáo xứ và chuẩn bị cử hành Thánh Lễ. Một cha phó trẻ trong giáo xứ mặc áo giáo sỹ và ngài được chú ý bởi sự kính trọng Thánh Thể và các Bí tích. Cha phó nhìn thấy Đức Tổng Giám Mục, chào ngài lướt qua rồi mau chóng bước ra khỏi phòng thánh để Đức Tổng lại mà không phụ lễ cho ngài. Sau đó, vị cha xứ từ tế xuất hiện và bước vào phòng thánh. Ngài mặc đồ thường và đã nhấn mạnh tới những khía cạnh khác nhau của việc mục vụ, như là sự cộng tác, chia sẻ quyền hành, và nhạy cảm trong việc mục vụ. Ngài đã xin lỗi về hành vi của cha phó và đã phụ Đức Tổng Giám Mục để ngài có thể cử hành Thánh Lễ.

Đức tổng giám mục đã suy tư, «Sao không có một linh mục kết hợp cả hai con người này?» Quả thật, tại sao chúng ta không có một linh mục vừa yêu mến các bí tích và có một nền thần học cao về linh mục, mặc đồ giáo sỹ và trung thành với kinh thần vụ, và, đồng thời cũng từ tế và nhạy cảm trong mục vụ, một người biết chia sẻ quyền hành cho giáo dân và sống giữa họ như người tôi tớ phục vụ? Phải chăng hai khuôn mẫu

42 Hoge and Wenger, tr. 53-69.

này loại trừ nhau?

Dĩ nhiên, câu trả lời là không. Nhưng nó khó khăn đến nỗi khó tin là có một con người bao gồm cả hai. Có lẽ đây là lý do tại sao chúng ta được thụ phong vào chức linh mục và vào trong Giáo Hội, đó là một cộng đoàn của những con người. Giáo Hội sẽ không bao giờ là Giáo Hội nếu như nó bị phân mảnh. Chúng ta cần các linh mục, những người nhiệt thành cho việc cộng tác, mục vụ giáo dân, và công bình xã hội. Chúng ta cũng cần các linh mục, những người nhận ra ơn gọi cao trọng của chức linh mục; linh mục đúng là con người được tách riêng ra. Chúng ta cần những con người có sự vâng phục trưởng thành đối với đức tin, một sự chấp nhận với niềm vui đối với truyền thống, và trách nhiệm cá nhân với đáng thay mặt Đức Kitô và các giám mục. Đồng thời, họ cũng phải nhạy cảm, chăm sóc, và mềm dẻo, cũng như là người tôi tớ biết chia sẻ quyền lực cho những người khác.

Tôi nghi ngờ rằng chúng ta sẽ có những con người cá nhân chỉ có một số những ân huệ này chứ không phải tất cả. “Chẳng lẽ ai cũng là tông đồ? Chẳng lẽ ai cũng là ngôn sứ, ai cũng là thầy dạy sao? Chẳng lẽ ai cũng được ơn làm phép lạ, ai cũng được ơn chữa bệnh sao? Chẳng lẽ ai cũng nói được các tiếng lạ, ai cũng giải thích được các tiếng lạ sao?” (1 Cor 29:30). Không, “ví như thân thể người ta chỉ là một, nhưng lại có nhiều bộ phận, mà các bộ phận của thân thể tuy nhiều, nhưng vẫn là một thân thể” (1 Cor 12:12).

Trong tôn giáo Kitô giáo của chúng ta, từ “hiệp thông” có một ý nghĩa rất phong phú. Nó có nghĩa là đời sống Giáo hội một cách tuyệt đối đặt trung tâm ở Thánh Thể, hay hiệp lễ như

một cách phổ biến người ta hay nói. Chính Mình Đức Kitô là nguồn mạch và là chóp đỉnh của sự hiệp nhất đó. Chính trong Mình Thánh Đức Kitô mà các nhóm khác nhau, thay vì phân chia ra thành nhiều bè phái, lại được liên kết lại với nhau vào cùng một sự hiệp thông.

Linh mục là con người của sự hiệp thông. Chức linh mục của ngài được dâng hiến cho Thánh Thể Đức Kitô, không thể tách rời với Thánh Thể. Ngài hòa giải và yêu mến mọi phần tử của một thân thể, nhiều bộ mặt làm nên giáo hội, và chăn dắt họ tới một thân thể toàn vẹn là Đức Kitô. “Thật thế, tất cả chúng ta, là Do Thái hay Hy Lạp, nô lệ hay tự do, chúng ta đều đã chịu phép rửa trong cùng một Thần Khí để trở nên một thân thể. Tất cả chúng ta đã được đầy tràn một Thần Khí duy nhất.” (1 Cor 12: 13)

Trách nhiệm của anh và của tôi, như là các linh mục là trở thành những con người của sự hiệp thông. Nếu sự qua đi của thế hệ này mà bộc lộ rằng chúng ta đã là những con người như thế và đã giúp xây dựng một cộng đoàn đức tin, thì quả thật chúng ta đã chu toàn phận vụ của chúng ta một cách tốt đẹp.

CHƯƠNG 9

LINH MỤC GIỮA DÂN CHÚNG: LỐI THIÊNNG CỦA SỨ VỤ LINH MỤC

Khi tôi ở trong đan viện, tôi đã có thể kiểm chế sự nói năng vô ích và luôn luôn chăm chú cầu nguyện. Từ khi tôi nhận lãnh gánh nặng của chăm sóc mục vụ, tâm trí tôi không còn tĩnh lặng; nó bị chia trí với quá nhiều vấn đề... Tôi bị ép để lo toan cho các công việc của Giáo Hội... Tôi phải trở thành người quản trị... Với đầu óc bị phân chia và cắt xé ra nhiều mảnh vì quá nhiều vấn đề, làm sao tôi có thể nguyện gắm và giảng dạy với trọn tâm hồn mà không bị sao nhãng mục vụ của Tin Mừng? ... Và bởi vì tôi quá yếu kém... tôi là ai mà là người trông coi, vì tôi không đứng trên núi của hành động mà lại nằm trong thung lũng của yếu đuối.⁴³

Thánh Ghê-gô-ri-ô Cả

Gregory đã tránh vai trò quản trị trước đây của ngài là quận trưởng của Rôma, và đã dâng hiến trọn vẹn con người ngài cho đời sống cầu nguyện. Khi đời sống cầu nguyện của ngài bị đe dọa bởi việc bầu chọn ngài làm Giáo Hoàng, ngài đã không thành công trong việc thỉnh cầu Hoàng Đế Maurice đừng chuẩn nhận việc bầu cử. Nhưng ngài đã được đưa về Tòa Thánh Phêrô nơi ngài được thánh hiến trở thành Giám Mục

43 Thánh Gregorio Cả, từ “Bài giảng về Ezekiel,” được trích trong *Phụng Vụ Gio Kinh*, cuốn IV (New York: Catholic Book Publishing Co., 1975), tr. 1366.

Rôma. Khi là Giáo Hoàng, Gregory đã là một người thợ không mỗi mọt. Vị phó tế của ngài đã nói rằng, vị thánh đã không bao giờ nghỉ ngơi và đã làm việc không mỗi mọt, “Hầu như chỉ còn bộ xương.”

Trong khi Gregory có thể không phải là mẫu gương tuyệt vời nhất cho việc sống một đời sống quân bình, sự than thở của ngài cho việc đánh mất sự bình an của đời sống cầu nguyện đan viện, và phải gánh nặng với việc chăm sóc mục vụ và quản trị là một đời sống mà hầu hết các linh mục đang làm việc mục vụ có thể sẵn sàng đồng hóa mình. Những lời nói của ngài miêu tả một con người đã tin là đời sống thiêng liêng của mình đã bị xâu xé thành nhiều mảnh một khi ngài đã rời đan viện của mình. Thật trớ trêu, Gregory đã trở thành một vị thánh và Tiến sỹ của Hội Thánh “bất chấp” đời sống chia trí của mình ở trần gian. Rõ ràng, sự đánh giá của chính ngài về phẩm chất hư hỏng của đời sống thiêng liêng của mình trong đời sống mục vụ đã không chính xác.

Niềm tin cho rằng đời sống thiêng liêng của linh mục dẫn mình trong việc mục vụ như là các linh mục giáo phận thì thấp kém, hay ít nhất cũng giảm sút bởi vì quá nhiều cản trở và gánh nặng tinh thần, thì vẫn còn tồn tại cho tới ngày nay. Ví dụ, trước khi trở thành linh mục giáo phận, tôi nhớ tôi đã ở trong một đan viện và nói chuyện với các đan tu về tương lai của tôi. Một đan tu đã hỏi tôi về dự định của tôi, và tôi đã chia sẻ là tôi dự định sẽ vào chủng viện giáo phận. «Oh» vị đan tu đã nói với một cái nhìn chán nản, «thời thì, ít nhất nó cũng là một điều gì đó.»

Linh mục giáo phận đã lâu được nhìn như là một kiểu sống

với một chút ít đời sống thiêng liêng. Đời sống thiêng liêng này được nghĩ là bao gồm những tàn dư được thích nghi từ đời sống thánh hiến và đời sống tu kín. Đời sống thiêng liêng của linh mục giáo phận được nghĩ là được tạo ra từ một ngày bận rộn với rất nhiều những đòi hỏi của mục vụ cho dân chúng. Ngài có nên được mời gọi tiến lên một ơn gọi “cao hơn” như là đời sống tu sỹ hay đan tu, điều này được khích lệ như là một bước tiến thiêng liêng cao hơn trên con đường hoàn thiện. Nếu không thì, ngài ở lại là một linh mục “triều”.

Trong thời gian hiện tại, một nỗ lực ý thức đã được thực hiện để tránh xếp hạng các ơn gọi và cấp trật, hoặc là tu sỹ hay người đời. Và vì đời sống thiêng liêng của linh mục giáo phận ngày nay ít được coi là tàn tích của đời sống đan sỹ, đã có những nỗ lực thực hiện để xác định đời sống thiêng liêng đặc biệt của nó. Những nỗ lực này đã cho rằng, đời sống thiêng liêng của chúng ta *không* phải là được tạo ra từ một ngày làm việc bận rộn. Trái lại, những sự kiện trong ngày là phần nội tại để làm cho chúng ta cảm nghiệm Thiên Chúa, và vì thế nó là phần thiết yếu của đời sống thiêng liêng của chúng ta.

Nỗ lực này nhằm phác họa đời sống thiêng liêng của linh mục tích cực hoạt động mục vụ thì rất quan trọng ngày nay. Nó không chỉ quan trọng cho việc đào tạo các giáo sỹ triều tương lai, và khích lệ những ai đang phục vụ tích cực trong đời sống mục vụ, nhưng nó còn thật sự khẩn thiết vì số lượng giảm sút đáng kể của số linh mục sẵn sàng làm việc mục vụ trong thập niên tới.

Hiện tại, hầu như mỗi giáo phận ở Hoa Kỳ đang hoạch định cho sự phân phối trong tương lai vì số lượng linh mục ít

lại. Ví dụ, từ năm 1998 tới năm 2005, một giáo phận ở Hoa Kỳ cảm nghiệm sự giảm sút của trên 40% linh mục làm việc mục vụ. Năm 2005, sẽ có nhiều hơn 40 giáo xứ so với số linh mục đang hoạt động mục vụ của giáo phận này. Những thống kê báo động như thế đang xảy ra ở các giáo phận khác trong đất nước.

Một cách tự nhiên, những kế hoạch phân bổ phải được tiến hành vì sự khan hiếm của các linh mục, và vì áp lực và đòi hỏi về những nhu cầu mục vụ của cộng đoàn. Tuy nhiên, những kế hoạch như thế cũng phục vụ mục đích cổ xúy đoàn sủng thiêng liêng của linh mục giáo phận. Điều nguy hiểm là những kế hoạch tương lai đó lại phớt lờ đoàn sủng của linh mục giáo phận mà chỉ nỗ lực lấp đầy những công việc mục vụ cần thiết.

Một cách cần thiết, các kế hoạch phát triển sẽ ủng hộ hay cản trở các mô hình về linh mục giáo phận tùy thuộc vào các nguyên tắc mà dựa trên đó nó xây dựng. Có khả năng là một số các kế hoạch này sẽ không nói rõ về những mô hình một cách minh nhiên, tuy nhiên chúng sẽ có những ảnh hưởng quan trọng về linh mục tương lai của các giáo phận. Điều khẩn thiết là các kế hoạch then chốt này lưu ý tới đời sống thiêng liêng đích thực của linh mục đang hoạt động mục vụ tích cực, và vì thế lưu ý tới sự tốt đẹp thiêng liêng và tâm lý của những người đang phục vụ trong những ơn gọi này.

Sống Với Dân Chúng

Tôi có thể hình thành một công thức điều tôi tin là bản chất của đoàn sủng giáo phận như sau: *linh mục giáo phận là một người sống với dân chúng và mỗi người trở thành một phần*

của đời sống người khác. Hầu như mọi yếu tố khác của đời sống thiêng của ngài tuôn chảy từ sự thật không thể tránh khỏi này. Chúng ta, các linh mục không được kêu gọi tách rời khỏi dân Chúa mà chúng ta phục vụ. Chúng ta sống giữa họ và qua năm tháng, đời sống của chúng ta và đời sống của dân chúng ta phục vụ trở nên gắn kết đan xen chặt chẽ.

Ôn gọi sống giữa dân chúng này không được nghĩ như là một ý niệm trừu tượng và siêu việt. Trái lại, một linh mục giáo phận sẽ nhập tịch trong một nơi chốn địa lý cụ thể, giáo phận của ngài, và sống ở giữa một nhóm người cụ thể. Nghĩa là ngài sẽ có một mối liên hệ con cái đặc biệt về tình yêu và vâng phục với vị chủ chăn của giáo phận nơi mà ngài sống. Linh mục giáo phận sẽ không trở thành như người hành khất, di chuyển từ nơi này tới nơi khác.

Một linh mục giáo phận cũng không sống một đời sống trong đan viện. Một điển hình là trường hợp của Thánh Hugh, người được chọn làm giám mục của Grenoble. Hugh là một người nổi tiếng về nhân đức và thánh thiện, và cũng là người rất có tài về quản trị. Grenoble trong thời đại của Thánh Hugh được lưu ý về vấn đề thối nát. Ngài được bổ nhiệm chủ yếu để giải quyết những vấn đề lạm dụng mại thánh, cho vay nặng lãi, và sự lan tràn về vấn đề vô luân ở giáo phận này.

Nhưng Thánh Hugh mong mỗi gia nhập vào đời sống đan tu. Trong thời gian ngài làm giám mục, ngài đã dành nhiều thời gian đáng kể với Thánh Bruno và các ẩn sĩ Carthasia. Người ta đã lập lại trong tám thế kỷ rằng, vị sáng lập và là tu viện trưởng đầu tiên của các Carthasians, là thánh Bruno đã cho phép vị giám mục của Grenoble ở lại trong cô tịch với các

Carthasians một thời gian ngắn. Rồi, với đức bác ái và lòng thương cảm lớn lao, ngài đã nói với vị giám mục rằng, đã tới lúc ngài phải rời đan viện và trở về với giáo dân của ngài. Vì Thánh Bruno đã biết, nơi chốn của một linh mục giáo phận là ở giữa dân của mình, chứ không phải trong nhà tế bần của các ẩn sĩ Carthasians.

Liên Kết Tình Cảm Và Thiêng Liêng

Hơn nữa, sự hiện diện của linh mục giáo phận giữa dân chúng không chỉ đơn giản là hiện diện thể lý. Ngài có thể không sống một đời sống *tình cảm* và *thiêng liêng* tách rời với dân chúng. Một số linh mục rơi vào bẫy của sự cô lập kéo dài bởi vì thiếu các kỹ năng xã hội cũng như sức khỏe tình cảm. Trong khi ngài có thể chỉ chu toàn tối thiểu các nhiệm vụ cần thiết của công tác mục vụ, như là chỉ ra làm lễ, cũng như cử hành các bí tích, thời gian còn lại thì ngài lo chuyện riêng tư.

Sự tách lìa này với dân chúng làm què quặt sứ vụ của ngài cũng như chính sức khỏe tâm lý và thiêng liêng của ngài. Trong khi những linh mục như thế một cách thể lý “ở trong thế giới,” nhưng họ lại không thật sự đang sống ơn gọi một linh mục giáo phận. Đời sống tình cảm và thiêng liêng của họ “không ở trong thế giới.”

Tương tự như vậy, một số kế hoạch sắp xếp có tiềm thể làm cho các giáo sỹ trở nên cô lập đời sống tình cảm với dân chúng. Đang gia tăng số lượng các linh mục chịu trách nhiệm nhiều giáo xứ. Điều nguy hiểm là các linh mục này sẽ trở thành “linh mục nay giảng nhà thờ này mai giảng nhà thờ kia.” Họ sẽ di chuyển từ giáo xứ này qua giáo xứ kia, cử hành các bí tích

nhưng có thể thấy khó khăn để có thể nhận biết giáo dân, hay để cho giáo dân biết họ.

Một sự ủng hộ và thách thức liên tục cho các linh mục đến từ dân Chúa. Sự hiện diện của họ là một cách thức quan trọng trong đó Thiên Chúa tỏ mình ra cho chúng ta. Khi một cách cá nhân chúng ta liên kết với dân chúng, những người chúng ta phục vụ, chúng ta được xác tín, được ủng hộ, bị thách thức, và “bị kéo giãn ra.”

Trong Thế Giới, Nhưng Không Phải Của Thế Giới

Bởi vì nơi của ngài là ở giữa dân chúng, nên linh mục giáo phận bị thách thức để chu toàn lời thánh Gioan 17: ngài “ở trong thế giới” nhưng ngài “không thuộc về thế giới.”

Hơn các linh mục và tu sỹ khác, linh mục giáo phận được kêu gọi để ở “trong thế giới.” Quả thật, ngài là linh mục “triều”. Vì ngài hoàn toàn ở trong thế giới, nên sự nguy hiểm là ngài sẽ bị hoán cải hoàn toàn theo quan điểm đời. Ngài luôn luôn bị cám dỗ làm mất viễn tượng Tin Mừng, và trở thành nô lệ cho những giá trị vật chất và trần tục. Trong khi chấp nhận điều gì là có giá trị trong thế giới chung quanh mình, người linh mục cũng nên từ chối trong chính đời sống mình, và kêu gọi những người mình phục vụ chú ý về những điều bất công và thói nát đang đe dọa sự chân thực của cộng đoàn Kitô hữu mình.

Để giữ viễn cảnh Tin Mừng trong thế giới trần tục, người linh mục phải luôn luôn bồi dưỡng viễn tượng này. Có rất nhiều cách thức mà các giá trị Tin Mừng được ủng hộ. Ví dụ, các linh mục thường tìm được sức mạnh và tái tập trung sau

những đợt hội ngộ linh mục cũng như gặp gỡ các anh em linh mục đang làm việc mục vụ.

Thêm nữa, các linh mục sẽ thường cầu nguyện và có những đợt tĩnh tâm mở rộng định kỳ, để cho Chúa Thánh Thần làm dậy men và đào sâu đời sống thiêng liêng. Ví dụ, họ thường có một loại gọi là *lectio divina*, đó là, họ suy gẫm theo một đoạn Kinh Thánh trong sách bài đọc để chuẩn bị cho các bài giảng hàng ngày hay Chúa Nhật. Thời gian suy niệm này gồm cả việc cầu nguyện và chuẩn bị. Nó là một ví dụ tốt về làm thế nào mà các linh mục giáo phận đang tích cực làm việc mục vụ có thể chìm ngập trong cầu nguyện.

Không có việc thường xuyên bằng cách thức này hay cách thức khác để canh tân đời sống thiêng liêng, người “linh mục trong thế giới” không chỉ gần như trở thành khô cạn năng lượng tình cảm và thể lý, mà còn mất lý do thật sự cho ơn gọi của mình. Một viễn tượng Tin Mừng, giống như là một cái chồi mỏng manh, phải chăm sóc một cách cẩn thận, nhất là khi nó bị bao vây bởi rất nhiều sức lực đe dọa cho sự tăng trưởng và thậm chí là sự sống còn của nó.

Bởi vì ngài không phải “của” thế gian, linh mục sẽ không dấn thân vào mọi sự dâng tặng của xã hội. Có một số những hoạt động và những nơi chốn vốn đã được tuyên bố là một loạt những giá trị đi ngược lại với chúng ta. Ví dụ, những nơi chốn thường xuyên có tiếng xấu, hay là những nơi quá sang trọng mà không phù hợp với chúng ta. Ở trong thế giới, các hành động của linh mục được chú ý và đời sống của ngài thì dân chúng đều biết. Linh mục sẽ nhận ra rằng, ngài sống như thế nào giữa dân chúng là bài giảng quan trọng nhất của ngài. Linh

mục nên cảnh giác để thật sự ở trong thế giới nhưng không ngừng kháng cự với các giá trị trần tục đi ngược lại với Tin Mừng.

Những Thách Thức vẫn vây bủa chung quanh

Ở trong thế giới, điều này đem đến một nhiệm vụ mang tính đòi hỏi nữa cho linh mục: thiết lập các giới hạn. Có lẽ hơn cả những chuyên viên ngoài đời hay tôn giáo, đoàn sủng của linh mục đặt đời sống cá nhân của ngài vào những cuộc tấn công không ngơi nghỉ, và rất nhiều thách thức cho những giới hạn mục vụ của ngài.

Các chuyên viên ngoài đời, như là các luật sư hay các bác sĩ, có các văn phòng tách biệt khỏi nhà của họ để phục vụ những khách hàng. Ngày nay chúng ta không nghĩ là sẽ gọi điện thoại hay gặp gỡ các bác sĩ hay các luật sư ở nhà riêng của họ. Có những giới hạn cố định giữa các chuyên viên ngoài đời và khách hàng của họ.

Không giống với một chuyên viên ngoài đời, một linh mục của giáo phận tìm thấy ơn gọi của họ là sống với dân chúng. Sự phân cách giữa cái gọi là cá nhân và cái gọi là chuyên môn thì rất mờ nhạt bởi bản chất của đời sống này. Chúng ta là những người đồng hành của dân chúng. Chúng ta hòa nhập xã hội với họ. Chúng ta tham gia các bữa tiệc và các hoạt động trong gia đình của họ. Chúng ta gặp gỡ họ trong nhà xứ cũng như trong nhà của họ. Chúng ta gặp họ ở sân banh cũng như ở trường học. Ơn gọi của chúng ta mời gọi chúng ta hiện diện với dân chúng trong cơ cấu hàng ngày của đời sống họ. Không thể thiết lập những ranh giới rõ ràng giữa đời sống cá nhân của chúng

ta và đời sống mục vụ công khai của chúng ta. Thiết lập những ranh giới chuyên môn điển hình không chỉ không thể được mà nó còn đi ngược lại với đoàn sủng của chúng ta.

Ngày nay, đang có một sự gia tăng trong việc nhấn mạnh về các giới hạn cho các giáo sỹ. Đây là một chủ đề rất quan trọng và đã bị quên lãng lâu ngày. Đã có và tiếp tục sẽ có những hệ quả đau thương khi vượt qua các giới hạn mục vụ thích hợp. Tuy nhiên, hoàn cảnh đặc thù của đời sống một linh mục đang làm việc mục vụ đưa đến một vấn đề khó khăn đặc biệt cho việc giữ những giới hạn này.

Sự thách đố này thậm chí còn trở nên khó khăn hơn trong thời kỳ hậu Vatican II. Một sự chuyển đổi đáng kể, đã xảy ra mà hầu như không được lưu ý, sự thay đổi xảy ra trong mục vụ giáo phận trong khoảng 30 năm vừa qua. Một ví dụ điển hình về sự chuyển đổi này bị ẩn dấu trong những thay đổi về phụng vụ của hậu Vatican II. Trong thời kỳ tiền Vatican II, linh mục quay ngược với giáo dân, hai tay của ngài chỉ dang ra rộng bằng vai; và có hàng rào hiệp lễ để phân cách ngài với cộng đoàn; và ngài nói bằng ngoại ngữ. Trong phụng vụ cũng như trong hầu hết các công việc mục vụ, các giới hạn được đặt ra rõ ràng và được nói ra trong một số cách thức không bằng lời.

Ngày nay, hàng rào hiệp lễ không còn nữa. Linh mục quay lại và đối diện với dân chúng. Chúng ta đối đáp với họ bằng ngôn ngữ của họ, các bàn thờ được di chuyển ra phía đằng trước, và chúng ta dang tay rộng hơn. Sứ điệp đã thay đổi. Lời nói, cách sắp xếp mới của chúng ta về nơi thánh, và ngôn ngữ của chúng ta ngày nay mời gọi dân chúng đến gần. Tất cả như muốn nói, “Hãy tiến vào đời sống của tôi”. Và mọi người làm.

Dân chúng tự hỏi tại sao trong một số dịp, các linh mục trở nên quá gần gũi với giáo dân, đôi khi có những hệ quả thảm họa. Dù sự giới hạn thay đổi trong giáo hội hiện đại, một cách ngạc nhiên tôi thấy rằng phần đa không thay đổi.

Tôi đã nói chuyện với một linh mục là nhà tâm lý học ở Nam Mỹ. Chúng tôi nói chuyện về các linh mục trẻ, những người đã hồi tục sau vài năm làm việc mục vụ. Chúng tôi hỏi nhau, “Làm sao có thể vậy, một người trẻ đã bỏ ra hơn bốn năm trời chuẩn bị cho ơn gọi có thể rồi bỏ chức linh mục chỉ sau có vài năm?” Vị linh mục là nhà tâm lý ở Nam Mỹ đã nói rằng, những linh mục mới chịu chức ở quốc gia ngài đã được cho đi mục vụ giáo xứ quá sớm, nơi họ bị bao vây bởi hơn năm mươi ngàn giáo dân. Ngài đã tin rằng những linh mục mới này đơn giản là bị quá tải.

Trong khi hầu hết các giáo xứ không có quá nhiều giáo dân như vậy, tôi nghi vấn những cảm giác của các linh mục mới chịu chức thì tương tự. Có thể là một số các linh mục mới chịu chức không thể thiết lập những giới hạn và sự dần thân thích hợp. Nếu như thế, một khi áp lực của những đòi hỏi mục vụ đè nén trên họ, họ sẽ trở nên bị quá tải.

Cảm giác bị quá tải này do những đòi hỏi của dân chúng là một vấn đề đang gia tăng đối với các linh mục nói chung. Trong nghiên cứu của Hội đồng Quản trị của Liên Đoàn Các linh Mục Hoa Kỳ (NFPC), tỷ lệ phần trăm của các linh mục nói “quá nhiều công việc” và “những đòi hỏi và những mong đợi không thực tế từ giáo dân” như là những vấn đề áp lực đã gia tăng gấp đôi từ năm 1970.⁴⁴

44 Hoge and Wenger, tr. 33.

Đoàn sủng của linh mục giáo phận là sống giữa dân chúng. Ôn gọi này đòi hỏi những giới hạn trưởng thành được thiết lập. Phải, bản chất của mục vụ chúng ta làm lu mờ giới hạn giữa phục vụ và đời sống, và làm cho nhiệm vụ như thế khó khăn hơn. Trong thời kỳ hậu Vatican II, nhiệm vụ này lại càng thách thức hơn với sự ăn mòn nhiều giới hạn về mục vụ, về tổ chức, và về xã hội mà trước đây đã phân cách giữa linh mục và dân chúng. Với sự gia tăng của dân Công Giáo, và số lượng giáo sỹ đang giảm sút, những mong đợi lại gia tăng, nhu cầu đối với những giới hạn tương ứng lại càng khẩn thiết.

Để bảo vệ sức khỏe của các linh mục, các linh mục mới được thụ phong, nên chú ý đặc biệt tới những giới hạn cá nhân và mục vụ của linh mục.

Những Giây Phút Thánh Hóa Quan Trọng

Khi sống giữa dân chúng, linh mục có thể thực hiện một số các vai trò khác nhau như là cố vấn, quản trị, người ủng hộ quyền dân sự, thầy dạy, trong khi vai trò chính yếu của ngài vẫn là mục tử. Tuy nhiên, sự hiện diện của ngài trong đời sống dân chúng vẫn có một vai trò đặc biệt. Sứ vụ của ngài, một cách tối hậu là chỉ ra sự hiện diện của Thiên Chúa và Tin Mừng của ngài. Như ẩn dụ kinh thánh nói rằng linh mục nên là men thiêng liêng trong toàn bộ cộng đoàn. Ngài nỗ lực cố gắng để chút men Tin Mừng đó trở thành nguyên nhân cho toàn bộ khối bột cộng đoàn dậy men.

Nhiều giáo dân nhận ra vai trò này của linh mục. Như là kết quả, sự hiện diện của ngài được chào đón và giáo dân tìm kiếm ngài cho nhiều hoạt động trần thế. Họ mời ngài làm phép

nhà mới hay thuyền bè trước khi ra khơi. Ngài được mời đi picnic hay các sự kiện thể thao. Ngài tham gia các chức năng cộng đồng, và ngài cũng thường được mời trong các dịp bình thường như là làm phép của ăn, đúng là dân chúng tìm kiếm sự hiện diện của ngài. Tóm lại, dân chúng mang ơn vì sự hiện diện của linh mục trong những hoạt động thường ngày của đời sống họ.

Đối với nhiều người, linh mục đại diện cho sự hiện diện của Đức Kitô và Hội Thánh. Họ cảm thấy được chúc lành khi có sự tham dự của linh mục. Trong khi những sự xuất hiện như thế đang ngày càng hiếm hơn vì con số các giáo sĩ đang giảm dần, tham gia các cuộc tập trung của dân chúng sẽ luôn là một phần của đời sống linh mục khi ngài sống ơn gọi của ngài giữa dân chúng. Ngài là men thiêng liêng trong cộng đoàn.

Nhưng điểm tập trung cho sự hiện diện của linh mục là trong *những giây phút then chốt* của đời sống con người. Sự ưu tiên đối với giáo sĩ vẫn luôn là những sự kiện lớn như là việc sinh sản trẻ em, cưới xin, bệnh tật, hòa giải, và chết chóc. Theo bản năng, các linh mục hiểu sự quan trọng của các giây phút này là như thế nào. Sự hiện diện của họ trong những giây phút then chốt này không chỉ là một sự an ủi; các linh mục do hiệu lực của bí tích truyền chức và là đại diện của Hội Thánh, ban tặng một ơn lành đặc biệt. Bởi các bí tích rửa tội, hôn nhân, xức dầu, của ăn đăng, cũng như tha tội, linh mục thánh hóa những giây phút then chốt này và làm cho những giây phút này trở thành những khí cụ mạnh mẽ của ân sủng Chúa.

Nhiều lần, chúng ta, các linh mục ý thức và nhận biết về sức mạnh của những giây phút này. Ví dụ, ai trong chúng ta đã

không cảm thấy sự động chạm của lòng thương xót trong bí tích Hòa giải hay là sức mạnh chữa lành của bí tích xức dầu? Trong khi việc cử hành những bí tích này là chức năng thói quen bình thường của linh mục, lúc này hay lúc khác chúng ta cảm nghiệm một cách cá nhân về sức mạnh đặc biệt và cứu rỗi. Như đã lưu ý ở chương hai, tôi tin rằng chính vị linh mục, trong những giây phút bí tích, tham dự vào ân sủng hiện diện của Đức Kitô và chúng ta nhận được một loại ân sủng phản chiếu. Chính chúng ta nữa, chúng ta cũng được nuôi dưỡng trong những giây phút này.

Một linh mục giáo phận, như là một người sống giữa dân chúng, là hiện diện trong những phần rất trần thế của đời sống con người. Ngài là men trong xã hội, kêu gọi dân chúng nhớ rằng Đức Kitô đang sống ở giữa và trong họ. Nhưng trong những giây phút then chốt của đời sống con người, khi sinh ra, cưới hỏi, bệnh tật, hòa giải, và chết chóc, ngài đặc biệt được tìm kiếm. Bởi sức mạnh của Đức Kitô trong các bí tích của ngài, linh mục thánh hóa những giây phút này, liên kết con người với Thiên Chúa, nối liền tự nhiên và ân sủng.

Đời sống bí tích của Giáo Hội và ơn gọi của linh mục giáo phận được đan xen với nhau, bởi vì đời sống của dân chúng và của linh mục cũng được liên kết chặt chẽ với nhau như thế.

Đứng Làm Trung Gian

Là các linh mục, chúng ta dành nhiều thời gian để lắng nghe dân chúng. Sau nhiều năm làm công tác mục vụ, chúng ta trở nên sâu sắc để nhận ra và nhạy cảm hơn với những khó khăn của dân chúng. Chúng ta hiểu những hy vọng và ước mơ

của họ, cũng như những đau khổ và buồn phiền của họ. Chúng ta cảm thông với họ và nhiều lúc thậm chí chúng ta đồng cảm với họ, đó là chúng ta có thể cảm nhận sự đau khổ của họ trong cách thức cá nhân.

Đồng thời, ban đầu chúng ta được hình thành và tiếp tục trong suốt quá trình mục vụ, chúng ta thấm nhuần huấn giáo của Giáo Hội và mời gọi tận căn của Tin Mừng. Chúng ta tập để *sentire cum ecclesia*, đó là, *suy nghĩ với tâm trí của Giáo Hội*. Viễn tượng Tin Mừng/Giáo Hội này có thể đưa tới những thách đố cho một số người vì khó khăn cho họ để có thể chấp nhận, đặc biệt khi viễn tượng này lại đi ngược lại những tập tục trần tục của thời đại.

Ví dụ, trong thời kỳ hiện tại của chúng ta, sứ điệp quan trọng và kiên định của Giáo Hội về tôn trọng sự sống thì bị thách đố. Huấn giáo của Giáo Hội về án tử hình, về cái chết êm dịu, ngừa thai, và phá thai thì rõ ràng là đi ngược lại nền văn hóa của xã hội Tây Phương. Tương tự như vậy, Tin Mừng kêu gọi cho công lý, như là chia sẻ công bằng về các nguồn tài nguyên thế giới, một sự nhìn nhận những quyền căn bản nhất của con người, và chọn lựa ưu tiên cho người nghèo, tiếp tục bị loại trừ bằng lời nói cũng như hành động trong rất nhiều quốc gia giàu nhất cũng như nghèo nhất. Linh mục đứng giữa và với dân chúng, ủng hộ những quan tâm và quan điểm của họ, nhưng cũng cổ xúy và thách đố họ.

Bởi vì vừa *cảm thông với dân chúng* và vừa *suy nghĩ với Giáo Hội*, đôi khi chúng ta có thể cảm nhận bị phân rẽ ở giữa dân chúng và huấn giáo của Giáo Hội. Trong khi, nhiều lúc điều này không cảm thấy thoải mái, nó lại chính xác là nơi

chúng ta nên ở. Chúng ta là những người đại diện của Giáo Hội ở giữa dân chúng. Chúng ta cũng đứng với và giữa dân chúng; chúng ta là một trong họ. Chúng ta là những đại sứ đặc biệt của Đức Kitô cho dân chúng. Chúng ta cũng là những người đại diện của dân chúng với Chúa.

Trong Cựu Ước có nói rằng Môsê đã đứng làm trung gian giữa Thiên Chúa và dân chúng (TV 106:23). Ông đã chuyển cầu với Chúa cho dân và ông đã đưa về cho dân Mười Điều Răn, những điều này thật khó khăn đối với dân chúng. Tương tự, mặc dù trong cách thức khiêm tốn hơn nhiều, linh mục đứng làm trung gian giữa Thiên Chúa và dân chúng. Có lẽ, đây là một trong những vai trò quan trọng nhất nhưng lại ít được nhận ra nhất của linh mục là cầu nguyện và chuyển cầu cho dân của mình.

Linh mục lắng nghe và cảm nhận với dân. Chúng ta suy nghĩ với họ. Chúng ta cũng lắng nghe Lời Chúa được truyền lại qua kinh thánh và giáo huấn của Giáo Hội. Vì thế, chúng ta lãnh hội và chiêm lấy trọn vẹn những giáo huấn thách đố này. Chúng ta, các linh mục đứng ở điểm giữa này. Với một số người, nó trở thành một điểm mâu thuẫn cho linh mục.

Nhưng một viễn tượng Tin Mừng và những giáo huấn của Giáo Hội thường không luôn luôn cung cấp một bản thiết kế khó khăn cho những quyết định luân lý hàng ngày. Linh mục hỗ trợ dân chúng trong việc giải thích những giáo huấn này cho đời sống hàng ngày hiện tại. Ôn gọi độc đáo của chúng ta và sự hiểu biết cá nhân về sự khó khăn của dân chúng làm cho chúng ta đặc biệt phù hợp để cung cấp hướng dẫn mục vụ cho người đời. Trong việc hướng dẫn mục vụ này, chúng ta kiên

định đặt ra trước mắt dân chúng lòng thương xót và thương cảm của Chúa Giêsu. Phải, những sự đồng cảm mục vụ của chúng ta không nên đưa tới sự phóng túng. Đôi khi sứ điệp thì rất khó khăn.

Vai trò của linh mục đứng làm trung gian xuất phát trực tiếp từ chính đoàn sủng của ngài là sống giữa dân chúng. Đứng làm trung gian là một phần quan trọng của căn tính linh mục, đôi khi nó cũng là thánh giá của chúng ta.

Đời Sống Độc Thân Của Linh Mục Giáo Phận

Cũng giống như đời sống thiêng liêng của linh mục giáo phận khác với anh em tu sĩ và ẩn sĩ, vì thế cảm nghiệm về đời sống độc thân cũng đặc biệt. Trong khi toàn thể nhân loại đều dễ cảm nghiệm những đau khổ của sự cô đơn, và nhiều khi, cảm thấy nặng nề vì sự đau khổ đó, thì sự cô đơn cũng có thể là một thử thách đặc thù cho linh mục giáo phận. Trong nghiên cứu của Hội đồng Quản trị của Liên Đoàn Các linh Mục Hoa Kỳ (NFPC) trước đây đã trích dẫn, “sự cô đơn” là một trong những vấn đề chính yếu nhất mà các linh mục giáo phận phải đối diện ngày nay.⁴⁵

Đời sống độc thân phủ nhận việc ngài có một người phụ thê đồng hành và có con cái ủng hộ. Đoàn sủng của ngài sống giữa dân chúng đưa ngài ra khỏi đan viện và cũng ra khỏi sự ủng hộ của cộng đoàn tu sĩ.

Đoàn sủng này đặt ngài, thường chỉ là mình ngài là linh mục, chỉ ngài với dân chúng. Như con số giáo sĩ ở một số quốc

45 Ibid., tr. 32-33.

gia giảm sút, những ai còn lại thường bị tách biệt nhiều hơn với các linh mục khác. Có một chút ít lo âu là cha xứ, sau niềm vui cử hành các phụng vụ ngày Chúa Nhật với dân chúng, có thể cảm nhận một tinh thần chìm xuống vào buổi chiều Chúa Nhật khi tất cả dân chúng đã trở về với gia đình của họ và chỉ mình ngài bị bỏ lại.

Các linh mục triều luôn luôn nói về sự quan trọng của sự ủng hộ họ nhận được từ nơi các anh em linh mục khác. Quả thật, sự ủng hộ như thế vẫn gia tăng sự quan trọng khi con số các linh mục ít đi. Các nhóm như là *Jesus Caritas* và *Emmaus* rất là hữu ích và tôi đề nghị họ nên được khích lệ. Theo nghiên cứu của tôi, thật phần khởi để lưu ý rằng 88,9% các linh mục đã nói, họ có “mối liên hệ tốt đẹp với những linh mục khác.” Tôi tin rằng, có những bạn hữu là các linh mục là điều thiết yếu cho một đời sống linh mục lành mạnh.

Nhưng hầu hết thời gian của một linh mục giáo phận thì chia cách khỏi các linh mục giáo phận khác, và đời sống của ngài chìm ngập trong đời sống của dân chúng. Vì thế, một sự ủng hộ quan trọng khác nữa cho ơn gọi độc thân của ngài thì đến từ dân chúng, những người ngài phục vụ. Như là những người sống độc thân, các linh mục này thường tìm nơi nấu ăn và ủng hộ nơi một ít gia đình mà ngài cảm thấy được tiếp đón và có thể nghỉ ngơi. Nhiều khi, những mối liên hệ như thế có thể đi sai lệch trong nhiều cách thức. Tuy nhiên, được bao quanh bởi sự đồng hành của các gia đình và sự nhiệt tình của trẻ em, thậm chí chỉ một ít thời gian, cũng là một sự thoải mái.

Tôi nhớ rất rõ về sự than thở của một linh mục về hưu. Ngài là một con người đặc biệt thánh thiện và được giáo dân

rất yêu thương. Tôi nói với ngài vào đêm trước khi ngài về hưu, “Dân chúng sống thế nào khi thiếu cha đây?” Ngài đã trả lời một cách buồn bã, “Tôi sống thế nào khi thiếu họ đây?”

Một Người Bạn Đặc Biệt Của Chúa Giêsu

Một linh mục đang hoạt động mục vụ có đoàn sủng đặc thù và vì thế có một đời sống thiêng liêng đặc thù. Thay vì nhìn đời sống thiêng liêng của ngài như một người đang cố gắng tìm ra một số các giây phút linh thiêng trong một ngày không linh thiêng, thì nên nhận ra rằng đời sống của một linh mục giữa dân chúng là một phần cần thiết nơi đời sống thiêng liêng của ngài và là cách thức để Thiên Chúa được mạc khải cho ngài.

Nhiều lúc trong quá khứ, một số đang làm mục vụ giáo phận đã giải thích sai đời sống thiêng liêng này và có nguy cơ trở thành môi cho những sự hợp lý hóa như là: “Công việc của tôi là lời cầu nguyện của tôi.” Trong khi nhận ra đời sống thiêng liêng thật sự trong khi làm việc mục vụ, lời mời gọi cầu nguyện và sự cố vỡ mối liên hệ cá nhân với Chúa là điều then chốt đối với một linh mục giáo phận, cũng như cho những ai theo đuổi bất kỳ ơn gọi nào khác. Quả thật, một người có thể cho nó là quan trọng hơn, vì áp lực của những đòi hỏi về mục vụ và đời sống thường là bận rộn trong việc phục vụ.

Hơn nữa, tôi tin rằng có một ân sủng thiết yếu được ban tặng cho linh mục độc thân, như đã lưu ý ở chương bốn, là một tình bạn đặc biệt với Chúa Giêsu. Trong khi điều này không làm cho ơn gọi linh mục tốt hơn các ơn gọi khác, thậm chí khi đọc lướt qua, Kinh Thánh rõ ràng diễn tả tình bạn đặc biệt giữa

Chúa Giêsu và các môn đệ của Ngài.

Chính cá nhân Chúa Giêsu đã chọn mười hai tông đồ. Ngài gọi đích danh họ. Ngài đã mời gọi họ chia sẻ ba năm quý báu với Ngài. Chúa Giêsu đã đi lại với họ. Họ đã cùng ăn uống với nhau. Ngài nói với họ một cách thẳng thắn như Kinh Thánh đã nói, chứ không phải bằng dụ ngôn. Ngài gọi họ là những bạn hữu. Và sau khi Chúa Giêsu đã chết, sứ mệnh của Ngài đã được trao phó trực tiếp cho họ.

Linh mục tiếp tục sứ vụ của Chúa Giêsu trong một cách thức trực tiếp và ý thức. Linh mục đứng trung gian giữa Thiên Chúa và dân chúng ngài phục vụ. Với sức mạnh được cung cấp từ tình bạn đặc biệt với Chúa Giêsu và với sự ủng hộ của dân của ngài, ngài trở nên một loại bí tích cho dân ngài như khi ngài kêu cầu Thiên Chúa thánh hóa đời sống của họ.

Đỉnh Cao Của Thánh Thể

Một cách tối hậu, đời sống của linh mục giữa dân chúng đạt tới chóp đỉnh của nó trong việc cử hành Thánh Thể. Không ngạc nhiên gì các linh mục thường nói về chủ tế phụng vụ Chúa Nhật như là những giây phút thỏa mãn nhất của họ. Đoàn sủng lớn lao nhất của linh mục là đứng giữa cộng đoàn và xung quanh bàn tiệc Thiên Chúa và tạ ơn Thiên Chúa.

Mô-sê đã đứng làm trung gian, và giơ hai tay lên cao để chuyển cầu cho dân chúng. Linh mục, Chúa Nhật này tiếp Chúa Nhật kia, giơ tay lên cao để cầu nguyện và chuyển cầu. Đứng với và giữa dân chúng, ngài dâng tiến hy lễ tạ ơn và ca khen lớn lao này. Nếu có những hy sinh trong đời sống độc

thân của ngài, mà thật sự là có, nó là những giây phút đặc biệt của ân sủng giúp ngài bền đỗ qua những thời giờ đen tối.

Đời sống thiêng liêng đặc biệt của linh mục giáo phận tuôn chảy từ ơn gọi căn bản của ngài, và tăng triển ở giữa dân chúng. Đời sống của linh mục và của dân chúng cùng tăng triển với nhau, và hành trình thiêng liêng của họ đan xen với nhau. Ơn gọi này có những khó khăn riêng của nó; nó cũng có những giây phút thỏa mãn và vui tươi của nó.

Dân chúng mà linh mục phục vụ có thể thách thức ngài trong nhiều cách, và nhiều lúc, họ có thể là gánh nặng. Nhưng rất thường, họ ủng hộ và an ủi. Linh mục, người sống chân thật với ơn gọi của mình cuối cùng sẽ nhận ra nơi giáo dân của mình một cộng đoàn của tình bạn. Cùng nhau, họ tiến bước trong một hành trình đời sống.

CHƯƠNG 10

LINH MỤC NHƯ MỘT CON NGƯỜI TẠ ƠN: PHÁT TRIỂN MỘT TRÁI TIM THÁNH THỂ⁴⁶

*Tình yêu và niềm vui là hoa trái của đức tin, hy sinh,
và đau khổ.⁴⁷*

Catherine Dougherty

Các linh mục và tu sỹ khi họ gặp khó khăn và cần chăm sóc tâm lý, họ đi đến với một loại chữa trị của nhiều loại bệnh lý tâm lý và thiêng liêng. Những loại điển hình chúng tôi nhận thấy là nghiện rượu, trầm cảm, những vấn đề tương giao, những khủng hoảng thiêng liêng, nghiện ma túy, hay những hành vi hủy hoại như là thoái quen chi xài và phiếu nợ, thói quen ăn quá mức, hay là những loại khác nhau của bộc lộ tình dục, và những loại nghiện tình dục.

Nhưng có những vấn đề thường đáng lưu ý trong đời sống tạo nên những khó khăn khác nhau này. Những vấn đề đáng lưu ý thường xảy ra tới lui trong thời gian chữa trị, bất chấp những vấn đề đang trình bày. Có lẽ, điều thường xảy ra nhất trong tất cả là *giận dữ*. Khi tu sỹ hay linh mục đến với chương trình chữa trị, sự biểu hiện trên nét mặt thường là cứng cõi,

46 Reprinted and edited from Stephen J. Rossetti, “Từ Giận dữ tới Lòng biết ơn: Trở thành một Dân của Thánh Thể,” *Origins* 33, số 44 (15 Tháng Tư, 2004), tr. 757-762.

47 Catherine Dougherty, một bài viết chưa xuất bản.

đôi mắt của họ cứ nhìn thẳng về phía trước, hàm răng của họ thì nghiến chặt, và các bắp thịt thì căng thẳng. Gắn chặt sâu xa trong tinh thần của họ là một sự giận dữ lớn lao. Hầu hết thời gian của họ, họ đã không nhận biết họ đã giận dữ như thế nào. Tôi nói với họ, “Cha nhìn có vẻ giận dữ.” Với hàm răng nghiến chặt và với sự thù ghét nhỏ giọt qua những lời nói, lời đáp trả trở lại là, “Tôi không giận dữ!”

Trong chính nó, giận dữ là một cảm xúc mạnh mẽ trong con người, nên nó không tốt cũng chẳng xấu. *Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo* nói với chúng ta rằng, “Các cảm xúc và tình cảm có thể được đón nhận trong các nhân đức, hoặc bị băng hoại trong các thói xấu.”⁴⁸ Trong trường hợp này, tôi không nói về loại giận dữ bình thường mà một người tâm thần bình thường cảm nghiệm. Ví dụ, chúng ta đọc trong Tin Mừng Mac-cô rằng, Đức Giêsu «giận dữ rao mắt nhìn họ, buồn khổ vì lòng họ chai đá...» (Mk 3:5). Chúng ta giận dữ hợp lý vì sự bất công và tội lỗi.

Thay vào đó, tôi đang nói về một sự giận dữ cực đoan mà nó nằm trong chính trái tim của con người và nó trở thành thuốc độc làm ảnh hưởng tới toàn thể hệ thống con người. Cuối cùng, sự giận dữ này sẽ bộc lộ ra ngoài trong những cách thức không bình thường như là sự trầm cảm nguy hiểm, trong đó sự giận dữ dội phóng vào bên trong tới ngã vị con người. Hay là nó có thể biểu lộ chính nó trong một giận dữ sự mất trật tự của con người. Ví dụ, tôi nhớ lại một linh mục, ngài uy hiếp các thành phần của cộng đoàn giáo xứ với những ngôn ngữ mỉa mai cắn cào, sự bình phẩm hung hăng, và bôi nhọ người

48 *Giáo lý Giáo Hội Công giáo* (Washington: USCC Publishing, 1994.), số 1767-1768.

khác, và sự cố làm tăng quyền hành của mình. Những cá nhân như thế có rất nhiều sự giận dữ trong lòng, và khi họ tương quan với người khác họ làm lan truyền mối bất hòa và xung đột. Những người khác cảm thấy bị tổn thương và buồn phiền bởi tính cách và giọng nói và hành vi của họ. Các linh mục với sự giận dữ như thế không phải là “những con người của sự hiệp thông,” như Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã diễn tả. Trái lại, họ trở thành những con người của sự xung đột và chia rẽ. Họ làm cho các giáo xứ của họ tổn thương và chia rẽ.

Bị chiếm hữu bởi quá nhiều sự giận dữ làm cho linh mục không thể giảng dạy Tin Mừng một cách thật sự. Thông tin và sứ điệp chúng ta nhận được từ nơi những người khác thì rộng hơn nhiều chứ không đơn giản là sự giải nghĩa những lời họ nói. Phần lớn sự truyền thông liên vị, có lẽ là hầu hết, là không bằng lời. Trong khi người ta nghe những lời chúng ta nói ra, nhưng điều làm cho họ nhớ là khi họ nhìn vào mặt chúng ta. Đôi khi tôi nói với các linh mục: “Để kiểm tra bài giảng anh em thật sự giảng Chúa Nhật này qua Chúa Nhật kia, hãy nhìn vào gương.” Như một người giảng Tin Mừng đã nói một cách châm chọc rằng, «Nếu bạn đã được cứu, làm ơn nói cho về mặt của bạn!»

Tại cuộc họp khoáng đại của Bộ Giáo Dục Công Giáo năm 2002, Đức Gioan Phaolô II đã nói, “Điều đặc biệt cần thiết là cổ vũ các sinh viên cảm thấy niềm vui trong chính ơn gọi của họ.” Tôi không thể nghĩ ra khí cụ nào tốt hơn để chiêu mộ ơn gọi hơn là một linh mục tràn đầy niềm vui. Tôi không thể nghĩ ra một bài giảng nào hay hơn là một đời sống trào ra niềm vui và bình an mà chỉ có Đức Kitô Phục Sinh mới có thể ban tặng. Khi chúng ta nói về đào tạo và đào tạo liên tục của các

linh mục, chúng ta không đơn giản là dạy họ các thông tin về bản tính và tình dục của họ. Điều quan trọng nhất, là chúng ta hướng dẫn họ vào trong chính con người, và vào trong chính đời sống thiêng liêng, để bước ra khỏi sự giận dữ để đi vào trong tâm tình tạ ơn và vui tươi. Đây là điểm cơ bản của nó: *Hành trình của việc đào luyện nhân bản Kitô giáo là một hành trình đi ra khỏi sự giận dữ để đi vào lòng tạ ơn và niềm vui.*

Khi chúng ta nói về các linh mục cần ghi khắc các giá trị Tin Mừng và tránh xa những đường lối của “thế gian” (một sự hoán cải của các cách thức, như các bạn đan sĩ của chúng ta gọi nó), chúng ta bao gồm trong ý niệm này sự từ chối đối với chủ nghĩa tiêu thụ, chủ nghĩa vật chất, và một nền văn hóa sự chết. Điều quan trọng đối với chúng ta, các linh mục là mặc lấy các giá trị Tin Mừng. Nhưng nó cũng quan trọng tương tự cho chúng ta xa tránh những điều cơ bản của sự suy đồi của thế gian, đó là sự giận dữ cơ bản của nó cũng như sự cuồng bạo bên trong nó. Quả thật, khi chúng ta nói về nền văn hóa sự chết, chúng ta phải nói về sự phá hủy nhân loại qua sự cuồng bạo bên trong cũng như tính bạo lực bên trong con người đổ thêm dầu cho nền văn minh sự chết trong thế giới chúng ta.

Việc coi nhẹ vai trò của Satan đã trở nên bình thường, và kể cả những thế lực của ma quỷ trong đời sống con người ngày nay. Nhưng tôi nghĩ thế lực ma quỷ thì thể hiện rõ ràng trong sự cuồng bạo cũng như bạo lực đang tràn lan trên thế giới. Satan đang sống và sống khỏe trong sự hủy diệt nhân loại chúng ta. Không phải ngẫu nhiên mà thuật họa thời trung cổ đã sử dụng những hình ảnh của những con thú hung tợn.

Một ví dụ nổi bật về bạo lực và giận dữ bên trong là câu

truyện trong Tin Mừng về quỷ Ghê-ra-sa (Mk 5:1-20). Đoạn Tin Mừng này không chỉ trình bày những chân lý thiêng liêng nổi bật, nhưng tâm lý hiện thực của đoạn Tin Mừng cũng chứng thực cho tính xác thực của nó. Người đàn ông đã bị đạo binh của quỷ ám đã bị mất đời sống và nhân tính của mình. Anh ta sống trong các mồ mả, đó là anh ta sống giữa những người chết. Anh ta đã chết về mặt thiêng liêng và tâm lý. Tương tự như vậy, anh ta đã sống xa cách với cộng đồng con người; anh ta cô đơn một mình. Và anh ta trần truồng; chỉ có thú vật là trần truồng, chứ không phải con người. Anh ta đã bị mất nhân tính và đã sống như một con vật.

Đoạn Tin Mừng tiếp tục nói rằng anh ta không bao giờ nghỉ ngơi, nhưng suốt ngày đêm anh ta tru tréo và lấy đá đập vào người. Người đàn ông này không có bình an nhưng bị tra tấn bên trong lòng mình. Trong sự đau khổ, anh ta đã tru tréo liên tục và đã đập vào chính mình. Bạo lực của anh ta đã hướng vào bên trong, ngày nay thì cũng tương tự như thế, và vì thế hành xử của anh ta là tự phá hủy chính mình một cách kinh ngạc. Chúng ta nhận thấy một bức họa về sự chết dần về nhân tính của một con người trong cô lập và tra tấn nội tâm. Bức họa này phù hợp với ngày nay. Rất nhiều người ngày nay sống đời sống cô lập và đang đau khổ rất lớn trong lòng. Sự cô độc này cũng như sự đau khổ bên trong đưa họ tới hành vi tự hủy hoại mình như là rượu chè, ma túy, hay là bị cưỡng bức tâm lý, xem thường tình dục.

Đang phục vụ ở giữa các tu sỹ và linh mục gặp khó khăn, và đang cùng bước đi với rất nhiều người trên hành trình phục hồi, tôi đã trở thành một học sinh của sự biến đổi đang xảy ra. Họ đã dạy tôi rất nhiều về sức khỏe tâm lý. Thậm chí ẩn tượng

hơn, họ đã dạy tôi nhiều hơn về tin mừng của Chúa Giêsu. Tôi nhớ một cư dân, người mới hoàn tất chương trình của chúng tôi cách đây ít lâu. Chúng tôi đã có một buổi phụng vụ chia tay tiêu biểu cuối cùng trước khi cư dân này trở về nhà. Vào buổi phụng vụ này, vị cư dân linh mục này được mời chia sẻ một chút suy tư với toàn thể cộng đoàn. Ngài đã đứng lên và nói, “lần đầu tiên khi tôi đến Trung tâm Thánh Luca, tôi đã nghĩ rằng, tôi bị gửi tới đây là bởi vì giám mục và các người phụ tá của ngài ghét tôi. Sau khoảng thời gian khoảng nửa chương trình, tôi đã thay đổi cách hiểu của tôi, và tôi tin rằng tôi bị giam hãm ở Trung tâm Thánh Luca là bởi vì Thiên Chúa đang phạt tôi vì những tội lỗi của tôi. Bây giờ khi tôi đã hoàn tất chương trình này, tôi đã nhận ra rằng tôi ở đây là bởi vì Thiên Chúa yêu thương tôi, và bởi vì giám mục của tôi chăm lo cho tôi. Họ đã muốn tôi trở nên tốt hơn. Được ở đây là một trong những ân huệ lớn lao nhất trong cuộc đời của tôi.”

Hành trình từ giận dữ và cay đắng tới lòng biết ơn của ngài thật là tuyệt vời. Trong thực tế, lúc này hay lúc khác chúng tôi vẫn thấy sự biến đổi này. Các cư dân đã bắt đầu hành trình của họ chất đầy với giận dữ và sợ hãi. Nếu tiến trình thành công, họ sẽ trải qua một sự biến đổi và cuối cùng là lòng tạ ơn và bình an trong tâm hồn. Đây là một điểm đánh dấu kỳ diệu để giúp lượng giá xem tiến trình chữa trị liệu pháp có thành công hay không. Nếu như một cư dân vẫn còn bị kẹt trong giận dữ nhiều, và tiếp tục thấy mình như là một nạn nhân vô dụng, thì coi như còn rất nhiều công việc phải thực hiện. Nhưng nếu chúng tôi nhìn trên khuôn mặt của họ cảm giác của bình an và lòng tạ ơn, thì chúng tôi biết rằng sự biến đổi đã xảy ra một cách chắc chắn.

Một các tương tự, một người không thể nói rằng Tin Mừng cũng đã được cảm rề chắc chắn sao? Nó không phải là quá rộng khi nói rằng, sự biến đổi của tinh thần con người từ giận dữ và sợ hãi tới biết ơn và niềm vui không chỉ là linh hồn của việc đào luyện nhân bản, mà nó cũng còn là chất liệu của sự hoán cải Kitô hữu nữa.

Tuy nhiên, trong nhận thức cũng nên phân biệt điều gì là tâm lý và điều gì thuộc về thiêng liêng. Một trong các điều nguy hiểm trong thời đại của chúng ta là dồn hết mọi thứ thiêng liêng vào vấn đề tâm lý, vì thế tất cả đời sống thiêng liêng được mặc cho một lớp áo ngôn ngữ tâm lý. Trong sự sai lầm này, tâm lý liệu pháp thay thế cho hướng dẫn thiêng liêng, và Gioan Thánh Giá thì được thay thế bởi Carl Jung. Nhưng đào tạo nhân bản thì không phải chấm dứt tự nó. Cuối cùng nó nên mở chúng ta ra với đời sống thiêng liêng đích thực, với đáng vô hạn, và vì thế chúng ta vượt qua những giới hạn của con người mỏng giòn.

Điều sai lầm ngược lại thì cũng nguy hiểm tương tự, đó là phủ nhận cái gì là con người, và quăng mọi thứ vào trong ngôn ngữ thiêng liêng. Không may, rất nhiều linh mục và tu sỹ đang gặp khó khăn đã làm như thế. Họ nói rất hay về hành trình thiêng liêng, nhưng những lời nói của họ không cảm rề trong đời sống của họ. Trong thực tế, đời sống thiêng liêng của họ thì nông cạn. Thật đáng buồn, chúng ta đã nhìn thấy sự tàn phá Giáo Hội và xã hội khi việc đào tạo nhân bản nơi các linh mục của chúng ta bị khiếm khuyết.

Nhưng, nói cho cùng, đời sống thiêng liêng và đời sống tâm lý được đan xen nơi con người rất chặt chẽ, chúng không

thể tách rời. Nó nhắc nhở tôi về tựa đề của tác phẩm vĩ đại của Jacques Maritain, *Các Mức Độ Của Tri Thức: Phân Biệt Để Hợp Nhất*. Trong khi chúng ta có thể phân biệt sự khác biệt giữa tâm thần và tinh thần, chúng ta làm như vậy cuối cùng chỉ để hợp nhất chúng. Trong công việc chữa trị của chúng tôi, không thể miêu tả rõ ràng đâu là những điểm kết thúc của tâm lý và đâu là những điểm bắt đầu của thiêng liêng. Hành trình thiêng liêng và tâm lý này là chỉ một cuộc hành hương của con người.

Tâm Lý Của Lòng Biết Ơn

Đường như đối với tôi sự biến đổi chữa lành này, mà nó hầu như đặt trung tâm ở hành trình liệu pháp tâm lý, cũng là một sự diễn tả hợp lý về đào tạo nhân bản. Trong thực tế, công việc của liệu pháp tâm lý mà chúng tôi thực hiện ở Trung Tâm Thánh Luca thì đơn giản là một mô hình thu nhỏ của hành trình của con người, và tôi tin rằng, nó cũng là một chương trình của việc hoán cải Kitô giáo.

Đang có một sự gia tăng nghiên cứu tâm lý về chủ đề biết ơn. Tôi rất ấn tượng về nghiên cứu của Michael McCullough, Ph.D., và Robert Emmons, Ph.D. Họ đã tìm ra rằng ai thực hành lòng biết ơn, như là thực hành hàng ngày những điều họ cảm thấy phải mang ơn, thì họ tốt hơn đáng kể về mặt thể lý, tâm lý, và thiêng liêng, đặc biệt khi so sánh với những người cứ giữ lại cả danh sách những thứ rắc rối và khó chịu hàng ngày. (Không phải tất cả chúng ta thường có khuynh hướng tập trung vào những sự kiện tiêu cực trong ngày hơn là những thứ tích cực sao!)

Một cách thể lý, nhóm thực hành lòng biết ơn nhiều hơn, sẽ có ít triệu chứng thể lý hơn, và ngủ ngon hơn. Một cách tâm lý, chúng đã dự báo những mức độ cao hơn về sự cảnh giác, nhiệt tình, thẳng thắn, và có sức sống. Họ đã cảm nghiệm ít suy nhược và căng thẳng hơn, cũng như mức độ cao của sự lạc quan và thỏa mãn trong cuộc sống, dù không phủ nhận những khía cạnh tiêu cực trong đời sống của họ. Một cách thiêng liêng, gần như họ thường giúp đỡ người khác, họ ít ghen tỵ với người khác hơn, ít ham mê vật chất, quảng đại hơn, và hay tham gia các việc phục vụ tôn giáo hơn, cũng như dấn thân hơn trong các hoạt động tôn giáo. Rõ ràng, có lòng biết ơn thì tốt cho bạn!⁴⁹

Đời Sống Thiêng Liêng Kitô Giáo Của Lòng Biết Ơn

Có lòng biết ơn không chỉ tốt cho bạn, nó cũng không phải là tình cờ, nó là vấn đề nội tại của đời sống Kitô giáo. Quả thật, một người có thể nói theo ngôn ngữ phạm trù, ai không có lòng biết ơn thì không phải là Kitô hữu.

Chúng ta đọc ở thư 1 Thê-xa-lô-ni-ca rằng dâng lời tạ ơn là một công việc mà Kitô hữu nên luôn luôn thực hiện. “Anh em hãy vui mừng luôn mãi và cầu nguyện không ngừng. Hãy tạ ơn trong mọi hoàn cảnh. Anh em hãy làm như vậy, đó là điều Thiên Chúa muốn trong Đức Kitô Giêsu.” (5:16-18). Tương tự, trong Thư gửi tín hữu Cô-lô-xê nói: “Anh em hãy hết dạ tri ân. Ước chi lời Đức Kitô ngự giữa anh em thật dồi dào phong

49 Robert A. Emmons and Michael E. McCullough, “Đếm các ơn lành Đối lại Gánh nặng: Một Điều tra Thực nghiệm về Lòng Biết ơn và Chủ Thể Tốt trong đời sống hàng ngày,” *Tập san về Nhân cách và Tâm lý Xã hội*, 84, số 2 (2003), tr. 377-389.

phú. Anh em hãy dạy dỗ khuyên bảo nhau với tất cả sự khôn ngoan. Để tỏ lòng biết ơn, anh em hãy đem cả tâm hồn mà hát dâng Thiên Chúa những bài thánh vịnh, thánh thi và thánh ca, do Thần Khí linh hứng. Anh em có làm gì, nói gì, thì hãy làm hãy nói nhân danh Chúa Giêsu và nhờ Người mà cảm tạ Thiên Chúa Cha.” (3: 15-17). Tạ ơn là một thái độ và công việc nền tảng của Kitô hữu.

Tân ước thậm chí còn nói rằng, những ai không tạ ơn thì không được cứu rỗi. Những *acharistoi* là những người không tạ ơn và họ bị khước từ (2 Tim 3:2) trong khi những người *eucharistoi* là những người tạ ơn và họ được cứu (Col 3:15). Theo những suy tư này, Kinh Tiền Tụng Thánh Thể II hiện nay chứa đựng ý nghĩa thần học rất lớn: “Lạy Chúa là Cha chí thánh, là Thiên Chúa toàn năng hằng hữu, chúng con tạ ơn Chúa mọi nơi mọi lúc, thật là chính đáng, phải đạo và đem lại ơn cứu độ cho chúng con.” Chúng ta, như những người Kitô hữu, không chỉ tạ ơn Thiên Chúa vì nó thật chính đáng cho chúng ta khi làm vậy, nhưng cũng là ơn cứu độ của chúng ta. Đây là những lời tuyệt vời: chúng con tạ ơn Chúa là ơn cứu độ của chúng con!

Chính Thánh lễ, là nguồn mạch và là chóp đỉnh của đời sống Kitô hữu, được gọi một cách nghiêm túc là Thánh Thể, Từ nguyên ngữ Hi Lạp *eucharistia* có nghĩa là chúng ta tạ ơn Chúa. Chúng ta biết rằng, ân huệ của Thiên Chúa được làm cho “hiệu quả và hiện diện...nó được hiện thực hóa và cụ thể hóa” trong chúng ta khi chúng ta tham dự thánh thể tạ ơn.⁵⁰ Trong hoạt động tạ ơn này, chúng ta được đưa tới mầu nhiệm

50 Karl Rahner, ed. *Tổng luận Thần học: The Concise Sacramentum Mundi* (New York: Crossroad, 1986), tr. 448.

cứu độ của Đức Kitô và tham dự vào ơn cứu độ ngài đã chiến thắng cho chúng ta. *Tạ ơn là Kitô hữu và được cứu rồi.*

Tôi luôn yêu thích đoạn Tin Mừng Chúa chữa lành mười người phong cùi (xem Lk 17:11-19). Tôi tin rằng đoạn Tin Mừng này thường được giải nghĩa chưa tới. Tôi nghĩ chúng ta bỏ quên sức mạnh và sự sâu sắc của nó. Đoạn Tin Mừng cũng có thể được giải thích như là một sự tổng hợp của Tin Mừng. Chúa Giêsu chữa mười người, mười người cùi, nhưng chỉ có một người trong họ trở lại. Chính chúng ta có thể nghĩ, “thật là quá tệ, chỉ có mỗi một người trong họ có thái độ lịch sự quay lại và tạ ơn.” Nhưng điều này có thể làm mất sự tương tác then chốt giữa người Samari được chữa lành và Chúa Giêsu. Khi anh ta trở lại, anh ta không đưa tay ra bắt tay tạ ơn. Trái lại, anh ta sấp mình xuống và ngợi khen Thiên Chúa. Trong thời Cựu Ước, dân chúng sấp mình xuống trước sự thần hiện, đó là khi Thiên Chúa tỏ mình ra cho họ. Một mình người cùi này đã nhận ra, vì thế anh ta không chỉ được chữa khỏi, nhưng anh ta cũng nhận ra là chính Thiên Chúa làm điều đó. Anh ta sấp mình xuống dưới chân Đức Giêsu, tạ ơn và ca khen Thiên Chúa. Và rồi Chúa Giêsu tuyên bố một lời của ơn cứu độ, “Đứng dậy về đi! Lòng tin của anh đã cứu chữa anh.” Chính hành vi nhận ra, nhận ra Thiên Chúa nơi Đức Kitô đã làm cho anh, và tạ ơn mà anh này đã được cứu. Như lời Kinh Tiền Tụng II nói, “Lạy Chúa là Cha chí thánh, là Thiên Chúa toàn năng hằng hữu, chúng con tạ ơn Chúa mọi nơi mọi lúc, *thật là chính đáng, phải đạo và đem lại ơn cứu độ* cho chúng con.”

Nếu chúng ta trở thành các linh mục thật sự, thì chúng ta phải trở thành những con người Thánh Thể, đó là, chúng ta trở thành những con người tạ ơn, và sống đời sống của lòng biết

on. Thật là một sự phân cách khủng khiếp khi là chủ tể Thánh Thể và mà lại là một con người không có lòng tạ ơn. Là một linh mục trọn vẹn phải là một con người có lòng biết ơn.

Tâm Lý Mẫu Nhiệm Vượt Qua

Làm sao chúng ta có thể thực hiện hành trình cứu độ này từ giận dữ tới lòng biết ơn? Tôi đã theo dõi cư dân của tôi ở Trung tâm Thánh Luca, và những kinh nghiệm của họ đã dạy tôi một vài điều về hành trình đào tạo nhân bản. Ở tại Trung tâm, một người cảm nhận rất nhiều niềm vui, nhưng cũng rất nhiều đau thương. Điển hình, tôi hỏi các linh mục khi họ kết thúc chương trình chữa trị. Rất nhiều linh mục nói với tôi, “Nó đã cứu đời tôi.” Khi tôi hỏi họ là chương trình có khó không, họ thường chớp mắt và nói rằng, nó khó đến nỗi khó có thể tin nổi. Ngày này qua ngày khác họ đã phải đối diện với những đau khổ, và tổn thương trong đời sống của họ. Ngày này qua ngày khác họ đã phải chiến đấu với sự xung đột nội tâm và đi tới những nơi mà theo tâm lý họ không bao giờ muốn đến.

Hành trình chữa trị này như là một loại mẫu nhiệm vượt qua. Có người có thể gọi đó là một mẫu nhiệm vượt qua tâm lý. Trước khi chúng tôi đạt đến «phục sinh» của tâm thần, trước hết chúng tôi phải đi vào trong thập giá của những khó khăn và đau khổ của một con người. Trước khi một con người có thể biết tạ ơn và bình an, trước hết một người phải đi vào trong giận dữ và tổn thương đã nằm chôn vùi trong mình và đang đầu độc tinh thần. Như Catherine Doherty đã viết, “Tình yêu và niềm vui là hoa trái của đức tin, hy sinh và đau khổ.”

Điều này nhắc nhở tôi về công trình của Walter

Brueggemann có tựa đề *Sứ điệp của các Thánh Vịnh*. Brueggemann đã lưu ý rằng có nhiều thánh vịnh ông ta gọi là “các thánh vịnh của sự đen tối.” Ở đây, tác giả thánh vịnh gặp cảnh khốn cùng và cầu nguyện một cách chân thật và trực tiếp với Chúa. Người ta có thể nghe ở các thánh vịnh này nhiều tổn thương, đau khổ, và nhiều lúc giận dữ. Brueggemann giải thích tại sao những lời cầu nguyện này của Israel quá chân thật khi họ kêu cầu lên Chúa:

Điều phỏng đoán và khẳng định của những thánh vịnh này, một cách chính xác là ở chính những nơi chết chóc như thể được trình bày trong các thánh vịnh này, lại là nơi Thiên Chúa ban đời sống mới... nó ôm ấp sự tăm tối như là chất liệu của đời sống mới. Quả thật, Israel dường như không biết đời sống mới đến từ nơi nào khác.⁵¹

Đáng lưu ý rằng, ngày nay các thánh vịnh là phần chính trong kinh nguyện chính thức của Giáo Hội, và vì thế Phụng Vụ Các Giờ Kinh mà chúng ta, các linh mục đọc hàng ngày. Khi các linh mục và tu sỹ đến với Trung tâm Thánh Luca, đời sống thiêng liêng của họ thường đã bị đứt lìa khỏi đời sống thực tế. Hầu có thể nối lại chúng, chúng tôi đề nghị họ vào ngòai trong nhà nguyện tối thiểu mỗi ngày hai mươi tới ba mươi phút, và mở lòng ra và để cho Chúa biết điều gì đang xảy ra trong cuộc sống của họ, đặc biệt nếu có những cảm giác của lo âu, giận dữ, hay là chán trường. «Hãy chân thật với chính mình và với Chúa,» chúng tôi nói với họ. Các khách hàng của chúng tôi, để có thể tiến vào một sự biến đổi tâm hồn, họ phải

51 Walter Brueggemann, *Sứ điệp của Thánh Vịnh* (Minneapolis, Minnesota: Fourth Century Publishers, 1984), tr. 52-53.

mở lòng ra với Thiên Chúa. Cũng vậy, họ phải đi vào trong tăm tối của cuộc đời họ để có thể tìm ra cuộc sống mới, hay như Brueggemann nói, đời sống mới đến từ việc đi vào những nơi làm chúng ta chết trong chính mình, và phơi bày chúng cho Thiên Chúa.

Trong khi hầu hết các linh mục không trải qua một chương trình liệu pháp tâm lý như chương trình chính thức ở Trung tâm Thánh Luca, những nguyên tắc tương tự về đào tạo nhân bản nên được áp dụng. Chúng ta, các linh mục phải có thể “đi vào những nơi chết chóc” trong đời sống của chúng ta, và vì thế có thể bước đi với những con người trong khi họ cũng đi vào nơi tăm tối của cuộc đời họ.

Can Đảm, Chân Thật, Và Tin Tưởng

Cầu nguyện với những thánh vịnh tăm tối này, nói với chúng ta về sự hiện diện của một số phẩm chất quan trọng và thiết yếu để phát triển bất kỳ tiến trình đào tạo nhân bản nào. Để định hướng mầu nhiệm vượt qua tâm lý này ngầm bao gồm, trước hết là *can đảm*. Hành trình như thế không dành cho những ai nhát đảm. Nó đòi hỏi sự *chân thật* với chính mình, một sự sẵn sàng đối diện với sự thật. Quan trọng nhất, nó làm gia tăng sự *tin tưởng*. Các chủng sinh cần được đào tạo để tăng trưởng một sự tin tưởng đầy đủ nơi đội ngũ đào tạo để họ có thể nói ra một cách chân thật về đời sống và khó khăn của họ.

Những phẩm tính này quan trọng cho cuộc sống linh mục lành mạnh trong tương lai, mà nó thường khiếm khuyết trong đời sống của các linh mục và tu sỹ gặp khó khăn. Khi chúng được tăng triển, sự chữa trị sẽ xảy ra.

Như đã lưu ý ở chương tám, ngày nay đã nói đến nhiều về sự hiện diện của một số chủng sinh và linh mục được gọi là “nghiêm khắc.” Rất nhiều lần, dân chúng sẽ hỏi các chuyên viên về sức khỏe tâm thần về những cá nhân đó. Vấn đề là gì? Chúng ta nên làm gì? Tôi không nói về cá nhân có đức tin vững mạnh và nói về đức tin một cách trực tiếp và chân thật. Kế đến, tôi cũng không nói đến một xu hướng thần học đặc thù, bởi vì những con người nghiêm khắc có thể phát xuất từ mọi hạng người: cấp tiến hay bảo thủ, trẻ hay già. Trái lại, sự nghiêm khắc là một mặt nạ cho những sự lo lắng và mất tin tưởng lớn lao. Con người bên trong thì vẫn rất mỏng giòn vì không lắng nghe người khác, mà chỉ bám chặt một cách cuồng tín vào những hình thức suy nghĩ tầm thường và đơn giản bên trong của mình. Trong những hình thức thái cực nhất của nó, sẽ không thể có một sự tăng trưởng nào có thể, vì cá nhân sẽ không chấp nhận bất cứ ý kiến nào không phù hợp với kiểu mẫu cứng nhắc của chính họ, và vì thế, không thể có khả thể thay đổi.

Điều xui khiến thái độ này là sợ hãi. Vì thế, trong tiến trình đào tạo hay chữa trị, người nghiêm khắc phải được tiếp cận từ từ và trong một cách thức không đe dọa. Một sự trạm trọt trực tiếp với người này gần như là sẽ xảy ra tác dụng ngược; nó chỉ làm tăng thêm sự sợ hãi của anh ta, cũng như làm gia tăng những sự phòng thủ tâm lý nơi người ấy. Trái lại, sự tiếp cận nên là một sự cổ xúy mối liên hệ tốt đẹp với cá nhân, từ từ làm cho sự sợ hãi của anh ta lắng xuống, và mối liên hệ tin tưởng sẽ phát triển. Trong chính tiến trình xây dựng sự tin tưởng và làm dịu bớt sự sợ hãi, người này đã thực hiện một bước tiến rất mạnh trong việc đào tạo nhân bản. Xây dựng sự tin tưởng và làm giảm bớt sự sợ hãi, chính chúng là một phần của tiến

trình đào tạo nhân bản. Không ngạc nhiên, rất nhiều sự giận dữ bị kẹt trong thế giới chúng ta là sự kết hợp của sự giận dữ và sợ hãi.

Trong *Pastores Dabo Vobis*, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã miêu tả một số những phẩm tính bao gồm trong việc đào tạo nhân bản đích thực. Ngài đã nói về nhu cầu đối với một «khả năng liên đới với người khác» và nhu cầu đối với một «tình bạn đích thực.» *Tôi không thể ủng hộ những điều này hơn nữa.* Quả thật, chúng là những điều thiết yếu trong đào tạo nhân bản. Và sự hiện diện của những mối liên hệ bằng hữu chắc chắn là một trong những dấu chỉ tốt nhất của một tâm thần khỏe mạnh.

Một chủ đề đáng lưu ý chung nữa về các linh mục và tu sỹ, những người đến với trung tâm chúng tôi là sự khiêm khuyết những mối liên hệ bằng hữu. May thay, trong tiến trình đào tạo nhân bản và tái đào tạo, người ta có thể học làm sao để kết bạn. Điều này đúng cả cho người bảy chục tuổi hay là người hai mươi tuổi. Xây dựng tình bạn là một kỹ năng xã hội có thể phát triển.

Sau khi quỷ dữ Ghê-ra-sa tiếp cận Chúa Giêsu, những quỷ dữ bị trừ khỏi và kẻ bị quỷ ám được biến đổi. Anh ta không còn trần truồng nhưng được ăn mặc đầy đủ, đó là, anh ta không còn là một con vật. Anh ta «ngồi,» đó là, anh ta có thể nghỉ ngơi; anh ta có bình an trong tâm hồn. Anh ta không còn bị tra tấn bên trong. Anh ta không còn sống giữa những người chết, nhưng bây giờ anh ta muốn đồng hành với Chúa Giêsu. Anh ta muốn tái trở lại với thế giới con người. Anh ta một lần nữa lại hoàn toàn là một con người. Khi chúng ta tiếp cận với Chúa

Giêsu, chúng ta hoàn toàn trở nên một con người. Đó là, trong Chúa Giêsu, cuối cùng nhân tính của chúng ta hoàn toàn được đào tạo.

Đừng Sợ

Những ngày tôi ở tại Trung tâm Thánh Luca đã thuyết phục tôi về sự phá hủy lớn lao mà sự sợ hãi gây nên. Sợ hãi làm tê liệt tâm thần. Nó làm cho chúng ta không tin người khác nữa. Nó phá hủy những mối liên hệ của con người. Nó làm cho chúng ta không nhìn vào nội tâm con người, cũng như không nhìn vào những nơi tối tăm trong con người của chúng ta nữa. Vì thế, làm cho chúng ta không dấn mình vào con đường biến đổi con người nữa.

Thật đáng ngạc nhiên, không biết bao nhiêu lần Chúa Giêsu đã khích lệ chúng ta với những từ, «Đừng sợ.» Ngài rất ít khi nói về các tội tình dục. Nhưng Ngài thường nói với chúng ta về sự sợ hãi. Những tội tình dục có thể gây nên nhiều scandal và hủy hoại; tuy nhiên, sự sợ hãi phá hủy chính nền tảng của đức tin, lòng tin vào Thiên Chúa.

Tôi nghĩ, thật là việc quan phòng mà Đức Gioan Phaolô II đã bắt đầu cuộc đời Giáo Hoàng của ngài ở ban công Đền Thờ Thánh Phêrô với những lời đầy gợi hứng, “Đừng sợ.” Đây là những lời Đấng Cứu Thế của chúng ta đã ban cho chúng ta. Chúng là những từ quan trọng của Giáo Hội. Chúng quan trọng đối với chúng ta, các linh mục. Đừng sợ. Sợ hãi sẽ làm tê liệt tâm thần. Sợ hãi sẽ giết chết các mối liên hệ. Sợ hãi sẽ ngăn chặn chúng ta ôm ấp thánh giá của sự đau khổ, mà với đức tin, nó sẽ dẫn đưa chúng ta tới sự phục sinh của lòng tạ ơn và niềm

vui. Tôi ao ước đã có một cách thức dễ dàng hơn. Đôi khi tôi nói với các cư dân của chúng tôi, “Tôi ao ước chương trình của chúng ta ở đây đã dễ dàng hơn; tôi ao ước quý vị đã không phải trải qua một sự biến đổi đau thương như vậy.” Nhưng, đáng buồn, không có con đường tắt; không có lối đi dễ dàng.

Con đường để hoàn toàn trở nên sống động và trọn vẹn là người, là một con đường dài và tiếp tục là một con đường nghiêm túc sau khi chịu chức. Chúng ta tiếp tục cảm nghiệm một loại mâu nhiệm vượt qua bằng việc nhảy vào trong nơi tăm tối của đời sống chúng ta, và vào nơi tăm tối nơi đời sống của những ai chúng ta đang phục vụ, và cuối cùng chúng ta cảm nghiệm một sự khai sinh của đời sống mới. Chúng ta cảm nhận sự tổn thương, giận hờn, đau khổ, và buồn phiền bị chôn dấu trong trái tim con người sa ngã, để chúng ta có thể nâng đỡ lòng biết ơn của Kitô hữu và niềm vui của Đức Kitô phục sinh.

Cuối cùng, sự biến đổi của con người là một tiến trình, nơi đó chúng ta trở nên một con người Thánh Thể. Tinh thần của chúng ta bay cao với một lòng biết ơn đích thực với tất cả mọi sự Thiên Chúa đã thực hiện. Niềm vui của Đức Kitô phục sinh tràn ngập tâm hồn chúng ta và chiếu tỏa qua khuôn mặt và đời sống của chúng ta. Thực hiện một điều đau thương và lâu như vậy. Nhưng, nó là một hành trình thật đáng thực hiện.

CHƯƠNG 11

KHI NHIỀU THỨ KHÔNG NHƯ Ý MUỐN

Khi một người anh em phạm tội, và một vị linh mục đã nói với người ấy hãy rời cộng đoàn. Thế rồi [người lớn hơn] Viện Phụ Bessarion đã đứng dậy và đã đi với người ấy, nói rằng: “Tôi cũng là người tội lỗi!”⁵²

Thomas Merton

Có thể là tôi cầu tha nếu như tôi không tách riêng ra một chương dành cho các linh mục gặp khó khăn. Tôi đã làm việc tới nay là 15 năm với các linh mục gặp những vấn đề nghiêm trọng. Tôi tin rằng nó quan trọng đối với tôi để dành một ít thời gian và nói một chút về họ.

Suy nghĩ đầu tiên của tôi là các linh mục hay tu sỹ nam hay nữ, những người gặp những vấn đề nghiêm trọng là những người được yêu mến đặc biệt. Tôi tin rằng, Thiên Chúa có một sự lo lắng đặc biệt đối với các linh mục và tu sỹ gặp đau buồn. Họ đã phục vụ Thiên Chúa và dân chúng nhiều năm và giúp đỡ nhiều người cần; bây giờ là lúc họ cần nhận được sự giúp đỡ. Có lẽ ở thời điểm như thế, trái ngược với mong đợi của họ, họ đã trở nên bé nhỏ nhất trong mọi người và vì thế trở nên giống nhất với Đức Kitô hơn mọi lúc khác. Khi chúng ta trở nên nhỏ

52 Thomas Merton, Khôn ngoan của Sa mạc: *Những câu nói của các Nghị phụ trong Sa mạc ở Thế kỷ Thứ Tư* (New York: New Directions, 1960), tr. 40.

bé nhất và cần nhất, lòng thương cảm của Thiên Chúa sẽ tuôn đổ trên chúng ta mạnh nhất. “Vì nước Thiên Chúa thuộc về những người giống như chúng” (Lk 18:16).

Các linh mục gặp các vấn đề không phải vì họ là linh mục, nhưng bởi vì họ là con người. Có một lần tôi nhận được một cuộc điện thoại từ một nhà sản xuất chương trình truyền hình. Ông ta nói ông ta đang chuẩn bị thực hiện một chương trình truyền hình về sự trầm cảm của đời sống linh mục. Ông ta muốn nghiên cứu sự lan rộng về chứng trầm cảm trong đời sống linh mục và cố gắng xác định các nguyên nhân của nó. Ông ta muốn tôi giúp ông ta trong chương trình truyền hình này. Câu trả lời của tôi là, “Chúng ta hãy bắt đầu với giả định của ông. Ông đang cho là các linh mục gần như dễ bị trầm cảm nhiều hơn những người khác. Điều gì làm ông tin như thế?” Ông ta im lặng và ngập ngừng một lúc, rồi nói làm bầm điều gì đó một chút không mạch lạc. Tôi đã nói tiếp rằng, “Đúng là có một số linh mục bị trầm cảm. Nhưng cảm nghĩ của tôi là linh mục không dễ bị trầm cảm hơn những người khác. Quả thật, tỷ lệ trầm cảm trong đời sống linh mục thấp hơn so với dân chúng cách chung.” Tôi đã không bao giờ nghe gì về một chương trình truyền hình như thế nữa.

Sự thật, nếu một người nào đó nhìn vào những câu trả lời trong nghiên cứu của tôi, thì sẽ cho rằng tỷ lệ trầm cảm trong linh mục rất thấp. Và nó gần như không thể bị trầm cảm một cách nghiêm trọng mà cùng lúc lại yêu thích điều mình đang làm, và cảm thấy thỏa mãn lớn lao với nó, và trả lời là mình hài lòng và thoải mái. Trong nghiên cứu của tôi, tôi hỏi thẳng thắn những người tham gia rằng họ có cảm thấy bị trầm cảm không. Một tỷ lệ rất ít, chỉ 3,2% đã nói họ luôn luôn hay là hầu

như luôn luôn cảm thấy bị trầm cảm. Với sự thắng vượt của các linh mục của chúng ta gần đây, sự kiên cường trong tình cảm của họ thì thật là nguồn cảm hứng.

Cách chung, ấn tượng của tôi là bệnh học tâm lý, đó là, những vấn đề nghiêm trọng về tâm lý, thật sự có xuất hiện trong hàng linh mục, nhưng có lẽ không ở tỷ lệ cao hơn ở trong dân chúng nói chung. Trong vòng hai mươi năm hay hơn hai mươi năm gần đây, mỗi địa phận và các dòng tu đều thực hiện việc kiểm tra các chứng bệnh tâm lý làm suy nhược trầm trọng nơi các ứng sinh để loại các ứng sinh này. Ví dụ, nó là điều bất thường đối với một linh mục mà bị tâm thần phân liệt, loạn thần kinh nặng, hay là bị chứng bệnh lưỡng cực trầm trọng. Hầu như tất cả những sự biểu hiện của những bệnh chính này đều bị loại ra trước khi được phong chức. Dĩ nhiên, những biểu hiện bệnh lý nhẹ hơn có thể xảy ra qua một tiến trình, và sự biểu hiện bệnh lý có thể trở nên trầm trọng ngay lúc được thụ phong hay là sau khi được phong chức, vì thế làm cho sự kiểm tra ban đầu mất hiệu quả. Tuy nhiên, sự kiểm tra và tiến trình đào tạo lâu cũng thật sự cung cấp những sự bảo đảm để ngăn ngừa những cá nhân có những chứng bệnh tâm thần trầm trọng trở thành linh mục.

Xấu Hổ Khi Cần Chăm Sóc Tâm Lý

Tuy nhiên, thỉnh thoảng những vấn đề tâm lý cũng xuất hiện nơi các linh mục của chúng ta. Nó là một vấn đề đau buồn. Năm 1992, tôi đã thực hiện một nghiên cứu trên 1.032 người giáo dân Công giáo đang làm việc ở Mỹ và Canada. Đây là những người biết các linh mục và làm việc gần gũi với các

linh mục. Những người giáo dân tham gia trong nghiên cứu này được hỏi câu này, “Tôi mong đợi hành xử của một linh mục tốt hơn so với hành xử của những người đời khác.” Phần lớn, tới 83% đã đồng ý.⁵³ Trong khi dân chúng một cách ý thức nhận ra rằng các linh mục là những con người, và vì vậy cũng có những vấn đề, họ vẫn gặp khó khăn để chấp nhận thực tại.

Thật thú vị, đã có một nhóm người có mong đợi rất cao nơi các linh mục. Tám mươi bảy phần trăm của nhóm người này đã xác nhận câu khẳng định đó, là hành xử luân lý của một linh mục nên tốt hơn nơi những người khác. Nhóm này chính là nhóm của các linh mục.⁵⁴ Các linh mục có những sự mong đợi cao nhất về hành xử của chính họ, và họ là những người chán nản nhất khi các linh mục không đủ tiêu chuẩn với những mong đợi cao của chính họ, đặc biệt khi xảy ra lại là chính họ.

Điều này chứng tỏ rõ ràng khi một linh mục phải trải qua chương trình tâm lý. Trong khi hầu hết dân chúng xấu hổ khi họ cần chăm sóc tâm lý, các linh mục cảm thấy xấu hổ gấp đôi. Đây là vấn đề lớn phải đối diện khi bắt đầu chương trình chữa trị.

Không ngạc nhiên gì khi các linh mục tự mình không muốn tìm kiếm sự chữa trị. Bởi lẽ họ cảm thấy xấu hổ, và cũng vì họ nhìn họ như những người chăm sóc người khác, chứ không phải là những người nhận sự chăm sóc, họ gần như không yêu cầu được giúp đỡ. Một số thì có. Phần đa thì không. Và thậm chí khi họ đã vào chương trình chữa trị, họ cũng có thể khó

53 Stephen J. Rossetti, *Một Ân sủng Bí hiểm: Giáo hội Công Giáo và Lạm dụng Tình dục Trẻ em* (Collegeville, Minnesota: The Liturgical Press, 1996), tr. 27.

54 Ibid., tr. 85.

khăn để chuyển đổi suy nghĩ và để cho người khác chăm sóc. Họ phải học một cách thức mới hoàn toàn của việc thực hành sự khiêm tốn. Đây không phải là sự khiêm nhường của một linh mục rửa chân cho những người khác trong phụng vụ Thứ Năm Tuần Thánh. Nó là một sự khiêm nhường của việc cởi giày mình ra và để cho người *khác* rửa chân *của mình*. Điều này cũng đòi buộc một loại khiêm nhường của nó. Nó cũng là điều tốt cho chúng ta, những linh mục học để biết ơn khi nhận sự giúp đỡ của người khác.

Những Vấn Đề Tiêu Biểu Lộ Ra

Trong khi các linh mục có thể và thật sự đau khổ vì mọi vấn đề của con người, cũng có một danh sách về những vấn đề đặc thù nổi lên mà các linh mục hay gặp phải. Đây là những vấn đề lộ ra hay là những lý do đặc thù tại sao một linh mục lại được đề nghị có sự trợ giúp tâm lý. Danh sách này, không theo thứ tự, bao gồm những vấn đề như: lạm dụng rượu hay là thuốc gây nghiện, trầm cảm, hay là những loại khác nhau của biểu lộ tình dục, sự kích thích tình dục qua internet, sự lo lắng, mê ăn uống, quản lý tiền bạc không đúng, và một số loại rối loạn nhân cách như là tính tự yêu mình hay như các tính cách lệ thuộc.

Một số ít linh mục, không nhiều là những người lạm dụng chất gây nghiện. Thỉnh thoảng họ sẽ sử dụng cần sa và một số loại ma túy. Tôi mạnh mẽ thúc giục linh mục, và mọi người nói chung đừng sử dụng ma túy. Có một tỷ lệ khá cao về sự thất bại (tái phát rất nhanh) đối với những người nghiện ma túy. Thật ra sử dụng liên tục sẽ làm thay đổi đặc tính hóa học của não.

Đây là một loại nghiện kinh khủng để có thể vượt qua. Tránh nó bằng mọi giá!

Có nhiều linh mục lạm dụng rượu hơn. Trong khi xã hội đã trở nên am tường hơn về lạm dụng rượu, nó vẫn là một vấn đề chung. Hầu hết các linh mục nghiện rượu không “té ngã vì say,” nhưng họ nghiện rượu vì dùng rượu như là cách thức để giải quyết hàng loạt những vấn đề. Một khi linh mục ngừng uống, thì liệu pháp thật sự mới có thể bắt đầu. Tại sao anh uống rượu? Hãy để chúng tôi giúp đỡ để giải quyết các thách đố của anh trong một cách thức tốt hơn.

Trong khi, dường như một số người nghiện rượu đơn giản là bị di truyền từ gen nghiện rượu của gia đình truyền sang, rất nhiều người sử dụng rượu như là cách thức để đối diện với sự lo âu/trầm cảm, hay là xung đột trong tâm hồn (như là những khao khát tình dục mà họ không muốn) hay là với những xung đột bên ngoài, giận dữ và thất vọng. những linh mục này cần học hỏi làm thế nào để đối diện với các vấn đề đó mà không cần sử dụng đến rượu.

Trầm cảm trong việc nghiện rượu thì không bình thường. Ví dụ, một người nghiện rượu cố gắng suy giảm trầm cảm với rượu và ngược lại cuối cùng rượu có thể làm trầm trọng hơn vấn đề trầm cảm đó. Rượu và trầm cảm là một sự kết hợp kinh tởm.

Có rất nhiều loại trầm cảm. Một số linh mục đau khổ với những vấn đề trầm cảm trầm trọng, và có thể trải qua một giai đoạn căng thẳng của trầm cảm mà họ rất khó có thể làm việc. Tuy nhiên, hầu hết các linh mục bị trầm cảm nhẹ hơn nó là dạng mãn tính, mức độ nhẹ, ảnh hưởng trầm cảm được gọi là

chúng trầm cảm thường xuyên. Tôi đề nghị các linh mục hãy nhìn vào gương. Tôi nói, “Nếu anh em đã không cười trong vòng vài tháng, thì điều gì không đúng đó đã xảy ra.” Những ai gặp chứng trầm cảm thường xuyên thường quen đến nỗi họ không còn nhận ra nó nữa. Rất nhiều người trong họ không còn nhớ, là liệu họ có biết, là điều gì thì thoải mái không nữa. May thay, phần lớn các sự trầm cảm có thể được cải thiện trong tiến trình chữa trị.

Tôi đã lượng giá tâm lý rất nhiều linh mục nhiều năm bị trầm cảm kinh niên, trầm cảm nhẹ, đó là trầm cảm thường xuyên. Một số tinh thần hóa điều kiện của họ, nghĩ rằng cái dạng thiếu thân thiện này là một dấu chỉ của sự thánh thiện của họ. Đúng thật những ai bị những bệnh tâm lý, nếu họ chịu đựng nó trong đức tin, họ có thể trở nên thánh thiện qua thời gian dài chịu đựng. Tuy nhiên, rất nhiều khi sự trầm cảm của họ có thể được chữa trị. Khi tôi nói với họ, “hạnh phúc không phải là tội.” Quả thật, chúng ta sẽ thấy ở chương cuối, một cảm thức bền vững của niềm vui là một dấu chỉ của sự ngự trị của Chúa Thánh Thần.

Rối Loạn Nhân Cách Trong Linh Mục

Cũng có một số ít các linh mục được gửi tới chữa trị tâm lý, đau khổ vì chứng rối loạn nhân cách, đó là, một chứng kinh niên, lâu dài, một cách thức thích nghi kém về việc liên hệ với những người khác. Một cách đặc thù, các linh mục này có những vấn đề về tương quan liên vị, bất cứ họ đi đâu. Đơn giản là họ có một cách thức không bình thường trong việc liên hệ với người khác bất chấp điều kiện môi trường nào họ được đặt

vào, họ đều mang theo những vấn đề với họ.

Một khó khăn nội tại là chính người đó lại không nhận ra sự rối loạn trong chính mình. Một người nào đó bị rối loạn nhân cách sống với một quan điểm sai lệch về người khác và về chính mình, và vì thế sẽ không thể “nhận thấy” vấn đề. Người ta có thể nhận thấy những xung đột và những vấn đề nổi lên bởi vì rối loạn nhân cách, nhưng người ấy sẽ gán những vấn đề ấy cho những người khác. Cá nhân sẽ đổ lỗi cho người khác, cho linh mục khác, cho giám mục, hay bất kỳ ai khác, nhưng ông ta sẽ không chỉ vào chính mình.

Có rất nhiều loại rối loạn nhân cách. Một loại chính là *tự yêu mình*. Người tự yêu mình là người tập trung sự chú ý vào chính mình. Ông ta cần sự nịnh hót và ủng hộ từ những người khác. Ông ta không thể xử lý được sự phê bình. Ông ta thường có duyên và lịch sự, cho tới khi ông ta bị cản trở. Rồi bắt đầu sự giận dữ bên trong, đã bị chôn dấu bên trong lâu ngày, sẽ bộc lộ ra một cách mạnh mẽ. Người tự yêu mình tin rằng mình là đặc biệt, và nên được đối xử đặc biệt như thế. Ông ta không có sự thông cảm cho người khác, và có khuynh hướng sử dụng người khác cho sự nâng cao chính mình. Một linh mục tự yêu mình sẽ có những cá nhân “cổ động viên nhiệt tình” của ông ta. Tệ hại nhất là đặt một người tự yêu mình làm lãnh đạo.

Mặt khác, là một người có nhân cách *lệ thuộc* thì khó khăn trong việc bày tỏ chính mình và quan điểm của mình. Ông ta muốn người khác thực hiện các quyết định, và ông ta thì không tự khẳng định mình. Ông ta không muốn bất đồng với người khác vì sợ bị loại trừ hay là phản đối. Những cá nhân lệ thuộc tới mức độ thái quá là muốn được người khác thích và ủng hộ.

Họ thiếu tự tin và độc lập.

Một số linh mục thì *tránh đối đầu trực tiếp*, đó là, dường như bên ngoài họ đồng ý, nhưng lại phá hoại người khác một cách tinh vi, đặc biệt là những người lãnh đạo. Họ tỏ ra là vâng phục, nhưng có một kiểu chống hoặc bất tuân thụ động lan tỏa trong họ. Những cá nhân như thế thường cảm thấy bị lừa, không được coi trọng, và không được hiểu. Họ thường xuyên phàn nàn về người khác. Họ là nỗi đau của các giám mục.

Có những linh mục khác đơn giản là khó khăn. Họ thì tiêu cực, là những người phàn nàn thường xuyên, và luôn giận dữ. Trong khi đây không phải là sự chẩn đoán chính thức trong sổ tay bệnh tâm lý, nhưng tôi diễn tả chúng là những loại rối loạn nhân cách về “chống đối” và “giận dữ”. Chúng nổ ra trong những cơn giận dữ với người khác, và luôn làm thất vọng giáo dân. Họ có thể có một chút hoang tưởng, và nghĩ rằng những người khác ở đó để làm hại họ. Trong họ có ẩn chứa sự sợ hãi, giận hờn, và không hạnh phúc đầu độc đời sống của họ và cả các giáo xứ của họ.

Có rất nhiều loại rối loạn nhân cách, nhưng những loại được đề cập trên đây là những thứ thường gặp nhất nơi các linh mục. Một cách đặc thù, các linh mục này di chuyển từ giáo xứ này qua giáo xứ khác, giải quyết các vấn đề trong khi cũng tạo ra các vấn đề khác. Một dấu chỉ điển hình của linh mục bị rối loạn nhân cách đó là giáo xứ trở nên chia rẽ. Thay vì là một người của sự hiệp thông, ông ta lại là người của sự chia rẽ. Thay vì xây dựng cộng đoàn, ông ta lại xé nát nó. Cuối cùng, văn phòng nhân sự hay là nhà dòng chẳng có nơi nào để sai ông ta tới, bởi vì chẳng ai dám nhận ông ta cả.

Đây là một tình cảnh đáng buồn. Những loại rối loạn nhân cách thì khó chữa trị về mặt tâm lý, và thường hay kéo dài. Một cách đặc thù, mục đích là để ngăn chặn chứ không phải chữa trị. Những cá nhân như thế có thể được chữa trị nếu như họ sẵn sàng thử. Hầu hết các linh mục bị rối loạn nhân tính có thể học để thực hiện chức năng một cách đầy đủ, nhưng cần phải có giám sát và những giới hạn rõ ràng. Nếu họ vượt quá giới hạn và hành xử không thích hợp, họ cần phải được khiển trách và kỷ luật.

Tuy nhiên, các linh mục với rối loạn nhân cách không nên được đặt vào những vị trí thẩm quyền quan trọng. Họ thường không thể là các mục tử. Một thứ tồi tệ nhất cho một tổ chức là có một người lãnh đạo với chứng rối loạn nhân cách. Tôi tin rằng, Satan là một chứng rối loạn nhân cách trầm trọng, và hỏa ngục quả thật là một nơi bất thường.

Tôi nói thêm điều này với anh em của tôi. Nếu anh em thấy mình có những vấn đề mãn tính về liên hệ liên vị, và anh em sẵn sàng đối diện với những vấn đề này một cách can đảm, thì việc trợ giúp và chữa trị vẫn luôn sẵn sàng. Sức mạnh của Tin Mừng thì không giới hạn; chúng ta chỉ cần cộng tác thôi. Nhưng một linh mục rối loạn nhân tính cần sẵn sàng lắng nghe người khác, và chấp nhận vào trong lòng mình điều mình đã nghe. Ngài không thể là một nô lệ cho chính “cái tôi đã náo động” của mình. Tin tưởng quan điểm của người khác là chìa khóa làm cho đời sống một con người thay đổi.

Hành Vi Tình Dục không đúng đắn dẫn nơi Giáo sĩ

Tất cả chúng ta đều ý thức về các vấn đề bộc lộ về tình dục

nơi các linh mục. Những vấn đề này là những câu chuyện gặp trước hết. Nó là tin tức lớn khi một linh mục bị phát hiện với một số biểu hiện tình dục, đặc biệt nếu hành vi đó là bất hợp pháp. Khía cạnh nhạy cảm của câu chuyện như thế thì rất được đề ý vì truyền thông tấn công. Những câu chuyện như thế gây sốc lớn lao, và chúng kích động tình vi tới người đọc.

Như một kết quả, một loạt sự chú ý không phù hợp của truyền thông sẽ tập trung vào các linh mục đã hành xử tình dục không đúng với một ấn tượng rằng các linh mục thì đặc biệt bất thường. Tôi nhớ lại một chương trình CNN và một nguồn tin cậy đã đề cập rằng, họ mới hoàn thành một cuộc trưng cầu dân ý mà nó xác định rằng trên 60% dân chúng Mỹ đã tin rằng việc lạm dụng tình dục trẻ em rất thường xuyên hay là thường xuyên xảy ra nơi các linh mục Công giáo. Nguồn tin cậy mà chính ông ta nhận ra đó là sự phóng đại. Ông ta đã cho rằng, lý do của quan điểm bị bóp méo này chính là cái lớp vỏ truyền thông đã sử dụng để che đậy vấn đề, để tạo cho dân chúng một ấn tượng sai lạc.

Sự hành xử không đúng về tình dục trong các linh mục Công Giáo thì gây xôn xao dư luận. Một trường hợp thì cũng quá nhiều. Nó gây nên sự tổn thương không thể kể ra được cho các nạn nhân và các gia đình của họ, và cho Giáo Hội, và chính vị linh mục đó. Nhưng không có các dữ liệu để ủng hộ cho ý kiến là các Linh mục Công giáo gặp khó khăn hơn trong vấn đề tình dục hơn là những người đàn ông khác. Tuy nhiên, chúng ta thật sự mong đợi họ tốt hơn, và chúng ta sốc khi họ không tốt, đặc biệt vấn đề của họ lại liên quan đến tình dục.

Một người rất buồn bởi vấn đề này, và hoàn toàn xấu hổ,

như đã lưu ý trước đây, là chính vị linh mục. Rất nhiều linh mục sẽ đi điều trị có cảm giác như là: “Không còn hy vọng gì cho tôi,” hay là “Mọi thứ tôi đã làm chỉ là giả dối,” hay là “Nếu người ta thật sự biết tôi, họ sẽ biết tôi là một kẻ lừa gạt.” Khi bắt đầu, một số người cảm thấy rất là ti tiện, thậm chí họ không thể tham dự Thánh lễ. Sự thất vọng này, sự tự phi báng này, và ngập tràn hổ thẹn là một phần của rối loạn của họ, và cần được chú ý trong tiến trình chữa trị.

Cuối cùng, vị linh mục cần nhận ra rằng mình là một người tốt, được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa, và đã làm rất nhiều việc tốt của một linh mục. Tuy nhiên, mình có một vấn đề nghiêm trọng làm tổn hại người khác và cần trực tiếp giải quyết nó, vì điều tốt đẹp cho tất cả mọi người, bao gồm cả chính vị linh mục này.

Một số người còn muốn dán nhãn cho những linh mục này là xấu và không giống chúng ta. Họ muốn xếp loại những người này vì sự không trung thành và đặt họ vào trong một phạm trù riêng, như là những người cùi của Israel, những người bị loại trừ khỏi xã hội và bước đi với cái chuông, và tiếng la ó, “Nhơ bản, nhơ bản!” Đây là một điều nguy hiểm tâm lý. Chúng ta càng cô lập và bêu xấu những người như thế, gần như càng làm cho họ tiếp tục hành động sai phạm. Họ an toàn nhất khi họ được chữa trị, và được làm một công việc gì đó hữu ích, và được cố vấn cho. Họ cần phải được giữ ra xa những nơi dễ bị cám dỗ. Ví dụ, những người nghiện rượu không nên làm việc ở những cửa hàng rượu; những người đàn ông đã là môi cho các phụ nữ thì không nên cố vấn hay là mục vụ cá nhân và trực tiếp với phụ nữ, và những ai đã quấy rối trẻ em thì nên giữ ra xa những công việc trực tiếp, và không liên hệ cố vấn cho trẻ em.

Bất chấp loại vấn đề tình dục nào mà các linh mục có, tôi nói rõ ràng với các linh mục của chúng ta, «Anh em không thể sống đời sống hai mặt. Anh em không thể tiếp tục có những hành vi liên quan đến tình dục và sống đời sống linh mục. Bất cứ vấn đề gì hay thách đố gì về tình dục anh em có, chúng có thể và phải được giải quyết trực tiếp. Anh em có thể và phải sống một đời sống độc thân. Có lẽ bây giờ anh em không tin, nhưng hãy tin tôi; nhiều người khác đã có những vấn đề tương tự và họ đã tìm thấy hy vọng và chữa lành. Phần lớn đã tiếp tục sống đời sống chân thật. Anh em cũng thế, và anh em sẽ vui mừng vì mình đã làm được.»

Những Vấn Đề Cơ Bản

Những vấn đề xuất hiện điển hình này, lạm dụng thuốc, trầm cảm, các loại khác nhau về sự bộc lộ tình dục, sự kích thích tình dục qua internet, mê ăn uống, quản lý tiền bạc có vấn đề, và một số loại rối loạn nhân cách chỉ là những vấn đề xuất hiện. Bởi vì, chúng là những triệu chứng bên ngoài của những vấn đề cơ bản cần phải giải quyết. Sau khi làm việc với nhiều linh mục với những vấn đề như thế, một số những vấn đề cơ bản luôn nổi lên. Những vấn đề cơ bản này hoặc là trước hết gây nên những vấn đề xuất hiện, làm chúng trầm trọng hơn, hay là tối thiểu duy trì hiện hữu của nó. Nếu những vấn đề cơ bản được giải quyết, những vấn đề xuất hiện hoặc là cũng sẽ biến mất hoặc là làm cho khả thể giải quyết dễ dàng hơn.

Hai vấn đề cơ bản này đã được đề cập tới ở các chương trước rồi: *Giận dữ và thiếu các mối liên hệ bằng hữu*. Có một sự giận dữ mạnh mẽ chôn giấu, đó là nguồn năng lượng duy trì

những vấn đề này. Cắt đứt nguồn cung cấp năng lượng, và sự bất thường này sẽ biến mất. Chữa trị sự giận dữ thì một linh mục cay đắng có thể trở thành một người của sự hiệp thông và bình an.

Gắn liền với giận dữ là sự cô lập và thiếu những mối liên hệ bằng hữu. Rất nhiều các linh mục của chúng ta có hàng trăm những bè bạn, nhưng không có những người bạn thật sự. Như đã lưu ý ở chương trước, một linh mục có thể biết rất nhiều người, nhưng các mối liên hệ thì giả tạo. Ngài không chia sẻ con người bên trong của mình, và như là kết quả, người khác biết rất ít về ngài. Không có ai nghe gì về sự tổn thương và những thất vọng của đời sống ngài. Không có ai cổ vũ ngài khi ngài thất vọng. Thật sự ngài sống độc thân. Nhưng, bất hạnh thay, ngài còn hơn là một người độc thân nữa. Ngài cô đơn. Người độc thân không thể sống tốt nếu không có những người bạn chân thật.

Có những vấn đề cơ bản khác nữa làm xuất hiện các vấn đề mà các linh mục gặp phải. Nhiều người mang theo mình *những tổn thương chưa được chữa trị cũng như những tổn thương tình thần từ thuở nhỏ* khác nhau. Một số người lớn lên trong một gia đình nghiện rượu, hay là bị lợi dụng tình dục hay thể lý. Một số khác lớn lên với một cảm giác không được chấp nhận hay là không cảm thấy có giá trị. Một số thì đến từ các gia đình tan vỡ, và đã trở thành những người chăm sóc cho những người em nhỏ hơn, hay là cho những người mẹ góa vì li dị. Một số ít khác thì không cảm thấy hòa hợp với những cảm giác tình dục của mình, và liên đới với cảm giác tội lỗi và xấu hổ vì chúng.

Đôi khi người ta tự hỏi tại sao vị linh mục đó lại bất thường như vậy. Nhưng sau khi thực hiện lượng giá tâm lý và nghiên cứu điều gì chôn vùi đằng sau hành xử kém cỏi của ngài, tôi tự hỏi là làm thế nào ngài có thể bình thường được. Với những tổn thương mà ngài phải chịu khi còn bé như thế, nó thật là phép lạ nếu như ngài không bị khóa trong một nơi an toàn tâm lý như thế.

Tuy nhiên, những tổn thương thời thơ ấu như thế có thể được chữa trị. Qua cầu nguyện, các bí tích, và liệu pháp tâm lý, nếu cần thiết, những tổn thương như thế có thể để cho nghỉ ngơi. Trong khi các tiến trình chữa trị không loại bỏ đi quá khứ, nó sẽ giúp cho cá nhân sống bình an. Quá khứ không bị mất, nhưng nó mất đi sức mạnh làm cho chúng ta khốn khổ và kèm cặp đời sống chúng ta.

Gắn liền với những tổn thương thời thơ ấu là vấn đề cơ bản thường gặp là *nhìn mình một cách tiêu cực*. Tâm lý thường nâng ý niệm này thành sự tự nhận thức về bản thân, nhiều lúc, có lẽ như thế thì quá đáng. Nhưng sự thật là, khi sự nhận thức về bản thân bị tổn thương, thì một loạt những vấn đề sẽ xuất hiện như là sự dè dặt, trầm cảm, lo lắng, tự gây tổn thương, và rối loạn ăn uống. Trong khi mỗi vấn đề này là một hiện tượng phức tạp, sự tự ý thức về bản thân bị tổn hại nó làm tăng thêm bệnh học tâm lý.

Một số nhà tâm lý trị liệu đề nghị nhìn vào gương và lập đi lập lại những câu tích cực về chính mình. Điều này có thể hữu ích, nhưng không có điều gì có thể thay thế cho cảm nhận được người khác yêu thương và chấp nhận, cũng như một cảm nhận về tình yêu và sự chấp nhận của Thiên Chúa. Nhận ra

rằng mình được yêu mến, như mình là, sẽ đưa tới sự chữa trị đáng kinh ngạc. *Sứ điệp của Kitô giáo về tình yêu không bao giờ thay đổi của Thiên Chúa đối với chúng ta là một sự chữa trị tốt nhất trong các loại tâm lý trị liệu.*

Cuối cùng, tôi muốn nói thêm một vấn đề thường xuyên và căn bản hay đưa tới những vấn đề tâm lý chung nơi các linh mục. Đó là một đời sống thiêng liêng rạn nứt hay không hiện hữu. Như đã được lưu ý trước đây, truyền thuyết Mười Hai Bước nói với chúng ta: “Đời sống thiêng liêng là thứ đầu tiên ra đi và là thứ cuối cùng quay trở lại.” Thật buồn vì một số ít các linh mục chúng ta đã không còn sống bất kỳ một đời sống thiêng liêng ý nghĩa nào. Đời sống độc thân không còn ý nghĩa nếu không có một mối liên hệ mạnh mẽ với Chúa. Đời sống linh mục thì trống rỗng nếu hàng ngày không mở chính mình ra cho sự hiện diện mạnh mẽ của Thiên Chúa. Chỉ có một hy vọng rất mỏng manh cho một đời sống lành mạnh tâm thần nếu như ngài không cầu nguyện. Đời sống thiêng liêng thì tốt cho chúng ta ở mọi mức độ, bao gồm cả thể lý và tâm lý. Và một chiếc vé tốc hành cho một đời sống bất thường cho một linh mục là ngừng cầu nguyện. Những vấn đề nghiêm trọng sẽ không còn xa đâu.

Điều thường xảy ra là linh mục, người đã không còn sống bất kỳ một đời sống thiêng liêng ý nghĩa nào, hay là đã chưa bao giờ có, thì hay bị dính vào một đời sống thiêng liêng giả tạo mà ngài bị bối rối thật sự về chiều sâu. Ngài sẽ nói một cách hùng hồn sử dụng những câu từ thần học và thiêng liêng mà ngài đã đọc và đã nghe, nhưng nó hoàn toàn không có một bản chất cá nhân nào. Thường, đời sống thiêng liêng của các linh mục gặp khó khăn là tri thức hóa và lý luận hóa thái quá.

Họ biết đúng từ ngữ, nhưng những từ ngữ này lại đập vào chính đời sống của họ rất hời hợt.

Ngăn Ngừa Các Vấn Đề Trước Khi Nó Xảy Ra

Tôi thường được mời tới các giáo phận để nói cho các linh mục về việc sống một đời sống lành mạnh. Tôi hạnh phúc được làm điều đó, và tôi nghĩ đó là điều quan trọng. Nó diễn tả một trách nhiệm thật sự về phía các linh mục và giám mục để giúp các linh mục sống một đời sống chân thật và trọn vẹn.

Tuy nhiên, đơn giản đến một giáo phận và nói với các linh mục về tất cả những hành xử mà họ không có thì thật là giới hạn cũng như là không hiệu quả. Các linh mục đã biết là họ không nên trở thành những người nghiện rượu hay là ăn cắp tiền. Họ biết là họ không nên có những mối liên hệ tình dục hay là coi hình ảnh khiêu dâm trên internet. Họ biết rằng lạm dụng thuốc gây nghiện là sai. Một chương trình cho sự tráng kiện không phải là đặt ra những điều “không.” Quan trọng hơn, nó cần đưa ra những vấn đề cơ bản dẫn đến những cách hành xử là điều trên hết.

Như đã lưu ý trước đây, khi các linh mục bị bao vây bởi sự tổn thương trong thời thơ ấu mà chưa được chữa trị, khi họ bị cô lập và giận dữ, khi họ có một sự nhận thức về chính mình bị tổn thương, và đời sống thiêng liêng lại trống rỗng, thì họ không xa với sự tan chảy của chính mình. Tính cách mà các vấn đề cơ bản này cuối cùng sẽ bộc lộ tùy thuộc vào khuynh hướng của mỗi linh mục, nhưng chúng sẽ xuất hiện và trong những cách thức rất tiêu cực.

Câu trả lời là gì? Câu trả lời là cả cá nhân và tập thể. Một cách cá nhân, những linh mục như thế cần đi vào một mối liên hệ giúp đỡ cá nhân, có lẽ không chỉ một mối liên hệ giúp đỡ. Một số tin rằng sự hướng dẫn thiêng liêng thì đầy đủ. Nhiều lúc, nó đủ. Tuy nhiên, đó là điều không hẳn thích hợp vì một linh mục tri thức hóa thái quá đời sống thiêng liêng của mình, sẽ cố gắng để dùng linh hướng thiêng liêng như một sự bảo vệ khác chống lại việc đối diện thật sự với những vấn đề của mình. Tôi có biết một vài linh mục đã lái cả giám mục của mình, để dùng yêu cầu họ đi chữa trị tâm lý, bằng việc nói rằng hướng dẫn thiêng liêng có thể chữa trị xu hướng tình dục của mình. Có một chút ngạc nhiên vì nó rất ít khi hữu hiệu. Hướng dẫn thiêng liêng thì rất quan trọng, nhưng nó không phù hợp cho việc chữa trị những vấn đề tâm lý nghiêm trọng. Vì thế, các linh mục gặp khó khăn sẽ tìm kiếm sự trợ giúp trên những mức độ khác nhau - thiêng liêng, tâm lý, và có lẽ cả thể lý nữa.

Nhưng câu trả lời cả cộng đoàn nữa. Chúng ta càng cổ vũ các linh mục, và các giáo phận thật sự là những nơi của sự hiệp thông, thì sự chữa lành và dần thân càng có khả thể. Các linh mục tốt lành, cổ vũ và ủng hộ lẫn nhau, và một sự đoàn kết tích cực sẽ bảo vệ sự hạnh phúc của cá nhân các linh mục. Có thời gian, nơi chốn cộng với việc dành những nguồn lực để tập trung các linh mục, những ngày suy tư về linh mục, đào tạo những người linh hướng thiêng liêng cho các linh mục, nghỉ sabastical, và các nhóm cổ vũ các linh mục thì bao nhiêu thời gian và tiền bạc cũng nên thực hiện. Các giám mục và các giám đốc nhân sự giáo sỹ nên chăm lo cổ vũ sức khỏe cho toàn bộ các linh mục, và thêm cho họ là một vài linh mục gặp khó khăn là công việc cần rất nhiều thời gian và sức lực. Tình trạng khỏe mạnh tráng kiện là cả một thực tại của cộng đoàn

và cá nhân.

Những Thách Thức Nền Tảng Của Con Người

Ở dưới những vấn đề đã được đề cập, thậm chí là một tầng lớp những thách thức sâu xa hơn. Tôi đã giám sát sự phục hồi cho rất nhiều linh mục và tu sĩ cả nam lẫn nữ. Khi họ chiến đấu để tìm sự chữa lành đời sống, tôi đã chứng kiến một mức độ cơ bản về đấu tranh của con người mà dường như là chung chung cho tất cả mọi người. Quả thật, hành trình chữa lành của họ chỉ là một đại diện thu nhỏ của những thách thức thiết yếu của con người.

Những thách thức của những tầng cơ bản này có thể liệt kê như sau:

- + *Nghỉ ngơi trong Bình an Nội tâm đối lại với Sự bị xé nát bởi xung đột và Bạo động bên trong.*
- + *Tìm kiếm sự biết ơn đối lại với Bị kẹt trong sự Giận dữ.*
- + *Liên hệ trong sự Thân mật đối lại với Sống trong sự Cô lập.*
- + *Đứng lên trong Hy vọng đối lại với Chìm xuống trong Thất vọng.*

Đây là một số những thách thức tốt bậc của đời sống. Chúng diễn tả những thái độ của đời sống mai sau, mà nó đạt tới trọn vẹn những chọn lựa chúng ta đã thực hiện. Chúng ta sẽ lên tới thiên đàng của bình an, tạ ơn, thân mật, và hy vọng; hay chúng ta tìm thấy chính mình trong hỏa ngục của bạo động, xung đột, giận dữ, cô lập, và thất vọng.

Không ai có thể làm cho chúng ta chọn điều này hay điều

khác. Chúng ta không phải là những con người bị tiền định, nhưng thoải mái với ân huệ của con người tự do. Đó là sức mạnh Thiên Chúa ban cho chúng ta để chọn lựa thiên đàng hay hỏa ngục. Và chọn lựa chúng ta phải. Cuối cùng, chúng ta tìm thấy điều này hay là điều điều kia. Nhưng niềm vui là, nó chỉ cần một giọt nước của thiên đàng cũng làm cho hỏa ngục hết khát. Chúng ta không cần phải trọn vẹn hy vọng; chúng ta chỉ cần một chút. Chúng ta không cần phải là con người biết ơn một cách trọn vẹn, hay là phải trọn vẹn bình an; chúng ta chỉ cần có một mảnh vụn của bình an Thiên Chúa trong tâm hồn chúng ta, và hình thành nên những lời noi mỗi miệng chúng ta, “Tạ ơn Chúa,” để chúng ta được cứu.

Ân sủng của sự nghiện rượu

Hành trình lên thiên đàng của hy vọng, thân tình, tạ ơn, và bình an không phải là một sự đứng lên kiên trung tới thiên đàng. Trái lại, nó là một mâu nhiệm vượt qua, mà trước hết đòi buộc chúng ta bị đưa xuống thấp. Như Đức Kitô, chúng ta “đi xuống ngục tổ tông” để rồi chúng ta có thể được làm cho sống lại.

Một vài linh mục nghiện rượu trong khi phục hồi đã nói với tôi, “Tôi tạ ơn Chúa vì đã để cho tôi nghiện rượu”. Không cần phải nói, khi nghe điều đó tôi hơi bối rối một chút vì chưa hiểu ý nghĩa của nó. Khi họ giải thích cho tôi, nó thật có ý nghĩa trong Kitô giáo. Một cách vô giá họ tìm thấy ý nghĩa rằng, sự nghiện rượu của họ đã làm cho họ quý xuống. Với bệnh lý này, họ đã nhận ra rằng họ cần Chúa. Nếu không có nó, họ đã tiếp tục tin là họ có thể sống một mình mà không cần Chúa.

Hai bước đầu tiên trong Mười hai bước của AA nói về nội dung này rất hay. Người nghiện rượu phải chấp nhận rằng đời sống của ông ta/chị ta nằm ngoài tầm kiểm soát, và chỉ có Thiên Chúa mới có sức mạnh để giúp họ tìm được sự điềm tĩnh. Những người nghiện rượu không tìm được sự điềm tĩnh bằng sự ép buộc ý chí của mình, nhưng trái lại bằng một sự kinh hoàng hoàn toàn và trước hết, từng phục Thiên Chúa. Những người nghiện rượu này đã nhận ra rằng, nếu không có chứng bệnh này chính họ đã không bao giờ biết hoàn toàn từng phục Thiên Chúa. Các linh mục gặp các vấn đề khác, kể cả những vấn đề về tình dục, cũng đã nói với tôi điều tương tự. Chính do sự rối loạn và những vấn đề của họ đã dẫn đưa họ tới vòng tay của Thiên Chúa.

Chúng ta phải ăn năn hối hận vì sự nguy hại và đau thương chúng ta đã gây nên cho người khác. Chúng ta không vui mừng vì nhân loại tan nát. Nhưng chúng ta thật sự vui mừng trong Thiên Chúa chúng ta, đáng đã mang đến sự sống từ trong cõi chết, và ánh sáng từ bóng tối. Khi chúng ta bị hạ xuống, chúng ta trở nên dễ lĩnh hội nhất với Tin Mừng của Chúa Giêsu. Có lẽ chúng ta không phải tẩy chay các linh mục, hay những người khác, những người gặp vấn đề. Trái lại, chúng ta có thể nhìn thấy nơi họ khuôn mặt đau khổ của Đức Kitô, và khả thể họ có thể trở thành những nhân chứng sống động của cuộc sống mới. Có lẽ họ có thể là một số trong những linh mục tốt nhất của chúng ta bởi vì họ đã thật sự sống mẫu nhiệm vượt qua. Đã có rất nhiều linh mục nói với tôi khi họ đã hoàn tất chương trình chữa trị, “Tôi cảm thấy như là tôi sẵn sàng để là linh mục trong lần đầu tiên.”

CHƯƠNG 12

CANH TÂN ĐỜI SỐNG LINH MỤC

Thời gian đau khổ này sẽ mang đến một sự thanh tẩy cho toàn thể cộng đoàn Công Giáo, một sự thanh tẩy thật sự cần.

Gioan Phaolô II

Trong phần mở đầu của bài nói chuyện trước Hội đồng Giám mục năm 2002, Đức cha Wilton Gregory, Chủ tịch Hội Đồng Giám Mục Công Giáo Hoa Kỳ (USCCB) đã khen ngợi giới truyền thông đã giúp đỡ các nạn nhân của việc lạm dụng tình dục trẻ em. Nhưng ngài cũng tiếp tục với những nhận xét của ngài để phê phán việc đưa tin của họ về Giáo Hội vốn dĩ «bị bóp méo đến nỗi mà tôi không thể nghĩ ra được trong sáu tháng trước.» Không phải chỉ có các cán bộ của Giáo hội đã cảm thấy việc đưa tin bị bóp méo sự thật. Chủ biên mảng tôn giáo của tờ *New York Times* Peter Steinfels cũng đã viết trên *Tablet*:

Sau nhiều tháng truyền thông oanh tạc dữ dội, người dân Hoa Kỳ, bao gồm cả những người trí thức Công Giáo bình thường, cũng đã có sự hiểu biết sai lệch về vụ bê bối tình dục của hàng giáo sĩ... về phạm vi chính xác của nó, về khung thời gian khi phần lớn nó xảy ra, những vấn đề hợp pháp bao gồm, và tài liệu về các giám mục khác nhau đã giải quyết thế nào

trong những thời gian khác nhau.⁵⁵

Đã có một chân lý đối với câu chuyện cơ bản của truyền thông. Đã có một số linh mục Công giáo quấy rối tình dục trẻ em. Và đã có một số trường hợp lãnh đạo Giáo Hội giải quyết rất tệ. Nhưng, sau nhiều tháng đưa tin, cuối cùng dường như truyền thông đã chấp nhận sự kiện là linh mục Công Giáo *không* có vấn đề đặc biệt độc nhất với tội lạm dụng tình dục trẻ em.

Truyền thông cũng vẫn cho rằng phẩm trật của Giáo Hội Công Giáo giải quyết ngày càng tệ hơn, so với các tổ chức khác. Có phải Giáo Hội Công Giáo bị chỉ ra vì sự chữa trị không công bằng không? Đức khâm sứ Tòa Thánh ở Hoa Kỳ, Tổng Giám Mục Gabriel Montalvo đã nói trong bài nói chuyện với các giám mục Hoa Kỳ vào tháng Sáu năm 2003 rằng: “Tất cả chúng ta đều biết, chúng ta đang trải qua những thời gian khó khăn, mà một số vấn đề thật sự trong giáo hội đã bị phóng đại tới mức độ làm mất uy tín về thẩm quyền luân lý của giáo hội.”⁵⁶

Những sự khẳng định này thì quan trọng cho truyền thông và xã hội xem xét. Tuy nhiên, như Đức Tổng Giám mục Montalvo đã lưu ý, có “những vấn đề thật sự trong Giáo Hội.” Chỉ trích của quần chúng mà chúng ta phải gánh chịu trong những năm trong quá khứ, mà phần nhiều sự kiện bị bóp méo, nó vẫn không bóp méo sự kêu gọi thức tỉnh mà chúng ta nên lắng nghe. Có lẽ Thiên Chúa đang dùng sự chỉ trích này để gửi

55 Peter Steinfels, “Lạm dụng của Truyền thông,” *The Tablet*, September 14, 2002, www.thetablet.co.uk.

56 Đức Tổng Giám Mục Gabriel Montalvo, bài nói chuyện với các giám mục Hoa Kỳ không xuất bản, Tháng Sáu, năm 2003.

cho chúng ta một sứ điệp.

Thiên Chúa Biến Đổi Thảm Họa Thành Ân Sủng

Tôi tin rằng, nó thật không đủ khi đề nghị rằng, vấn đề sẽ được giải quyết nếu Giáo Hội đơn giản cho hồi tục hết các linh mục đã phạm vào việc lạm dụng tình dục trẻ em, cũng như cho về hưu toàn bộ các giám mục đã giải quyết các vấn đề đó quá tệ. Đó là mô hình của người đời là vạch ra những người “tốt” và những người “xấu”, hay là trong trường hợp này những linh mục/giám mục “tốt” và những linh mục/giám mục “xấu”. Như lối suy nghĩ này tiến triển, một khi chúng ta xác định những người xấu này và loại trừ họ, mọi thứ thì tốt thôi. Nhưng đây không phải là mô hình Kitô giáo.

Câu hỏi là liệu các linh mục phạm tội có nên được trở lại công việc mục vụ linh mục nào nữa hay không là một câu hỏi nữa. Nó đầy những khó khăn và xung đột. Tôi không mạo hiểm đưa ra những tư tưởng sâu xa về chủ đề này ở đây. Tôi đơn giản nói rằng, Giáo Hội đã rơi vào một sự xung đột lớn lao. Có những lý do thuyết phục *chống lại* việc “không dung túng:” nó là một kiểu hợp cho tất cả, lối tiếp cận không công bằng có thể cho rằng trẻ em sẽ gặp nguy hiểm hơn vì loại bỏ các khả năng tiếp tục kiểm tra định hướng. Cũng có những lý do thuyết phục *ủng hộ* việc không dung túng: vì sự chân thật của chính mục vụ này, vì lợi ích của mọi người, và vì sự bảo vệ trẻ em được trao phó coi sóc, Giáo Hội không thể khoan nhượng khả năng tái phạm và cũng không thể giám sát một cách đầy đủ những người phạm tội. Câu hỏi có trở lại mục vụ hay không thì rất phức tạp từ việc bảo vệ trẻ em, những quan điểm

lãnh đạo, những quan điểm hợp pháp, và quan điểm mục vụ, một sự phức tạp mà nó chưa xuất hiện ở diễn đàn công cộng. Nhiều người có những ý kiến rất mạnh, mà họ tin là hoàn toàn chính xác. Nhưng khi một người nghiên cứu sâu vào trong vấn đề này, họ có thể thấy một giải pháp đơn giản sẽ né tránh chúng ta như thế nào. Chúng ta có thể bắt đầu với việc nhận ra sự phức tạp này, và mời gọi mọi người cùng làm việc với nhau để tìm ra một giải pháp chung. Những quyết định của Dallas là tiếp tục đề nghị cho sự xem xét kỹ lưỡng hơn từ Giáo Hội và từ xã hội sau một thời gian trôi qua.

Nhưng sự lảm lòi công cộng gần đây như thế đã phân chia các linh mục thành những người tốt và những người xấu là một lối tiếp cận nguy hiểm, phản ánh một lối suy nghĩ sai lạc. Tôi nhớ lại một cuộc phỏng vấn của cựu tổng thống Jimmy Carter trên truyền thanh công cộng sau khi ông ta nhận giải thưởng Nobel hòa bình. Ông ta đã nói rằng, truyền thông dường như muốn vẽ người ta hoặc là rất tốt hoặc là rất xấu, và đó là một sự phóng đại không hữu ích gì cho công việc điều hành của ông ta, cũng như chẳng chính xác gì.

Trong lối tiếp cận Kitô giáo, chúng ta bắt đầu với một sự hiểu biết căn bản rằng, trong khi tất cả mọi người chúng ta được Thiên Chúa dựng nên là tốt, tất cả chúng ta cũng là những tội nhân, bất chấp chúng ta mạnh mẽ hay yếu đuối, già hay trẻ, giám mục hay giáo dân. Kinh thánh thì rõ ràng: «Nếu chúng ta nói, «Chúng ta không có tội,» chúng ta lừa dối chính mình, và sự thật không ở trong chúng ta. Nếu chúng ta thú nhận tội lỗi, Thiên Chúa là Đấng trung thành và công chính sẽ tha tội cho chúng ta, và sẽ thanh tẩy chúng ta sạch mọi điều bất chính» (1 Ga 1:8-9). Lối tiếp cận Kitô giáo bắt đầu với sự

hiểu biết này về thân phận tội lỗi cá nhân cũng như tập thể của chúng ta, và mời gọi mỗi người chúng ta tới sự ăn năn và hoán cải. Nhưng đáng buồn, là nhiều người chỉ tay vào người khác trong lúc khủng hoảng. Mỗi nhóm kết án những nhóm khác. Thay vì, mỗi người chúng ta phải bắt đầu chỉ tay vào chính mình và tự hỏi, “Tôi đã đóng góp được gì vào vấn đề này?”

Khủng hoảng này đã là một thảm họa cho mọi người liên lụy: các nạn nhân, các gia đình, các giáo xứ, Giáo Hội, và chính những người phạm tội. Và một người phải thừa nhận nó là một thảm họa. Tuy nhiên, Thiên Chúa có một khả năng phi thường để biến đổi điều thảm họa nhất trong các thảm họa thành những giây phút của ân sủng. Ví dụ, điều gì là thảm họa lớn nhất của mọi thời? Câu trả lời không thể phủ nhận: là việc đóng đinh Chúa Giêsu. Thiên Chúa đã sai người Con duy nhất của ngài như một món quà hoàn toàn cho đi cho nhân loại. Người Con này đã đến để mang sự sống và sự tốt lành của Thiên Chúa cho chúng ta. Chúng ta đã đáp lại bằng việc giết chết Ngài. Chúng ta đã giết chết một cách kinh hoàng món quà của Thiên Chúa ban cho chúng ta trên thập giá. Tuy nhiên, Thiên Chúa đã biến đổi hành động hèn hạ này của nhân loại vào trong một thời khắc của ân sủng tối cao. Nếu một phép lạ như thế đã được thực hiện với một thảm họa của con người, chúng ta gọi là đóng đinh, chúng ta có thể chắc chắn rằng, Thiên Chúa có thể và sẽ thực hiện như thế với thảm họa lạm dụng tình dục này.

Vậy ân sủng gì Thiên Chúa sẽ thực hiện qua khủng hoảng này? Có thể là còn quá sớm để nói ra, và những ý định của Thiên Chúa thì một cách nào đó luôn được giữ kín. Nhưng hầu như một trong những ân sủng đến từ thảm kịch này, tối thiểu là

đối với Giáo Hội, đó là sự canh tân Giáo Hội nói chung, và đặc biệt là canh tân hàng giáo sĩ. Những lời của Đức Giáo Hoàng với các Hồng Y Hoa Kỳ tập hợp ở Rôma vào tháng Tư năm 2002, đã được trích ở đầu chương này thì quan trọng: “Thời gian đau khổ này sẽ mang đến một sự thanh tẩy cho toàn thể cộng đoàn Công Giáo, một sự thanh tẩy thật sự cần thiết.” Hơn nữa, Đức Thánh Cha, khi nói chuyện với các giám mục của Boston và Harford, đã nói thẳng thắn hơn về điều quan trọng trung tâm của việc canh tân hàng giáo sĩ:

Trong một cách thức đặc biệt, tôi muốn nói với anh em hãy ủng hộ mạnh mẽ các anh em linh mục của anh em, nhiều người đã phải chịu đau khổ lớn lao vì những sự phê phán sai lạc của các thừa tác viên của Giáo Hội. Tôi cũng muốn anh em truyền đạt lòng tri ân của tôi đối với sự phục vụ quảng đại và vô vị lợi là dấu ấn đời sống của rất nhiều anh em linh mục Mỹ, cũng như sự đánh giá cao của tôi đối với những nỗ lực hàng ngày để trở nên những mẫu mực của sự thánh thiện và bác ái mục vụ trong các cộng đoàn Kitô giáo trao phó cho họ. Trong một cách thức rất thật, sự canh tân của Giáo Hội thì gắn liền với sự canh tân của hàng linh mục. (xem *Optatam Totius*, 1)⁵⁷

Vì thế, nhiệm vụ của chúng ta là đừng để cho giây phút này qua đi mà không thu lượm được ân sủng mà Thiên Chúa muốn ban cho chúng ta. Chúng ta phải theo đuổi mãnh liệt sự thanh tẩy này trong toàn thể Giáo Hội và trong hàng linh mục.

Khi tôi nói về sự canh tân của hàng giáo sĩ, tôi không mong ước đề nghị rằng, chúng ta đang nỗ lực để làm cho một

57 Gioan Phaolô II, “Bài nói chuyện *Ad Limina* với các giám mục Boston và Harford của Hoa Kỳ” (ngày 2 Tháng Chín, 2004), www.vatican.va. cf. *Optatam Totius*.

giáo sỹ có khiếm khuyết cơ bản trở thành một người tốt. Như mới vừa được lưu ý, trong khi chính Đức Thánh Cha đã mời gọi một sự canh tân trong hàng giáo sỹ, ngài cũng đã diễn tả “lòng tri ân của ngài đối với sự phục vụ quảng đại và vô vị lợi là dấu ấn đời sống của rất nhiều linh mục Mỹ.” Đúng thật là các linh mục ngày nay có những vấn đề cá nhân, cũng như mọi người đều có, nhưng kinh nghiệm của tôi, và sự tin tưởng của tôi là hàng linh mục ngày nay thì tốt. Chúng ta có một nhóm chắc chắn những người đang dần thân, giàu đức tin, và hầu hết là mạnh mẽ về tâm lý và thiêng liêng. Quả thật, nghiên cứu đã tường thuật trong sách này và sẽ tiếp tục diễn tả rằng các linh mục thì hạnh phúc trong các công việc mục vụ của họ, và dần thân rất nhiệt tình trong ơn gọi của họ, bất chấp sự đau khổ và buồn sầu cá nhân họ phải chịu trong cuộc khủng hoảng.

Canh tân không phải làm cho một linh mục xấu trở thành một linh mục tốt; nhưng nó làm cho hàng linh mục tốt trở nên tốt hơn. Thách đố của thời đại duy vật chất, đề cao tình dục, và trần tục đòi hỏi một thực chất lớn nơi các linh mục ngày nay. Để một linh mục ngày nay giữ vững sự trung thành, nhiệt tình, độc thân, và sống động đòi hỏi một mức độ rất cao về chiều sâu thiêng liêng cũng như trưởng thành tâm lý. Trong những thời gian khó khăn này đòi hỏi các linh mục phải tốt hơn. Cuộc thử thách của những thời gian này sẽ đẩy chúng ta tới một mức độ của sự thánh thiện và dần thân mà trước đây chúng ta đã không tưởng tượng tới.

Sự canh tân này, mà chính nó đẩy mạnh trên chúng ta có thể được xem như là đa lớp, một sự canh tân ba chiều cho các linh mục và cả giám mục. Trong sự canh tân ba lớp này, chúng ta các linh mục phải được canh tân như các *Kitô hữu*, được

canh tân như các *linh mục*, và được canh tân như những người lãnh đạo *Kitô giáo*.

Canh Tân Như Các Kitô Hữu

Do ân sủng của Bí Tích Rửa tội, các linh mục trước hết và trên hết là con cái Thiên Chúa và là những người theo Chúa Giêsu, đó là những người Kitô hữu. Không lâu trước đây, tôi đến một chủng viện và hỏi các chủng sinh câu hỏi này, “Anh em có phải là Kitô hữu không?” Một số có vẻ bối rối, một số thì cười hô hô. Nhưng có thể là quan trọng để đặt câu hỏi này với các chủng sinh của chúng ta trong khi họ đang được đào tạo: “Anh em có phải là Kitô hữu không?” Đó là, cá nhân anh em có được sức mạnh của ơn cứu độ của Đức Kitô chạm tới không? Nếu không, anh em chẳng có gì để rao giảng, và các bài giảng của anh em sẽ là những sự nhai lại trống rỗng của những thành ngữ thần học mà anh em đã được nghe, mà không có sự thuyết phục và nhiệt tình cá nhân.

Khi chúng ta phục vụ người khác trong Giáo Hội như là các linh mục, chúng ta làm như thế trước hết như là những người anh em của mọi người, như là một Kitô hữu ở giữa các Kitô hữu khác. Như Thánh Augustinô đã nói, “Khía cạnh trước hết đó là, tôi là một Kitô hữu; thứ nhì, đó là tôi là một người lãnh đạo.”⁵⁸ Cũng quan trọng như là bí tích Truyền Chức Thánh, mà chúng ta sẽ bàn tới ở phần sau, căn tính đầu tiên của chúng ta nên là những người Kitô hữu anh em.

Sau khi làm việc với một số linh mục gặp khó khăn, tôi bị

58 Thánh Augustinô, “Về các Mục tử,” trong *Các Giờ kinh Phụng Vụ*, cuốn. IV (New York: Catholic Book Publishing Co., 1975), tr. 255.

đánh động vì một quan điểm chung mà rất nhiều người trong họ có, là làm thế nào Tin Mừng có thể áp dụng cho họ, hay không thể áp dụng cho họ. Rất nhiều linh mục gặp khó khăn này đã nói với tôi, «Tôi cảm thấy như là Tin Mừng áp dụng cho tất cả mọi người trừ tôi.» Tương tự, mới một thời gian ngắn trước đây, tôi đã nói chuyện với một linh mục đến chữa trị và đã tiến triển khá tốt. Ngài nói, ngài đã luôn luôn nhìn vai trò của mình là một người nào đó hướng dẫn người khác đến với Đức Kitô, ngài thấy mình như là một người ở ngoài đứng nhìn vào. Khi việc chữa trị tiến triển, cuối cùng ngài đã có thể thấy chính mình như một người nào đó được tình yêu chữa lành của Thiên Chúa chạm tới.

Điều này thật thiết yếu đối với mọi linh mục. Mỗi cá nhân chúng ta phải biết một cách cá nhân về ân sủng cứu độ của Chúa Giêsu. Nếu chúng ta không biết, chúng ta làm sao có thể rao giảng hay là giảng dạy Tin Mừng với sự thuyết phục? Như đã lưu ý trong chương vừa rồi, khi các linh mục hoàn thành chương trình của chúng tôi ở Trung tâm Thánh Luca, họ đã nhận ra sự dễ tổn thương và tội lỗi của chính họ, và cảm nhận ơn tha thứ của Thiên Chúa một cách cá nhân. Điều thiết yếu của việc canh tân linh mục là việc chúng ta canh tân như các Kitô hữu. Khi một cách cá nhân chúng ta biết về bản chất tội lỗi của chúng ta và ơn tha thứ của Thiên Chúa, lúc đó không còn có chỗ cho tính kiêu căng hay là phò giáo sỹ nữa. Một linh mục hay giám mục, chính mình đã trở nên thật sự là một Kitô hữu, là một người khiêm nhường, nhìn thấy chính mình như một người anh em với các Kitô hữu khác.

Vì thế, điều này phỏng đoán là chúng ta nhận ra bản chất tội lỗi của chúng ta. Các linh mục có những vấn đề rõ ràng và

ng nghiêm trọng như là nghiện rượu, trầm cảm, hay là nghiện tình dục, thì có “phúc lành” để nhận ra một cách sâu sắc về thân phận tội lỗi của con người mình và cần đến Chúa. Sự canh tân này của các linh mục cũng như các Kitô hữu phải bao gồm việc mở lòng chúng ta cho ân sủng của Thiên Chúa để nhận ra thân phận tội lỗi của chúng ta và sự bao la của ơn tha thứ của Thiên Chúa.

Tôi nhớ lại câu chuyện do Thomas Merton, một đan sĩ Trappist kể. Ngài nói, hãy tưởng tượng chính bạn đang bị chìm. Khi bạn đang bị chìm xuống lần thứ ba, bạn tin rằng mọi sự kết thúc rồi. Bỗng nhiên, có một bàn tay vói ra và túm lấy bạn, kéo bạn lên an toàn. Bạn cảm thấy thế nào? Bạn sẽ rất phấn khởi. Bạn có thể cảm thấy rất phấn chấn. Bạn sẽ rất biết ơn. Merton đã nói rằng, đây là cảm nghiệm về ơn cứu độ. Thật không may, Merton nói thêm, chúng ta không biết chúng ta đang bị chìm.

Một cách thức chắc chắn để vun trồng ơn này về việc ý thức thân phận tội lỗi của mình là thường xuyên nhận lãnh bí tích Hòa giải và nhận lãnh trong sự suy niệm. Không bí mật gì, một số linh mục khá ít nhận lãnh bí tích này. Như đã lưu ý trước đây, nghiên cứu của tôi gần đây tìm ra rằng 88,0% các linh mục đã nhận lãnh bí tích Hòa giải trong vòng một năm. Trong khi nó là phần lớn, thì vẫn còn hơn 10% đã không. Và 60,7% các linh mục đã nói rằng họ lãnh nhận bí tích này trong vòng 3 tháng. Trong khi lãnh nhận bí tích này ít là một lần một năm là đối với giáo dân, người ta sẽ mong đợi rằng các linh mục sẽ thường xuyên hơn. Cũng nên lưu ý rằng, các linh mục không thể là các linh mục giải tội tốt, nếu như các ngài không phải là những hồi nhân tốt. Nói cách khác là chúng ta không thể là các linh mục tốt, trừ khi trước hết chúng ta là các Kitô

hữu tốt. Phục hồi nhiệt tình của chúng ta với bí tích này phải là một sự ưu tiên của chúng ta.

Nhưng kiến thức này về chính chúng ta không thể kết thúc với sự nhận ra thân phận tội lỗi của chúng ta. Nó phải đạt tới sự nhận thức về niềm vui cá nhân vì được chính Thiên Chúa tha thứ và ban ơn. Vì thế, chúng ta vui mừng vì Tin Mừng. Chúng ta có thể đứng trên giảng đài để giảng dạy về tin mừng tuyệt vời này với sự chân thành và thuyết phục.

Chúng ta nhìn thấy khuôn mặt nhân loại giống như chúng ta khi chúng ta nhìn những người nghèo và những người đau khổ, cũng như những ai bị trù dập bằng bất cứ kiểu cách nào. Nó đã trở nên thật đau khổ và rõ ràng trong thời gian khủng hoảng, mà trong quá khứ chúng ta chưa thật sự nghe tiếng kêu khóc thấu tim của các nạn nhân. Khi chúng ta biết họ như những anh chị em của chúng ta, là những con người dễ bị tổn thương như chúng ta, chúng ta có thể nghe thấy sự đau khổ của họ. Hiệp nhất như những con người tội lỗi được Thiên Chúa tha thứ, chúng ta tìm thấy chính chúng ta đoàn kết với các nạn nhân cũng như liên kết với những người phạm tội.

Một từ đánh động tôi rất nhiều trong thời gian khủng hoảng đó là *khiêm nhường*. Dân chúng mong đợi các linh mục và các giám mục khiêm tốn. Nếu như Thiên Chúa ban tặng bất cứ ân sủng nào trong thời gian thảm họa này, chắc chắn một phần của nó là làm cho các linh mục và giám mục trong đất nước này trở thành những con người khiêm tốn, mà Thiên Chúa kêu gọi họ trở thành như vậy. Những con người khiêm nhường có thể nghe được những tiếng kêu của những người nghèo và những con người đau khổ.

Canh Tân Như Các Linh Mục

Khi tôi nói về canh tân của các linh mục, tôi có ý là cả các linh mục và các giám mục. Trong thời gian của khủng hoảng lạm dụng, đã có một vết nứt sâu mở ra giữa các linh mục và các giám mục. Điều này rất nguy hiểm cho lãnh đạo của Giáo Hội cũng như cho giáo dân. Đức cha Gregory, trong bài diễn văn của chủ tịch năm 2002 ở Dallas với các linh mục, ngài đã nói một cách thuyết phục như sau:

Chúa Thánh Thần trong Bí tích Truyền Chức Thánh đã liên kết chúng tôi với anh em như là những người cộng tác trước hết trong sứ vụ, và chúng tôi yêu mến anh em như những người anh em. Và chúng tôi tự hào và biết ơn anh em vì cách thức phục vụ vô vị lợi mà anh em phục vụ Thiên Chúa cũng như anh chị em mình ngày này qua ngày khác. Chúng tôi, các giám mục thì... xin lỗi, vì các sai phạm trong việc lãnh đạo đã đưa tới sự đổ vỡ lòng tin tưởng giữa các linh mục và các giám mục, các anh em trong sứ vụ. Chúng tôi xin anh em tha thứ. Tôi xin các linh mục của chúng ta hãy tiếp tục làm việc sát cánh với chúng tôi; chúng tôi cần anh em.⁵⁹

Như là một giám mục cần các linh mục của ngài, chúng ta các linh mục cũng cần giám mục của chúng ta như vậy. Và cả hai phải không bao giờ quên rằng, từ hàng linh mục của chúng ta các giám mục được chọn. Thật quá là đơn giản để đổ tội cuộc khủng hoảng trên các giám mục. Trái lại, chúng ta, các linh mục nên đoàn kết và ủng hộ các giám mục và đối diện với khó khăn, cũng như đổ tội cho chính chúng ta. Trong thực tế,

59 Wilton D. Gregory, "Một Đáp trả Công giáo đối với Lạm dụng Tình dục: Thú tội, Đóng góp, Giải quyết," bài nói chuyện của chủ tịch Hội đồng giám mục Hoa Kỳ, Dallas, Texas (13 Tháng Sáu, 2002), www.usccb.org.

bất cứ lỗi phạm gì họ có thể có, những lỗi phạm đó nổi lên từ các hàng ngũ của chúng ta.

Tuy nhiên, một người nên cẩn thận đừng phóng đại vết nứt giữa các linh mục và các giám mục. Trong khi sự chia rẽ này là thật và đáng cho sự chú ý phối hợp của chúng ta, cuộc trưng cầu dân ý của *Los Angeles Times* 2002 đã cho thấy rằng phần lớn các linh mục tán thành với các giám mục của họ. 37% đã nói họ tán thành *manh mẽ* về cách thức giám mục của họ giải quyết các nhiệm vụ của mình cách chung, và 37% *một cách nào đó* tán thành. Đây là một tỷ lệ rất cao tán thành của 76%.⁶⁰ Tương tự, như đã lưu ý trước đây về nghiên cứu của chính tôi 2003-2005, 75,4% đã nói, «Tôi có mối liên hệ tốt đẹp với giám mục của tôi» và 76,7% đồng ý với câu, «Nói chung, tôi thỏa mãn với giám mục của tôi.» Mối dây giữa linh mục và giám mục của họ vẫn khá là mạnh mẽ.

Vậy, điều gì trong “việc canh tân như các linh mục” mà cả các giám mục và linh mục phải trải qua? Đối với tôi, dường như cách chúng ta sống đời sống linh mục đang lắc lư giữa hai cực của sự thật: sự linh thánh của đời sống linh mục và tình trạng yếu đuối của thân phận con người chúng ta. Có lúc, chúng ta tập trung vào sự cao đẹp và tính hiệu quả của chức linh mục bí tích. Nhiều lúc khác, chúng ta trở nên ý thức sâu sắc về nhân tính yếu đuối của linh mục. Có một số linh mục thì giảng dạy nhấn mạnh về điều trước, và một số khác thì lại nhấn mạnh về điều thứ hai. Nhấn mạnh về sự linh thánh bí tích của chức linh mục, tới độ loại trừ bản chất yếu hèn của linh mục,

60 Jim Darling Richardson, “Phân tích thăm dò ý kiến: Các Linh mục nói giáo Hội Công Giáo Đối diện Khủng hoảng Lớn nhất trong Thế kỷ,” *Los Angeles Times*, 20 Tháng mười, 2002.

có thể dẫn đến thuyết phò giáo sỹ tách biệt. Mặt khác, nhấn mạnh tới nhân tính yếu hèn dễ dàng không nhận ra sự quan trọng độc đáo và ân sủng bí tích của chức linh mục là cho dân chúng. Nếu như điều thứ nhất gây ra sự kiêu ngạo, thì điều thứ hai lại gây nên một thuyết hủ lớn giáo hội.

Rõ ràng theo thần học, một linh mục thì vừa là người mang một ân sủng bao la, được định hình theo Đức Kitô là Đầu nhờ bí tích lớn lao, và ngài cũng là người mang một nhân tính con người rất là yếu đuối. Chúng ta, cùng một lúc vừa là những người mang ân sủng và là những người thật sự không hoàn thiện. Hai điều này không loại trừ nhau, nó cũng không chống đối với nhau. Trái lại, chúng bổ sung cho nhau, và thật ra chúng thúc đẩy nhau. Điều tệ hại gì khi có một loại người “siêu nhân”, được nghĩ tới là không có lỗi phạm, những người hạ cố để chúc lành dân chúng? Một người có thể nghĩ là giống như là Chúa chọn các thiên thần để là các linh mục của ngài. Không, Chúa Giêsu đã chọn những người cộng tác cá nhân với ngài từ những tầng lớp nhân loại tội lỗi. Những lời của Thánh Gioan Tiê-nô không nên xa rời môi miệng của các linh mục: “Tôi không phải [là người]... người đến sau tôi... tôi không xứng đáng cởi dây giày cho người... Ngài phải lớn lên; tôi phải nhỏ lại” (Ga 1:21-27; 3:30).

Tôi nghĩ, nó không phải là điều gì mới khi cho rằng các linh mục vừa là những người mang một ân sủng lớn lao và cũng vừa là những con người yếu đuối thấp hèn. Trong khi các các linh mục và dân chúng đều chấp nhận thực tại này trên mức độ tri thức, thì nó cũng rất rõ ràng rằng chúng ta chưa thấm nhuần hoàn toàn trong tâm thần và thiêng liêng. Chúng ta không biết nó trong «ruột» của chúng ta. Dân chúng thì bị

choáng váng khi các linh mục cũng có những lỗi phạm giống như họ, và không có ai bị choáng nhiều hơn là chính các linh mục. Nó là một viên thuốc đắng. Tất cả chúng ta luôn muốn tin tưởng vào điều gì là tinh tuyền và cao thượng. Chúng ta muốn cảm nghiệm nó trước hết. Chúng ta vươn tới một linh mục, và thật buồn, chúng ta đặt niềm tin nơi ngài. Có lẽ khủng hoảng này nên dạy tất cả chúng ta, đặc biệt các linh mục, rằng niềm tin của chúng ta không phải nơi những con người yếu đuối này mà Thiên Chúa đã chọn là các linh mục, nhưng là ở nơi Người Con của Thiên Chúa. Trong thời gian của những sự kiện này, nhiều người đã nhận xét là họ đã làm như vậy.

Đồng thời, nó cũng sẽ là một sai lầm nếu chúng ta bỏ mất một ân sủng quan trọng, và thật sự sống còn mà Chúa Giêsu ban cho chúng ta qua linh mục. Tôi nghi ngờ rằng sự sai lầm này còn thường gặp hơn từ sau Công Đồng Vatican II. Chức linh mục thừa tác thì khác không chỉ ở *mức độ*, nhưng còn ở *chủng loại* so với chức linh mục phổ quát nơi giáo dân. Với ân sủng của bí tích làm cho linh mục trở thành *persona Christi capitis*, linh mục giảng và dạy với năng quyền. Khi ngài hướng dẫn dân chúng như là chủ tế Thánh Thể, khi ngài xúc dầu và hòa giải, lúc đó chính là Đức Kitô hoạt động qua vị linh mục. Nếu như có một sự sút giảm về ơn gọi linh mục ngày nay ở một số đất nước, có lẽ là vì chúng ta đã quên mất vị trí then chốt của linh mục cho Dân Thiên Chúa.

Như những người mang ân sủng cao quý này, chúng ta sống lời mời gọi của Tin Mừng với một sự nhiệt tình và trung thành đặc biệt. Nó cũng phù hợp cho một ân sủng như thế, và hữu ích cho sự hiệu quả của nó mà đời sống của linh mục đã hoàn toàn dâng hiến cho Thiên Chúa trong một cam kết độc

thân. Trong khi không phải tất cả mọi linh mục của Giáo Hội Công Giáo Rôma đòi buộc phải sông độc thân, như là các linh mục của Giáo Hội Anh Giáo đã lập gia đình trước đây, điều này được xem như là những trường hợp ngoại lệ. Khi một linh mục phạm một tội, bất cứ tội gì, ngài đe dọa làm mờ đi đối với chính mình và với người khác vẻ đẹp của bí tích Truyền Chức Thánh, và vì thế cũng là vẻ đẹp của đức tin và của Giáo Hội.

Và vì vậy, thật chính xác trong một nhân tính yếu đuối như thế, dễ dàng phạm tội, mà Thiên Chúa đã mặc cho bí tích truyền chức. Bất cứ khi nào chúng ta, các linh mục hay là dân Chúa nhìn vào linh mục là đáng cứu độ của chúng ta, ánh mắt của chúng ta phải được lôi kéo mạnh ra khỏi vị linh mục và tập trung nơi một Đáng Cứu Độ duy nhất. Nếu như bí tích truyền chức làm cho linh mục trao ban trên dân chúng rất nhiều ân sủng, thì chính “bí tích nhân tính của ngài” sẽ dẫn đưa dân chúng ra khỏi con người linh mục tới chính con người của Đức Kitô. Đây là một bài học đau thương cho linh mục cũng như dân chúng. «Ngài [Đức Kitô] phải lớn lên, còn tôi [linh mục] phải nhỏ lại.»

Phép biện chứng này về ân sủng và tội lỗi trong con người của linh mục tiếp tục thách thức chúng ta trong những thời gian hiện đại này. Có lẽ bởi vì sự phức tạp của xã hội chúng ta, mà chúng ta tìm kiếm những giải pháp đơn giản. Những câu chuyện truyền thông thường miêu tả những sự đơn giản không thực tế như thế. Nhưng sự thật thì phức tạp, năng động, và đầy thách đố. Một trong những sự phức tạp là chính vị linh mục. Được kêu gọi tới những đỉnh cao của sự thánh thiện, nhưng ngài cũng vẫn là một con người không hơn gì những người khác mà ngài phục vụ. *Khi ngài hay dân chúng quên mất về*

sức mạnh đầy tràn của ân sủng trong ơn gọi linh mục, hay là sự thật cay đắng về bản tính nhân loại tội lỗi, thì sẽ xảy ra vấn đề nghiêm trọng trong Giáo Hội.

Canh Tân Như Những Người Lãnh Đạo Của Giáo Hội

Một ân sủng đau thương của cuộc khủng hoảng này dẫn đưa chúng ta, các linh mục cũng như các giám mục đến việc không chỉ canh tân như những Kitô hữu, như các linh mục, nhưng cũng phải canh tân như là những người lãnh đạo của Giáo Hội. Một khi chúng ta đã tìm lại được căn tính Kitô hữu của chúng ta như là những con người tội lỗi đã được Thiên Chúa tha thứ và yêu thương, một khi chúng ta đã canh tân như những con người yếu hèn được Chúa trao ban một ơn gọi linh mục với đầy tràn ân sủng, chúng ta sẵn sàng để suy tư vấn đề thứ ba, không phải kém phần quan trọng, đó là sự canh tân ban cho chúng ta ngày nay. Đây là một lời mời gọi canh tân như những người lãnh đạo của Giáo Hội.

Dường như đang có một sự bắt đầu của một sự thay đổi to lớn, đang được suy tư trong các loại từ ngữ mà các vị lãnh đạo của Giáo Hội đang sử dụng gần đây. Ví dụ, Đức Hồng Y Angelo Sodano, Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh đã nói chuyện với các Hồng Y Hoa Kỳ khi họ đến Rôma gặp gỡ Đức Giáo Hoàng vào tháng Tư năm 2002. Câu khẳng định ngắn gọn của Đức Hồng Y đã bao gồm một thách đố rõ ràng đối với Giáo Hội Hoa Kỳ: “Nhiệm vụ của chúng ta là suy tư về những vấn đề của thời gian hiện tại với sự mở rộng lớn lao cho Thánh Thần, biết rằng Giáo Hội nên minh bạch.”⁶¹

61 Đức Hồng Y Angelo Sodano, “Bài nói chuyện của Đức Hồng Y Angelo Sodano với các Hồng Y của Hoa Kỳ” (23.04.2002), www.vatican.va.

Một cách rõ ràng, vào lúc then chốt này, Hồng Y đã nhấn mạnh hai từ: *mở rộng* và *minh bạch*. Phải chăng điều này đang thiếu vắng ở Giáo Hội Hoa Kỳ đã đưa đến cuộc khủng hoảng này? Tôi tin là như vậy.

Sự thật về điều mà hầu hết các giám mục Hoa Kỳ đã đang làm trong vòng thập kỷ vừa qua, và cách thức họ đã giải quyết hầu hết các vụ lạm dụng như thế nào đã không bao giờ được nói ra ở diễn đàn công cộng. Sự thật là hầu hết các giám mục từ năm 1992 đã cải thiện rất lớn về cách thức Giáo Hội giải quyết các vụ lạm dụng tình dục. Trong khi có những trường hợp ngoại lệ kinh khủng mà qua đó tất cả chúng ta đã trở nên ý thức đau thương, hầu hết các linh mục phạm tội đã không chỉ đơn giản bị chuyển từ xứ này qua xứ khác. Hầu hết đã được đánh giá lâm sàng, đưa vào hàng loạt những việc điều trị, và như là những con số ở Trung Tâm Thánh Luca cho biết, vào khoảng 60 tới 80% đã được trở về với điều mà được xem là mục vụ phù hợp có sự giám sát với giới hạn, hay là không có sự liên hệ trực tiếp với trẻ em. Số còn lại thì không cho làm mục vụ nữa.

Sử dụng lối tiếp cận này, rất ít những ai lại tái phạm tội. (Ví dụ, nghiên cứu thống kê của Trung tâm Thánh Luca về 368 cư dân đã được chữa trị vì lạm dụng tình dục trẻ em từ 1985-2004, đã thấy rằng trên 95% đã không bị tái phát từ khi chữa trị)⁶². Trong vòng thập kỷ này của những năm 1990, các vị lãnh

62 Một Nghiên cứu không phát hành của Stephen Montana, Trung Tâm Thánh Luca. Từ 1985 tới 2004, 368 linh mục có khuynh hướng hấp dẫn với trẻ em đã hoàn tất chương trình chữa trị tại Trung tâm. Trong 368 người này, có 16 người đã tái phát và cho rằng đã có dụng chạm tình dục trẻ em. Hầu hết các Trung tâm nghiên cứu việc tái phát lạm dụng tình dục trẻ em sử dụng những tỷ lệ sau cùng cộng với những nguồn thông tin khác như: báo

đạo của Giáo Hội đã cung cấp cho hầu hết các nạn nhân tâm lý liệu pháp để chữa trị họ; một số được cung cấp việc giải quyết tiền bạc để đền bù tài chính cho họ vì sự tổn thương đã gây nên. Nhưng đối với những người xem những người phạm tội trở về với bất cứ việc mục vụ nào cũng như là câu trả lời câu trả, lối tiếp cận này thì không thể chấp nhận được. Mặt khác, đối với những ai xem việc chữa trị, sự kiểm tra định hướng, và tiếp tục giám sát những người phạm tội như là một cách thức trách nhiệm nhất để cổ vũ việc bảo vệ trẻ em, nó đã là một bước đi đúng hướng, mặc dù nó chưa phải là giải pháp cuối cùng. Bất cứ một người lãnh hội lối tiếp cận này thế nào, một áp lực căng thẳng và tiêu cực của dân chúng vẫn sẽ tới qua truyền thông đè nén trên các giám mục để phá hủy nó.

Điều đã trở thành rõ ràng của câu chuyện này là Giáo Hội đã cải thiện đáng kể cách giải quyết đối với những người lạm dụng tình dục trẻ em, đã không thể nói ra giữa một đám đông đang la ó khích động thái quá. Dân chúng đã tìm ra rằng, các giám mục đã cho một số những linh mục này trở về với công việc mục vụ, và đã gây ra sự tệ hại hơn. Và đã có vài trường hợp ngoại lệ như là John Gewghan và Paul Shanley ở Boston khẳng định cho những sự nghi ngờ tệ hại nhất của họ. Một khi câu chuyện đã bay đi, nó có sức sống riêng của nó, với logic và quan niệm riêng của nó, mặc dù là bị bóp méo cũng không thể sửa đổi được. Chẳng ai lắng nghe các vị lãnh đạo của Giáo Hội, khi họ đang cố gắng để tạo ra một mô hình cho phù hợp với quan điểm của họ. Nó thật quá trễ.

Đức Hồng Y Sodano đã đề nghị «tính minh bạch» và «mở

cáo cá nhân, tường thuật than phiền mới, và thông tin từ các bề trên cũng như những người giám sát dòng tu để các thông tin khá đầy đủ.

ra.» Lỗi tiếp cận này đối với việc lãnh đạo phải được tiếp tục và không nên đợi cho tới khi những khủng hoảng phát nổ. Tôi tin tưởng chắc chắn rằng, nếu chúng ta đã truyền thông thường xuyên với các lãnh đạo chính quyền và với người đời về việc chúng ta xử lý những vụ lạm dụng tình dục trẻ em, cuộc khủng hoảng này đã không đi tới những mức độ như thế. Câu chuyện thật sự về việc lãnh đạo là họ đã hiểu như là một việc bí mật, kiên cường, và với chính nó như là «vượt qua luật lệ.» Tôi tin là sự phê phán này thì quá khắc nghiệt, nhưng sự thiếu vắng một sự truyền thông thật sự gây nên sự nghi ngờ và mất tin tưởng. Nó nói về một nhu cầu về tính minh bạch và mở ra thường xuyên hơn.

Đức Tổng Giám Mục Harry Flynn, Chủ tịch của Ủy ban Lâm thời của các giám mục Hoa Kỳ về Lạm dụng Tình dục, đã nói rõ ràng rằng:

Khủng hoảng năm 2002 có những nguyên nhân của nó vì những lỗi phạm thật sự đã xảy ra trong quá khứ. Những sai lỗi này đã bao gồm cả một sự cậy dựa vào sự bí mật, mà đúng ra sự minh bạch đã cần thiết, và sự thất bại trong việc đưa giáo dân Công Giáo vào trong chuyện kín của giám mục. Thất bại đó đã phát hỏa, rồi tới lượt, không còn tin tưởng những quyết định của giám mục nữa. Bởi chính chúng ta ngần ngại không nói toàn bộ sự việc, chúng ta đã cho phép người ta cắt nghĩa những hành động của chúng ta, mà thường trong ánh sáng tiêu cực nhất.⁶³

Tương tự, Bản tuyên bố của Dallas năm 2002 đã sử dụng một từ mà cũng đã trở thành một phần không thể thiếu của sự

63 Đức Tổng Giám Mục Harry J. Flynn, "Bản Tuyên bố nào đã hoàn thành?" *America* 191, no. 11 (18 Tháng Mười, 2004), tr. 9.

thay đổi lớn lao này. Từ quan trọng mới này là: trách nhiệm giải trình (accountability). Bản tuyên ngôn Dallas đã lưu ý: “Chúng ta [các giám mục] đã thề hứa là sẽ hành động trong một cách thức diễn tả trách nhiệm giải trình của chúng ta với Chúa, với dân của Ngài, và với nhau về vấn đề hệ trọng này.”⁶⁴ Dân chúng đã đòi hỏi trách nhiệm giải trình này từ những người lãnh đạo của Giáo Hội Công Giáo. Điều này khó khăn cho chúng ta vì Giáo Hội, một cách hợp pháp và một cách nhiệt tình, bảo vệ tính độc lập của nó trong việc rao giảng Lời Chúa và trong việc bảo vệ kho tàng đức tin. Chúng ta không thể cho phép lãnh đạo dân sự quyết định điều gì được rao giảng. Nó là vấn đề của chân lý được mạc khải rằng, các giám mục của Giáo Hội Công Giáo là những người kế vị các tông đồ, và rao giảng cũng như dạy dỗ với một thẩm quyền được chính Đức Kitô trao ban. «Bất cứ điều gì anh em cầm buộc dưới đất trên trời cũng cầm buộc; và bất cứ điều gì anh em tháo cởi dưới đất trên trời cũng tháo cởi» (Mt 16:19).

Nhưng các hành động quản trị của việc lãnh đạo Giáo Hội không có sự bảo vệ khỏi sự xâm phạm dân sự giống như trong lãnh vực đức tin và luân lý. Đức Gioan Phaolô II đã nhìn nhận vị trí hợp pháp của thẩm quyền dân sự khi ngài đã nói về việc lạm dụng tình dục trẻ em “thì một cách hợp pháp được xem như là một tội phạm của xã hội.”⁶⁵ Điều nguy hiểm ở đây không phải là chân lý đức tin, nhưng là cách thức chúng ta tương tác với xã hội trong việc xử lý hội phạm. Trong khi chúng ta phải bảo vệ sự phân chia giữa Giáo Hội và Xã hội, Tuyên ngôn Dallas một cách thiết yếu đã nhấn mạnh về nhu

64 *Tuyên Bố về Bảo vệ Trẻ em và Người trẻ* (Washington: USCCB, 2002), tr. 3.

65 Gioan Phaolô II, “Bài nói chuyện với các Hồng Y Hoa Kỳ.”

cầu của Giáo Hội phải có trách nhiệm giải trình trong vấn đề hệ trọng như là việc bảo vệ trẻ em.

Trách nhiệm giải trình này phải có, không chỉ ở mức độ giáo phận, nhưng cũng với chúng ta ở các giáo xứ, các nhà thương, các trường học, cũng như những nơi tương tự. Đã có một phong trào đi theo hướng này trong những năm gần đây. Bởi vì các linh mục nhận được các bài sai của mình từ “trên cao,” nên có một chiều hướng cho một hệ thống bỏ qua trách nhiệm giải trình đối với các hành động và hành xử của các linh mục. Đã có một số những sáng kiến hậu Công Đồng Vatican II nỗ lực làm cho dễ dàng việc truyền thông với và trách nhiệm giải trình của các linh mục, như là việc áp dụng hội đồng mục vụ giáo xứ, và các bản nhận xét về mục vụ của cha xứ bởi giáo dân của giáo xứ ngài. Bởi vì tất cả chúng ta đều là những hữu thể nhân linh yếu đuối, chúng ta phải bị buộc có trách nhiệm giải trình trực tiếp cho các hoạt động và hành xử của chúng ta. Sự bỏ qua việc giải trình gây nên sự đòi truy cá nhân.

Năm 2004, chính Đức Giáo Hoàng đã nói với một số giám mục Hoa Kỳ về nhu cầu cần một loại mô hình lãnh đạo trong Giáo Hội mà nó bao gồm sự cộng tác và chia sẻ trách nhiệm nhưng đừng rơi vào Chủ nghĩa ủy trị, hay là một loại mô hình dân chủ khắt khe trong việc lãnh đạo:

Thượng Hội Đồng Giám Mục đã thừa nhận rằng ngày nay mỗi giám mục cần phát triển “một mô hình mục vụ mở ra hơn cho sự cộng tác với tất cả mọi người” (*Pastores Gregis*, 44)... Trong một sự hiệp thông với giáo hội một cách tốt đẹp, việc dần dần tìm ra những cấu trúc tốt đẹp hơn của sự tham gia, tư vấn, và chia sẻ trách nhiệm không nên bị hiểu lầm như là

một sự nhượng bộ với mô hình chính quyền “dân chủ” dân sự, nhưng như là một đòi hỏi nội tại của việc thực thi quyền bính giám mục...⁶⁶

Có nhiều chứng cứ để nói rằng ân sủng của một sự canh tân về lãnh đạo Giáo Hội phải bao gồm những ý niệm như là mở rộng, minh bạch, và trách nhiệm giải trình. Những điều này là những khẩu lệnh quan trọng cho những vị lãnh đạo của Giáo Hội trong tương lai. Nếu không, sẽ nhiều khủng hoảng hơn nữa, có lẽ ở một bản chất khác và liên quan đến những chủ đề khác, nhưng những khủng hoảng như thế sẽ nổi lên một cách tự nhiên từ sự nghi ngờ, mất tin tưởng, và thiếu sự hiệp thông.

Những Nhận Xét Kết Thúc

Thật đáng chú ý khi chứng kiến những hành động của Đức Gioan Phaolô II trong đêm vọng của thiên niên kỷ. Đức Giáo Hoàng đã dẫn mình trong một nỗ lực quyết tâm cổ vũ sự hòa giải cho những hành xử sai lầm nơi các vị lãnh đạo của Giáo Hội trong quá khứ. Ngài đã dẫn thân một cách có hệ thống trong việc xin lỗi công khai trước rất nhiều nhóm như là phụ nữ, những người Do Thái, những nạn nhân của Tòa dị giáo, và những cuộc Thập tự chinh. Nó đã là một hành vi chưa từng thấy nơi một Giáo Hoàng. Tôi nghĩ nó là một điểm đánh dấu sự thay đổi lớn lao hay là sự canh tân của cộng đoàn Công Giáo.

Đức Giáo Hoàng đã đang dẫn dắt trên con đường diễn tả một sự lãnh đạo mở rộng, có trách nhiệm giải trình, và minh bạch. Một từ truyền thống có thể tóm kết sự canh tân này là

66 Gioan Phaolô II, “Bài nói chuyện Ad Limina Address với các Giám mục của Pennsylvania và New Jersey” (12 Tháng Chín, 2004).

một từ đơn giản: khiêm nhường. Đức Giáo Hoàng đã diễn tả cho chúng ta phải khiêm nhường như thế nào, đó là việc nhận ra thân phận con người yếu đuối của chúng ta, và cầu xin sự tha thứ.

Chẳng ai trong chúng ta đã mong đợi cuộc khủng hoảng đã bao bọc Giáo Hội Công Giáo trong những năm gần đây. Nó đã gây ra sự đau khổ, sự thất vọng, sự vỡ mộng, và buồn phiền không thể kể xiết. Việc lạm dụng tình dục trẻ em bởi bất cứ ai, mà đặc biệt là một linh mục, là một tội phạm; nó là một thảm họa. Và trong những trường hợp khi chúng ta, như là những người lãnh đạo của Giáo Hội đã không giải quyết một cách đầy đủ sẽ chỉ làm cho sự tổn thương trầm trọng hơn.

Nhưng chúng ta, các Kitô hữu tin tưởng, và cũng cảm nghiệm lúc này hay lúc khác rằng Thiên Chúa có thể và sẽ biến đổi từ một thảm họa trở thành ân sủng lớn lao. Thật chính xác, ngay trong giữa thảm họa sứ điệp của Đức Kitô lại chiếu sáng một cách rạng ngời nhất. Nếu chúng ta sẵn lòng, những ngày này cung cấp cho chúng ta một cơ hội để canh tân, để có một hàng ngũ linh mục tốt và một cộng đoàn Giáo Hội tốt thậm chí tốt hơn. Đã có rất nhiều khủng hoảng trong lịch sử Giáo Hội và mỗi lần Giáo Hội lại trở nên khiêm tốn hơn như Đức Kitô. Lần này cũng không phải là một loại trừ.

CHƯƠNG 13

LINH MỤC CỦA NIỀM VUI

Giáo Hội cần các linh mục vui tươi, có khả năng mang niềm vui đích thực của Thiên Chúa cho dân Ngài, đó là tin mừng với tất cả sự thật và sức biến đổi của nó.⁶⁷

Gio-an Phao-lô II

Tôi nhớ một lần có một người đến thăm chủng viện lần đầu tiên. Ông ta chưa bao giờ giao tiếp cá nhân với bất cứ linh mục hay chủng sinh Công Giáo nào, khi ông ta đang đi vào một môi trường mới. Tuy nhiên, ông ta có một số ý niệm đã được hình thành trước. Ông ta đã bước vào một hội trường lớn, và quan sát mọi người trong vòng ít phút. Một cái nhìn ngạc nhiên hiện lên trên nét mặt ông ta, và ông ta hỏi tôi trong khi ông ta chỉ tay về những người ở phía bên trái của căn phòng, “Những người ở đằng đó có phải là các linh mục Công Giáo không?” “Phải,” tôi đáp lại. Và rồi, sau khi yên lặng một lát, ông ta chỉ về phía bên phải và hỏi, “Còn những người ở đằng kia, có phải họ là những chủng sinh không?” “Phải,” tôi lại nói. “Tại sao,” ông ta đã kêu lên với một ánh mắt ngạc nhiên, “Họ trông có vẻ hạnh phúc!” Tôi đáp lại, “Tôi nghĩ họ hạnh phúc.”

Một số người liên hệ lòng đạo đức nơi linh mục với một

67 Gioan Phaolô II, Bài nói chuyện trong buổi Kinh Chiều tại Chủng viện Thánh Giuse, New York (6 Tháng Mười, 1995).

nỗ lực khá nghiêm khắc. Đôi khi có một chút khô hài khi nhìn thấy một người nào đó, người mới tin đạo, cố gắng tỏ ra là thánh thiện. Họ mặc lấy một dáng vẻ thể lương và đau khổ. Họ nhìn thấy gần như là nghiêm nghị và bày tỏ một tính cách lập dị hay hơn nữa. Tuy nhiên, tính cách lập dị không làm cho người ấy thánh thiện; nó chỉ có nghĩa là người ấy lập dị.

Như Thánh Tê-rê-sa Avila đã cầu nguyện và thường được trích dẫn, “Lạy Chúa, xin giải thoát chúng con khỏi những bộ mặt cay đắng!” Thánh Tê-rê-sa đã biết rất rõ rằng, sự thánh thiện không hề có một bộ mặt cay đắng. Thêm nữa, có rất nhiều người trong giáo hội chúng ta có những hành vi đau khổ và giận dữ ẩn khuất mà lại giả dạng như sự công chính. *Giận dữ là một vũ khí của thần dữ và sự khổ sở là một trong những hoa quả của nó.*

Đúng là đời sống linh mục là một đời sống khó khăn. Nhưng, như chúng ta đã nghe từ chính các linh mục, nó là một đời sống ân thưởng đặc biệt. Những ai dẫn thân trong đời sống phục vụ linh mục, tìm thấy nó là một đời sống đưa đến nhiều sự thỏa mãn và một cảm giác của một đời sống đưa đến sự khác biệt cho thế giới. Các linh mục hạnh phúc là các linh mục. Nó là một quà tặng cho dân Chúa, và nó là một quà tặng tuyệt vời cho chính vị linh mục. Cả hai đều được chúc lành.

Đời sống linh mục còn công hiến một phúc lành khác nữa. Dĩ nhiên, phép lành này ban cho tất cả mọi Kitô hữu. Tuy nhiên, chính vị linh mục, như là một con người mà đời sống được Chúa Giêsu hiện diện một cách đầy tràn, được ban tặng đặc ân này trong một cách trực tiếp và cá nhân một cách mãnh liệt. Nói một cách rất đơn giản, đó là đặc ân của niềm vui.

Không có một dấu chỉ nào tốt hơn của sự thánh thiện, hay là của sự hiện diện của Chúa Thánh Thần, hơn là một khuôn mặt được biến đổi với niềm vui. Nhớ lại những hoa trái của Chúa Thánh Thần. Những hoa trái hay là những dấu chỉ này của sự hiện diện của Chúa Thánh Thần là: “bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hòa, tiết độ” (Gl 5:22-23). Một vẻ mặt vui tươi là dấu chỉ thật sự của sự thánh thiện.

Tôi không nói về người nào đó với cá tính dễ chịu hay là một con người có một thái độ hạnh phúc. Trái lại, niềm vui xuất phát từ trung tâm của cõi lòng chúng ta, làm chứng rằng Chúa Thánh Thần cư ngụ ở trong đó. Nó thì tinh tế, từ tâm, và hầu như là người mang nó không thể nhận ra. Khi đời sống chúng ta tiến triển, và khi chúng ta lữ hành tới gần hơn sự kết hợp với Thiên Chúa, sự hiện diện của Chúa Thánh Thần tỏa chiếu mạnh mẽ hơn từ cõi lòng của chúng ta. Vì thế, bác ái, niềm vui, và bình an chiếu xuyên qua đôi mắt và khuôn mặt của chúng ta trở nên càng sáng tỏ.

Niềm vui này không phải là tình trạng tình cảm chóng qua. Như là những hữu thể nhân linh, những người đang sống trong một thế giới thay đổi liên tục, chúng ta cảm nghiệm những lúc thăng trầm của cuộc sống hàng ngày. Chúng ta phấn khởi trong những thời gian hạnh phúc, và rồi chúng ta buồn phiền khi chúng ta gặp những mất mát và u sầu, như chúng chắc chắn sẽ xảy ra. Có một câu danh ngôn cổ như thế này: Đừng để cho tâm hồn anh em quá phồng lên trong những lúc sung túc, hay là đừng quá nản lòng trong những lúc thiếu thốn. Chúng ta cố gắng duy trì một sự cân bằng tình cảm, nhưng như những con người yếu đuối, một cách tự nhiên chúng ta cảm thấy phần

khởi trong những lúc vui và buồn trong những lúc u sầu. Tuy nhiên, đây là điều gì đó khác biệt với niềm vui mà Thánh Thần mang lại.

Niềm vui của Thánh Thần là một thực tại thiêng liêng. Nó là một sự hiện diện liên lỉ trong tâm hồn, và càng lớn mạnh khi chúng ta về gần với Chúa. Thậm chí trong những lúc buồn sầu, nó vẫn hiện diện trong tâm hồn, bênh đỡ tinh thần mệt mỏi của chúng ta. Ví dụ, người ta nói rằng Thánh Tê-rê-sa Hải Đồng Giêsu, khi ngài hấp hối, khuôn mặt ngài chiếu tỏa một cảm giác của niềm vui và bình an. Tất cả điều này còn đáng giá hơn nữa khi ngài hấp hối vì căn bệnh lao phổi làm mất dần sức khỏe, và ngài đã trải qua một thời gian kinh khủng của sự thử thách thiêng liêng, một số người nói là đêm tối của tâm hồn. Trong khi ngài bị đau khổ lớn lao về tình cảm và thể lý, niềm vui thiêng liêng của ngài và bình an không bao giờ mất.

Cũng tương tự như vậy với các Kitô hữu tiên khởi, những người bị quăng xuống chuồng sư tử. Không nghi ngờ gì các ngài đã cảm nghiệm những sợ hãi của con người, và dĩ nhiên, những sự đau khổ thể lý thì cô cùng. Nhưng họ được nói là, họ đi tới pháp trường với lời ca hát. Gần như là họ hát để nâng đỡ sự can đảm của họ. Nhưng, tôi nghĩ là rất nhiều người trong họ, cũng như là các vị tử đạo xuyên qua các thế kỷ, họ đã cảm nghiệm sự hiện diện mạnh mẽ của Chúa Thánh Thần làm cho tâm hồn họ ca hát. Về mặt của Thánh Stêphanô, vị tử đạo tiên khởi đã chiếu sáng như khuôn mặt của các thiên thần, trong khi ngài đang chịu cực hình kinh khiếp vì sự tố cáo và ném đá của đám đông (xem TĐCV 6:8-7:60). Niềm vui là một thực tại thiêng liêng đổ đầy trong tâm hồn chúng ta và tồn tại với chúng ta, thậm chí ở giữa những đau khổ cùng cực.

Bản văn thần học, *Sacramentum Verbi*, đã diễn tả sự đồng hiện hữu này của niềm vui và đau khổ:

“Niềm vui nghịch lý trong đau khổ đặt nền tảng không chỉ trên sự mong đợi ơn cứu độ... nhưng còn diễn tả sự hiệp nhất dứt khoát với Chúa Kitô trong tình yêu. Do đó, người tông đồ luôn luôn đầy ắp niềm vui ngay cả khi bị đàn áp nhất, vì không phải ông ta sống nữa nhưng Chúa Kitô sống trong ông...”⁶⁸

Sự cư ngụ của Thánh Thần mang đến cho chúng ta cảm thức niềm vui tồn tại, một dấu hiệu thực sự của sự thánh thiện, ngay cả trong đau khổ.

Xã Hội Chúng Ta Giận Dữ

Người ta thường hỏi tại sao có quá nhiều bạo lực bên trong thế giới này. Quả thật, có rất nhiều sự giận dữ trong thế giới. Một cách chắc chắn, rất nhiều bạo lực xuất phát từ sự giận dữ và thất vọng trong tâm hồn con người. Con người thì tuyệt vọng và giận dữ, và họ không biết tại sao. Rất nhiều khi, họ thậm chí còn không nhận ra nó. Chúng ta trở nên quá quen thuộc với giận dữ, buồn phiền, và bạo lực của một thế giới bị chia cắt của chúng ta, chúng ta không nhận ra là nhân tính của chúng ta đã hư hoại như thế nào.

Tôi nhớ là khi ở với các đan sĩ khổ tu Carthusian một vài tháng ở Vermont. Các đan sĩ sống một đời sống rất khắc khổ và đòi hỏi. Họ mặc áo lông thú, giường của họ bằng rơm rạ, họ không ăn thịt, họ là những người sống ẩn dật, và họ chỉ

68 Johannes B. Bauer, ed., *Bách Khoa Thần học Kinh Thánh: The Complete Sacramentum Verbi* (New York: Crossroad, 1981), tr. 441.

ăn một lần trong ngày. Sau khi ở với họ một vài tháng, tôi đã xuống núi và đón một chiếc xe buýt. Khi tôi ngồi xuống với dân chúng trong xe, tôi đã bị đánh động và sửng sốt vì khung cảnh quá buồn thảm trong chiếc xe. Tôi tự nghĩ, “những người này thật quá buồn. Tôi tự hỏi điều gì đã xảy ra làm cho tất cả họ đều quá buồn như thế? Bởi vì các ảnsỹ Carthusian không đọc báo, cũng không nghe radio, hay là xem truyền hình, tôi đã bị cắt đứt với tin tức từ thế giới bên ngoài. Tôi đoán có điều gì kinh khủng đã thật sự xảy ra trong khi tôi đang ở trên núi. Rồi sau một vài phút sự thật đã đến với tôi: “Không có gì đã xảy đến cho những người này. Những người này thì luôn luôn buồn như vậy.” Nhưng tôi đã không biết cho tới khi tôi đã thật sự cảm nghiệm niềm vui thật sự. Đáng sáng lập của họ ở thế kỷ thứ mười một, Thánh Bruno, đã nói về đời sống của các ảnsỹ Carthusian như là “bình an không được thế giới biết đến và niềm vui trong Chúa Thánh Thần.”⁶⁹

Dân chúng trong thế giới chúng ta thì giận dữ và thất vọng. Chính bởi sự giận dữ và thất vọng bên trong nảy sinh ra biết bao bạo lực. Một biểu tượng phù hợp cho thế giới chúng ta là một biểu tượng của thời nguyên thủy về người con của thần Hy Lạp Zeus, được gọi là Tantalus. Do các tội phạm của mình, Tantalus đã bị xiềng xích. Phía trên của anh ta là giàn nho và phía dưới anh ta là nước. Khi anh ta đói, anh ta có thể với lên giàn nho, nhưng nó lại lùi xa ra khỏi tầm với của anh ta. Khi anh ta khát, anh ta có thể cúi xuống để kiếm nước uống, nó cũng vậy, nó lại cũng lùi xa ra khỏi tầm với của anh. Vì thế, anh ta mãi mãi “bị trêu ngươi.” Rất nhiều người trong thế giới của chúng

69 Saint Bruno's Letter to Raoul Le Verd, in *Carthusian Way of Life*, unpublished ms. (Arlington, Vermont: Charterhouse of the Transfiguration, 1987), tr. 24.

ta không thể tìm thấy sự nuôi dưỡng tâm hồn và họ tìm kiếm trong tuyệt vọng. Vì lý do đó mà họ đã trở nên bạo lực.

Rồi họ tìm kiếm sự thỏa mãn này trong tất cả những nơi sai lầm. Thay vì tìm ra niềm vui thật sự, họ lại cố gắng xoa dịu cõi lòng của họ bằng những thứ sai lầm. Như một người nghiện rượu đã nói, “Mọi người hỏi tôi về việc uống rượu của tôi, nhưng không ai hỏi tôi về việc tôi bị khát!” Carl Jung đã viết cho Bill Wilson, người đồng sáng lập nên Hội Người nghiện rượu Vô danh, về một người nghiện rượu mà ông ta đang chữa trị: “Sựkhát rượu của anh ta thì cũng ở mức độ bằng với mức độ khát tinh thần của hữu thể chúng ta cho sự toàn vẹn, được diễn tả trong ngôn ngữ trung cổ: là sự liên kết với Thiên Chúa.”⁷⁰

Dân chúng cố gắng làm dịu bớt sự khao khát này bằng tất cả những thực phẩm sai. Thay vì Bánh sự Sống thì họ sử dụng rượu và thuốc gây nghiện, tình dục, thức ăn, quyền lực, tiền bạc, và rất nhiều thứ trần tục khác để cố gắng lấp đầy khoảng trống. Những điều này chỉ đưa tới thất vọng hơn và những vấn đề khác mà thôi.

Niềm Vui Trong Đời Sống Kitô Hữu

Thật bất hạnh, rất nhiều người không biết rằng niềm vui và bình an của Đức Kitô chính là điều mà trái tim họ thật sự khao khát. Dân chúng không biết đến niềm vui Kitô hữu trong đời sống chúng ta, hoặc là bởi vì ấn tượng sai lạc hay là bởi vì chính những sai lỗi và giới hạn của chúng ta. Một nghiên cứu được thực hiện với các học sinh lớp năm, trong đó các em

70 C. G. Jung to William G. Wilson (30 Tháng Giêng, 1961).

được yêu cầu xếp theo trật tự các nghề nghiệp đáng khao khát từ một tới ba mươi lăm. Chúng đã chọn như là bác sỹ, giáo viên, luật sư, và các nghề khác. Và rồi yêu cầu các em xếp theo thứ tự những nghề nghiệp nào đáng khao khát nhất. Một trong ba mươi lăm nghề nghiệp được liệt kê là làm thánh. Có ý kiến gì về thứ tự ở đâu việc làm thánh được các em trai và gái sắp xếp không? Nó ở vị trí kế cuối, đứng thứ ba mươi tư! Chỉ có một vị trí ít được khao khát hơn đó là người thu gom rác. Trong tâm trí của rất nhiều người, làm thánh thì chỉ đáng khao khát hơn là người thu gom rác một tí xíu thôi. Khi được hỏi sao lại xếp hạng làm thánh quá thấp như vậy, các em nói rằng vì làm thánh phải sống một đời sống rất đau khổ và không hạnh phúc.

Có lẽ chúng ta đã quá quảng cáo về những đau khổ anh hùng nơi các thánh, mà chúng ta lại quên mất nói với mọi người rằng sự thánh thiện thật sự là: sống kết hợp với Chúa của niềm vui và bình an. Chúa Giêsu đã nói với chúng ta về đời sống này như thế này, “Để niềm vui ở trong anh em, và niềm vui của anh em được nên trọn” (Ga 15:11).

Ma quỷ đã lừa mọi người bằng một điều hoang tưởng khi cho rằng tội lỗi thì rất vui và sống tốt thì rất là buồn chán. Rất thường trong thế giới chúng ta khi nói về đời sống cũng như những hành vi tội lỗi như là những thứ đưa tới hạnh phúc, và nghĩ về đời sống Kitô giáo thì như là đặt một chướng ngại vật cho hạnh phúc. Nhiều khi nó ảnh hưởng cả đến suy nghĩ của các linh mục chúng ta. Tôi đã dự một bữa cơm sau lễ ban phép thêm sức, và nói chuyện với một linh mục lớn tuổi hơn, ngài là người đã *không* chú ý đến vẻ vui tươi của ngài. Chúng tôi đã thảo luận về đời sống hoang đàng trước kia của Thánh Augustinô và sau này khi ngài đã hoán cải. Rồi vị linh mục lớn

tuổi hơn đã thốt lên, «Đó là cách thức sống, vui vẻ trước rồi ăn năn!» Thật là một khẳng định kinh hoàng. Vì cho rằng tội lỗi thì vui vẻ và là người tốt thì tiêu cực. Quả thật, tôi đã làm việc với rất nhiều người đã sa vào các vấn đề và hành xử tội lỗi, bao gồm cả các linh mục, và tôi chỉ có thể kết luận rằng, “Những phần thưởng của tội lỗi là sự chết” (Rm 6:23). Và tôi muốn thêm, những phần thưởng của tội lỗi cũng là sự khổ sở nữa. Hỏa ngục không phải là một nơi hạnh phúc. *Chúng ta càng phạm tội, chúng ta càng trở nên khổ sở, và chúng ta càng đang tạo nên hỏa ngục cho chính mình.*

Thật buồn khi biết về ấn tượng tiêu cực này trong đời sống xã hội Kitô giáo của chúng ta. Có lẽ đây là một lý do tại sao chúng ta không có nhiều ơn gọi hơn so với chúng ta đang có. Bởi vì người ta nghĩ đây là một đời sống buồn bã và tiêu cực, trong khi thật ra nó thì ngược lại. Xã hội của chúng ta thật sự là buồn thảm và bạo lực kinh hoàng. Chính Chúa Giêsu và Chúa Thánh Thần là Đấng mang đến niềm vui và bình an thật sự mà mọi người đang mong mỏi trong tuyệt vọng. Như Chúa Giêsu đã nói, “Thầy để lại bình an cho anh em, thầy ban bình an cho anh em, thầy ban cho anh em không như thế gian ban tặng” (Ga 14:27). Chúng ta, các linh mục phải giảng điều này bằng chính đời sống của chúng ta và bằng tiếng nói của chúng ta: chỉ trong Đức Kitô mà bạo lực của thế gian sẽ ngừng lại, bởi vì chỉ trong mình Ngài mà chúng ta tìm thấy niềm vui và bình an mà mọi trái tim chúng ta đang mong mỏi. Chúng ta phải chịu thất vọng trong sự giận dữ và bạo lực cho tới khi chúng ta tìm được nó.

Trước hết và trên hết, chúng ta phải rao giảng sứ điệp này bằng chính đời sống của chúng ta. Như Đức Thánh Cha đã

thức giục chúng ta, “Giáo Hội cần các linh mục vui tươi, có khả năng mang niềm vui đích thực của Thiên Chúa cho dân Ngài, đó là tin mừng với tất cả sự thật và sức biến đổi của nó.”⁷¹ Như đã lưu ý trước đây, đôi khi tôi nói với các linh mục, những người đã gặp khó khăn rất nhiều năm, “Hạnh phúc không phải là tội.” Với điều này, tôi thừa nhận rằng họ đã thật sự đau khổ vì trầm cảm cũng như những khó khăn ẩn tàng, nhưng một cách tối hậu không phải là ý Chúa mà chúng ta phải ở trong những vấn đề như thế. Trong khi kiên trì chịu đựng những đau khổ có thể đem lại nhiều ân sủng cũng như ơn thánh hóa, một cách tối hậu, chúng ta muốn mời gọi Đức Kitô vị lương y mang đến cho chúng ta những ân sủng của niềm vui và bình an của Ngài. Vì ngài đã nói với chúng ta: “Để niềm vui của thầy ở trong anh em, và niềm vui của anh em nên trọn.” (Ga 15:11).

Về mặt của một linh mục hạnh phúc là một khí cụ tốt nhất để chiêu mộ ơn gọi. Nó làm chứng cho Chúa Giêsu thật và mời gọi mọi người đến chia sẻ niềm vui này.

Niềm Vui Trong Kinh Thánh

Một kết luận hiển nhiên được rút ra sau khi đọc Tin Mừng đó là niềm vui là một cấu tố chính yếu khi đón tiếp Chúa Giêsu vào trong cuộc sống của chúng ta. Kinh Thánh thì đầy những từ ngữ như là “niềm vui” và “mừng vui lên.” Chúng chỉ ra rõ ràng rằng niềm vui là một dấu chỉ phân biệt của cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi.

Tôi chỉ đưa ra đây vài trích dẫn để minh họa quan điểm này. Trong thư gửi Tín hữu Philipphê (4:4), chúng ta được động

71 Gioan Phaolô II, Bài nói chuyện tại Chung Viện Thánh Giuse.

viên, “Anh em hãy vui luôn trong niềm vui của Chúa. Tôi nhắc lại: vui lên anh em!” Tương tự, niềm vui được nhìn gần như đồng nghĩa với đức tin: “Và tôi biết chắc rằng tôi sẽ ở lại và ở bên cạnh tất cả anh em để giúp anh em tấn tới và được hưởng niềm vui đức tin mang lại cho anh em.” (Phil 1:25). Niềm vui thì gắn liền với bình an: “Vì Nước Thiên Chúa không phải là chuyện ăn uống, nhưng là sự công chính, bình an và hoan lạc trong Thánh Thần.” (Rm 14:17). Niềm vui thì gắn liền với tình yêu của Thiên Chúa: “Tuy không thấy Người, anh em vẫn yêu mến... Vì vậy, anh em được chan chứa một niềm vui khôn tả, rực rỡ vinh quang.” (1 Phr 1:8). Hải nhi trong lòng bà Elizabeth đã nhảy lên vui sướng khi bà gặp gỡ Đức Kitô trong Mẹ Maria. Mẹ Maria cũng vậy, đã hát lên bài hát tạ ơn sau khi đã được Đức Kitô cư ngụ.

Dụ ngôn về kho tàng bị chôn giấu gợi lên hành trình của linh mục đi vào trong niềm vui. Chúa Giêsu đã nói: “Nước Trời giống như chuyện kho báu chôn giấu trong ruộng. Có người kia gặp được thì liền chôn giấu lại rồi vui mừng đi bán tất cả những gì mình có mà mua thửa ruộng ấy.” (Mt 13:44). Dụ ngôn này miêu tả chính xác cuộc đời Kitô hữu, nhưng tôi nghĩ nó đặc biệt áp dụng cho những ai nỗ lực theo Đức Kitô một cách trọn vẹn, đặc biệt là các linh mục của ngài. Có thể chúng sống đời sống chúng ta cách nào đó quên mất tin mừng. Nhiều người trong chúng ta có những ơn gọi khác trong đầu, có lẽ một số tư tưởng về nghề nghiệp trần tục. Những người khác còn nghĩ về hôn nhân hay lập gia đình. Nhưng rồi chúng ta trượt ngã vào một “kho tàng được chôn giấu.” Nước Chúa thâm nhập vào trong đời sống chúng ta, thường không được mong đợi và có lẽ không ý thức tìm kiếm. Nhưng, Nước Chúa là đây. Và mừng rỡ thay một sự tìm thấy.

Tuy nhiên, để có thể trọn vẹn tiến vào trong nước Thiên Chúa, chúng ta cần tất cả mọi sự chúng ta có. Chúng ta cần bỏ lại tất cả mọi thứ. Chúng ta làm như thế là vì niềm vui và hội họp vui mừng vì sự trao đổi. Chúng ta đã bỏ lại tất cả nhưng rồi chúng ta được ban tặng gấp nhiều lần như thế. Giống như người đã mua thửa ruộng có kho tàng chôn giấu, chúng ta các linh mục đã đạt được một cuộc trao đổi những hy sinh nhỏ bé của con người chúng ta để lấy một đời sống thiêng liêng mà chúng ta không dám mơ tưởng tới. Chúng ta thật hạnh phúc như thế nào!

Như *Sacramentum Mundi* đã lưu ý, «Toàn bộ việc rao giảng Tin Mừng được trình bày trong sự tương đồng với niềm vui.»⁷² Sự thánh thiện không phải là một vấn đề nghiêm khắc, nhưng trái lại là một sự rao giảng về niềm vui. Qua nhiều thế kỷ, nhân loại đã mong chờ niềm vui và bình an. Khi không thể tìm ra chúng, thì sự mong chờ ấy sẽ bị phủ đầy bằng chán nản và bạo lực. Chúa Giêsu đã đến, mang cho chúng ta ơn cứu độ. Trong ơn cứu độ này, cuối cùng chúng ta được bình an và được biết đến niềm vui rạng ngời của Thiên Chúa.

Đời Sống Linh Mục Của Niềm Vui

Đời sống linh mục là một đời sống khó khăn. Có lẽ tất cả mọi ơn gọi đều khó khăn trong thế giới tội lỗi của chúng ta. Nhưng bạn và tôi là các linh mục, chúng ta nhận thức sâu xa về những thử thách của chúng ta. Đời sống linh mục không chỉ là một đời sống thỏa mãn và ý nghĩa, nhưng cũng là một đời sống tràn ngập niềm vui được chôn dấu trong tâm hồn chúng

72 Karl Rahner, ed. *Bách Khoa Thần Học*, tr. 439.

ta, làm cho chúng ta thoải mái ở mọi nơi. Hầu như trong mọi lúc, niềm vui này ẩn khuất một chút dưới bề mặt, và người khác khó có thể thấy, và thậm chí cũng ẩn khuất với sự ý thức của chính chúng ta. Nhưng nó hiện diện ở đó. Tôi nghĩ nó góp phần lớn lao cho cảm giác lành mạnh và thỏa mãn của các linh mục. Hầu như chúng ta không nhận ra niềm vui nội tâm này đã mang đến cho chúng ta bình an và thỏa mãn như thế nào.

Cũng có những lúc khác, khi niềm vui này trở thành mạnh mẽ đến mức nó phủ đầy chúng ta với sự hiện diện của Thiên Chúa trong ý nghĩa dụ ngôn. Và bài ca của Mẹ Maria sẽ trở thành bài ca của chính chúng ta, “Linh hồn tôi ngợi khen Đức Chúa; thần trí tôi hớn hở vui mừng trong Thiên Chúa Đấng cứu độ tôi” (Lk 1:46-47). Những giây phút này nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta đã được chúc lành đến như thế nào.

Kết luận

Tôi kết luận những suy tư này về đời sống linh mục với một câu chuyện thật về một linh mục mà mọi người chúng ta đều đồng cảm với ngài.

Ngài đã là một chủng sinh trong thời Đệ Nhị Thế Chiến. Ngài bị ném vào trại tập trung của phát xít trong thời gian chiến tranh, nhưng may mắn vẫn sống sót. Sau chiến tranh, ngài qua Hoa Kỳ, và được thụ phong linh mục, và được gửi tới một điểm truyền giáo mới và xa xôi. Chính ngài đã xây dựng nhà thờ gần một ngôi làng, và ngày ngày đi câu cá để lấy thức ăn. Ngài dâng lễ mỗi ngày và làm đủ mọi cách để kêu gọi dân bản địa tới nhà thờ, nhưng chẳng có ai tới. Điều này tiếp tục qua nhiều năm. Họ chẳng bao giờ đặt chân đến nhà thờ,

bất chấp nỗ lực của vị linh mục. Cuối cùng, sau nhiều năm rờ ràng là vất vả mà không có hoa trái, ngài đã trở lại thành phố và muốn gặp giám mục. Ngài đã xin giám mục chuyển và nói: “Kỳ Giáng Sinh vừa rồi ở giáo xứ còn buồn thảm hơn Giáng Sinh khi con còn ở trong trại tập trung.” Giám mục đã chấp nhận thỉnh cầu của ngài, nhưng cần thiết quay trở lại giáo xứ và thông báo cho dân chúng là giáo xứ sẽ bị đóng cửa.

Họ đã trải qua một hành trình dài và vất vả quay lại ngôi làng. Rồi giám mục và linh mục đứng trước cộng đoàn và vị giám mục thông báo rằng giáo xứ sẽ bị đóng cửa. Họ thật bất ngờ, dân chúng đã phản đối quyết liệt. Khi vị giám mục hỏi tại sao họ lại chống lại quyết định này, họ lại tiếp tục lên tiếng phản đối quyết liệt. Vị giám mục hỏi, tại sao? Đã chẳng có ai đến nhà thờ và tham dự bất cứ một hoạt động nào trong nhà thờ. Tại sao anh chị em lại không đồng ý cho đóng cửa giáo xứ?

Cuối cùng, vị trưởng lão của cộng đoàn đã nói. Ông ta nói với giám mục, “Cha không thể đưa cha xứ của chúng con đi, nếu cha đưa cha xứ chúng con đi, cha lấy mất nguồn ánh sáng duy nhất của chúng con.” Ngạc nhiên và choáng váng, vị linh mục đứng lặng thinh. Cuối cùng, dân chúng đã bắt đầu tiến vào nhà thờ, và chỉ mới gần đây vị linh mục mới rời điễm truyền giáo để về hưu sau rất nhiều năm. Ngài không muốn đi, nhưng lúc này ngài đã già. Ngài phải ra đi bởi vì sức khỏe suy yếu của ngài, và ngài cần được chăm sóc.

Những người anh em của tôi, anh em là dấu chỉ của hy vọng. Trong một thế giới của tăm tối, sự hiện diện của anh em, là sự hiện diện của Đức Kitô, là ánh sáng của thế gian. Bất

chấp sự yếu đuối nơi thân phận con người của anh em, hay có lẽ bởi vì sự yếu đuối đó, mà ánh sáng của Đức Kitô lại càng chiếu sáng hơn.

Tạ ơn vì biết bao tình yêu và sự chăm sóc anh em đã dành cho biết bao người. Tạ ơn vì anh em đã mang Đức Kitô cho chúng tôi. Tạ ơn vì là các linh mục của Đức Kitô.

Tôi xin chúc cho mỗi người trong anh em những phúc lành của niềm vui Đức Kitô. Và nguyện xin những lời của Thánh Brunô trở thành những lời của chính chúng ta. Xin Chúa ban cho tất cả mọi người chúng ta “bình an mà thế gian không biết đến, và niềm vui trong Chúa Thánh Thần.”

